

PA-U-TỐP-XKI

câu chuyện

**PHƯƠNG
BẮC**

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



CÂU CHUYỆN PHƯƠNG BẮC

Tác giả: **KONSTANTIN PAUSTOVSKY**

Nguyên tác: **Северная Повесть (1938)**

Dịch giả: **Mộng Quỳnh**

Thể loại: Tập truyện

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 1987

LỜI NÓI ĐẦU

Nhà văn Xô-viết nổi tiếng Konstantin Paustovsky đã được bạn đọc Việt Nam biết và yêu mến qua tập truyện ngắn *Bình minh mưa* và hai tập truyện về nghề văn hết sức độc đáo và đặc sắc *Bông hồng vàng*, *Một mình với mùa thu*.

Là bậc thầy của truyện ngắn, Paustovsky cũng viết một số truyện dài: *Hắc Hải*, *Câu chuyện về rừng*, *Vịnh mồm đen*. Nhưng ngoài bộ tự sự *Truyện cuộc đời* ba tập - có giá trị riêng, thành công và đặc sắc hơn cả vẫn là *Câu chuyện phương Bắc*.

Tác phẩm bộc lộ mạnh mẽ bản sắc, sở trường và phong cách của nhà văn lãng mạn, trữ tình, giàu chất thơ, nhạc điệu và hình ảnh.

Câu chuyện dài này có thể coi như cuốn sử thi của ba thế hệ người Nga trước và sau Cách mạng tháng Mười.

Nhà văn hướng về quá khứ để chứng minh mối dây liên hệ, cuộc chạy tiếp sức qua đấu tranh, hy sinh, đau khổ, mát của bao lớp cha ông bất khuất và dũng cảm, đến thời kỳ dựng xây đất nước đâm chồi nở hoa trong thanh bình để nhắc nhở chúng ta không được lãng quên quá khứ và những người đi trước.

Trước mắt chúng ta như hiện lên hòn đảo xa tít trên miền Bắc gió tuyết, nơi những người lính và sĩ quan đi đày phải sống cuộc đời quân dịch. Anh lính nông dân tốt bụng, chất phát Tikhonov, mối tình của người chuẩn ủy cao thượng Bestuzhev và cô gái Thụy Điển xinh đẹp Anna vừa hé nở đã bị chìm trong máu.

Quê hương đói nghèo xơ xác ở nước Nga, dân chúng sống trong cảnh tối tăm, không có tương lai, vùng lên làm cuộc cách mạng đổi đời và...

Cuối cùng là cuộc xum họp kỳ thú của cháu chắt Tikhonov, Bestuzhev, người chiến sĩ thắng Chạp được cứu thoát - Shchedrin trong một khung cảnh đẹp đẽ, đầy hạnh phúc. Câu chuyện có hậu nhưng hoàn toàn hợp lô-gích và hiện thực lịch sử. Đấu tranh, hy sinh, đổ máu tất nhiên là phải giành được tự do, hạnh phúc cho con cháu và vĩnh viễn mai sau, điều đó đã trở thành hiện thực trên đất nước Xô viết trong hơn nửa thế kỷ qua.

Thành phố Leningrad mà Paustovsky xiết bao yêu mến, với vẻ đẹp có một không hai của mình, với những cung điện lâu đài, di tích lịch sử kiến trúc nổi tiếng thế giới, các công viên (trước đây là vườn thượng uyển), tượng đài, viện bảo tàng, đài phun nước, thành cổ, chiến lũy, cổng chào hiện lên trong truyện đẹp đến bàng hoàng.

Để hiểu được điều đó, bạn hãy tưởng tượng thành phố Leningrad vào những đêm trắng mùa hè, khi tất cả đắm mình trong ánh sáng bạc như mơ, như thực, người ta bước đi như mê, như say trong thành phố huy hoàng tráng lệ vào bậc nhất thế giới, mà ở đó mỗi viên đá, mỗi tác đất là một kỳ quan, một kỷ niệm quý báu, thiêng liêng.

Một lần nữa bày tỏ lòng ngưỡng mộ trước tài năng của Paustovsky, hướng về ngày sinh lần thứ 70 của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại mà chúng ta cùng loài người tiến bộ kỷ niệm trong năm 1987, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc *Câu chuyện phương Bắc* - bài ca tâm huyết, đầy chất thơ và đậm thắm, thiết tha ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi cách mạng, ca ngợi tình hữu nghị, ca ngợi thành phố Leningrad thân yêu và ca ngợi tình yêu, một lần nữa - tình yêu.

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 1986

MỘNG QUỲNH

CÂU CHUYỆN PHƯƠNG BẮC

Phần I

Vịnh Bothnia bị cùm chặt trong băng. Những cây thông cao nẻ toác ra vì giá lạnh. Gió không ngừng thổi bay những lớp tuyết khô trên mặt băng. Đêm đêm mặt vịnh ảm đạm, lung linh phản chiếu những ngôi sao trời.

Ngồi sưởi quanh bếp lò củi cháy tí tách, các sĩ quan trung đoàn Kamchatka lại nhớ đến những câu thơ của Baratynsky. Thỉnh thoảng họ kể cho nhau nghe về nhà thơ trầm lặng đã phải gánh chịu cuộc đời quân dịch tại trung đoàn bộ binh trong chiến lũy Kumel, về “người ca ngợi nỗi buồn thắm trước Phần Lan” và thậm ghen với vinh quang yên tĩnh của ông.

Trung đoàn Kamchatka hồi đó đóng trên đảo Aland trong thị trấn Mariehamn.

Từ xa xưa, quần đảo Aland vốn đã được coi là quê hương của các tàu buồm. Chuỗi quần đảo nhỏ bé này nằm giữa chốn hoang vu miền Bắc, cách biệt với những kinh thành nhộn nhịp, đã bao đời là nơi sinh cơ lập nghiệp của các bậc thầy về nghề đóng tàu buồm. Họ giữ gìn nghiêm ngặt những quy luật trong nghệ thuật nghề nghiệp và truyền cho các con trai lớn. Thản nhiên ngậm chặt những tẩu thuốc, họ nhìn khói bay lên từ những chiếc tàu thủy đầu tiên làm hoen bẩn cả chân trời, bình phẩm:

- Dù sao hơi nước cũng không thể vượt được đại dương.

Cứ mỗi lần thu đến, đủ các loại tàu thuyền, tàu buôn hai buồm, ba buồm, xà lan lại trở về vùng đảo để sửa chữa. Chúng về đây từ bốn phương trời, từ biển Caribbean, từ Levant, từ

Ireland. Dắt dẫn những con tàu ấy là những hoa tiêu người Thụy Điển, những người ít nói và trung thực.

Mùa đông, những con tàu ngập trong băng tuyết, các sĩ quan trung đoàn Kamchatka mỗi lần chạy ra sân cho hải bắt hơi men và khói thuốc trong những cuộc chè chén lại nhìn thấy sừng sững trước mắt những thân tàu đen xăm, những ngọn đèn vàng vọt trên những dây chèo giá lạnh và lại nghe thấy tiếng gió rít quanh cách trục buồm to xù.

Người ta mau quen với những con tàu như quen với những ngôi nhà, những thân cây trên đường phố, những chòi canh sơn kẻ sọc. Người ta không nhận ra chúng nữa. Chỉ có những ngày sáng sủa khi mặt trời trắng mọc trên mặt vịnh đóng băng, lính tráng và dân chúng Mariehamn mới nheo mắt lại vì những con tàu sáng chói bám đầy các hạt sương và ngạc nhiên vì vẻ đẹp của cảnh tượng ấy.

Tưởng như mùa đông khô lạnh đã sắp đặt cho mình nơi ăn chốn ở trên những con tàu này. Những nắm tuyết từ trên các sợi dây rơi xuống, va vào mặt boong tan ra lạo xạo. Những bông hoa hồng sắc nhọn kết lại bằng nước đá nở ra trên những cửa sổ buồng tàu. Khói lớp lớp tuôn ra từ những căn bếp trên tàu đọng lại trong đám dây chằng suốt từ sáng tới xẩm tối, rồi nó chuyển sang màu đỏ xăm như khói của một trận đánh và dần dần biến thành bóng đen.

*

* *

Tháng giêng năm 1826 vừa qua là một thời kỳ mờ mịt và rối ren. Mới đây, những tin tức từ Petersburg truyền đến đã báo về cuộc Khởi nghĩa Tháng Chạp^[1] và cuộc giao tranh trên quảng trường Senat.

Kiselev là một kẻ dương dương tự đắc và không chịu được cách nghĩ, cách hành động theo ý riêng. Y đã tham gia các cuộc chiến tranh chống Napoleon nhưng chưa một lần bị mũi gươm, hòn đạn làm sây xước. Y vẫn khoác lác nói: “Viên đạn dành cho tôi còn chưa đúc.”

Người ta đồn đại rằng, năm 1814 sau khi chiếm được Paris, y ngồi trong một quán rượu Paris. Có năm người Pháp bước vào. Họ đòi năm cái cốc không và một chai rượu. Tức khắc Kiselev gọi năm chai sâm banh và một cái cốc không, rồi uống một mạch lần lượt năm chai rượu và bước ra khỏi quán trước tiếng vỗ tay vang dậy của các khách hàng đang say sưa.

Các sĩ quan trung đoàn Kamchatka có đặt một bài thơ châm biếm Kiselev:

Chiến trường không nguy hiểm với kẻ nhát gan

Vinh quang chiến trường hấn đổi lấy rượu Rum

Đánh bại kẻ thù trên chiếu bạc

Ở mọi nơi và bất kỳ lúc nào

Sĩ quan tùy tùng của trung đoàn là Merck mắc tật nói lắp, vốn là một người Đức, một kẻ tuân theo những quy tắc sống vững chắc, quen cúc cung tận tụy, một tay mê âm nhạc. Merck thường bắt đội nhạc trung đoàn chơi ở ngoài bãi tập hàng mấy giờ liền giữa giá rét tàn khốc. Máu bật ra trên môi các nhạc công bị nức nẻ và phồng rộp lên vì ống đồng lạnh ngắt. Nước bọt đóng băng ở miệng kèn trombone rên rỉ.

Khi đội nhạc chơi xong bài hành khúc của trung đoàn đã dẫn cả người, Merck bước ra hiên nhà với chiếc áo khoác sĩ quan choàng trên vai và kêu lên, giọng dúi lại:

- Vẫn còn nghe thấy tiếng ủng lẹp xẹp! Chơi bản lắm, các anh bạn ạ! Hãy chơi lại bài hành khúc cho đến khi không còn lẫn một thứ tiếng nào khác vào đó mới thôi!

Những người lính công đồn vì rét vẫn phải chơi. Họ nhấc chân lên chân xuống thật khế để Merck khỏi nghe tiếng ủng dập dịch, nhưng những tên nói lắp lại rất thính tai nên không sao lừa hấn được. Hầu hết các nhạc công chân đều bị công lạnh.

Merck tự coi mình là người thẳng thắn, trọng sự thực. Trong trung đoàn người ta không ưa và sợ hấn. Hấn thường nói với các sĩ quan: “Ngài không biết ăn con cá cho đúng đắn, đó là một điều ô nhục”, “Cuối cùng chuẩn úy nên bỏ cái thói quen rung đùi dưới gầm bàn ấy đi.”

*

* *

Nước Phần Lan mới bị chinh phục cách đây không lâu. Trong trí nhớ mọi người còn nguyên vẹn cuộc chuyển quân nổi tiếng của quân đội Nga qua mặt băng của vịnh Bothnia giá lạnh sang Thụy Điển. Vinh quang của cuộc hành quân này ngay cả những trận thắng quân Pháp mới đây cũng không át đi được.

Phục vụ đồn trú ở Phần Lan rất nặng nhọc, phải sống và làm việc giữa một đám dân cư khắc khổ và ít nói. Đặc biệt khó khăn là đời lính ở trung đoàn Kamchatka, đồn trú trên quần đảo Aland. Mùa hè từ Petersburg, từ Helsingfors còn có tàu thuyền tới đảo. Khi mùa đông đến, con đường duy nhất lên bờ chỉ còn là mặt băng buốt căm căm. Nhưng thường hơn cả, biển chỉ đông lại men bờ và khi đó không thể ra đảo được nữa, dù là bằng tàu biển hay đi ngựa.

Trung đoàn Kamchatka là nơi đầy ắp các sĩ quan phạm lỗi. Trong số họ có chuẩn úy Bestuzhev mới được thăng từ lính thường lên sĩ quan.

Bestuzhev chạm trán với đại hầu tước Mikhail Pavlovich trên đường phố Petersburg trong lúc đội mũ lông, mà không đội mũ của sĩ quan. Đó là một buổi tối giá rét và gió lộng. Bestuzhev bị bệnh buốt đầu nặng sau vết thương ở thái dương trong trận Borodino và chàng đội mũ lông để tránh cho đầu khỏi bị cảm lạnh. Đại hầu tước giật cái mũ khỏi đầu và toan ném xuống đất, Bestuzhev giằng lại cái mũ từ tay hầu tước và bỏ đi thẳng, không thèm ngoái cổ lại, mặc những mệnh lệnh đầy hăm dọa bắt đứng lại.

Tại cuộc hỏi cung, chàng nói:

- Tôi coi danh dự của tôi cao hơn lời thề!

Điều đó đã được tâu lên hoàng đế Alexander. Ngay lập tức có lệnh ban ra, giáng chuẩn úy Bestuzhev xuống lính thường và chuyển chàng về trung đoàn Kamchatka bị đầy ải.

*

* *

Anh lính Semyon Tikhonov tuần tra gần hải đăng Erasgrund. Cây hải đăng thấp, xây bằng đá trên hòn đảo nhỏ đối diện với Mariehamn. Ra nơi tuần tra phải đi qua một con đường hẹp đóng băng trên biển.

Trên hải đăng chỉ có một người gác sinh sống, đó là một người Thụy Điển già, trước đây là thuyền trưởng. Cả ngày ông ta cầm cần, lầu bầu điều gì đó, nhay nhay đôi môi vàng vọt và liếc nhìn người lính cồng lạnh trong chiếc áo bashlyk, rẽ vào điểm canh sởi đôi bàn tay đỏ lựng.

- Ông ơi, ông đừng mắng cháu! - Tikhonov kêu to bằng cái giọng bị cảm lạnh. - Đâu có phải cháu thích loay hoay ở đây để mang cái rét vào. Đi lính cho Nga hoàng đâu có phải là sống, mà là cuộc đầy ải thực sự, ông có hiểu không?"

Ông lão yên lặng, Tikhonov ngồi xổm xuống bên bếp lò. Chiếc áo khoác dài của anh lạnh cứng lại như bằng gỗ, lọc cọc chạm xuống sàn.

- Ôi, bất hạnh, thật là bất hạnh! - Tikhonov sầm nãi nói, lấy gót ủng đi đi những vũng nước chảy từ áo xuống sàn gạch sạch sẽ.

Ông già Thụy Điển gật gù.

- Có nghĩa là ông hiểu? - Tikhonov hỏi. - Có gì mà không hiểu được khi cả ông lẫn cháu đều là người bình thường, quen làm việc từ tấm bé. Ông cũng canh, cháu cũng canh. Có điều cháu canh cái gì thì chỉ có ông trời và ngài Kiselev biết thôi.

- Ồ... ồ... ồ! - Người Thụy Điển nói.

- Ông còn ồ... ồ... mãi! - Tikhonov cáu kỉnh nói. - Kiselev, chỉ huy của chúng cháu là tên độc ác. Trong cả trung đoàn chỉ có được một người tử tế là chuẩn úy Bestuzhev, chỉ huy trung đội cháu và là khách trọ thường xuyên ở nhà ông đấy.

Bestuzhev thuê phòng trọ ở nhà người gác đèn biển.

Ngày ngày ông già vẫn ở ngoài hải đăng. Chỉ có chủ nhật ông mới về Mariehamn. Chăm nom chuẩn úy đã có vợ ông, một bà lão tóc bạc và con gái ông là Anna, một cô gái tóc đen, tính tình e thẹn, hay đi trượt tuyết như con trai.

Anna mới tốt nghiệp trường trung học ở Stockholm, giờ sống ở nhà cha mẹ, giúp đỡ mẹ, còn các buổi tối đọc sách suốt.

- Bestuzhev - Ông già bậm môi, mỉm cười vỗ vào thân áo vồng lên trên lưng Tikhonov. - Ồ... ồ... Bestuzhev!

- Đúng thế đó, ông ạ. - Tikhonov nói và hài lòng, đưa bàn tay thô ráp lên xoa mặt. - Khỏi phải nói, chuẩn úy là người có tâm hồn.

Tikhonov hút hết tẩu thuốc lá nặng, lạch cạch mang khẩu súng và thanh rìu đi xa khỏi điểm canh. Anh đóng sập cánh cửa gỗ sồi đen, nheo mắt lại vì tuyết chói lòa đập vào mắt và làm đau thánh.

Đêm tháng giêng nặng nề áp sát vào cửa sổ tỏa sáng mờ mờ của điểm canh. Đèn biển không thấp sáng: mùa đông không cần đến nó.

Tikhonov vai đeo súng đi dọc bờ biển chốc chốc lại dừng lại và đứng lim dim ngủ.

Xa xa, băng trong vịnh nổ vỡ vì giá rét. Tiếng ì ầm ngao ngán truyền theo bờ biển. Tikhonov lúc lắc cái đầu để xua tan cơn buồn ngủ, chửi tục, rồi khàn khàn kêu lên:

- Nghe đây!

Anh kêu lên theo thói quen. Gần đó không có một người lính gác nào và cũng không có ai đáp lại tiếng gọi của anh. Chỉ có ông già người Thụy Điển, sau mỗi tiếng kêu của anh lại chậm rãi trở dậy, xếp lại các thanh củi trong lò, lại gần bàn và tiếp tục đọc quyển kinh thánh dày cộp đã ngả vàng.

- Nghe đây! - Tikhonov kêu, giọng kéo dài.

Gió lặng đi như nghe ngóng. Băng vỡ, tuyết lạo xạo trút vào bức tường đá của trạm gác và rin rít dưới gót ủng anh lính. Anh lính ho và khạc nhổ. Những âm thanh này đã làm gió chán ngán từ lâu, chờ đợi chốc lát, nó lại thổi tuyết từ mặt băng lên bờ biển, chất lại thành đồng dài.

Tikhonov kêu mãi đã phát chán. Anh nín lặng. Gió cũng lặng đi. Đột nhiên ở đâu đó xa xôi trên mặt băng, anh lính nghe thấy tiếng lộc cộc chậm rãi và lạng lẽ. Anh sửa lại khẩu súng và chiếc rìu rồi lắng nghe.

Tiếng lộc cộc lại gần. Anh lính thận trọng nằm nép sau những tảng đá. Tiếng động nghe đã rõ ràng, dường như có người đang đi trên băng trong đôi ủng sắt nặng nề.

Anh lính vội vã làm dấu thánh, đặt khẩu súng lên hòn đá và ngấm vào bóng tối, nơi tiếng chân người vọng lại. Trên mặt băng hiện ra một bóng đen. Nó từ từ chuyển động về phía bờ.

- Đứng lại! Ai đang đi đó? - Tikhonov khẽ gọi.

Nhưng không có ai trả lời. Tikhonov nhìn kỹ và nhận ra hai người, người đi trước vấp phải một viên đá và ngã xuống.

Người bạn đường của anh ta toan nâng vai để anh ta ngồi lên, nhưng người kia lại ngã gục xuống mặt băng như một người chết.

Tikhonov cầm lấy khẩu súng, lại gần người bị ngã.

- Các ông là ai? - Anh hỏi nghiêm khắc. - Phải trả lời, không được giấu diếm.

- Hãy khoan đã, anh lính ơi, - Từ bóng tối vọng lại một giọng nói mệt mỏi. - Hãy giúp đưa ông ấy vào nhà đã, ông ấy bất tỉnh rồi.

Tikhonov nắm lấy vai người đang nằm và rút tay lại, dưới tấm vải mưa, anh cảm thấy chiếc lon cứng của sĩ quan.

- Sĩ quan à? - Anh hỏi giọng thì thầm.

- Sĩ quan.

- Thế còn ông là ai?

- Tôi là lính thủy.

- Có lệnh phải bắt giữ bất kỳ ai không kể cấp bậc thế nào và đem trình ngay ngài đại tá Kiselev. Các ông từ đâu tới và có việc gì vậy?

- Người ta đang chết còng kia kìa! - Người lính thủy nói giọng tuyệt vọng. - Vì Chúa, anh hãy đưa giúp vào nhà đã rồi hãy hỏi.

Tikhonov lặng thinh. Cùng người lính thủy, anh vực viên sĩ quan dậy và dìu vào trạm gác.

Ông già Thụy Điển đứng dậy, gấp quyển kinh thánh lại, lặng lẽ nhìn người ta đặt viên sĩ quan nằm lên sàn bên cạnh lò sưởi. Sau đó ông thư thả lấy từ trong tủ ra chai rượu Vodka, rót vào chiếc cốc màu lam, và như thường lệ, lầu bầu câu kinh điều gì đó, nâng đầu viên sĩ quan dậy, đổ rượu vào mồm ông ta. Rượu rót cả ra bộ quần phục nhem nhuốc.

Viên sĩ quan mở mắt ra, nhìn thấy Tikhonov liền ngồi phắt dậy.

- Anh là lính ư? - Ông ta hỏi, tay ôm lấy ngực. - Chúng ta đang ở đâu đây, anh lính?

- Thưa ngài, đây là quần đảo Aland. - Tikhonov trả lời. - Cho tôi hỏi: Ngài từ đâu tới đây và vì việc gì?

Viên sĩ quan cười khẩy.

- Chúng tôi từ Petersburg tới. - Ông ta chậm rãi trả lời. - Tìm đường sang Thụy Điển, còn sự việc thì đơn giản thôi, người anh em ạ, phải đi trốn giá treo cổ, hiểu chưa?

- Tôi hiểu, thưa ngài sĩ quan.

- Thế anh bảo nên làm gì?

Tikhonov im lặng. Anh lấy tay áo ẩm ướt chùi mũi và hấp háy mũi đôi mắt sưng tấy lên vì gió.

- Thế nào? - Viên sĩ quan hỏi.

- Thưa ngài. - Tikhonov năn nỉ nói. - Ở đây đã biết hết mọi chuyện, lính tuần tra được cắt đặt khắp các đảo. Đằng nào thì ngài cũng không thể đi thoát được đâu.

- Ở đây đã biết chuyện gì?

- Về cuộc nổi loạn. Chuẩn úy Bestuzhev đã nói rõ với chúng tôi.

Tikhonov nín lặng, lưỡng lự rồi hỏi:

- Thưa ngài, xin cho tôi được rõ, trung đoàn cận vệ ngự lâm Moskva có tham gia vào vụ này không?

- Có, đứng về phía những người khởi nghĩa. Họ bị hàng loạt đại bác nã lên người.

Tikhonov ngồi xổm bên lò sưởi, tư lự:

- Ôi, thật bất hạnh, bất hạnh! - Anh nói và loay hoay xếp lại củi trong lò. - Em tôi phục vụ ở trong đoàn ấy. Chẳng nhẽ người ta đã giết nó rồi ư?

- Thoải mái, - Người lính thủy đáp. - Biết bao nhiêu anh em trung đoàn Moskva bị đem trôi sông, không đếm xuể được!"

- Nghe đây anh lính... - Viên sĩ quan nói.

Tikhonov vẫn ngồi nguyên như vậy, trân trân nhìn ngọn lửa.

- Chúng tôi đã vùng lên vì một sự nghiệp chính nghĩa. Vì tự do của nhân dân, vì cuộc sống hạnh phúc của anh em binh lính. Vua Nikolai là một tên bạo chúa. Y đang chìm nước Nga trong

máu và nước mắt, dày xéo nó đến chết. Sự nghiệp của chúng tôi đã thất bại nhưng hạt giống đã được đem gieo và mầm sẽ mọc lên. Không anh thì con cháu anh sẽ được nhìn thấy cuộc sống không có nước mắt và sẽ cảm ơn chúng tôi về điều đó, hiểu chưa?

- Tôi hiểu rồi, thưa quý ông. - Tikhonov khẽ đáp. - Muốn sao thì muốn, sự thật không thể cùm xích được.

Viên sĩ quan đứng dậy, đóng lại vạt chiếc áo mưa, đội lên đầu chiếc mũ lông giản dị của nông dân. Dù trong trạm gác nóng ẩm, trên mặt ông ta không còn hột máu. Ông bấu chặt vào mặt bàn bằng bàn tay run rẩy và bảo người lính thủy:

- Ta đi thôi Pakhomovich. Đêm còn dài, ta còn kịp đi xa đảo chừng năm tầm bắn. Nơi này rất nguy hiểm.

- Ta phải ăn chút gì đã Nikolai Ivanovich. Trông ngài không còn thần sắc gì nữa.

Viên sĩ quan phẩy tay, lấy bẫy đi ra cửa. Người lính thủy theo sau.

Tikhonov vùng dậy:

- Đứng lại đã, thưa quý ông! - Tikhonov kêu lên bằng giọng tuyệt vọng, lao theo viên sĩ quan.

Người kia nhanh nhẹn quay lại.

Người lính thủy chộp tay Tikhonov.

- Buông ra! - Tikhonov kêu lên, giật tay ra, nước mắt chảy trên khuôn mặt dạn dày sương gió đầy vẻ hoang mang của anh.

Bằng bàn tay run rẩy, Tikhonov mở chiếc túi dết linh của mình, giật dây cài lấy ra miếng bánh mì đen nhỏ và miếng mỡ

muối gói trong mảnh vải sạch.

- Xin ngài cầm lấy. - Anh nói như ghen thờ và dúi miếng bánh, miếng mỡ cho viên sĩ quan. - Xin ngài nhận cho tấm lòng thành của một người lính và đừng từ chối.

Tikhonov ngã quỳ xuống, mặt gục vào chân người sĩ quan.

- Chết, chết, sao anh làm thế! - Viên sĩ quan bối rối đỡ Tikhonov dậy. - Có thể nào làm như vậy được? Đứng lên nào!

Tikhonov nặng nề đứng dậy. Viên sĩ quan kéo anh lại gần mình và họ hôn nhau. Người lính thủy vỗ lên vai Tikhonov.

- Thôi vĩnh biệt, làm việc đi! Hãy nhớ lấy!

Họ đi ra, Tikhonov đứng lại bên cửa. Khẩu súng của anh nằm lẩn lóc cạnh bếp lò. Ông già người Thụy Điển run rẩy xoa xoa bộ mặt lồm chồm của mình.

Tikhonov quay lại phía ông, đặt một ngón tay lên môi rồi giơ nắm tay to ra hăm dọa. Người Thụy Điển vui vẻ gật đầu. Có nghĩa là ông già hiểu cả.

Một tiếng súng gần đấy vang lên, nổ trong bóng tối. Sau đó phát thứ hai và phát thứ ba, rồi một giọng khàn khàn quát lên gần ngay bên:

- Lính canh đâu!

Tikhonov nhận ra tiếng viên trung đoàn trưởng. Mỗi tuần lễ một lần, Kiselev đi kiểm tra các phiên gác. Tikhonov không rời chỗ, chỉ nhanh nhẹn sửa lại chiếc áo khoác.

Cánh cửa bật mở, bước qua ngưỡng cửa, Kiselev cúi đầu xuống và theo sát y là Merck. Hai người lính giữ chặt tay viên sĩ quan và người lính thủy ở phòng ngoài.

- Đưa chúng vào đây! - Kiselev quát những người lính.

Những người lính vung về dẫn hai người bị bắt vào.

- Các ông là ai? - Kiselev hỏi viên sĩ quan.

Người sĩ quan im lặng.

Kiselev phanh ngực tấm áo mưa của ông ta ra. Viên sĩ quan ngừng mặt, vươn thẳng người, dùng tay trái đẩy Kiselev ra. Tay phải của ông buộc băng, trên băng còn thấm những vết máu đen.

- Các ông là ai? - Kiselev nhắc lại câu hỏi.

- Tôi là con của Tổ quốc bất hạnh của tôi. - Viên sĩ quan nói. -
Đừng hỏi tôi điều gì thêm nữa.

- Ông là tên phiến loạn. - Merck nói ngọt lịm. - Các ông đã
phản lại lời thề và chống lại đức vua thiêng liêng.”

- Như vậy cũng được. - Viên sĩ quan nói và cười khẩy.

Lúc đó Kiselev tiến lại gần Tikhonov và nhìn vào mắt anh.

- Đồ súc vật! - Hắn chửi và giáng nắm đấm vào bộ mặt ướt át
của anh lính.

Tikhonov hấp háy đôi mắt.

- Cứ hấp háy mắt mãi, để lọt một tên tội phạm quốc gia. Phạt
nó ba trăm roi, phải đánh nó như đánh một con chó.

Khi những người bị bắt và Tikhonov bị giải đi rồi, ông già
Thụy Điển tắt ngọn nến, ra khỏi điểm canh và thận trọng đi
theo một đường vòng lớn về Mariehamn. Suốt dọc đường, ông
vừa đi vừa rên rỉ vừa chửi rủa.

*

* *

Mùa hè, Bestuzhev được thăng lên chuẩn úy. Ngay khi đó chàng đã viết đơn xin từ chức. Đầu tiên, chàng sốt ruột chờ lệnh từ Petersburg tới cho chàng giải ngũ, nhưng sau đó chàng bắt đầu nghĩ tới lệnh đó có phần khiếp hãi và run sợ trong tim. Chàng đã quen với Mariehamn, với những hòn đảo hoang vắng, nơi hoàng hôn còn lưu lại mãi mãi giữa khí trời trong trẻo, quen với nhân dân lành lặn hiền hậu, với những cuốn sách của chàng, với căn phòng sạch sẽ trải thảm bằng bột biển, với bà cụ chủ nhà và cô gái Anna mảnh mai e thẹn. Giờ đây nghĩ đến cuộc trở về nước Nga, chàng lại nhớ đến mấy vần thơ vẫn vẫn vương:

Tôi âm thầm sung sướng nhớ đến đất nước hoang vu,

Nơi tôi đã sống cả tuổi xuân cách xa hạnh phúc.

Anna thường hay trượt tuyết sang đảo bên, đến nhà bạn gái. Sáng sáng thức dậy, Bestuzhev lại nghe thấy dưới cửa sổ giá lạnh, tiếng rin rít của thanh trượt tuyết và giọng nói trẻ trung của Anna, đang nói to lên với bà mẹ lời từ biệt âu yếm.

Bestuzhev trở dậy kéo rèm cửa và lại nhìn thấy quang cảnh quen thuộc đáng yêu. Tuyết phủ từng lớp xốp dày trên các mái nhà và trên các cành tùng. Cả gian phòng sáng lên bởi ánh hào quang màu da cam của mặt trời, của ánh lửa cháy bập bùng trong lò sưởi. Anna toàn thân phủ đầy tuyết từ trên các cành cây trút xuống, nhún người trượt qua cánh đồng tới rừng thông.

Một hôm Bestuzhev tỏ ý muốn trượt tuyết cùng Anna sang đảo bên, Anna cười và đồng ý.

Họ ra đi từ buổi sáng. Trong rừng còn mờ tối. Những lá thông khô lả tả rơi xuống chân họ. Sâu trong rừng rậm, Anna cầm chiếc gậy trượt vào tuyết và dừng lại.

- Anh nhìn kia. - Nàng nói. - Có lẽ ở quê anh không bao giờ được thấy cảnh này đâu nhỉ?

Cảnh tượng mở ra trước mắt họ tràn đầy một vẻ đẹp lạ lùng. Trong rừng im lặng như tờ, không một làn gió thổi. Nhưng ở trên cao, trên ngọn rừng, gió yếu ớt đung đưa gạt tuyết từ trên các cành cao xuống. Hàng trăm bông tuyết rơi từ trên xuống, ánh lên bằng bạc trong những tia nắng xiên nghiêng tỏa xuống khu rừng mùa đông, một ánh sáng huyền ảo! Tuyết rơi mắc vào cành cây kẽ lá, rắc những luồng bụi trắng từ từ xuống đất, làm lao xao khắp vùng như một trận mưa khô.

Bestuzhev ngược nhìn Anna. Toàn thân nàng phủ bụi tuyết trắng. Qua lớp bụi ấy, ánh lên làn môi nàng, hàng mi ướn át và đôi mắt xanh không lúc nào thôi cười.

- Anna. - Bestuzhev nói. - Em có thể thật lòng yêu một người Nga không?

Anna quay nhanh lại phía anh, ngoặt chiếc gậy vào thân cây tùng, một thác tuyết mềm mại đổ lên người nàng và Bestuzhev.

- Có chứ. - Nàng nói và nhắm mắt lại. - Nhưng bố không cho em lấy chồng người Nga đâu.

- Vì sao?

- Bố không ưa người Nga các anh.

Bestuzhev tháo chiếc găng đan bằng len xanh và hôn những ngón tay giá lạnh của nàng. Nàng lặng lẽ nâng cằm Bestuzhev và buồn bã nhìn mãi vào gương mặt chàng. Sau đó thúc chiếc gậy, phóng vút qua lùm cây, để lại đằng sau một cơn lốc bụi. Bestuzhev chật vật lắm mới theo kịp nàng.

Ở đảo bên, họ rẽ vào một ngôi nhà mà Bestuzhev có cảm tưởng được xây bằng hồ phách lâu năm, vì những bức tường gỗ

đều ngả màu vàng sẫm. Một cô gái tóc trắng vui nhộn, bạn của Anna cho hai người uống sữa nóng.

Anna nói chuyện phiếm nhiều. Tiếng cười của nàng quá rộn rã, nhưng có cái gì đó bối rối. Cô bạn gái mỉm cười hóm hỉnh nhìn Bestuzhev và Anna, người ta thường mỉm cười như thế khi nhìn thấy hạnh phúc của người khác.

Họ trở về chậm rãi và lặng lẽ. Những ngôi sao đầu tiên bắt đầu sáng lên trên mặt vịnh. Ngôi sao rực sáng nhất, ánh lên màu xanh biếc, mọc tít trên cao ở phần trời phía nam xanh nhạt, thẳng ngay trên trục buồm của một chiếc tàu biển lớn.

Anna đã khóc cả đêm sau cuộc đi chơi đó. Đến sáng thì người cha trở về. Ông cụ nói cái gì đó với nàng một cách cẩu thả và dứt quãng. Buổi trưa, Bestuzhev thấy Anna ra hiên đứng hồi lâu không nhúc nhích, nhíu mày lại nhìn ra vịnh. Chàng muốn gọi Anna, nhưng lại không dám.

Chàng quyết định rời quân ngũ xong sẽ không đi đâu hết, mà ở lại đây, trên đảo này, bất chấp sự chế giễu của các bạn cùng trung đoàn và sự cấm đoán của cha nàng, sẽ cưới Anna làm vợ.

*

* *

Cuộc rượu chè của sĩ quan kéo dài quá nửa đêm.

Lò sưởi cháy đều. Trong ánh lửa hắt ra đỏ sẫm, ngoài cửa sổ đêm càng xanh hơn. Thỉnh thoảng một bông tuyết nhỏ bám vào mặt kính bên ngoài, nếu nhìn cho kỹ có thể thấy rõ cấu trúc hết sức tinh vi từng tinh thể tuyết.

Họ uống rượu một cách không hào hứng mặc dù cả Kiselev và Merck đều vắng mặt. Hai người đó đang đi kiểm tra các trạm

gác. Họ uống không vui đã từ lâu, từ ngày có những tin tức đầu tiên về vụ binh biến ở Petersburg.

Từ mặt bàn chơi bài, bụi phấn bốc lên, làm khé cổ. Những tay chơi vừa lặng lẽ vút những con bài xuống, vừa rít những tẩu thuốc đã tàn. Các ngọn nến cháy bùng bùng giữa đêm khuya khoắt, người liên lạc bước vào. Cố để cho đôi ủng không khua thành tiếng, anh ta lại gần Bestuzhev và báo cáo ở phòng ngoài có một cô gái không rõ là ai đang đợi chàng. Vẻ mặt của người liên lạc ngây như đá. Các sĩ quan nhìn nhau và ai đó đã cười nhoẻn sau hàng ria mép. Trước đây, mỗi dịp như vậy sẽ làm nổ ra cả một chuỗi những câu đùa nghịch, những giả thiết tinh quái, nhưng lúc này không ai nghĩ đến chuyện bông đùa.

Bestuzhev nhanh nhẹn đứng dậy, bước ra. Anna đang đợi chàng ở phòng ngoài. Chàng nhìn bộ mặt tái nhợt của nàng với mái tóc ướt dính vào trán, hỏi nhanh bằng giọng thì thầm:

- Có chuyện gì vậy Anna?

Cô gái ghen thở.

- Anh Pavel^[2], - Lần đầu tiên nàng gọi chàng bằng tên khi nói chuyện. - Bố em vừa ở nhà đèn về. Ở đây người ta đã bắt giữ một sĩ quan người Nga. Ông ta định vượt qua vịnh sang Thụy Điển. Đó là một người tham gia cuộc nổi loạn. Phải làm gì đây, anh Pavel?

- Bình tĩnh đã nào, Anna. - Bestuzhev nói và cảm thấy tim mình lạnh toát, điều báo trước những quyết định mau chóng và không cần suy nghĩ. Chàng đã từng cảm thấy lạnh ngắt như thế trong trận Borodino và ở Petersburg khi chàng giật lại chiếc mũ ra khỏi tay đại hầu tước. - Vào đây em, ta phải cùng bàn bạc xem nên làm gì.

Chàng nắm tay nàng dắt qua gian phòng. Các sĩ quan nhìn thấy cô gái thì đứng cả dậy. Chỉ có những tay đang chơi bài,

không nhận ra Anna vừa đến, vẫn tiếp tục hí hoáy ghi điểm bằng phấn và ném bài xuống bàn.

- Thưa các ngài. - Bestuzhev nói. - Một giờ trước đây trên đảo chúng ta đã xảy ra một sự cố phi thường, đòi hỏi chúng ta phải cùng bàn bạc.

Chuẩn úy Lobov trẻ tuổi và nóng nảy nhảy bổ đến bên Bestuzhev.

- Có chuyện gì thì nói mau đi, khỏi phải mào đầu.

Tiếng giầy ủng và đinh thúc ngựa lạch cạch đã không cho Bestuzhev nói tiếp. Cánh cửa mở ra, Kiselev mình phủ đầy tuyết bước vào. Y quàng chiếc áo mưa ướt át xuống ghế, đưa mắt nhìn các sĩ quan bằng một cái nhìn vui vẻ và láu lỉnh. Cái nhìn đó dường như nói rằng: “Đây, các ngài xem tôi đã mang về cho các ngài một món quà bất ngờ như thế nào!”

Merck xuất hiện kế sau Kiselev. Y còn nán lại ở phòng ngoài để chải hết tuyết bám vào giầy. Thoáng nhìn thấy Anna đứng bên cạnh Bestuzhev, y nói với một vẻ lịch sự khinh mạn:

- Chuẩn úy Bestuzhev, ông phải biết rằng tại các cuộc họp mặt của sĩ quan, chỉ có vợ, người nhà, vợ chưa cưới của các ngài sĩ quan mới được có mặt.

Bestuzhev búng mặt.

- Đây là vợ chưa cưới của tôi. - Anh nói.

Anna nín lặng đứng ngây như chết.

Merck cúi đầu, chạm đinh thúc ngựa lạch cạch, không ai để ý đến trò hề của y. Mọi người nhìn viên trung đoàn trưởng đầy phấn khích.

- Các ngài sĩ quan. - Kiselev giơ tay lên như một diễn viên. - Mới vừa qua đi kiểm tra các trạm gác ở gần hải đăng Erasgrund, tôi và đại úy Merck đã bắt được một tên phiến loạn chạy trốn khỏi Petersburg theo mặt băng vịnh Bothnia định vượt qua Thụy Điển.

Một sự im lặng như tờ bao trùm tất cả, đến nỗi nghe rõ tiếng sàn gỗ cọt kẹt dưới chân ai đó.

- Xét theo quân phục, y là sĩ quan trung đoàn ngự lâm cận vệ, cùng bị bắt với y có một tên lính thủy thuộc hải đội cận vệ chống lại nhà vua. - Kiselev nhìn khắp lượt các sĩ quan, y muốn biết những lời lẽ của y đã gây ra ấn tượng như thế nào đối với mọi người.

Các sĩ quan lăm lì im lặng.

- Tên giết vua đã không chịu nói rõ tên họ của mình. Trong các ngài, có thể có người biết y vì chỗ quen biết hay vì đã cùng làm việc trước đây, nên tôi cho là cần phải đưa hắn ra đây cho các ngài nhận mặt.

Kiselev gõ kiếm xuống sàn. Cửa mở, mấy người lính giải người sĩ quan trẻ tuổi để đầu trần vào phòng. Trên trán ông tím bầm một vệt máu đông. Ông lấy tay vuốt mái tóc rối bù, dánh bết trên đầu và chăm chú nhìn quanh các sĩ quan. Cái nhìn buồn bã và điềm tĩnh, cái nhìn của một người sẵn sàng đón nhận cái chết đó làm mọi người ghi nhớ mãi suốt bao nhiêu năm về sau. Viên sĩ quan dừng lại ở bên bàn và vịn bàn tay nhỏ bé gầy guộc lên bàn.

- Tôi hỏi một lần nữa. - Kiselev hách dịch nói. - Ông phải khai rõ ông là ai, tên là gì?

- Tôi chỉ có thể nói lại điều tôi đã nói một lần nữa. - Người sĩ quan đáp. - Tôi là con của Tổ quốc bất hạnh của tôi. Vì hạnh phúc của Người, tôi nguyện hiến dâng đến giọt máu cuối cùng.

Ông lão đảo, tay run rẩy cố bám vào mặt bàn. Bàn tay gầy guộc của ông tuột khỏi mặt bàn. Bestuzhev lao về phía người bị bắt, đẩy cho ông chiếc ghế.

Viên sĩ quan ngồi xuống, chống khuỷu tay lên bàn, bàn tay ôm lấy đầu. Ông đã kiệt sức đến mụ đi. Chiếc áo mưa của ông tuột khuy và các sĩ quan nhìn thấy cánh tay phải quần lớp băng thô xù đã khô cứng. Mẩu bánh mì đen rơi khỏi vạt áo và lăn trên sàn nhà. Lobov vội nhặt lên và để cạnh người bị bắt.

Kiselev lại nhìn các sĩ quan của mình và chau mày lại. Y nhìn thấy những khuôn mặt tái đi, chăm chú nhìn vào những đôi mắt đầy lo âu và đồng cảm, bèn quyết định chấm dứt mau vớ kịch của mình.

- Người ta bị thương. - Lobov nói to. - Thật là nhẩn tâm.

- Ai trong các ngài nhận ra tên bạo loạn này? - Kiselev hỏi, tuồng như không nghe thấy Lobov nói.

Các sĩ quan không trả lời.

Merck thốt lên một cách cay độc:

- Các ngài sĩ quan chắc là dùng rượu quá nhiều nên trí nhớ bị mụ đi rồi.

- Người ấy bị thương. - Lobov kêu lên. - Các ông không thấy sao?

Bestuzhev tiến lên một bước, nhìn thẳng vào đôi mắt nhợt nhạt đi vì tức giận của Kiselev, điềm đạm nói:

- Có những đạo luật tách biệt ta ra so với loài vật. Một trong những đạo luật đó là lòng nhân đạo đối với tù binh. Người sĩ quan này bị thương và đang đói. Những ngón tay của ông ta đã bị rộp vì lạnh. Sao ông lại có quyền bày ra trước mặt chúng tôi

một trò hề đê tiện và ngược đãi con người như vậy? Ông tìm sự đồng tình của chúng tôi vô ích, không có đâu.

Các sĩ quan nhích lại gần Bestuzhev và im lặng. Lưng người bị bắt rung lên và đầu ông đổ gục xuống bàn. Anna chạy lại gần ông ta, ôm lấy hai vai, vỗ về bằng tiếng Nga và tiếng Thụy Điển lẫn lộn.

- Lại còn ai thế này? - Kiselev hỏi và đẩy Anna ra khỏi người bị bắt. - Tổng cổ ngay con đĩ này đi!

- Cô hãy đi đi. - Người bị bắt khẽ bảo Anna. - Kẻo rồi vì tôi mà cô phải chịu sự sự lăng mạ.

Anna chậm rãi đứng dậy và đi ra. Mặt cô bừng lên sắc đỏ nặng nề.

Bestuzhev lại gần Kiselev và thẳng tay tát vào mặt y.

Kiselev rút kiếm. Các sĩ quan bổ nhào lại giữ chặt tay y.

- Tôi yêu cầu. - Kiselev gào lên nhưng trong tiếng ồn ào chung quanh không ai nghe rõ lời y.

- Tôi sẵn sàng đấu súng bất cứ lúc nào ngài muốn. - Bestuzhev nói và đi ra.

Kiselev quên mất rằng là trung đoàn trưởng, y không có quyền đấu súng với cấp dưới.

Anna đang khóc đợi Bestuzhev ở ngoài hiên.

Merck gọi lính gác và ra lệnh giải người bị bắt đi. Các sĩ quan giải tán quên cả tắt nến, chúng cháy mãi đến tận sáng, làm căn phòng mù mịt muội khói.

Khi Anna và Bestuzhev bước xuống khỏi hiên nhà, gió nam âm ỉ gầm thét nổi lên mỗi lúc một dữ dội. Tuyết đọng trên các

trục buồm lạo xạo rơi xuống boong tàu. Những ngọn đèn nhấp nháy rồi tắt dần. Băng rạn vỡ trong vịnh như những loạt trọng pháo nổ từ xa, gió đang phá vỡ chúng.

Gió ẩm và nặng nề, làm bật cả hơi thở, mang đến mùi tuyết tan.

Bestuzhev không nói với Anna một lời nào về điều xảy ra sau đó. Nàng chìa tay cho chàng, chàng nắm chặt chỗ gần khuỷu tay nàng. Qua tiếng gió rít và tiếng gầm của bão táp, chàng vẫn nghe thấy tiếng trái tim nàng đập liên hồi trong bàn tay ấm áp.

- Anna, - Bestuzhev nói, - em đã an ủi con người bất hạnh, không còn hy vọng được sống sót. Tình yêu của anh đối với em thật vô hạn, đến nỗi anh không có lời nào để diễn tả nỗi.

Anna cúi thấp đầu và không trả lời.

Gió ào ào thổi trên thành phố, như muốn xóa sạch và cuốn lên miền Bắc cái đêm tối nặng nề mù mịt không thể chịu đựng được này với cả nước mắt, muối nén, sự tàn bạo và tình yêu con người. Gió cuốn bay những giọt lệ hiếm hoi trên mi mắt Anna. Gió đôi lúc trở nên dữ dội đến nỗi tưởng rằng nó sẽ thổi bay cả đêm tối ngay bây giờ và thay vào đó sẽ là bầu trời rạng đông hừng sáng với những đám mây nhẹ nhàng trôi.

Trong nhà Anna, cửa sổ thấp sáng, đám tuyết trước hiên có nhiều vết chân người dẫm. Ở phòng ngoài bốc mùi thuốc lá.

- Khách đến nhà em muộn quá vậy? - Bestuzhev bảo Anna.

- Đó là các cụ già đến tụ họp với bố em.

Bestuzhev đi vào phòng mình, nhưng chàng vừa kịp bỏ áo khoác ngoài và cởi thanh gươm ra, thì Anna đã gọi chàng phía ngoài cửa; chàng bước ra.

- Bố em mời anh ra có chuyện hệ trọng, – nàng nói. - Cụ có thể vào chỗ anh. Nhưng ở ngoài này ít nguy hiểm hơn. Các cửa sổ mở ngay ra vườn.

Bestuzhev hồi hộp đi theo Anna. Cụ già đợi chàng ở dưới bếp. Ông nặng nề đứng dậy đón chàng. Cùng với ông, có mấy người Thụy Điển râu bạc, dáng người vụng về cùng đứng dậy sau bàn. Bestuzhev nhận ra họ - đó là những thuyền trưởng của những chiếc tàu trú đông ở Mariehamn. Chỉ có một người khác hẳn những người kia. Ông ta đen, người thấp và mắt cười láu lỉnh. Đó là thuyền trưởng của chiếc tàu buồm Pháp, Jacques Piner cùng với con tàu bị mắc kẹt vì mùa đông ở Mariehamn và đang sốt ruột chờ xuân đến.

- Thưa các ngài, tôi có thể giúp ích gì cho các ngài, - Bestuzhev bối rối hỏi.

- Thú thực là chúng tôi định hỏi ngài câu đó đấy, - Piner đáp lại bằng tiếng Pháp. Chúng tôi có thể có ích gì cho ngài chăng?

Bestuzhev lơ mơ đoán được các viên thuyền trưởng gọi chàng ra để làm gì.

- Chúng tôi tin ngài, - bố Anna nói, - và chúng tôi sẽ vui sướng nếu mình không nhầm. Gió đang phá vỡ băng đấy.

Ông già nín lặng nhay nhay đôi môi khô.

- Cứ hai ngày gió như thế này nữa, - ông nói thêm, - thì biển sẽ thông đến tận Xtóc-khôm.

- Các ông tướng của ngài đã phạm phải một sai lầm lớn, - người thuyền trưởng đi đôi ủng vàng, cổ đen bóng gập lên, nói với Bestuzhev. – Họ không để ở Mariehamn một chiếc tàu chiến Nga nào.

- Chiếc tàu chiến đã khởi hành rồi Abo từ lâu, nhưng nó bị mắc kẹt vì băng, người thuyền trưởng có chòm râu đen trả lời bằng tiếng Thụy Điển, Bestuzhev hiểu họ một cách khó khăn. Bestuzhev dò hỏi nhìn Anna và nàng khẽ dịch lại cuộc nói chuyện chậm rãi của họ.

- Chiếc tàu "Valkyrie" của tôi, - người thuyền trưởng đi ủng vàng nói, - loại tàu chiến nhẹ nhất cũng không thể theo kịp. Nhưng may mắn là nó không có đây.

- Thưa các bạn, - Bestuzhev nói. - Chúng ta sẽ không chần chừ nữa. Ai là người sẵn sàng ra biển đầu tiên?

- Ai cũng sẵn sàng, - Piner vừa rút chiếc tẩu ra khỏi miệng vừa nói. - Nhưng tôi làm điều đó dễ dàng hơn tất cả. Tàu tôi chạy dưới ngọn cờ của quốc vương Pháp không bị theo dõi.

- Để cho ông ấy đi, chúng ta nhường cho ông bạn người Pháp, - người thuyền trưởng già nhất nói và mọi người đều im lặng. - Nhưng hãy để ngài sĩ quan Nga đừng hiểu nhầm rằng chúng tôi nhường nhau một cách thích thú đâu. Không. Mỗi người chúng tôi đều muốn giải thoát cho người đồng bào của ông khỏi giá treo cổ. Mỗi chúng tôi đều hiểu rằng, một khi có người nào chiến đấu cho tự do, người đó chiến đấu cho cả chúng tôi nữa. Chúng tôi là người Thụy Điển, Phần Lan, Pháp. Chúng tôi kính trọng ông ấy. Mỗi chúng tôi đều biết im lặng. Còn nói đến cái sợ... - Ông già cười khẩy... - nói đến cái sợ thì tốt hơn chúng ta để đến lần khác, sau những vại bia. Đã bao lần cái chết bám vào thành tàu của chúng tôi nhe răng ra hăm dọa, thậm chí chúng tôi không đếm hết được.

- Nhiệm vụ khó khăn nhất đặt lên vai ngài. - Piner quay về phía Bestuzhev nói. - Ngài phải giải thoát viên sĩ quan và người lính thủy khỏi bọn lính canh và kín đáo đưa họ lên con tàu của tôi. Nếu gió không ngừng thổi thì cùng nhất là ngày kia, tôi sẽ nhổ neo vào ban đêm.

- Được, - Bestuzhev trả lời. - Tôi xin cảm ơn sự tin cậy của các ngài.

Các ông già đứng dậy, rút tẩu thuốc. Bestuzhev xiết chặt tay họ và khoác áo mưa lên người. Cố để ủng bước không thành tiếng, họ rẽ đi theo lối cửa mở ra vườn.

Bestuzhev trao đổi thêm mấy phút với Piner. Phải xem trước những trở ngại trong việc chạy trốn để tìm cách khắc phục. Ra về, Piner nháy mắt với Bestuzhev và vỗ vào tay áo anh.

- Con tàu của tôi lớn đấy. Có đủ chỗ cho mọi người. Tôi vui sướng nhận thêm một sĩ quan nữa và nếu đôi mắt thuyền trưởng của tôi không nhầm, cả cô gái tuyệt vời, vợ chưa cưới của ông ta nữa. Có phải thế không? Tôi tin những người đang yêu: họ rất độ lượng. Đừng cho là tôi nói đùa. Tôi đã sống qua cuộc đời đầy những sự bất ngờ và phản trắc. Vì vậy tôi dám khuyên ngài: Hãy trốn khỏi nơi đây thôi.

- Ta chưa nên nói đến chuyện ấy bây giờ. Tôi còn phải suy nghĩ đã.

Người Pháp chia tay và ra về.

Bestuzhev quay về phòng riêng, châm nến và ngồi vào bàn. Hai tay chàng ôm lấy đầu suy nghĩ: còn cuộc đấu súng sẽ thế nào?

Nếu ngày mai chàng chết trong cuộc quyết đấu, cuộc chạy trốn sẽ không thực hiện được, viên sĩ quan bị bắt và người thủy thủ sẽ bị giải ngay về Petersburg khi có cơ hội đầu tiên và sẽ bị treo cổ ở đó. Điều đó không được để xảy ra.

Nếu từ chối đấu súng, chàng sẽ bị mọi người coi là một kẻ hèn nhát. - Kiselev sẽ đưa chàng ra tòa án binh vì tội xúc phạm nặng nề trung đoàn trưởng, cuộc chạy trốn cũng bị lỡ dở, nỗi ô nhục

sẽ trút lên đầu Bestuzhev và đầu độc cả quãng đời còn lại của chàng.

Chỉ còn lại một cách: hoãn cuộc đấu tới sau khi cuộc chạy trốn đã được hoàn thành. Nhưng điều đó có nghĩa là mọi ý nghĩ bí mật về cuộc ra đi cùng với Anna và cuộc sống tràn đầy niềm vui và phiêu bạt cũng sẽ tan vỡ.

Sau cuộc nói chuyện với Piner, chàng đã thấy mình cùng Anna đứng trên boong của chiếc tàu buồm lướt đi trước những dải bờ biển phương nam mọc đầy những vườn quả. Trong những đồng bằng ven bờ và những vùng cao rải rác các rừng buổi, các xóm làng và các lâu đài.

Nước sôi sục sau đuôi đầu. Các thủy thủ mỉm cười nhìn người thiếu nữ trẻ tuổi, nhường đường cho nàng đi. Nàng thận trọng dò trên mặt boong người sĩ quan cánh tay phải quần băng, ông đã trả lại cho cuộc sống bởi sự cố gắng chung của họ. Những thành phố cổ xưa nhô trên mặt nước, làm xao xuyến lòng người. Những mái nhà của thành phố lấp lánh dưới ánh mặt trời. Tiếng hát của những người chài lưới vang lại từ sau làn sương sớm.

Bestuzhev quyết định hoãn cuộc quyết đấu đến khi viên sĩ quan và người thủy thủ được cứu thoát. Ý nghĩ về hai con người được cứu sống sẽ sống trong trái tim của Anna và làm cho họ hạnh phúc.

Bestuzhev tư lự. Chàng không nghe thấy tiếng nói của cụ già và Anna sau bức tường và tiếng chân của Anna đang lại gần cửa.

- Pavel, - nàng nói. - Bố vừa gọi em và nói là muốn cho em và anh được hạnh phúc. Bố nói anh sẽ là người chồng xứng đáng.

Bestuzhev đứng dậy.

- Chúng ta chịu ơn người tù binh hạnh phúc này. - Anna nói tiếp. - Chúng ta sẽ cứu họ bằng bất cứ giá nào, phải không anh

Pavel?

- Anh xin thề! – Bestuzhev đáp lại.

Ánh dương xanh nhạt bí ẩn rơi vào căn phòng và Anna nom nhột nhột hân đi trong ánh sáng ấy. Nàng mỉm cười. Bestuzhev bước lại phía nàng một bước, giữa lúc đó, tiếng trống bất ngờ khua vang ngoài cửa sổ. Tiếng trống khua vội vã, liên tiếp, nhưng không át được tiếng người kêu vọng lại từ xa. Bestuzhev dừng lại.

- Chuyện gì thế? – Anna kêu lên, chạy bổ lại với Bestuzhev.

Nàng khiếp hãi nhìn ra ngoài cửa sổ. Ngoài đó gió đang thổi, những lớp khói đen từ ống khói tỏa ra và trong không khí biếc xanh, tiếng trống càng nổi lên thôi thúc hơn.

- Đây là bọn phạt đòn - Bestuzhev tại mặt đi trả lời. Anna từ từ quy xuống sàn: nàng bất tỉnh.

Semyon Tikhonov bị đánh thức dậy lúc sáng sớm. Viên hạ sĩ để ngỏ gian phòng của lính gác. Gió ẩm ướt quét trên mặt sàn làm những mớ rơm kêu xào xạc. Những người lính thiếu ngủ đứng chen chúc ngoài hiên, súng lịch kịch và ngáp dài.

Tikhonov nhồm dậy, vội vã đi ủng.

Anh nhanh nhẹn mặc quần áo và đứng vào hàng. Viên hạ sĩ xoay người anh như con bù nhìn nhìn nhìn bốn phía và bảo:

- Ôi, Ivan đau khổ, cầm lấy súng chứ?

Tikhonov không hiểu mang súng theo để làm gì nếu người ta đưa anh đến chỗ phạt đòn, nhưng cũng cầm lấy khẩu súng.

Chúng giải anh đi. Tuyết lạo xạo rắc xuống mái nhà. Những con quạ kêu lên như trước cơn mưa. Khói từ các ống khói xả

xuống mặt đất.

"Chẳng lẽ đang là mùa xuân ư?" - Tikhonov thầm nghĩ khi bước trên đám bùn nhão do tuyết đang tan hòa lẫn với nước. Trong các căn nhà vẫn tối om.

"Ít ra cũng phải một trăm đón không ít hơn - Tikhonov nghĩ. - Trung đoàn trưởng nóng nảy quá. Ba trăm đón ai mà chịu nổi! Nếu thế lấy đá đeo và cổ rồi nhảy xuống hố băng còn hơn."

Đám người đi ra bài tập. Hai hàng lính xếp sẵn, đứng quay mặt vào nhau, tay cầm gậy. Những lính đánh trống xếp hàng một bên. Merck vừa hút tẩu, vừa đi đi lại lại bên cạnh họ. Thỉnh thoảng hắn lại lấy mũi giày khế đá vào chân người đánh trống này hay người kia - cho thẳng hàng.

Tikhonov bị dẫn lại gần Merck.

- Cởi quân phục ra, người anh em. - Merck nói, chăm chú nhìn Tikhonov run rẩy chậm chạp cởi những chiếc khuy và cởi bỏ bộ quân phục. - Chà, đồ ăn hại, áo lót rách rưới thế kia há? Thôi, chịu đòn cho giỏi nhé.

- Thưa ngài, tôi xin cố gắng - Tikhonov kêu lên bằng giọng nói cứng như gỗ và cởi chiếc áo sơ mi.

- Toàn đội, nghe lệnh! - Merck quát lên và quay gót giầy.

Những người lính thẳng người ra và lặng đi. Những người lính đánh trống giờ cúi đầu trên mặt trống bọc da xám. Chỉ có chỗ giữa mặt trống mới thâm lại vì dùi gõ vào.

Viên hạ sĩ và một người lính rìa mép màu hung buộc tay Tikhonov vào băng khẩu súng của anh, nắm lấy nòng, kéo Tikhonov đến gần hàng quân. Tikhonov bước đi chậm chạp như người mất hồn.

- Toàn đội nghe lệnh! - Merck quát lên một lần nữa. Theo lệnh trung đoàn trưởng dẫn tên lính Tikhonov qua hàng quân. Đánh ba trăm gậy. Bắt đầu!

- Lay quan lớn! – Tikhonov kêu lên và ngã quỵ xuống tuyết ướt.

- Bắt đầu! - Merck vung chiếc găng.

Tiếng trống vang lên loạn xạ. Viên hạ sĩ và người lính râu nâu cần nòng súng kéo Tikhonov. Tikhonov ngã xuống, bò đi vài bước trên tuyết, đứng dậy, lảo đảo đi vào giữa hai hàng quân chật hẹp. Tiếng gậy vụt đầu tiên rít lên.

- Một! – viên hạ sĩ khàn khàn đếm.

Lại một đòn nữa kêu vút.

- Hai! – Tên lính ria râu vui vẻ kêu lên.

Khi đó Tikhonov quay bộ mặt đầm máu đáng sợ về phía Merck kêu lên như xé giọng.

- Sự thật không che lấp được! Không giam giữ được, anh em ạ! Bọn bất nhân khát máu sẽ đến ngày tận số!

Anh đứng chững lại. Máu chảy thành dòng trên lưng. Tiếng trống vẫn vang lên rền rĩ. Môi những người lính run lập bập.

Đến ngọn đòn thứ năm mươi. Tikhonov ngã xuống. Người ta xốc anh lên. Những nắm tuyết đầm máu dính vào lưng.

Thêm mấy gậy nữa, anh lại ngã xuống. Anh bị kéo lê trên tuyết, thở phì phò. Những người lính dạ gậy xuống không cần có lệnh. Những tay lính đánh trống cũng dừng lại.

- Không ai đánh kẻ đã gục. - Merck nói lấp bắp và lại gần Tikhonov.

Viên hạ sĩ và tay lính rìa nâu lật Tikhonov ngửa mặt lên. Merck cúi xuống. Tikhonov mở đôi mắt mờ đục không còn sự sống nhìn bầu trời. Sau đó anh hướng cái nhìn sang Merck, gắng gượng nhồm dầy, hàm anh trệu trạo như đang nhai một miếng bánh cứng

- Xin quan lớn tránh ra, - viên hạ sĩ nói, - kéo không có chuyện chẳng hay.

Merck nhanh nhẩu đứng thẳng người dậy. Tikhonov muốn nhổ vào mặt y, nhưng nước bọt lẫn máu chảy xuống cằm và đọng lại trong đám râu không cạo.

- Mang nó đi - Merck nói, quay mặt chậm rãi bỏ đi.

Những người lính nhanh nhẹn kiêng Tikhonov đặt lên tám áo khoác và đưa vào bệnh xá trung đoàn.

Buổi sáng, các giám thị của Kiselev đến gặp Bestuzhev. Họ thấy cánh tay phải của anh quấn băng.

- Tôi xin phép các ngài hoãn cuộc đấu súng lại hai ngày, - Bestuzhev nói. - Đêm hôm qua trong khi đi về nhà, tôi bị ngã nên cánh tay bị thương. Xin hãy tin là việc trì hoãn này làm cho tôi rất khó chịu, nhưng lý do hoàn toàn chính đáng. Tôi không bắt được. Tôi sẽ cố gắng hết sức để chữa khỏi cánh tay trong một thời gian ngắn nhất.

- Chúng tôi sẽ thỏa thuận với ngài Kiselev sau, - một giám thị, thiếu úy hồi hưu người Thụy Điển, hiện sống ở mũi đất gần Mariehamn trả lời. - Và sẽ báo quyết định của ông ta qua các giám thị của ngài. Xin cho tôi được biết tên của họ.

Bestuzhev nêu tên Lobov và viên bác sĩ trung đoàn. Buổi sáng chàng đã kịp gửi một mẫu giấy báo tin cho họ.

- Có thể cử bác sĩ riêng của tôi đến thăm ngài chăng? - Chia tay, người Thụy Điển nhã nhặn đề nghị.

Bestuzhev đỏ mặt.

- Cảm ơn ngài, – chàng nói giọng dứt khoát. - Tôi còn đi lại được, nếu cần, có thể tự đến bệnh xá trung đoàn.

Những người giám thị cúi chào rồi ra đi.

Khoảng một giờ sau, bác sĩ trung đoàn Traube, một người mắt cặp kềm, má phỉ đầy lông hồng, đeo mắt kính to, đi trên một chiếc xe trượt do con ngựa còm chở nước kéo đến.

Bàn tay mũm mĩm của ông âu yếm nắm tay Bestuzhev, và nói rằng Kiselev – một tay chuyên gây gỗ, hay đấu súng, đòi hỏi cuộc đấu phải diễn ra chậm nhất là sáng mai, đồng thời hai đấu thủ đều bắt bằng tay trái.

Trái tim Bestuzhev như hẫng xuống. Chàng đồng ý. Traube định xem cánh tay phải của Bestuzhev, nhưng chàng gạt đi.

Traube tháo kính và lau hồi lâu bằng chiếc khăn tay đỏ, hấp háy hai hàng mi trắng che gần hết cả đôi mắt. Mặt người bác sĩ cau lại, khóe mép run run.

- Pavel Aleksevich – ông cúi mặt xuống nói, - Thế này là thế nào? Chẳng hóa ra đúng như các cụ già nói: bắt đầu đến những ngày đen tối rồi chăng?

- Vâng, một thời kỳ đen tối.

- Biết bao sự kiện đau buồn. Ban đêm người ta đưa đến chỗ tôi hai người bị bắt.

- Sao lại đưa đến bệnh xá?

- Người sĩ quan, như anh có thể đã nhận thấy, có một vết thương đã lâu ngày trên cánh tay, cần được cứu chữa. Ông ta đã kiệt sức. Người lính thủy chân bị rộp vì lạnh.

- Bác sĩ ơi, - Bestuzhev nói. - Chữa cho họ làm gì nếu để sau đó họ lại bị đem treo cổ.

Viên bác sĩ đánh rơi chiếc khăn tay.

- Chẳng lẽ anh cho rằng tôi phải khước từ việc chữa chạy cho họ ư?

- Như thế thì cao thượng hơn. Giữ sức khỏe cho người ta làm gì nếu cái chết không tránh khỏi sẽ đến với họ?

- Có thể hoàng đế tha tội cho họ chẳng?

- Không bao giờ!

- Tôi chữa cho họ vì hy vọng rằng cuộc sống sẽ được trả lại cho họ.

- Bởi ai?

Viên bác sĩ lại tháo cặp kính ra và run rẩy lau chùi.

- Bởi ai cơ chứ? - Bestuzhev nhắc lại. - Họ làm sao chạy thoát nếu không có ai giúp đỡ.

- Thật là điên rồ! - Ông thầy thuốc thốt lên. - Các cửa ra vào và cửa sổ đều có lính gác. - Khi đó Bestuzhev ghé sát vào tai người thầy thuốc và nói khẽ:

- Nếu bác sĩ còn một chút lòng nhân ái và danh dự, nếu lương tâm không cho phép bác sĩ trở thành đồng lõa của cuộc hành hình mà bác sĩ đang đóng vai thì xin hãy nghe tôi...

Viên bác sĩ kinh hãi nhìn ra cửa sổ, rồi nhích lại gần Bestuzhev. Họ chuyện trò với nhau hồi lâu. Bestuzhev vừa đứng lên vừa nói:

- Tối nay tôi sẽ đến thăm bác sĩ ở bệnh xá. Tôi cần được biết vị trí nơi đó và nhân thể thăm anh lính Tikhonov trung đội tôi. Hôm nay cậu ấy vừa bị phạt đòn.

- Nếu vậy phải đến mau lên, viên bác sĩ nói, - cậu ta chẳng còn sống được mấy chốc đâu. Mất máu nhiều quá!

Viên bác sĩ tạm biệt rồi ra về. Con ngựa gầy chở nước từ từ kéo chiếc xe đưa ông về bệnh xá.

Bestuzhev lại gần cửa sổ, áp trán vào mặt kính lạnh lẽo.

- Máu... - Anh buồn bã nói. – Máu đọng trong trái tim.

Buổi tối Anna cùng Bestuzhev ra khỏi nhà. Anna lo lắng suốt cả ngày. Nàng đã thấy các sĩ quan đến tìm Bestuzhev, cả viên bác sĩ, nhưng không hề hỏi han điều gì. Nàng nghĩ là những điều đó có liên quan đến việc chuẩn bị cho việc cứu tù nhân.

Từ sáng đến xẩm tối, nàng ngồi bên lò sưởi rực lửa cuộn mình trong tấm khăn choàng, bỏ cả bữa trưa, thậm chí cả tách cà phê. Mỗi tiếng động lại làm nàng giật bắn người lên. Nàng luôn mơ tưởng thấy tiếng trống khua.

Trong một ngày mà nàng sút hăn đi, một nếp nhăn nhỏ hiện lên giữa hai hàng lông mày luôn động đậy và dướn lên. Đôi mắt mỗi lần nhìn Bestuzhev lại hiện rõ vẻ lo buồn của người mẹ.

Bestuzhev không chịu được cái nhìn của nàng, đưa mắt lảng sang chỗ khác. Chàng cảm thấy hết sức bối rối vì phải giấu kín cuộc đấu súng.

Chàng không ngừng nghĩ đến Anna. Cảm thấy rất đổi khổ tâm vì tình yêu đã đến với họ sao quá muộn màng và không may đến vậy, đúng vào những ngày lộn xộn đen tối này. Vậy mà chỉ cách đây không lâu thôi, nó còn nở hoa đầy quyến rũ, giữa cảnh trời đông dịu dàng tươi mát, còn làm cho trái tim nóng hổi phải thổn thức dồn dập dưới tiếng nện chày tí tách, tiếng cười như trẻ thơ của các cụ già hiền hậu, dưới tiếng chuông đồng hồ cổ xưa của ông cha.

Anna và Bestuzhev đi ra ngoài ô thành phố, tới sát bờ biển. Chân ngập trong tuyết.

Trên bờ biển, Anna kéo cánh tay Bestuzhev và chỉ ra mặt biển. Sau một vệt hẹp lớp băng dày nứt ra, biển đã rì rào những lớp sóng đen ngầu bọt và gió phả bụi nước vào mặt.

Những chiếc tàu hiện lên không xa. Chúng rung rinh trước những cơn sóng vỗ. Những dây xích khi thì chìm xuống mặt nước đen ngòm, khi thì loảng xoảng chồm lên, bọt nước chảy xuống ồn ào.

Gió nam thổi về. Tuyết ướt lác đác rơi. Nó tan ra ngay trên mặt vịnh và phủ lớp bụi mù dữ dội. Các con tàu đã tắt đèn, ánh sáng mờ mờ của chúng càng làm cho người ta thấy khó chịu và không cần thiết.

Anna và Bestuzhev thong thả đi về thành phố. Gần bệnh xá họ chia tay nhau. Bestuzhev muốn vào bệnh xá.

- Sao anh buồn vậy, anh Pavel? - Anna hỏi khi chia tay nhau và mãi không muốn buông bàn tay Bestuzhev ra.

- Có người lính sắp chết trong bệnh xá, - Bestuzhev nói lảng. - Em cũng biết đấy.

- Thực không có gì khác làm anh lo lắng đấy chứ, anh thân yêu?

- Không đâu, Anna.

Bestuzhev sợ ngược mắt lên. Anna thở dài.

- Thôi được, anh về thật mau nhé, em sẽ đợi. Không có anh, em thấy sợ và cảm thấy trên đảo chẳng có một ai. Anh về ngay nhé!

Bestuzhev gật đầu, quay đi, nhanh nhẹn đi vào bệnh xá. Anna nhìn theo theo anh.

Bestuzhev bước vào căn phòng giá lạnh. Tikhonov nằm úp sấp trên một chiếc giường sắt. Nhìn thấy Bestuzhev, anh thều thào và cựa mình. Tấm lưng bịt băng của anh không đắp chắn: chắn nặng làm Tikhonov đau đớn không chịu được.

Người lính phục vụ tại bệnh xá khoác tấm áo choàng bản, lập cập lê đôi ủng đi ra ngoài.

Bestuzhev lại gần Tikhonov và quỳ xuống bên giường để nhìn rõ mặt anh. Nhưng anh không nhìn thấy cả mặt mà chỉ nhìn thấy một bên má sưng húp, và con mắt đen một nửa.

- Xin ngài đứng lên, ở đây rác rưởi bản lắm, Tikhonov thều thào. - Tôi sẽ quay mặt ra.

- Nằm yên, nằm yên, bạn thân yêu ơi, – Bestuzhev nói khẽ và đặt bàn tay lên mái đầu ram ráp của Tikhonov.

- Thưa ngài ... - Tikhonov nói và khóc òa: - Vì lẽ gì mà chúng hành hạ tôi thế này?

- Đừng khóc nữa, Tikhonov ơi, Bestuzhev nhìn mặt và quay đi, nhìn ra cửa sổ tối đen. - Cầu trời cho hai chúng mình được sống sót, hết hạn lính, ta sẽ sống đời tự do.

- Tự do nào ? - Tikhonov nói gần như không nghe rõ. - Ai tự do cứ tự do, con ai khổ cứ khổ. Vợ tôi chết rồi. Chỉ còn có bà mẹ già và đứa con trai. Tên cháu là Petrushka. Xin ngài lưu tâm hãy báo cho mẹ tôi biết về cái chết của tôi. Cứ viết là con trai bà đã chết vì bệnh sốt và mong bà sống lâu.

- Viết đi đâu cơ?

- Tỉnh Novgorod, huyện Belozersky, làng Megra trên sông Kovzha, bà Avdotya Tikhonova, - Tikhonov thì thầm và lặng đi hồi lâu.

Nghe thấy rõ tiếng chân lính gác ngoài cửa sổ và ai đó đang thở dồn ở bên kia bức tường.

- Thôi, vĩnh biệt Tikhonov! - Bestuzhev nói.

Anh lính rút khỏi chần bàn tay lạnh lẽo mềm nhũn như sáp ong, nắm lấy bàn tay Bestuzhev, rồi lại nín lặng. Tưởng chừng anh đã ngủ thiếp đi. Bestuzhev chờ đợi.

- Vĩnh biệt! - Cuối cùng Tikhonov nói thật khẽ.

Bestuzhev thận trọng ra ngoài.

Bestuzhev trở về nhà lúc trời đã khuya. Anna chờ đợi trần trọc mãi đã ngủ thiếp đi. Bestuzhev dừng lại bên cánh cửa mở ngỏ vào phòng nàng.

- Gì thế, anh Pavel? - Anna lo âu hỏi trong giấc mơ rồi yên lặng.

Bestuzhev lẳng chờ một lát, nghe rõ hơi thở của nàng, chàng bước vào phòng - cảm thấy tim mình lạnh ngắt.

Chàng châm nến ngồi xuống bên bàn, nhìn đồng hồ - đã hai giờ đêm rồi. Cuộc quyết đấu được định đoạt vào sáu giờ sáng trong khoảng rừng thông bên bờ vịnh biển.

- Chỉ còn bốn tiếng đồng hồ, - Bestuzhev nói và tư lự một lát, chàng mài mài chiếc ngòi bút lông ngỗng.

Chàng lấy từ ngăn bàn ra trang giấy vàng, dầy và bắt đầu viết nhanh những hàng chữ nghiêng rây đầy mực.

"Anna, - chàng viết, - anh đã phạm một tội lớn với em là đã không nói một lời nào về cuộc đấu súng sắp tới. Tình yêu của chúng ta không có chuyện đó cũng đã trải qua khá nhiều thử thách. Anh chợt hiểu ra là chúng ta yêu nhau khi các sự việc nặng nề đầy cảm phẫn đã dồn dập ập vào cuộc đời của chúng ta. Những sự việc ấy đã gây cho chúng ta lòng căm giận và sự lo âu, khiến cho e phải nhỏ lệ, đã cuốn hút toàn bộ sự sống, tất cả trí tuệ của anh mà giờ phút này chỉ bận tâm vào một suy nghĩ - làm sao cứu thoát những con người cao cả đang cầm chắc cái chết trên giá treo cổ.

Niềm an ủi duy nhất của chúng ta là, trái với sự vô tâm của những kẻ đang yêu, ta có thể hiến dâng tất cả cho nỗi bất hạnh của người khác. Chúng ta không thể sống chỉ bằng tình yêu lứa đôi, không thể đối mặt với sự bất công và những nỗi đau khổ của người dân.

Anh nói những lời đó hoàn toàn chính đáng vì trái chết của anh lính Tikhonov, việc bắt giữ những người tham gia cuộc khởi nghĩa Petersburg chỉ là những trường hợp riêng lẻ của nỗi đau khổ mêng mang của dân chúng. Tổ quốc của anh đã phải gánh chịu trăm đắng ngàn cay một cách oan trái.

Những ước mơ của chúng ta về cuộc chạy trốn đã bị tan vỡ vì cuộc đấu súng. Anh vừa mới ghé thăm Piner trên chiếc tàu của ông ta. Đêm ngày kia tàu sẽ nhổ neo. Ông không thể đi ngay bây giờ vì buồm chưa chuẩn bị kịp. Cả đội thủy thủ đang sửa chữa cánh buồm không ngừng tay và anh cho rằng các thủy thủ dũng cảm đã hay biết đôi điều về kế hoạch của chúng ta.

Cuộc chạy trốn xảy ra sau một ngày đêm, còn cuộc đấu súng - sau bốn giờ nữa. Nếu anh còn sống, số phận của những kẻ bị bắt sẽ trở

thành số phận của chúng ta và cứu thoát họ, chúng ta sẽ phải cùng ra đi với họ. Nếu anh bị chết hay bị thương thì em, Anna, sẽ thay anh.

Đêm ngày kia, Lobov sẽ chỉ huy phiên gác ở bệnh xá. Anh đã chuẩn bị mệnh lệnh giả của trung đoàn trưởng đòi chuyển tù nhân về pháo đài Segby đang xây dở. Bác sĩ ở bên phía chúng ta. Các binh sĩ đang phấn khích và sẵn sàng theo tiếng gọi đầu tiên; quay súng vào những tên chỉ huy ngày hôm qua Trung đoàn đang xáo động.

Nếu Lobov (có sẵn mệnh lệnh giả đề phòng trường hợp chạm trán với Merck hay một sĩ quan nào đó trung thành với trung đoàn trưởng) giải thoát được những người bị bắt thì chiếc xuống từ tàu biển cử tới sẽ đón họ sau mũi đất có rừng mọc đầu tiên trên đường tới Segby. Lobov sẽ ra đi cùng những người tù trốn.

Anh tin ở Piner và kinh nghiệm hàng hải của ông, nhưng anh muốn em ra tàu từ xâm tới và chỉ cho Piner rõ quăng bờ biển phải gửi xuống tới đón những người chạy trốn. Em biết những nơi này như ngôi nhà của mình. Piner vẫn lo rằng trong bóng đêm các thủy thủ sẽ bị lạc và chính ông không xác định được chính xác vị trí vì không am hiểu vùng bờ biển này.

Đáp lại lời hứa hẹn của anh là em sẽ có mặt ở trên tàu, ông nói rằng không cần một người dẫn đường nào tốt hơn Anna.

Những người lính có thể trốn chạy, nhưng chưa chắc họ đã làm như vậy. Cuộc sống của họ an toàn vì họ đã làm theo mệnh lệnh trực tiếp của cấp trên.

Anh e rằng những dẫn giải chính xác của anh sẽ bị em xem như sự hờ hững với em. Chẳng lẽ em sẽ bảo: Sao anh ấy có thể viết một cách bình tĩnh và tỉnh táo như vậy một khi biết rằng sẽ không bao giờ thấy mình nữa?!

Anna. tình yêu của anh với em là vô hạn. Anh sợ nghĩ tới em những phút này. Anh xua đuổi mọi ký ức và sợ nghe thấy tiếng nói

của em. Nếu em bước vào đây lúc này anh sẽ không chịu đựng nổi, sẽ quên đi hết thấy và chắc sẽ quỳ xuống van xin em chỉ một điều - chạy trốn để giải thoát. Vì vậy, anh về muộn gặp lúc em đã ngủ.

Anh biết - và em phải biết chắc điều này cùng anh - sẽ đến ngày trả hận vĩ đại. Những đau khổ và cái chết của chúng ta sẽ dội vào bao trái tim niềm xúc động mãnh liệt. Sự khinh miệt hạnh phúc của người dân sẽ bị coi là một tội ác ghê tởm nhất. Tất cả những gì hèn hạ sẽ bị đập tan thành tro bụi và hạnh phúc của người dân sẽ trở thành mục tiêu cao cả nhất của những lãnh đạo quần chúng, của các lãnh tụ và các trưởng soái.

Anh nghĩ đến ngày đó và thậm chí ghen với những người phụ nữ xinh đẹp, những người đàn ông quả cảm mà tình yêu của họ sẽ nở hoa dưới bầu trời của một đất nước sung sướng và tự do. Anh ghen và âm thầm kêu lên trong lòng mình như những người tù nhân kêu lên trong ngục tối: đừng quên chúng tôi, hãy nhớ những người hạnh phúc!

Vĩnh biệt em! Hãy tha lỗi cho anh vì một tình yêu trắc trở và những nỗi đau khổ không ngờ trước. Thư đề tên bà Avdotya Tikhonova em gửi về làng, Megra, huyện Belozersky, tỉnh Novgorod."

Bestuzhev không đọc lại bức thư, dán phong bì lại và viết lên "gửi Anna".

Sau đó chàng viết bức thư thứ hai gửi bà mẹ Tikhonov và để trên mặt bàn.

Mấy phút chàng ngồi tay bưng lấy mắt như muốn lắng nghe đêm đang trôi đi. Nó lướt đi buồn thảm và lặng lẽ trên mặt đất, trên biển cả và những hòn đảo phủ rừng rậm. Ánh sáng nhợt nhạt đã hé trên mặt cửa kính.

Bestuzhev đứng dậy, buộc dải băng đen vào tay phải, choàng chiếc áo mưa lên người và đi ra hành lang.

Anna vẫn ngủ. Trong sự tĩnh mịch ấm áp của gian phòng, chàng nghe rõ hơi thở của nàng.

Bestuzhev bước ra, khép cửa lại sau lưng, rón rén đi xuống thêm nhà. Xa xa tiếng gà gáy sáng. Những thân cây bạch dương đã thẳng lên trong bóng tối: bình minh lạnh lẽo và đơn điệu đang đến gần.

Bestuzhev thông thả đi ra khu rừng thông bên bờ vịnh.

...Traube và Lobov đến đầu tiên trên chiếc xe có con ngựa gầy chở nước kéo. Da con ngựa lốm đốm những vết lở và thỉnh thoảng nó lại rùng mình; khi các giám thị vừa ra khỏi xe, con ngựa còm đã ngủ thiếp liền.

Trời vừa rạng sáng. Trong không khí mờ mờ, rừng phủ băng lấp lánh như những tấm kính.

Lobov ngáp dài. Ông bác sĩ nhìn anh ngỡ ngác.

- Chà, - Lobov nói, - tôi muốn mất gì thì mất để được đủ cho sướng mắt. Trong buổi sáng như thế này mà được nằm trên giường nghe tiếng than cháy ù tách trong lò như tiếng đế kêu nhỉ ?

- Anh bao giờ cũng đùa không thích hợp với hoàn cảnh.

- Chà, bác Karl dịu dàng yêu quý của tôi, - Lobov trả lời nghiêm trang. - Phỏng khóc có ích gì cơ chứ? Cuộc đời là cái gì? "Còn sống thì sống đi, bình tĩnh rửa ra rồi chết".

Nghe tiếng lục cục đều đều. Con ngựa chở nước thức dậy, vừa tránh sang một bên, vừa hất tuyết vào mũi xe sơn bóng do những con ngựa tía của Kiselev phóng tới.

Kiselev nhẹ nhàng nhảy xuống xe, lạnh lùng nhìn các giám thị của Bestuzhev và chào họ. Sau y là người Thụy Điển cao kều,

nét mặt buồn tẻ, viên đại úy Kurochkin to béo lỗ mãng, một thằng cha ăn gian nói dối và nịnh bợ nổi tiếng trung đoàn cũng bước ra khỏi xe. Kurochkin lấy từ trong xe ra chiếc hộp đựng súng lục.

Bestuzhev đã đi bộ đến. Chàng đi thong thả, chân thụp xuống tuyết xốp, len lỏi giữa những thân cây đổ.

Những người giám thị dẫm chân lên tuyết thành một con đường nhỏ và đặt hai dấu thủ ở hai đầu. Họ không đề nghị giảng hòa: chắc là họ quên mất điều ấy. Người Thụy Điển đứng ở một bên, xoa xoa hai bàn tay cóng lạnh. Chỉ có mình Kurochkin loay hoay. Lobov chau mày nhìn những khẩu súng.

Bestuzhev tựa lưng vào thân một cây bạch dương non, chọn súng. Bàn tay trái không quen bắn nên cứng đờ như gỗ và chỗ khuỷu tay gấp lại cảm thấy đau mỗi.

Bestuzhev ngắm bắn. Kiselev cầu thả nâng súng lên bằng tay trái. Y vút tấm áo mưa xuống tuyết và nheo mắt lại.

Những con quạ kêu lên tuyệt vọng, bay khỏi cây bạch dương làm tuyết rắc xuống người Bestuzhev. Bestuzhev nhìn lên phía trên. Giữa lúc đó phát ra một tiếng nổ. Bestuzhev nhìn thấy luồng khói dài, ngửi thấy mùi thuốc súng - mùi khét làm tim chàng nôn nao, - chàng đánh rớt khẩu súng nằm xấp xuống con đường nhỏ vừa được dẫm lên.

Lobov vừa chạy vừa vấp về phía chàng, nâng vai chàng lên. Máu đỏ ra tuyết, tuyết tan ra thành thấy cái hố phễu trứng đỏ hồng.

Traube hấp tấp bước lại. Ông cúi xuống người Bestuzhev, lắc đầu, rồi đứng thẳng dậy.

- Sao thế bác sĩ. - Lobov hỏi.

- Bắn trúng tim.

Traube bắt đầu run run rút chiếc khăn tay to màu đỏ ra. Nước mắt chảy ra sau mặt kính xuống gò má cao của người thầy thuốc.

- Bắn lại cho hắn, - Kiselev nói.

- Gì nữa ? - Traube kêu lên giọng thanh mảnh, đôi má ông rung rung. - Có thể tôi nghe nhầm chăng?

Ông quay bộ mặt đầy đặn tái xanh và phía Kiselev. - Ông đừng hòng ra lệnh cho tôi. Ông không được nói gì nữa. Ông là kẻ giết người, người ta sẽ lột lon ông.

Kiselev quay đi, tiến lại mấy con ngựa.

- Phải, phải! - Traube còn quát với theo hắn. - Tôi sẽ xin giải ngũ. Tôi không phải là tên cai ngục, tên đồ tể!

Kiselev làm ra vẻ không nghe tiếng của người bác sĩ, ngồi luôn vào xe cùng Kurochkin và phóng ngựa.

Lobov, Traube và người Thụy Điển nâng Bestuzhev đã chết dậy, đặt vào xe trượt tuyết. Con ngựa kéo xe chở nước ngoài nhìn lại đằng sau, lắc đầu, rồi miễn cưỡng bước đi trên tuyết. Những người giám thị đi liền bên.

Con ngựa dừng lại luôn, người ta cứ phải lúc nó.

Bestuzhev được trở vào bệnh xá và đặt vào nhà xác, bên cạnh Semyon Tikhonov. Chừng một giờ sau, Anna chạy đến bệnh xá.

- Không đúng, anh ấy không chết được, - Nàng khăng khăng nói với bác sĩ và nhìn ông bằng đôi mắt trống rỗng. - Anh ấy sẽ tỉnh lại ngay bây giờ.

- Ôi, lạy chúa, lạy chúa tôi! - Ông bác sĩ lẩm bẩm, bước sang phòng bên và cứ đứng lì một chỗ bên chiếc tủ kính đựng thuốc.
- Biết làm thế nào bây giờ?

Ông rót mấy giọt linh đan ra cốc, hòa với nước nóng. Ông lóng ngóng khuấy nước hồi lâu và nghe ngóng. Ông sợ phải một mình ở bên Anna.

Anna im lặng rồi bỗng nhiên kêu lên. Traube cầm chiếc cốc bước sang nhà xác. Anna đang lắc vai Bestuzhev, sau đó nâng đầu chàng dậy áp vào ngực và nhìn người bác sĩ bằng đôi mắt ráo hoảnh trừng xuống.

- Các người đi đi! - Nàng khàn giọng nói. - Đi hết cả đi. Tôi chẳng cần gì nữa.

Traube đưa cho nàng cốc thuốc. Anna cầm lấy và ném nó vào góc phòng.

- Anna... - Traube nói và đầu ông rung lên. - Anna, cô ngồi khóc ở căn phòng này đã mấy giờ rồi. Trời đã tối. Tôi xin cô, van cô, hãy về nhà nghỉ vài giờ đi. Để tôi ngồi đây với anh ấy.

Anna đặt đầu Bestuzhev xuống chiếc gối nhồi rơm và đứng dậy.

- Trời đã tối rồi ư? - Nàng ngơ ngác hỏi. - Tối rồi thực. Nhưng cả ngày qua tối như đêm. Mấy giờ rồi?

- Hơn tám giờ rồi.

Anna mặc áo khoác, sửa lại chiếc khăn trên đầu và không nhìn lại đi ra cửa.

- Cháu sẽ quay lại đây, - nàng bảo Traube. - Bác sĩ đừng đi đâu cả. - Nàng nhanh nhẹn đi ra cửa và đi về phía biển.

Bên mấy hòn đá lớn mọc rêu vàng lốm chớm, một chiếc thuyền đen đã đứng đợi, chòng chành và đập vào vách đá. Người thủy thủ chìa tay cho Anna và giúp nàng bước xuống thuyền, sau đó chúi tay vào chiếc quần nhung cũ, bắt đầu chèo huyền.

Những lớp sóng xám ngát cuộn lên rồi lại hạ xuống trong bóng tối. Thỉnh thoảng chúng hắt cả nước vào mạn thuyền. Người thủy thủ lặng lẽ đưa chiếc thuyền về phía con tàu. Anna ngồi không nhúc nhích ở mũi thuyền, mắt chăm chăm nhìn vào con tàu nặng nề chìm xuống lại nổi lên trên mặt nước vẫn rập rờn ngẫu bọt.

Từ trên tàu, người ta ném xuống chiếc thang dây. Anna bắt lấy nó và lập cập trèo lên tàu. Không nói một lời nào.

Piner khẽ huýt sáo, tức khắc đám thủy thủ yên lặng treo mũi tàu bắt đầu quay dây tời. Từ mặt nước rút lên chuỗi dây xích buộc neo đã hoen rỉ. Những cánh buồm cuộn được lăn ra lạo xạo. Trên boong không một đốm lửa, không ai hút thuốc.

Anna đứng trên cầu chỉ huy bên cạnh Piner. Con tàu khẽ kêu cọt két. Nước vỗ vào thân nó và vỡ ra rào rào khắp bốn phía mờ mờ lấp lánh. Chiếc tàu buồm nghiêng sang thành bên phải và những ngọn lửa trong thành phố như thay đổi chỗ rồi tắt đi, khuất dần sau những mỏm đá.

- Ta đi thôi, - Piner nói và làm dấu thánh rất rộng.

Anna cau mày nhìn những ánh đèn của thành phố ở phía đuôi tàu và thỉnh thoảng lại giơ tay ra phía trước chỉ cho Piner hướng con tàu phải đi.

Trên những chiếc tàu Thụy Điển bên cạnh vẫn tối om và yên lặng như tờ, người ta cố ý tắt đèn. Chỉ có trên một chiếc tàu Piner thấy một bóng người dường như giơ chiếc mũ lên vẫy. Bóng người mau chóng hòa vào bóng đêm tăm tối.

Con tàu như lướt đi trong mơ. Mọi người đều im lặng. Chỉ có tiếng gió thổi vào buồm và tiếng sóng vô hình vỗ vào bờ. Đôi khi những mảng băng đập vào thành tàu bằng gỗ, nhưng dễ dàng bị đẩy lùi ra xa và chúng vụng về quay tròn ùng ục chìm xuống nước để rồi lại nổi lên ở sau đuôi tàu.

- Đi sát bờ hơn nữa, - Anna nói với Piner - Ngay đây rồi.

Piner huýt một tiếng dài. Những cánh buồm được hạ xuống, tàu trôi tại chỗ. Ở dưới thuyền, các thủy thủ lặn xuống nước theo pa-lăng chiếc xuống to nặng nề.

Vào nửa đêm, Lobov ăn mặc theo kiểu dã chiến đến bệnh xá. Anh gọi Traube tập hợp bọn lính gác lại đọc cho họ mệnh lệnh của trung đoàn trưởng về việc chuyển tù nhân về pháo đài Segby và bọn họ không được rời bệnh xá cho đến khi anh trở về. Bình sĩ lắng lặng tuân theo lời anh.

Lobov dẫn những người bị bắt đi, mau lẹ đưa họ qua các sân sau về phía rừng. Lúc đó mới có một người lính nói:

- Họ bay đi rồi, chỉ còn đó lại vết mờ thôi.

- Còn cậu, hãy giữ lấy cái mồm, - người lính già thấp bé ngắt lời anh ta. - Chúng ta là cấp dưới. Cậu cứ theo lệnh mà làm, còn mọi chuyện về họ đã có các sĩ quan xem xét.

Câu chuyện đến đây dứt quãng.

Lobov và những người tù lặng lẽ bước. Rừng trùm lên họ bóng tối và sự im lặng. Sau đó, trong đêm sâu ẩm ướt của rừng vọng lại tiếng sóng vỗ nặng nề và gió mặu đều đều thổi lùa qua các cành cây.

Lobov rẽ khỏi con đường đi thẳng ra bờ biển. Mùi băng hạt đang lan tỏa lại từ phía bờ. Trong bóng tối đen ngòm, mờ mờ

hiện lên thân hình đồ sộ im phăng phắc của con tàu sơn màu bạc.

- Mau lên! - Anna bảo Lobov, - Sóng nước xô tàu vào đá. Gấp lên, các bạn!

- Thế còn cô ? – Lobov ngạc nhiên hỏi. - Cô phải chạy đi cùng chúng tôi chứ!

- Không. - Anna lắc đầu. - Tôi không thể đi được.

- Nhưng vì sao cơ chứ ?

- Chẳng lẽ tôi phải giảng giải cho anh? - Anna nói với một nỗi chua xót khiến Lobov phải đỏ mặt lên trong bóng tối.

Anh nắm chặt tay Anna và không trả lời. Anna quay lại phía những người bị bắt. Người sĩ quan bước lên phía trước một bước.

- Chúng tôi sẽ không bao giờ quên sự giúp đỡ của cô, - ông nói. Hãy dừng cảm lên. Trong suy nghĩ ở mọi nơi, chúng tôi luôn ở bên cô. Có thể chúng ta còn gặp nhau và tôi sẽ có thể mang lại cho cô niềm an ủi nhỏ mọn.

Ông muốn hôn tay Anna, nhưng nàng đã kéo đầu ông lại phía mình và hôn lên vầng trán lạnh lẽo của ông. Vì sự giải thoát này nàng đã hiến dâng tất cả: hạnh phúc, tình yêu, hiến dâng cả cuộc sống. Giờ đây, ông là người ruột thịt duy nhất của nàng.

Gió xào xạt thổi vào cánh buồm. Các thủy thủ vội vã. Những người tù và Lobov bước xuống xuống. Con sóng đầu tiên đã đẩy nó ra khỏi bờ và chìm vào bóng tối.

Anna đứng trên bờ và chờ đợi. Thỉnh thoảng nàng lại nghe tiếng mái chèo khe khẽ. Gió thổi bay chiếc áo váy trên người Anna, làn da mặt lạnh ngắt. Nàng nhìn mãi vào bóng tối cho

đến khi con tàu lơ mờ như một ảo ảnh, từ từ lặn vào bóng tối. Lúc đó Anna mới rên rỉ, ôm lấy thân cây thông ẩm ướt, gục đầu vào đó. Chưa bao giờ nàng nghĩ rằng lại có sự cô đơn mênh mang, âm thầm đến thế, sự tuyệt vọng sâu xa đến thế.

Anna vừa vấp vừa lần bám vào các gốc cây đi về phía thành phố. Biển đêm âm ì phía sau lưng thật hững hờ và ảm đạm. Anna biết rằng trên đời không gì có thể mang lại niềm an ủi, rằng không ai hiểu được những giọt nước mắt của nàng, rằng giờ đây những sợi dây cuối cùng ràng buộc nàng với cuộc sống đang đứt đoạn.

Bestuzhev và Tikhonov được an táng vào lúc chiều tối ngày hôm sau.

Merck không cho phép đội nhạc chơi nhạc ở lễ tang. Chỉ có đội trống đi trước hàng quân cúi đầu và khua lên những hồi trống buồn bã. Đám lính khiêng trên vai hai chiếc quan tài bằng gỗ bào rồi. Một ông cố đạo già nghễnh ngãng lần bước ở phía trước. Ông ta không nghe thấy tiếng mình nên khi thì thầm lẩm bẩm những lời cầu nguyện, khi thì hét toáng cả lên.

Nhiều sĩ quan đi lẫn giữa hàng lính. Traube khóc hết nước mắt đi bên cạnh Anna, thỉnh thoảng lại nắm lấy khuỷu tay nàng. Mỗi lần như vậy nàng lại giật mình và nhìn lại. Nàng có cảm tưởng đám tang vẫn đứng yên một chỗ. Nàng vẫn chỉ nhìn thấy ngấn ấy thứ: bầu trời, mặt đất phủ tuyết, những chiếc đầu xám húi trọc của binh lính, những tấm áo khoác xám của họ và những bàn tay đỏ lựng giơ lên vành mũ.

Đội đồng ca buồn bã kéo dài những khúc hát không hiểu được của nhà thờ. Những chiếc quan tài rung rinh. Trên nắp quan tài của Bestuzhev đặt thanh kiếm của chàng, bên Tikhonov – chiếc mũ lính cũ kỹ.

Anna ngồi thụp xuống và nhìn thấy những đôi ủng nâu của những người lính đi phía trước. Nàng nhìn những người lính,

những tấm lưng của họ, những bàn tay cóng lạnh thân trọng để chiếc quan tài và nàng nghĩ rằng những bàn tay này gần như chạm vào thân mình Bestuzhev và gương mặt nhợt nhạt tư lự của chàng. Khi đó nàng bắt đầu khóc. Traube nắm lấy khuỷu tay của nàng, còn những người lính phía sau hỉ mũi, lấy tay áo chùi mũi và thì thầm với nhau.

Tiếng thầm thì của họ lọt vào tai Anna và nàng nghe thấy những lời an ủi vụng về và bất lực.

- Mũi tên hòn đạn thì chẳng tránh vào đâu được. - Những người lính nói. - Chết như chuẩn úy là nhẹ nhàng, chẳng phải đau khổ chút nào. Nỗi khổ nó như con nước: làm ngập tràn tất cả rồi lại rút đi.

Tại nghĩa trang, người ta mở nắp quan tài ra và ông cố đạo điếu vong cây thần trượng nói to lên những lời đáng sợ.

- Lại gần đây, cho phép hôn lần cuối cùng.

Anna bước lại gần quan tài, quỳ xuống. Bối rối nhìn quanh, hôn vào đôi môi lạnh lẽo của Bestuzhev. Bestuzhev buồn bã và chăm chú nhìn nàng từ dưới hàng mi sụp xuống. Nàng đặt đôi bàn tay nhỏ bé gầy guộc lên vai Bestuzhev và nhìn mãi khuôn mặt chàng.

Mọi người chờ đợi. Ông cố đạo cúi kính vong cây thần trượng và đàng hẵng. Traube nâng Anna dậy.

Những người lính lần lượt tiến đến bên quan tài. Họ kéo lại thắt lưng, sửa lại áo khoác, làm dấu thánh, hôn lên trán Bestuzhev và Tikhonov rồi lui ra. Có người quỳ xuống và cúi đầu sát đất, chào những người chết.

Tất cả những điều đó diễn ra trong sự im lặng như tờ. Chỉ có đất mới đào và đá dăm dồn lại bên mộ, lăn xuống lại xạo dưới gót ủng.

Nắp quan tài được đóng lại và ông cố đạo bắt đầu lắp bắp cầu nguyện "cho kẻ nô lệ của Chúa bị giết là Pavel và kẻ nô lệ mới lên châu trời là Semyon".

Đội đồng ca hát bài "ghi nhớ đời đời", những hàng lính màu xám quỳ xuống và thấy những tiếng nấc.

- Cuộc đời lính mới chưa chat làm sao! - Ai đó vừa khụt khịt, vừa nói sau lưng Anna.

Nàng quay lại. Hàng chục ngọn nến mỏng manh cháy và tỏa khói lên bầu trời xám xịt. Ai đó đưa cho Anna một ngọn nến. Ánh lửa rung mạnh như muốn bật khỏi ngọn nến, Anna kinh hãi lấy tay che gió.

- Nào ta về thôi! – Traube nắm lấy tay Anna. - Cô chẳng nên ở lại đây làm gì nữa.

Những người lính cầm thừng và xẽng lại gần quan tài.

Anna cam chịu bước đi. Nàng thận trọng cầm ngọn nến cháy và mỉm cười đau đớn. Traube lo lắng nhìn nàng và nghĩ thầm rằng một lý trí điềm tĩnh nhất cũng không thể chịu đựng nổi sự chấn động này.

- Cô mỉm cười gì thế? - Ông hỏi Anna.

- Sẽ chứ, - Anna trả lời và nhìn Traube bằng đôi mắt bình tĩnh.

Tuyết nghiêng nghiêng bắt đầu rơi xuống. Những bông tuyết lặng lẽ sà xuống đất. Anna nhìn chúng hồi lâu.

- Đấy, bác sĩ thấy không, tuyết cũng cố không làm ồn.

Khi những bông tuyết sà vào ngọn nến, ngọn lửa hồ lách tách. Anna tắt nến, quay gót và trở lại nghĩa trang.

Traube nhìn theo, vẫy tay và gù xuống, già hẳn đi, trở về bệnh xá.

Ghi chú

[1] Khởi nghĩa Tháng Chạp: Cuộc khởi nghĩa của các sĩ quan Nga chống lại Nga hoàng Nikolai I, diễn ra vào tháng 12, năm 1825.

[2] Pavel: Tên của Bestuzhev.

Phần II

Cuối năm 1916, trong thời gian chiến tranh chống Đức, hoa tiêu Alexander Shchedrin vừa tốt nghiệp trường trung cấp hàng hải, được cử đến hạm đội phóng ngư lôi ở đảo Aland.

Mùa đông năm ấy ảm áp. Ngoài Reval, biển đã hoàn toàn tan băng. Shchedrin đứng trên boong tàu nhìn lên bờ biển bóng tối phủ mờ hồi lâu. Mẹ anh còn lại đó, ở Reval. Bà đã đến Petrograd để tiễn con trai và tạm trú trong một khách sạn không sang trọng.

Cha Shchedrin, một bác sĩ hàng hải, đã mất từ lâu. Mẹ anh sống bằng tiền trợ cấp. Bà còn giúp đỡ các chị em, các bà cô, bà thím của Shchedrin và tiền trợ cấp không phải lúc nào cũng đủ. Chỉ riêng ở Petrograd đã có tới ba bà cô. Ngoài đó ra còn phải gửi cho một bà cô ở Vladivostok và một bà nữa ở Kiev.

Các bà cô đều là những bà gái già hoặc bà góa với một bầu con trên tay. Gia đình sống hòa thuận, các cô ở Petrograd dạy thêm môn nhạc và tiếng Pháp. Các bà lúc nào cũng vội vàng, lo lắng, chạy đến các lớp học và các thư viện, ngồi lì đi ở các buổi hòa nhạc, bao giờ cũng thương một ai đó, bao giờ cũng giúp đỡ người nào đó.

Hầu hết các bà cô đều là những người tốt bụng, tuy không xinh đẹp. Chính điều đó, theo lời mẹ Shchedrin, đã phá hại đời riêng của các bà. Một bà hát rất hay, có giọng của diễn viên ca kịch, nhưng không được lên sân khấu vì bị cận thị. Không có kính, bà không nhìn thấy gì và trở nên rất lúng túng như lột đứa con nít. Người như vậy thì lên sân khấu làm sao được!

Mặc dù không xinh đẹp, thời son trẻ, các bà đều có những mối tình sôi nổi. Nhân vật của những câu chuyện này đã rụng tóc từ lâu, đã có vợ con, ngồi trong nghị viện nay chỉ huy các trung

đoàn, tuy vậy mỗi lần các bà ngẫu nhiên gặp các ông ở ngoài phố vẫn đỏ bừng mặt lên như các cô nữ sinh, sau đó chạy về chỗ mẹ Shchedrin đóng chặt cửa buồng, rồi khóc thút thít mãi trong đó.

- Vì lẽ gì mà trời ban thưởng cho ta những mụn ngố này vậy! - Mẹ Shchedrin bực mình la lên ở ngoài cửa.

Nhưng Shchedrin biết mẹ chỉ vờ vĩnh thế thôi.

Mấy chị em không thể sống thiếu nhau. Mẹ Shchedrin được coi như người an ủi chung của mọi người, bà hiền hậu, biết suy xét và tự coi mình là một con người cách mạng.

Các bà cô cũng hay đồng bóng. Vừa khóc lóc xong chừng độ một giờ đồng hồ, vào giữa bữa ăn trưa, các bà đã phần nộ nói về viên bộ trưởng bộ giáo dục dân tộc Kasso.

Như nhiều gia đình khác, nhà Shchedrin có truyền thống gia tộc riêng. Khi Alexander mới lớn lên, mẹ đã kể cho anh là ông nội anh, Nikolai Shchedrin, đã tham gia cuộc khởi nghĩa của những chiến sĩ tháng Chạp, bị thương vào tay và đã bỏ trốn ra nước ngoài. Cùng với một thủy thủ thuộc đội tàu cận vệ, ông đã chạy về Abo và từ đó theo mặt biển đóng băng ở vịnh Bothnia vượt sang Thụy Điển. Ở đảo Aland ông đã bị bắt, nhưng sau đó đã chạy thoát sang Stockholm nhờ một chiếc tàu buồm Pháp.

Cũng ngay lúc đó, bà mẹ lấy từ trong hòm ra cho Shchedrin xem bức tranh màu một sĩ quan trẻ tuổi. Người sĩ quan nhợt nhạt đứng ở một gian phòng trống không, tay chống lên đuôi kiếm, mặc quân phục đen. Phía sau, sau lớp cửa kính là những đám mây trắng và những thửa vườn bao phủ một lớp khói xám mờ, không hiểu vì sao bức ảnh tạo nên một cảm giác đơn độc.

Shchedrin không tin lắm những truyền thuyết gia tộc. Đối với các bà cô có vẻ hoan hỉ, anh tỏ ra độ lượng, thậm chí giấu cợt nữa.

Các cô gọi Alexander Shchedrin là con một sách vô tích sự, rất bực dọc vì thằng cháu quá ham mê các sách giáo khoa, ngồi thâu đêm vẽ bản đồ địa dư, lẽ ra phải đọc Turgenev hay ngâm thơ của Fet mới phải.

Khi Shchedrin nhận được lệnh cử đến đảo Aland và cùng mẹ rời Petrograd đi Reval, các bà cô đã ra cả ga Baltic để tiễn.

Các sĩ quan hải quân đi cùng toa với Shchedrin mĩa mai nhìn cả một bầy các bà cô lú lú chung quanh Shchedrin. Các bà làm dấu phép, căn dặn anh đủ điều và hồi hộp đánh rơi cả kính và túi xách. Shchedrin đỏ mặt, sốt ruột chờ hồi chuông thứ ba.

Nhưng khi tàu chuyển bánh, anh bực với chính mình, bực là đã xấu hổ vì các cô trước mặt các sĩ quan, và suốt dọc đường anh lạnh ngắt.

Ở Reval, trong gian phòng khách sạn chật hẹp, không khí có vẻ mờ đục đi giữa bốn bề che rèm cửa nhung và mặt sàn trải thảm. Mẹ Shchedrin ngồi trên đi-văng nói với anh:

- Sasha^[1], con thân yêu, đến đảo Aland con thử cố tìm những vết tích của ông Nikolai. Dù sao cũng thú vị lắm chứ con?

- Thưa mẹ, vâng.

Trước đó, bà mẹ cứ khóc mãi và Shchedrin mừng là mẹ đã khuây bớt những ý nghĩ về chiến tranh và nhớ tới ông nội.

Ở Reval trong thời chiến cấm các nhà không được thắp đèn nến mà rèm cửa chưa được che kín. Họ ngồi trong bóng tối và thành phố cổ ở ngoài cửa sổ chìm trong bóng tối tĩnh mịch. Những ngôi sao xanh lập lòe trên cao, từ ngoài phố vọng lại tiếng bánh xe lăn khe khẽ.

- Chưa bao giờ mẹ nghĩ trước là sẽ ngồi với con ở một khách sạn Reval, - mẹ anh nói - Và tiễn con ra mặt trận. Tất cả những

điều đó sẽ kết thúc ra sao hở Sasha? - Bà mẹ buồn bã thở dài.

Có tiếng gõ cửa. Người hầu phòng đầu hói giống như một viên mật thám bước vào. Y liếc nhanh căn phòng và bảo rằng theo truyền thống nhiều năm, chủ khách sạn có tổ chức lễ cây thông cho các khách xa nhà. Chủ nhân mời mọi người xuống phòng lớn, nơi cây thông đã được lắp đèn sáng và các khách trọ có thể nhận được quà tặng.

Shchedrin cùng mẹ xuống phòng lớn. Ánh sáng vàng rực của những cây nến nhiều màu đã tỏa rộng khắp phòng. Các cửa sổ đều bị kín.

Cây thông được trang trí rất nhiều quả cầu kính, các dây xích bằng giấy mài, cờ của các nước đồng minh, các quả bồ đào vàng chói đến nỗi chẳng trông thấy lá của nó đâu cả. Những chiếc bàn tròn nhỏ được kê chung quanh cây thông. Các sĩ quan hải quân cùng với những phụ nữ mặc trang phục vũ hội ngồi sau đó.

Chiếc áo váy màu đen cũ kỹ của mẹ Shchedrin nói lên như một mụn vá giữa những nhung lụa chói lòa và ánh sáng rực rỡ. Bà mẹ ngượng ngịu. Họ ngồi ở bên mép chiếc bàn con kê ở một góc nhà và chờ mãi người hầu bàn mới đến gần và đặt lên bàn bản thực đơn dài dặc.

- Để mẹ chọn cho, - bà mẹ rụt rè nói, cầm lấy tờ bìa cứng. Tiên thì chẳng có nhiều và bà sợ rằng con trai muốn làm vui lòng bà lại đặt một món gì đắt quá.

Người hầu không đợi mà đi luôn sang bàn bên. Ở đó có một viên thuyền trưởng hạng nhất, người phương phi để râu đen đang ngồi. Y có đôi mắt đen và trố ra. Y đảo mắt khắp nơi, cả người hầu bàn, cả Shchedrin, cả bồ của mình - một người đàn bà to béo tóc hung, phấn son lòe loẹt trong bộ áo váy tím nhạt với vẻ khinh miệt như nhau.

Bà mẹ chỉ đặt nước chè và bánh ngọt. Người bồi mãi cũng không mang ra. Ngồi đợi sau mặt bàn trống trải thật nặng nề và vì sao đó thấy rất xấu hổ, như ngồi trên ghế bị cáo.

Một chuẩn úy hải quân trẻ ngồi vào bên chiếc đàn piano, đập tay lên phím đàn và hát:

Em ơi, mùa xuân đừng vội hái hoa hồng,

Mùa hè em ngắt cũng vừa, em ơi!

Chuẩn úy ngậm chặt điệu thuốc lá một bên mép, nhìn mặt lại có vẻ bất cần, rồi xuống giọng ngọt ngào. Lúc đó từ sau một chiếc bàn đặt ở xa một giọng nói cục cằn vang lên:

- Thay mặt các sĩ quan, tôi nghĩ là ông nên trước hết chơi bài quốc ca đã, sau rồi mới đến những bông hồng của ông.

Chuẩn úy độ lượng mỉm cười, thôi hát, đứng dậy và hơi cúi người xuống mặt đàn chơi bài quốc ca. Mọi người đứng dậy. Những tay hầu bàn cũng đứng sững lại với những chiếc khay trên tay.

Mẹ Shchedrin hấp tấp đứng dậy, chiếc ví xách tay bật nắp và chiếc mùi xoa nhàu nát rơi xuống sàn. Nó vẫn còn chưa khô nước mắt.

Khi mọi người ngồi xuống. Cánh phụ nữ rút ra khỏi ví những chiếc gương nhỏ và những hộp phấn, rồi vừa cười đùa, tán gẫu, vừa xoa lại phấn, tô lại môi, tuồng như bài quốc ca đã làm mất đi vẻ quyến rũ của các bà trong đôi mắt của cánh đàn ông.

Viên thuyền trưởng mắt trố gọi người hầu bàn lại gần, lấy ngón tay ngón cộc chỉ về phía bàn Shchedrin bảo:

- Dọn cái thứ kia đi.

Người hầu bàn không hiểu, khúm núm nhìn về mặt rẽ rúng của viên thuyền trưởng.

- Ngài ra lệnh gì ạ ? - Anh ta cúi khom xuống hỏi.

- Dưới bàn kia có miếng rẽ rách? - Viên thuyền trưởng bực dọc nói và đỏ mặt lên.

Người đàn bà mặt áo váy tím nhạt chớp chớp mắt. Người hầu bàn lại giần, nhặt chiếc khăn mùi xoa nhàu nát, đặt lên bàn bên cạnh mẹ Shchedrin.

- Bà đánh rơi, - anh ta nói khẽ và giật lùi bước lại.

Shchedrin nhìn viên thuyền trưởng, tay anh lạnh đi, mặt xám lại vì căm tức.

- Sasha, bình tĩnh con! - Bà mẹ nói. - Hãy bình tĩnh, hãy bình tĩnh vì Chúa!

Viên thuyền trưởng ăn hau háu, không thèm để ý chút nào tới Shchedrin. Y nhai chóp chép và bộ râu đen của y lò xoà trên tấm khăn ăn màu xanh cứng queo buộc ngoài chiếc cổ áo hồ bột.

- Ta đi khỏi đây thôi... Shchedrin nói. - Ta chả có việc gì làm ở đây giữa bọn...

Bà mẹ khẽ lắc đầu vì lo sợ cho con.

Shchedrin ngừng lời. Họ đi ra ngoài. Ở cầu thang Shchedrin mới nói hết câu nói bỏ dở.

- Ta không có việc gì làm giữa bọn súc sinh này. Bọn máu xanh da trắng! Bọn này bị nhấn chìm ở Kronstadt năm 1905 còn ít quá.

Bà mẹ nhìn Shchedrin phẩy tay.

*

* *

Hạm đội phóng lôi đặt cơ sở ở thị trấn Mariehamn tại một hòn đảo thuộc quần đảo Aland.

Shchedrin được cử về tàu phóng lôi "Dũng Cảm". "Dũng cảm" làm nhiệm vụ tuần tra men bờ biển, dò tìm các tàu ngầm của Đức và ít khi trở về Mariehamn.

Hết tháng này sang tháng khác, lênh đênh trên mặt nước màu xám hoang vu của Baltic. Ngày và đêm nước lạnh sôi sục bên mạn tàu bằng thép, các máy tuốc-bin nổ đều và các quan trắc viên căng mắt nhìn đến tận chân trời, để khỏi bỏ qua một làn khói hay ống kính tiềm vọng của tàu ngầm. Các sĩ quan chơi bài trong phòng giải trí. Khó mà tin được chung quanh đang diễn ra chiến tranh và mặt nước mờ đục đầy rẫy những hiểm họa. Các thủy thủ vẫn than phiền rằng cuộc sống buồn tẻ nhất trong hải quân tất nhiên là trên các tàu tuần tra.

- Tìm, tìm mãi, như tìm chiếc kim dưới đáy biển - các thủy thủ vẫn nói với nhau như vậy.

Trong những ngày cuối tháng hai, "Dũng Cảm" đi về phía vùng biển Thụy Điển. Từ sáng tuyết rơi, rồi đến mưa đá và mưa rào. Gió giật thốc vào mũi tàu rồi khi thì quất vào lưng, vào mặt, khi thì bên phải, bên trái.

Những đám mây đen bù xù, sừng nước, lưới đi là là trên mặt biển, khiến ngọn những con sóng tưởng chừng chồm lên đến tận mây. Tất cả đều chìm vào một màu xám tưởng chừng như một bóng đen khổng lồ trùm lên mặt biển, mặt trời đi sang những xứ sở may mắn khác, chỉ còn gởi lại Baltic ánh sáng đang tắt dần của mình.

- Chẳng ra ngày, cũng chẳng ra đêm, chẳng biết đâu mà lần! - Những người trực tàu phàn nàn. - Làm việc thật khổ sở.

Thời gian rảnh rỗi, Shchedrin đọc nhiều. Đầu tiên các sĩ quan vào phòng anh mượn sách, nhưng rồi bỏ đi dần. Cách chọn sách của anh theo ý họ là tẻ nhạt. Shchedrin có nhiều nhất là sách khoa học. Trong khi đó các sĩ quan thích các loại tiểu thuyết giải trí.

Ngoài sĩ quan, còn có anh thợ lái tàu Marchenko đôi khi vào mượn sách. Anh vốn là một thủy thủ của ngành thương mại hàng hải, người Hắc Hải, dáng vóc vụng về, hơi gù, mắt lúc nào cũng nheo lại. Dù rơi vào hoàn cảnh nào của cuộc đời, anh cũng vẫn thản nhiên. Câu nói anh thích nhất là: "Cái trò ở quán rượu ấy mà!" - Anh thường thốt lên như vậy mỗi khi nhận thấy một việc gì vô lý, khó hiểu.

Vào một ngày u ám, vừa xong phiên trực, Shchedrin nằm trong buồng riêng và đọc cuốn sách về sự chuyển động của các lục địa. Lý thuyết này hồi đó ít được biết đến và nó đơn giản đến mức đáng ngạc nhiên. Shchedrin đặc biệt ngạc nhiên vì nó dễ chứng minh bằng mắt. Anh lấy một tấm bản đồ trái đất loại vừa, lấy kéo cắt châu Mỹ, châu Âu, châu Phi rời ra, rồi đẩy những mảnh giấy ấy lại gần nhau, anh thấy đường viền của những châu lục này khớp vào nhau như rìa của một miếng giấy bị xé ra làm nhiều mảnh.

Vì niềm say mê khoa học, chuẩn úy trẻ có đôi mắt vui vẻ là Ackerman đã gọi Shchedrin là «Charles Darwin», còn tàu phóng lôi được gọi là «Beagle dũng cảm».

Theo phong tục cổ truyền của ngành hàng hải, tất cả các nhân viên trên tàu phóng lôi cũng như các sĩ quan đều có biệt hiệu riêng.

Chỉ huy ngư hạm người đầy lông lá được gọi là «Con sư tử trên mặt boong». Sĩ quan trưởng tàu «Dũng Cảm» Viktor Popov,

người thấp bé, được gọi là «Vitya nửa người». Khi «Vitya nửa người» đứng trên cầu chỉ huy thì trên tay vịn chỉ còn ló lên cái đầu của anh ta mang mũ mưa bằng vải sơn. Tàu phóng lôi «Thắng Tiến» vẫn đi kèm với «Dũng Cảm» được gọi là «cái nổi hơi ạch» vì bao giờ nó cũng thụt lại sau.

Ackerman là người đọc nhiều, có trí nhớ kỳ lạ, hay đùa vui và thích bắt chước giọng trong các tiểu thuyết mạo hiểm.

Shchedrin đang nằm đọc bỗng vội búa lấy thành giường, tàu phóng lôi rung mạnh. Nó quật mạnh để đổi hướng. Cuốn sách rơi xuống sàn.

Shchedrin ngồi lên giường và giật mình: tiếng chuông báo lệnh chiến đấu khua vang trên khắp ngư hạm. Tiếng người chạy trên sàn tàu lát tôn thành thịch trên đầu.

Shchedrin lúng túng trong đôi tay áo, vừa mặc vừa chạy lên boong. Trên cầu thang anh chạm trán với Ackerman.

- Có chuyện gì vậy ? - Shchedrin hỏi.

- Chiếc tàu nhỏ bé quả cảm của chúng ta lao vào chiến hạm của địch đấy. - Ackerman trả lời.

- Anh chỉ hay đùa! Shchedrin gạt đi, tiếp tục chạy.

- Toàn đội lạng người bên tháp pháo, *sẵn sàng chiến thắng hay là chết!*^[2] - Ackerman nói với theo.

- Phát rồ lên rồi - Shchedrin còn kịp kêu lên.

Ackerman nhanh nhẹn chạy xuống thang về vị trí của mình, giơ nắm tay ra với Shchedrin.

Câu chuyện xảy ra như sau:

Gần bờ biển Thụy Điển, trên cầu chỉ huy phát hiện ra ở đường chân trời có chiến hạm địch. Nó chạy theo hướng Đông-Nam và kéo theo một con tàu nhỏ. Lúc đầu, trong bóng hoàng hôn, người ta tưởng nó đang kéo theo một tàu phóng lôi, nhưng khi Shchedrin ra mặt boong «Dũng Cảm» đang chạy hết tốc lực từ Tây xuống Nam, tiếp cận với chiếc tuần dương hạm thì nhận ra là một tàu ngầm.

Mưa đá quất vào mặt. Vùng trời phía đông tối hơn phía Tây. Đó chính là lợi thế của «Dũng Cảm». Từ phía tuần dương hạm không nhìn thấy chiếc tàu phóng lôi - nom nó trông như một đám khói hòa với sương mờ trôi nổi trên lớp sóng bạc đầu và bọt nước. Còn chiếc tuần dương hạm thì hiện lên đen xì trên nền trời tối, sừng sững những tầng ống khói và những tháp pháo.

– Lúc này trên tuần dương hạm phải hết như ở quán nhậu - Marchenko đứng bên cạnh Shchedrin nói. - Nó vướng phải cái đuôi dài thế kia thì đánh chác gì. Bây giờ bọn Đức sẽ cắt dây nối và bỏ chiếc tàu ngầm kia đi. Chắc chắn là như thế!

Chiếc tàu địch mỗi lúc một đen hơn, gần hơn. Nó không tăng tốc độ mà cứ lảng lảng một cách dữ dội. Trong sự bình tĩnh và yên lặng của chiếc tuần dương hạm, Shchedrin cảm thấy một đòn long trời lở đất sắp nổ ra.

Boong tàu phóng lôi rung lên. Những con sóng như đang đứng lên. Những người đứng trên cầu chỉ huy và bên tháp pháo đều được buộc lưng vào thang vịn đằng sau.

Trên tuần dương hạm bùng lên bốn quả cầu lửa đỏ rực và tiếng âm nặng nề lan ra khắp mặt biển xa. Những viên đạn rơi xuống sau đuôi tàu «Dũng Cảm».

«Dũng Cảm» quay sườn ra phóng một quả mìn. Nhưng không nổ. Chiếc tuần dương hạm đã cắt dây kéo, bỏ mặc chiếc tàu ngầm, vừa nổ súng vừa rút lui thanh về phía nam. Một viên trái phá rơi vào mạn phải của tàu «Dũng Cảm» ở gần mũi. Cả một cột

nước trút lên boong. Cả người Shchedrin ướt sũng. Tiếng người kêu í ới ở mũi tàu. Chỉ huy phái Shchedrin tới đó.

- Chuẩn úy Ackerman bị thương, - ông ta nói. - Hãy thay thế anh ấy.

Shchedrin chạy ra mũi tàu. Máy thủy thủ đang vực Ackerman dậy. Chân anh bị dập. Anh còn kịp nói với Shchedrin:

- Mạn tàu bị xây sát chút ít, không đáng kể. - Anh cười khẩy và nói thêm. - Dù máu tuôn, anh vẫn ra lệnh cho các thủy thủ...

Ackerman muốn đùa vui gì nữa, nhưng kêu lên, rồi rên rĩ. Các thủy thủ khom người xuống vúi vào tay vào thang đưa anh xuống phòng giải trí.

«Dũng Cảm» chuyển làn pháo vào chiếc tàu ngầm.

Các chiến sĩ làm việc hối hả và lặng lẽ bên tháp pháo. Chiếc tàu nặng nề rung rinh trên mặt nước như một con hải cẩu và không trả lời. Trong bóng chiều sẫm dần, không còn nhìn thấy rõ nó nữa.

Mưa đá lộp độp rơi xuống mặt boong và bật ra khỏi những tay vịn. Biển ngầu đục âm âm đồ về phía đông qua hai bên mạn tàu.

Một quả đạn nổ ở gần cầu chỉ huy chiếc tàu ngầm, nhưng nó yên lặng. Sự yên lặng đầy dữ dội và nguy hiểm.

- Tàu không rồi. - Marchenko nói với Shchedrin. - Ta bắn phí đạn vô ích, Đánh vào chỗ chết rồi.

Shchedrin không tin, chẳng lẽ nào bọn Đức kéo theo một chiếc tàu trên không có một người nào!

- Pháo bắn vô ích. - Chỉ huy tàu «Dũng Cảm» Rosen ra lệnh ngừng bắn. Tuyết bám vào mặt, rắc cả vào mắt, gió cuốn chúng

thành những cơn lốc xám chung quanh các ống khói to của con tàu phóng lôi.

Mặt boong dường như được quét một lớp mực tàu đen. Đêm đã chiếm lĩnh mặt biển và con tàu, thậm chí cả các căn phòng chấn song sắt đã vặn chặt lại và các ngọn đèn được thắp sáng, một phần tư công suất.

«Dũng Cảm» bật đèn pha và từ từ lượn quanh chiếc tàu ngầm.

Shchedrin đi xuống phòng giải trí thăm Ackerman. Trong phòng lạnh lẽo, bốc lên mùi thuốc. Con tàu rung mạnh và mỗi lần lắc lư Ackerman lại rên mạnh hơn.

- Tại sao ta cứ loay hoay mãi ở đây mà không về Mariehamn? - vẫn không mở mắt, anh hỏi Shchedrin.

- Chỉ huy quyết định không rời chiếc tàu ngầm. Nó yên lặng. Có quỷ biết nó là cái gì! Buổi sáng ta mới đến gần được nó.

- Có nghĩa là người ta sẽ cưa chân tớ, Ackerman nói. - Nó đang nóng bừng, chỉ vì một mảnh sắt tấm hơi độc của một con quỷ quái ác nào đó. Anh chàng y sĩ thì lại chả biết gì.

Ackerman phẩy tay để Shchedrin bước ra.

Shchedrin đến chỗ Rosen. Shchedrin cũng đang run cả người, hai bả vai đau ê ẩm, khó thở.

Rosen đứng trên cầu chỉ huy với Vitya «nửa người». Rosen là một người gầy guộc và ít nói. Ông ta để tóc mái và lúc này chúng đang xòa ra dưới hai bên lưỡi trai như những cái tai nhỏ của con thú ác và ranh mãnh.

- Karl Ignatevich, - Shchedrin nói thật to để át tiếng gió gào trong tai, - tình trạng chuẩn ủy Ackerman là rất xấu. Đôi chân bắt đầu bị viêm.

- Ừ... ừ... - Vitya hồn hậu thở dài. Anh ấy đành phải chịu một lúc thôi.

- Có thể kéo con tàu về Mariehamn ngay bây giờ không? - Shchedrin hỏi.

Rosen quay về phía Vitya «nửa người» nhún vai.

- Thế đấy, - ông ta nói - Đã bao lần tôi yêu cầu các ông tướng ngủ ở bộ tham mưu rồi, Viktor Petrovich ạ, là họ đừng có cử về tàu phóng lôi của tôi những anh chàng quan tâm đến khoa học! Ông ta quay về phía Shchedrin đút tay vào túi áo và quát lên bằng cái giọng khàn khàn. - Đây là tàu quân sự, chứ không phải tàu thực tập của sinh viên. Cậu đừng có chỉ dẫn cho mình.

Shchedrin phẩy tay đi xuống cầu thang.

Đêm trôi đi rất chậm. Tưởng chừng buổi sáng không bao giờ có thể chọc thủng những đám mây dày đặc, vượt qua ẩm ướt, bóng tối và tuyết.

Gần sáng, «Dũng Cảm» bắt đầu đến gần chiếc tàu ngầm và bắn một loạt đạn cảnh cáo. Con tàu yên lặng.

Phải vất vả hạ chiếc xuống xuống đưa người sang tàu móc dây kéo.

Trong số những người được cử đi có cả Shchedrin và Marchenko.

Điều mà Shchedrin nhìn thấy quả là một giấc mơ kinh khủng. Hầm tàu mở ngổ. Trong buồng thuyền trưởng, một thủy thủ Đức ngồi gục trên sàn. Anh ta ngủ nhưng không sao đánh thức dậy được. Cạnh anh ta nằm vật một xác người, có lẽ là sĩ quan chỉ huy tàu.

Từ trong hầm bốc ra mùi xác người thum thum và mùi khí clo. Vitya «nửa người», Shchedrin và Marchenko xuống dưới tàu. Dưới đó tối và phải soi đèn pin.

Cả đội thủy thủ trên tàu đã chết. Người nằm nguyên vẹn trên các giường treo. Trên nét mặt họ lộ rõ sự mệt mỏi và yên tĩnh. Hai thủy thủ chết người co quắp bên những bình dưỡng khí đang mở.

Con tàu chòng chành và cùng với nó những cánh tay thông xuống từ trên giường và những cái đầu cũng lắc lư theo.

- Thế đó, - Marchenko nói, - chiến tranh có thể có dạng thư thế đó, không một giọt máu.

Những lời của anh dội vào đầu mỗi người một nỗi nhức nhối đến mù mịt.

- Họ bị chết ngạt trong giấc ngủ, - sĩ quan trưởng nói. - Chắc là ban đêm con tàu lặn xuống để đoàn thủy thủ nghỉ ngơi. Hai thủy thủ được cử ra trông máy dưỡng khí, đã xả ra một lần chút ít dưỡng khí dùng cho cả đêm. Các thủy thủ này mở máy nhưng không kịp đóng lại, oxygen làm họ bị say. Các anh không thể tưởng tượng được giấc ngủ ở tàu ngầm nặng nề thế nào.

Shchedrin và các thủy thủ im lặng nghe.

- Tôi có thể tưởng tượng được họ đã mê lịm đi như thế nào, - người sĩ quan chỉ huy nói. - Đầu tiên oxygen tràn ngập cả con tàu, sau đó khí carbonic cũng nhanh chóng như oxygen bắt đầu tích lại trong tàu và làm chết ngạt tất cả.

- Viktor Petrovich, - Shchedrin hỏi và nuốt nước bọt, trong miệng anh thấy đắng như tanh đồng. - Nếu vậy sao họ còn cho được con tàu nổi lên và phát tín hiệu radio cầu cứu được? Điều đó tôi không hiểu.

- Tôi cũng không hiểu được, anh bạn ạ, - người sĩ quan chỉ huy trả lời rồi rồi đèn pin lên những thủy thủ đã chết. - Chắc rằng hai ba người đã tỉnh lại được. Họ kịp tháo không khí trong các bình nén ra và bơi lên kêu cứu. Nhưng điều đó có thể nói là trong cơn giãy chết thôi. Thôi, ta đi lên!

- Tự tìm cho mình một chiếc quan tài thép. - Marchenko vừa bước lên cầu thang vừa nói.

Trên boong tàu ngầm, Shchedrin lại bị một lớp sóng xô trút lên và anh bắt đầu run lẩy bẩy, khó lắm mới trả lời được các câu hỏi của người sĩ quan. Vitya «nửa người» chăm chú nhìn Shchedrin.

- Anh trở về tàu phóng lôi đi, - ông ta nói. - Ở đây chỉ cần ba thủy thủ là đủ rồi.

- Không, tôi có làm sao đâu, - Shchedrin trả lời và cố mỉm cười, nhưng chẳng cười ra được. - Mỗi tội là tôi ướt hết cả.

Vitya «nửa người», thở dài và quay đi. Người là nâng tay thủy thủ Đức lên, đưa xuống xuống. Anh tự chớp chớp môi, nhưng không tỉnh lại được.

Chiếc xuống chạy về phía «Dũng Cảm». Nó nhả khói, vật vờ trên sóng, tuồng như đang lắc đầu trách móc.

Shchedrin ngồi bó gối trong góc xuống và những ý nghĩ ngán ngủ rồi lên trong óc anh. Nếu mẹ anh đã biết được chuyện này! Như ng thậm chí khó mà kể lại được cho bà những gì anh đã thấy. Nói chung không thể kể cho ai nghe về điều ấy cả.

- Tự họ đi chơi với quý đó - Anh nói thành tiếng.

Nhưng không ai để ý đến lời nói của anh. Các thủy thủ chèo xuống, Vitya «nửa người» cổ áo bẻ cao ngồi yên lặng, trông ông

chẳng có vẻ sĩ quan tí nào, nhỏ bé với chòm râu nâu ướn át, mặt sưng húp, ông giống như một bác sĩ tỉnh lẻ thì đúng hơn.

"Nhưng chính mình cũng tự đến với quỷ", - Shchedrin nghĩ và bắt đầu nhớ lại anh đã bước vào cuộc chiến tranh như thế nào. Không, tất nhiên không phải tự anh đã ra đi, mà bị bắt buộc. Vậy là có một người nào đó có quyền lực với cuộc đời của anh, tình yêu của anh với mẹ, và số phận của anh nữa.

"Nhưng ai vậy? Ai? - Shchedrin tự hỏi. - Nga hoàng chăng?" - Trong gia đình anh vẫn luôn cười nhạo Nga hoàng và coi y là tên đàn độn, là anh lính tẩy say rượu.

"Về Mariehamn mình sẽ suy nghĩ cho ra lẽ", Shchedrin tự nhủ. Lúc này chẳng muốn suy nghĩ. Lúc này chỉ muốn cởi bỏ bộ quần áo, nằm lên giường, chum chấn kín đầu, dõi theo những giấc mơ mong manh và luôn đứt đoạn như những sợi tơ nhện.

Nhưng dù sao một con người khiêm nhường như Vitya «nửa người», với cả một bầy con dại, người ta lại đặt vào tay một công cụ bằng sắt thép để cắt xẻ, băm vụn và nghiền nát cơ thể con người làm gì.

"Có một sai lầm nào đó trong tiềm thức của chúng ta rồi" - Shchedrin nghĩ. Anh nhớ lại người thầy phụ đạo của mình, anh sinh viên Raikovich. Con người luôn đói bụng và giữu cột này chỉ một lần nói đến chiến tranh, khi Shchedrin và học trường hàng hải.

- Tôi chỉ thừa nhận có một cuộc chiến tranh. - Anh nói, - Nó là cần thiết và thậm chí đang mong muốn nữa. Tôi muốn nói đến cuộc chiến tranh chống lại nguồn gốc mọi cuộc chiến tranh trên thế giới, không phải cuộc chiến tranh giữa các dân tộc mà giữa những người muốn sống trong hòa bình và những kẻ sống nhờ bằng chiến tranh.

Chiếc xuồng đã đến bên «Dũng Cảm». Từ mũi tàu, chiếc thang dây được ném xuống, Shchedrin vắt vả leo lên, Vitya «nửa người» cũng lập cập leo lên trước anh. Tà áo khoác ướm át của ông ta quệt cả vào mặt Shchedrin.

Shchedrin nhận thấy các thủy thủ và cả vài sĩ quan sau trận chiến đầu mất đi hẳn vẻ hào hùng của con nhà binh. Họ đều tư lự, đi lại gằn như gù người xuống, trong mắt cùng một nỗi lo âu như Shchedrin - nỗi lo âu khơi dậy bởi trận đánh và những ý nghĩ chưa được đào sâu đến nơi đến chốn.

«Dũng Cảm» bơi chậm rãi, thỉnh thoảng lại hãm bớt máy cho dây kéo khỏi bị đứt vì căng quá, đi dần về Mariehamn.

Thời tiết thay đổi. Gió đã lặng đi. Giữa trưa ánh nắng rụt rè xuyên qua đám mây. Lá cờ trên «Dũng Cảm» rủ xuống.

Shchedrin nằm trong buồng, rên rỉ vì xương cốt đau nhừ, anh nhăn nhó và ho luôn. Thỉnh thoảng anh lại thiếp đi. Người y sĩ trên tàu đánh thức anh. Ông ta mang đến cho Shchedrin nước trà và những viên thuốc đắng ngắt. Shchedrin ngoan ngoãn uống thuốc và lại thiếp đi.

Anh mơ thấy đang đêm anh ngã xuống nước lạnh. Nước rào rào hắt vào từ cơ thể nóng rẫy của anh. Qua bụi tuyết, anh thấy những quả pháo nối đuôi nhau của «Dũng Cảm» phóng tít lên trời cao, rồi rơi xuống những cơn sóng chồm lên, bay lên, rơi xuống, mờ đi tàn lụi trong chân trời đêm tối đen như những ngôi sao.

Shchedrin gọi mẹ trong mơ. Anh trở mình đập rơi chăn. Mặt anh sùng húp với mớ tóc rối bởi nom giống như mặt một cậu bé bị ốm.

Thời gian đó Shchedrin vừa tròn hai mươi tuổi.

Đến Mariehamn, Shchedrin và Ackerman được đưa đến vào bệnh xá, Shchedrin bị sưng phổi.

Bệnh xá đã cổ lắm rồi, được xây dựng từ đầu thế kỷ thứ mười chín. Suốt gần cả một trăm năm, cho tới cuộc chiến tranh chống Đức nó vẫn bỏ không. Dân chúng trên đảo Aland khỏe mạnh, ai cũng hồng hào và rất ít khi ốm đau.

Sàn đá phòng bệnh lạnh và âm vang - tiếng chân bác sĩ vọng lại từ xa. Shchedrin và Ackerman nằm lim dim nghe tiếng lửa cháy tí tách trong lò sưởi gạch men. Trên tường lò có vẽ những chiếc tàu buồm xanh lam đáng vụng về như những chiếc máng ăn. Những chiếc tàu đang nhả những quả khói tròn dày đặc trước họng pháo.

Mùa đông năm ấy bệnh xá càng vắng vẻ và âm thầm. Tháng hai đã qua. Cách mạng bắt đầu nổ ra ở nước Nga. Hải quân đang xao động và chẳng ai để tâm đến bệnh xá nữa. Người ta dường như quên đi Shchedrin và Ackerman.

Người đưa tin duy nhất - tới đây từ thế giới xa xôi vang động tiếng còi tàu ngoài cửa sổ, tiếng nước mùa xuân chảy róc rách là một ông bác sĩ người Thụy Điển đã Nga hóa, sống cả đời trên đảo Aland này.

Những sợi tóc bạc lốm chớm rồi bù trên đầu ông, tà áo khoác lúc nào cũng bỏ ngỏ. Ông luôn luôn cười vang trong căn phòng làm việc của mình và tiếng cười của ông bay đến tận góc xa nhất của bệnh xá.

Shchedrin ưa thích những cuộc thăm bệnh của bác sĩ. Cùng với ông mùi thuốc lá tươi ngái và mùi cồn ủa vào phòng. Bác sĩ ghé tai vào ngực Shchedrin; tóc ông bao giờ cũng ướt, có lẽ vì nước tuyết giổ giọt và vì sương mù.

Càng gần sang xuân, đảo càng luôn bị sương mù bao phủ. Chim hải âu kêu chim chíp, trẻ con gọi nhau í ới trong sương

mù, một lần Ackerman đánh thức Shchedrin dậy, họ nghe thấy rất lâu trong làn sương dày đặc ngoài cửa sổ vang lên long trọng và đặc thẳng bài "Marseillaise".

"Hỡi các công dân, hãy cầm lấy vũ khí!" - những chiếc kèn bạc reo lên.

Rồi tiếng "Ura" dữ dội át đi.

- Tớ nhận ra tiếng của anh em thủy thủ bọn mình rồi, - Ackerman nói. - Bọn ăn bám giờ đây mới khốn khổ. Hết đời rồi! Nhân dân công phần lao vào cung điện của các tên bạo chúa!

Chân của Ackerman đã lên da non và anh lại bắt đầu đùa.

Một lần Marchenko đến thăm. Anh kể rằng ở «Dũng Cảm» anh đã được bầu làm chủ tịch đội thủy thủ tàu và mang đến quà của toàn đội: thuốc lá, hai quả cam khô và một xấp báo những ngày vừa qua.

- Marchenko ơi, dù sao chúng tôi cũng là những sĩ quan, - Ackerman nói. - Xương trắng, máu xanh này và nhiều chuyện khác nữa^[3].

Marchenko cười nhorn:

- Các anh cũng gần như chúng tôi thôi. Xin lỗi, sĩ quan gì cái ngữ các anh. Sĩ quan đó là bọn ăn bám, các anh chỉ là những sinh viên thôi. Đầu óc các anh khác.

- Còn biết nói gì nữa, - Ackerman nói, - được như thế cũng cảm ơn lắm, dù chúng tôi không xứng được như vậy. Có nghĩa là chúng ta sẽ làm cách mạng đến cùng.

- Rõ, đến cùng - Marchenko đứng dậy. Anh vội đi dự mít tinh của thủy thủ.

- Các anh em hộp mít tinh ở đâu? - Ackerman hỏi. - Trên các tàu chiến à?

- Sao lại ở trên tàu! Trên tàu chật lắm. Hộp ở ngoài nghĩa trang ấy.

- Chỗ hộp đấy! - Ackerman cười khẩy.

- Thích hộp nhất ấy chứ ? - Marchenko nghiêm túc cãi lại. - Ở nghĩa trang có một nấm mồ được anh em lính thủy yêu mến. Người ta hộp mít tinh ngay gần cái mộ đó, đứng ngay lên tấm bia và những hòn đá mà diễn thuyết.

- Ngôi mộ của ai vậy?

- Tôi thấy là phải kể cho các anh về điều đó. - Marchenko buồn rầu nói. - Nếu không, các anh chớ vợ trên cạn chả biết gì cả. Dưới phiến đá đó là anh lính Semyon Tikhonov và chuẩn úy Bestuzhev. Họ được chôn ở đây ngay từ hồi Nikolai I. Thật dễ hiểu khi thấy ngôi mộ này, anh em binh lính đã thắc mắc tại sao một người lính lại chôn chung với một sĩ quan và cùng một phiến đá nặng đặt nằm trên người họ. Mọi người thấy lý thú và họ đi hỏi dân địa phương. Các anh cũng biết là không có chuyện gì trên đời mà anh lính thủy không tìm ra. Có thể mới là lính thủy. Thế rồi họ được biết rằng một trăm năm trước, mùa đông ở đây rất giá buốt và vịnh biển đóng băng kín khắp từ bờ này tới bờ kia... Bây giờ không thế nữa rồi, chính các anh cũng thấy đấy, mùa đông đã rửa ra; hết tuyết lại sương mù với mưa, lầy lội. Một trăm năm trước đây ở Petersburg^[4] có cuộc khởi nghĩa. Một trong những người tham gia khởi nghĩa đã phải chạy trốn, mang cái đầu thoát khỏi phần thưởng của nhà vua. Ông đã đi theo mặt băng đến vùng đảo này, định vượt sang Thụy Điển, nhưng đã bị sa cơ ; không rõ bọn cảnh sát hay sĩ quan đã bắt giữ được ông. Và chắc chắn ông đã không thoát khỏi cái chết, nếu anh lính Tikhonov và chuẩn úy Bestuzhev đã không giúp ông

trốn thoát. Họ cứu được người khác, còn mình thì chịu cái chết đắng cay.

- Chết thế nào cơ ?

- Về điều này người ta kể nhiều chuyện khác nhau. Người thì nói họ bị bắt ngay trước trại lính, người lại bảo là họ bị phạt đòn rồi chôn cất bên cạnh nhau trong cùng một ngôi mộ.

- Sĩ quan thì không có hình phạt roi đòn đâu, - Ackerman nói.

- Thì một kiểu gì đó, làm cho người ta phải chết. Thôi ngủ đi, cố mau khỏe. Ở ngoài giờ vui lắm.

Marchenko từ biệt rồi ra về.

Shchedrin nhắm mắt lại suy ngẫm, anh nhớ lại những câu chuyện mẹ kể về ông nội, những câu chuyện hân hoan của các bà cô mà anh vẫn cười giễu, cái mà từ bé anh cho là một chuyện hư cấu của gia đình bỗng nhiên hiển hiện thành có thật, vượt ra khỏi khung cảnh chật hẹp của gia đình, đạt tới một ý nghĩa nào đó đối với một thời kỳ cách nuông, không những chỉ được anh, mẹ anh và các cô anh - mà cả trăm anh em lính thủy biết đến. Vậy quả là ông nội anh đã đến đây và vào cái thời gian đảo điên khủng khiếp ấy có hai con người hy sinh đời mình để cứu ông anh khỏi giá treo cổ. Chiến công của những người đó Shchedrin cảm thấy còn cao hơn cả chiến công của ông anh và càng nghĩ về điều đó, anh càng thêm phần xúc động:

- Ackerman này, tên họ là gì nhỉ? - Anh hỏi khẽ.

- Ai cơ? - Hai người chôn chung dưới mồ ấy mà.

- Anh lính tên là Tikhonov, còn chuẩn úy là Bestuzhev.

Shchedrin muốn kể cho Ackerman nghe về ông nội mình, nhưng đã nén lại. Anh sợ hơn cả là sự chế nhạo và không tin cậy!

Sasha, cậu mà cũng là cháu của một chiến sĩ thán Chạp thế quái nào được ! - Ackerman sẽ nói. – Cậu áp úng cả trước mặt Rosen, không biết hòa hợp với anh em lính, cậu chỉ là một anh chàng bình thường, chứ cháu của chiến sĩ thán Chạp thế nào được.

Trời tối dần. Ánh dương xanh sáng lên ngoài cửa sổ.

Có tiếng chân người bước đi trong hành lang. Ông bác sĩ vui tính đầu bù bước vào. Kế sau là người hộ lý đỡ lưng một người to béo râu đen bước tới. Bệnh nhân mới được đặt lên giường. Ông ta giương đôi mắt lồi về chế nhạo nhìn lên trần và im lặng.

Ông bác sĩ xoa hai bàn tay vào nhau.

- Đây, các anh bạn trẻ ạ, - ông nói, - Thêm cho các anh một người bạn cùng bệnh nữa nhé. Có ba người càng vui thêm, phải không?

Shchedrin nằm vẫn không mở mắt. Anh rất mệt vì câu chuyện của Marchenko và những ý nghĩ về ông nội. Anh muốn ngủ.

- Ông bác sĩ, tôi yên cầu, - bệnh nhân mới nói bằng một giọng gắt gỏng (Shchedrin mở mắt và nhanh nhẹn nhồm dậy) - ngay khi có điều kiện phải gửi tôi về Helsingfors. Việc chữa chạy ở đây không hợp ý tôi.

- Thưa ngài thuyền trưởng hạng nhất, - Shchedrin nói - Helsingfors không giúp gì được ngài đâu.

- Nghĩa là thế nào? - Bệnh nhân mới trâng tráo hỏi - Chú bé, chú nghĩ ra trò gì vậy?

- Tôi không phải là chú bé, mà là sĩ quan của hạm đội cách mạng, đã thế lại là con trai của một mục đầu bếp, - Shchedrin trả lời. - Chúng ta đã gặp nhau chỗ cây thông ở Reval, ông quên rồi chăng?

- Cứ cho là ta quên rồi, - viên thuyền trưởng hạng nhất trả lời độc địa - Ta không nhớ dịp may mắn như vậy trong đời ta.

Shchedrin ngồi dậy trên giường, nói với ông bác sĩ đang lo cuống cả lên:

- Ông mang tên hỗn xược này đi!

- À, à! - viên thuyền trưởng hét lên, nhồm người dậy - Anh sẽ phải nói chuyện với chỉ huy hạm đội.

- Còn ông sẽ nói chuyện với anh em lính thủy ở hạm đội, - Shchedrin mặt tái đi, nói. - Bác sĩ ơi, viên sĩ quan này đã lăng mạ một người phụ nữ trước mặt tôi chỉ vì người đó nghèo và ăn mặc tồi tàn. Bây giờ hắn đang định tẩu thoát về Helsingfors. Đằng nào cũng thế, ở đây hay ở Helsingfors, anh em lính thủy cũng sẽ tính sổ với hắn.

- Thần kinh tọa là một căn bệnh rất buồn cười. - Ackerman lầu bầu - Ốm mà chả trông thấy gì. Mà có khi ngược lại: không ốm cũng chẳng thấy gì.

Viên thuyền trưởng ngồi dậy. Hắn nhìn hai chuẩn úy bằng đôi mắt cuống nộ. Chiếc cảm mọc râu rung lên, những mạch máu to nổi hẳn trên thái dương.

- Im ngay! - Hắn bỗng quát lên bằng một giọng the thé.

- Lạy Chúa - Ackerman nói và lấy tay bịt tai. - Ông mà kêu lên một lần nữa thì chúng tôi sẽ không còn gì. Xin ngài thuyền trưởng rủ lòng thương.

Viên thuyền trưởng nhồm dậy, bước ra khỏi phòng bệnh. Chiếc áo khoác quét đuôi trên sàn. Bác sĩ và người hộ lý bước theo sau. Ông bác sĩ lắc đầu trách móc.

Viên thuyền trưởng được đặt nằm ở một phòng xa. Hai hôm sau vào ban đêm, anh em lính thủy đến bắt hắc giải về Helsingfors, về Ủy ban trung ương của hạm đội Baltic.

*

* *

Tháng Tư, Shchedrin ra viện. Bác sĩ cấm anh không được trở về tàu. Shchedrin phải nghỉ ngơi lấy lại sức chừng hai, ba tuần sau khi ra viện.

Theo bác sĩ khuyên, Shchedrin thuê phòng ở nhà người đánh cá Peter Jacobsson.

Một căn nhà nhỏ cũ nằm ngay sát mép nước. Căn nhà quét nhiều màu: tường màu xanh đã long lở, khung cửa sổ và cửa ra vào - màu da cam, còn bên trong mỗi phòng một màu, chắc trước đây đậm sắc hơn nhiều.

Phòng Shchedrin quét màu vàng và treo đầy ảnh của các cụ dòng họ Jacobsson.

Sáng sáng, còn nằm trên chiếc giường gỗ, Shchedrin nhìn ngắm ảnh những cụ già môi mỏng như tạc bằng sắt treo ở trên đầu giường - những thuyền trưởng, hoa tiêu, đã từng một thời sống trong nhà này.

Cũng ngay tại đó, treo ảnh của con gái họ - những cô gái mắt màu sáng với nét mặt niềm nở - và vợ họ - những bà già gầy guộc. Những bà già trên ảnh ngồi thẳng như các vị tướng, đặt những bàn tay gân guốc lên đầu gối.

Giữa những bức ảnh ấy có một bức tranh bằng phấn màu. Đó là chân dung một phụ nữ trẻ, hàng lông mày duỗi cao như đang xao xuyến vì một điều gì đó, ánh mắt u buồn và vầng trán nhỏ thanh tú. Mỗi khi nhìn bức tranh, Shchedrin lại thầm nghĩ

người phụ nữ này, đã làm gì ở đây trong thị trấn ngư dân nhỏ xíu này, nơi cách đây một trăm năm chỉ có vên vện ba trăm người.

Trong nhà Jacobsson sạch sẽ và yên tĩnh, chỉ thỉnh thoảng Jacobsson vừa dậm nhịp vừa hát ở trong bếp, lúi húi với mớ lưới của mình.

Vợ chồng Jacobsson có một con gái lên ba tuổi. Nhưng cháu không sống với bố mẹ mà ở nhà bác sĩ. Vợ chồng bác sĩ không con nuôi dạy con bé và định cho cháu ăn học đến nơi đến chốn. Con bé tên là Maria.

Marta, vợ Jacobsson, là một người đàn bà đấng trí. Ngày nào nhà cũng thấy hết sữa, hoặc con mèo tha mất khúc cá rán từ chiếc chạn bỏ ngổ. Jacobsson chỉ cười là không giận vợ.

Cuộc sống này gây cho Shchedrin một ấn tượng là anh bị ném ngược trở lại hàng chục năm về trước, đến một đất nước cổ xưa, nơi mà vẫn có những chiếc xe ngựa chở thư và trong các văn phòng người ta vẫn nuôi những con dế mèn trong những chiếc lồng nhỏ để cầu may.

Ngồi trong những căn phòng cổ kính này, đọc những tờ báo bùng bùng khí thế của một thời cách mạng thật lạ lùng.

Những trang báo đầy những lời kêu gọi, sự phẫn nộ, những tin tức giật gân và thông báo Lenin đã trở về nước Nga.

Tên tuổi Lenin đã vang dậy khắp các cuộc mít tinh của hải quân, được nhắc đến ở khắp mọi nơi. Những chiếc tàu phóng lôi vùn vụt mang tên Người đi khắp vùng Baltic khắc khổ. Các đài phát thanh rung chuyển và tóe lửa, truyền những tiếng nói của Lenin tới các tàu chiến, các đơn vị bờ biển, các pháo đài cấm cố, các tàu ngầm. Các tín hiệu viên xếp tên Người bằng những lá cờ sắc sỡ.

Tên tuổi Lenin lan rộng ra, lớn lên, trở thành ngọn cờ và niềm hy vọng của người Baltic. Chung quanh tên Người kết tinh lại sự bất bình của hải quan, ý chí và nhiệt tình cách mạng không gì kiềm chế được của họ.

"Ánh dương của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới đã lóe lên" - Lenin nói trong cuộc đón Người ở ga Phần Lan.

Những lời đó đã lan đi khắp hạm đội. Tưởng như cả biển cũng âm vang đặc thảng và đồ dồn vào bờ những khối nước khổng lồ sáng loáng, cùng lặp lại những lời nói đó.

Shchedrin thấy người nao nao. Một lần anh đi dự mít tinh trên tàu phóng lôi, thậm chí còn đọc cả một bài diễn văn nồng nhiệt và rắc rối.

Anh em lính thủy vỗ tay hoan hô anh hồi lâu, đúng hơn là gõ những nắm tay chắc nịch, rắn như gỗ xuống sàn rồi bỗng Shchedrin từ tàu lên bờ - có lẽ vì thương hại: Shchedrin gần như không đứng vững nữa vì xúc động.

Ackerman đi bằng nạng. Anh có thái độ thiết thực với cách mạng, ngồi lì ở ủy ban tàu và buồng bệnh cãi cọ với cấp trên và chuyện cơm nước, nghỉ phép, quần áo phát thêm và những vấn đề thiết yếu khác của đời sống lính thủy. Anh ít đùa hơn trước và chỉ thỉnh thoảng rẽ vào Shchedrin anh mới lại đọc những câu thơ yêu thích trước đây:

- Con rắn độc quyền lực của nhà vua đã bị những bàn chân đất của nhân dân xéo nát thành tro bụi. Ngọn cờ đỏ của quân khởi nghĩa phấp phới bay trên đất nước vĩ đại.

Shchedrin thức dậy rất sớm. Chim trong vườn ríu rít gọi nhau. Một biển yên tĩnh chói lòa, bốc hơi, lấp lánh ánh phản quang chiếu xa hàng trăm dặm, vỗ sóng vào bờ biển granite, và, như một đứa trẻ, phả vào mặt một luồng gió nóng ẩm.

Shchedrin đi ra nghĩa trang. Trong một buổi sáng rộn ràng như thế này khó bề ngồi yên trong phòng được. Ngoài ra, Shchedrin đã quyết định từ lâu ra thăm mộ Tikhonov và Bestuzhev.

Những bông hoa trắng yếu ớt chồi lên từ kẽ nứt của những phiến đá. Shchedrin bức lấy một vài cành có hoa.

Tại nghĩa trang, Shchedrin vấp phải nấm mồ của các thủy thủ Đức từ chiếc tàu ngầm mà "Dũng Cảm" bắt được, hồi lâu đọc những hàng tên.

Gần bên một trong những hòn đá phủ đầy rêu, anh nhìn thấy Marta. Chị ngồi, vẫn cái dáng điệu kinh hãi và nhợt nhạt như mọi lúc, mỉm cười nhìn Shchedrin. Tay chị cầm mớ cành tùng đen sẫm, chắc chị mang đến để đặt lên mộ người thân. Shchedrin được biết một năm trước đây chị đã bị mất đứa con trai lên bốn tuổi.

Anh lại gần và chào hỏi. Marta biết rất ít tiếng Nga. Tuy thế, hai người vẫn hiểu được nhau.

Shchedrin đọc hàng tên trên mộ chỉ và ngạc nhiên. Dù tên khắc bằng chữ Thụy Điển, Shchedrin cũng hiểu được ngay là dưới nấm mồ này yên nghỉ một người phụ nữ nào đó hai mươi tư tuổi tên là Anna Jacobsson, mất năm 1827.

- Người này là thân thích của chị ư. - Shchedrin hỏi.

Marta mỉm cười nhìn anh nhưng không hiểu.

- Người này là ai ? - Shchedrin hỏi và chạm tay vào tấm bia.

- Anna, - Marta nói, - bà nội của Peter. Có bức tranh ở phòng anh đấy. Đẹp thật. Bà mất vào ngày này đấy.

Shchedrin gật đầu. Anh đoán ra đây là người phụ nữ mà anh vẫn thường ngắm trong bức tranh treo trên mặt bàn trong phòng anh

- Còn tôi thì tôi đi tìm mộ của Pavel Bestuzhev. - Anh nói.

Marta đứng dậy và dẫn anh đến một tảng đá lớn. Nó lún vào trang đất và đã mòn nhẵn vì gót giày của các anh em lính thủy, chung quanh rêu mọc xanh rờn. Shchedrin đặt những bông hoa lên phiến đá. Đã có lúc anh cười giễu sự đa cảm của các bà cô anh, còn giờ đây chính anh đang cảm thấy một nỗi xúc động khó hiểu trước nắm mồ của những người đã cứu sống ông anh.

- Dưới mộ này an nghỉ những người rất tốt, - anh nói với Marta. - Họ đã cứu sống ông tôi.

Marta vui mừng gật gật đầu.

- Anh nói là "ông tôi"?

- Đúng thế.

Marta vội vã nói lẫn lộn tiếng Nga và tiếng Thụy Điển. Chị nắm lấy tay áo Shchedrin và nhìn vào mặt anh, chị cười và thậm chí má chị hồng lên.

- Tôi không hiểu, Shchedrin nói.

Marta nhăn trán, cố tìm những từ Nga nhưng không đủ và Shchedrin lại chẳng hiểu gì cả.

Marta ầm ỨC CẢN MÔI, nước mắt trào ra. Chị phẩy tay và nhanh nhẹn đi về thành phố. Shchedrin ngơ ngáo nhìn theo. Gió thổi phồng vạt váy rộng của chị, Marta đi không ngoái nhìn lại.

"Mình đã làm chị ta phật ý vì điều gì?" - Shchedrin bối rối nghĩ, ngồi xuống bên mộ hút thuốc. Những con bướm non nhọt nhọt

mới nở bay lượn chung quanh sưởi mình trong ánh nắng.

Shchedrin trở về nhà, Cả Marta, cả Peter đều không thấy đâu, chỉ có con mèo nhõng nhẽo oản mình bên cạnh cửa ra vào.

- Thế nào, lại ăn vụng cá rồi phải không? - Shchedrin hỏi.

Chú mèo khàn khàn kêu meo meo.

Shchedrin tháo bức tranh của Anna Jacobsson treo trên tường, ngắm nhìn hồi lâu. Shchedrin còn chưa yêu ai bao giờ. Quả thực có một thời ở Petrograd, anh vẫn đi ra bãi trượt băng để được nhìn thấy một cô nữ sinh trung học, người cao, ngày nào cũng đi trượt băng. Mỗi lần cô ta ngã và lại đứng dậy ngay, phủi tuyết khỏi đôi găng tay và chớp chớp đôi mắt để rũ những bông tuyết dính vào mi, tim Shchedrin lại đập dồn dập. Nhưng chẳng bao lâu, cô nữ sinh biến khỏi bãi băng và Shchedrin đã quên cô.

Shchedrin nhìn bức tranh, nhìn đôi môi khắc khổ dịu dàng và nghĩ rằng người phụ nữ này anh có thể yêu đến hết mình và chung thủy. Một điều bí mật buồn bã nào đó ẩn sau gương mặt này.

Shchedrin giật mình và treo bức tranh lên chỗ cũ. Có người vào nhà. Nghe tiếng gõ cửa, Shchedrin kêu lên:

- Mời vào!

Cửa mở. Ông bác sĩ xuất hiện ở cửa. Mớ tóc trắng của ông còn rối hơn cả mọi lúc, mắt sáng lên, khuôn mặt nở một nụ cười long trọng. Sau lưng ông là Peter và Marta đang đứng vẻ e thẹn.

- Chào anh bạn của tôi, – ông bác sĩ nói vang cả nhà và xiết chặt tay Shchedrin. - Tôi đến với tư cách là người phiên dịch... Vào đây! – ông gọi to vợ chồng Jacobsson. - Ngồi xuống ghế này và ta nói chuyện.

- Có chuyện gì xảy ra vậy? - Shchedrin hoang mang hỏi.

- Anh sẽ biết ngay bây giờ! - Ông bác sĩ nói oang oang và cười to. - Anh sẽ biết tất cả ngay bây giờ. Nhưng trước hết hãy hôn người phụ nữ này và anh chàng thộn Peter Jacobsson này đi đã. Nào!

Ông bác sĩ hét "nào" một cái, kính cửa sổ rung cả lên và con mèo cong đuôi chạy khỏi phòng.

- Được lắm!, - Shchedrin mỉm cười nói. - Tôi bao giờ cũng vui sướng hôn những con người này. Nhưng, vì chúa, bác sĩ hãy nói cho tôi biết như thế nghĩa là thế nào đã chứ?

- Hôn nhau đi! - Ông bác sĩ nói và dậm chân một cái.

Marta rụt rè lại gần Shchedrin, lấy vật tạp dề chùi môi, rồi hai người hôn nhau. Peter hôn theo kiểu con nhà chài lưới - ba lần, bộ râu lởm chớm làm đau cả mặt Shchedrin.

- Anh sẽ được biết là cả ở thế kỷ hai mươi cũng xảy ra những chuyện thần thoại - ông bác sĩ nói về đặc ý. - Tôi đã chán đọc mãi chúng trong các sách. Tôi vẫn hay nói với vợ tôi: "Mình cứ kêu buồn chán ở Aland vô ích. Ở đây mỗi ngày đều có những câu chuyện lý thú của nó. Những ngày trôi qua trước mặt ta như những người thân quen hiền hậu và mình sẽ rất luyến tiếc về đảo quê hương của chúng ta khi rời khỏi đây." Anh hãy tự suy ngẫm xem. Có ở đâu anh được thở không khí như ở chỗ chúng tôi? Ở đâu biển trong như ở đây? Không đâu cả! Đã bao giờ anh sống giữa những người đôn hậu và trung thực như thế này chưa? Chưa bao giờ!

- Tất cả đúng như vậy. - Shchedrin đồng ý. - Nhưng tôi chẳng hiểu gì cả. Có điều gì thần kỳ xảy ra bây giờ?

- Ta vào chuyện ngay - Bác sĩ nói. Ông ngồi xuống và bới tóc rối tung lên. - Nếu ở đây không có chuyện nhầm lẫn nào thì anh

chính là cháu của người chiến sĩ thánh Chạp đã được cứu sống ở đây, trên đảo Aland này bởi hai người Nga - lính và sĩ quan.

-Vâng. Shchedrin nói. Hình như đúng như thế. Nhưng làm sao bác biết được điều đó?

- Qua Marta - ông bác sĩ nói. Tự anh đã kể cho chị ấy. Giữa những người đi biển ở đây có nhiều loại quan hệ thân thích khác nhau. Đối với chúng ta nhiều khi cho là lạ lùng. Chúng ta chỉ thừa nhận họ hàng theo quan hệ máu mủ, còn những con người chất phác này còn có thêm họ hàng giữa những người đi cứu và những người được cứu thoát. Nếu một người trong gia đình này cứu người của gia đình kia, thì hai nhà là họ hàng của nhau. Đi biển là một công việc nguy hiểm, phải cứu nhau luôn. Điều này dẫn đến chỗ là gần như tất cả dân trên đảo đều là họ hàng thân thích của nhau. Và theo luật của đảo này, thì Peter Jacobsson, Marta và con gái họ là Maria đang ở với chúng tôi, trong một chừng mực nào đó là họ hàng của anh.

- Nhưng hình như ông tôi đã được người Nga cứu cơ mà!

- Rõ là anh không được biết chuyện gì cả. Ông anh được chuẩn úy Bestuzhev và vợ ông cứu sống. Hình ảnh nàng anh đang nhìn thấy ngay trước mặt. Nàng đây này.

Bác sĩ chỉ bức tranh vẽ Anna. Thì ra người phụ nữ có vẻ mặt hấp dẫn và khác thường này là người như thế đấy!

- Trong gia đình Jacobsson còn sống mãi hồi ức về tất cả mọi sự kiện liên quan đến việc giải thoát cho ông của anh. - Bác sĩ nói tiếp. - Điều ấy cũng dễ hiểu. Hãy tưởng tượng một gia đình hàng trăm năm không có chuyện gì xảy ra. Đàn ông thì đi biển, về già thì làm nghề chài lưới. Phụ nữ ngoài nhà cửa và con cái, chẳng còn nhìn thấy gì khác. Nghe nói nhà Jacobsson trước đây giàu có, thậm chí có cả tàu chạy buồm, nhưng điều đó đã lâu lắm rồi. Người thuyền trưởng cuối cùng, cha của Anna, bị phá sản, khi về già chỉ là một người gác đèn biển ở Erasgrund.

Nhưng ông đã cho con gái học hành ở Stockholm. Đó là một cô gái khác thường. Anh hãy thử tưởng tượng xen cái gia đình buồn tẻ và tử tế ấy bất ngờ bị cuốn vào cơn bão của những sự kiện buồn thảm và không thể tưởng tượng được. Trong nhà họ xuất hiện người sĩ quan Nga trẻ tuổi Bestuzhev. Cực chẳng đã, người ta phải cho anh vào nhà. Ông già sợ và không ưa người Nga. Viên sĩ quan yêu Anna. Anna cũng yêu lại anh; nàng là một cô gái của những tình cảm lớn và khó tính. Ông già chẳng muốn nghe đến chuyện con gái lấy chồng người Nga. - Bác sĩ nín lặng để hút thuốc. - Thế rồi trên đảo người ta bắt giữ một người tham gia khởi nghĩa tháng Chạp. Ông ta định đi theo lớp băng đóng trên mặt vịnh giá rét cắm cắm sang Thụy Điển, vấp phải lính gác và bị bắt giữ. Những người dân chài và thuyền trưởng ở đó xông xáo cả lên, nảy ra ý đồ cứu người bị bắt, đánh tháo ông ta và đưa sang Thụy Điển. Pavel Bestuzhev đã đứng đầu âm mưu này. Khi đó cha của Anna đã dụ đi, ông tin ở sự cao thượng của người Nga kia và cho con gái được lấy anh ta. Nhưng số phận đã quyết định khác hẳn. Bestuzhev mấy ngày sau đã chết trong cuộc đấu súng. Người bị bắt chạy thoát nhờ sự giúp đỡ của Anna và các thủy thủ.

- Vì sao lại có cuộc đấu súng? - Shchedrin hỏi.

Bác sĩ nói bằng tiếng Thụy Điển với Peter và Marta, rồi trả lời:

- Bestuzhev đã tát vào mặt viên sĩ quan thủ trưởng của mình vì hắn đã cư xử thô bạo với người chiến sĩ tháng Chạp và đã lăng mạ Anna. Viên sĩ quan đã giết anh. Tám tháng sau ngày Bestuzhev chết, Anna đã sinh ra một cháu trai, con anh. Đó là cha của Peter. Chẳng bao lâu sau, Anna mất. Nàng bị đau yếu mãi, thậm chí ở đây người ta còn coi nàng là dở người nữa.

- Bác hãy hỏi hộ, - Shchedrin nói. - Người lính được chôn cùng với Bestuzhev là ai.

Bác sĩ lại nói tiếng Thụy Điển với vợ chồng Jacobsson và nhún vai:

- Họ không biết. Họ nói người lính đã chết sau khi bị phạt đòn, vì tội gì thì không thấy ai kể lại. Họ nghĩ là vì sự giúp đỡ cho người tháng Chạp.

Shchedrin nhìn Peter. Peter vỗ vào vai anh và cười. Anh quay lại Marta và nói gì với Marta, có lẽ là điều quan trọng. Marta vội vã đi ra rồi trở lại với quyển sách nhỏ bọc bìa da và đưa cho Shchedrin.

- Đây là cuốn sách của Bestuzhev - bác sĩ nói. Đây là kỷ vật duy nhất. Người ta đã tìm thấy ở Anna.

Shchedrin nường nhẹ cầm quyển sách, lật tờ bìa ra và đọc: *"Eda, tiểu thuyết Phần Lan của Yevgeny Baratynsky"*.

Marta then thò nói gì với bác sĩ. Ông dịch lại:

- Trong cuốn sách này có bức thư. Nó cũng lưu lại sau Anna. Nàng không bao giờ rời nó.

Shchedrin lật những trang sách và rút ra mấy trang giấy cứng đã ngả vàng viết bằng bút lông ngỗng. Rõ ràng người viết đã vội. Trang giấy còn đây nhiều vết mực.

"Anna, - Shchedrin đọc, - anh đã phạm một tội lớn, không nói gì với em về cuộc đấu súng sắp tới ..."

Từ bức thư toát lên mùi hoa oải hương.

Shchedrin đọc bức thư và nhú mắt lại, tay anh bắt đầu run lật bật, đến nỗi anh phải đặt bức thư xuống bàn để khỏi lộ rõ nỗi xúc động.

Bác sĩ và vợ chồng Jacobsson cố không nhìn Shchedrin. Bác sĩ gõ gõ ngón tay lên mặt bàn và se sẽ hát. Ông chỉ làm như vậy mỗi khi lòng ông xôn xao mạnh.

Gần như suốt đêm Shchedrin không ngủ. Anh đọc đi đọc lại bức thư của Pavel Bestuzhev, đọc lại "*Eda*" của Baratynsky và suy nghĩ mãi về những chỗ có gạch bút chì. Shchedrin đặc biệt nhớ hai câu thơ:

Đến bao giờ, bao giờ, tuyết hỡi,

Xóa sạch dấu chân ta dưới cỏi trần.

Ngoài cửa sổ đêm thanh thanh mờ sáng. Mặt nước lấp lánh như giấy bạc. Hoàng hôn tàn dần trong bóng tối miền Bắc. Mùi cỏ cây, mùi đá ẩm ướt hòa cùng tiếng chim lọt vào phòng.

Trong những đêm như vậy tất cả đều cảm thấy tuyệt đẹp, thậm chí cả những gương mặt người bình thường. Gương mặt của Anna lại càng đẹp bội phần.

"Những đau khổ và cái chết của chúng ta", - Shchedrin đọc dòng chữ trong thư - "sẽ dội vào muôn trái tim niềm xúc động mãnh liệt."

"Làm thế nào để thực hiện điều tiên tri ấy" - Shchedrin suy nghĩ. Nếu anh là nhà thơ, hay một lãnh đạo quần chúng, tất anh đã tìm được những lời để kể cho hàng ngàn vạn con người về số phận của Pavel Bestuzhev với Anna và được đáp lại bởi sức mạnh đồng cảm vĩ đại. Nhưng thậm chí trong bức thư gửi cho mẹ, anh cũng không tìm được lời viết điều đó.

"Ừ, mà có cần phải thế không?" - Shchedrin nghĩ. Cả ông nội và Bestuzhev đều tin ở ngày trả hậu. Nỗi hận đã đã được trả xong. Chẳng lẽ những thủy thủ, binh lính, công nhân, nông dân đã lao vào cuộc cách mạng như một cái gì thân thiết nhất của mình đã không trả thù cho ông nội anh, cho Bestuzhev, cho Tikhonov,

không chiến đấu cho một đất nước tự do mà họ hằng mơ ước suốt một thế kỷ trước đây?

Shchedrin đón thận bức thư của Bestuzhev như một lời di chúc, một lời hiệu triệu, tiếng kêu xa xăm vọng ra từ vực sâu của một thế kỷ nặng nề và đầm máu: *"Đừng quên chúng tôi, hỡi những người hạnh phúc!"*

Mấy ngày sau "Dũng Cảm" được lệnh đi Helsingfors. Shchedrin trở về tàu phóng lôi.

Trong những ngày cuối cùng, vợ chồng Jacobsson cư xử với anh như một người thân thích gần gũi. Marta suốt ngày loay hoay dưới bếp, đãi anh bằng những món ăn bình dị và ngon lành. Chị đã đặt tất cả sự khéo léo của mình vào việc nấu nướng. Peter luôn luôn nói chuyện với Shchedrin về cách mạng, về những thời gian đã qua, về chiến tranh, và dắt anh ra bờ biển chỉ cho anh chiếc thuyền cũ và đồ chài lưới của mình.

Một lần, Shchedrin cùng Marta và Peter đến chơi nhà bác sĩ. Vợ chồng Jacobsson muốn cho anh xem mặt con gái của mình và đã gọi nó là cháu của Shchedrin, tự hào về mối quan hệ thân thích mới.

Trong nhà bác sĩ sạch sẽ bóng bẩy lạ lùng, vẻ sạch sẽ chỉ thường thấy ở nhà những người dân miền Bắc. Sàn nhà, tường, cửa sổ, bát đĩa, thậm chí cả trần nhà đều bóng lộn.

Shchedrin không hiểu gì về trẻ con. Nếu có ai bảo với anh đứa trẻ này xinh quá thì anh đồng ý luôn mặc dầu chàng bao giờ nhận ra những đứa bé xinh hay xấu xí. Anh có cảm tưởng trừ những trường hợp ngoại lệ hãn hữu, mọi đứa trẻ đều giống nhau. Và bây giờ anh sẵn sàng đồng ý rằng con bé rất đáng yêu.

Shchedrin được mời ngồi vào đi-văng. Con bé ngồi bên cạnh anh. Nó nắm nghía mãi vòng tay áo nạm vàng của Shchedrin và khẽ lấy móng tay cạy ra.

Shchedrin tranh luận với bác sĩ liệu cách mạng có xảy ra ở Scandinavia hay không. Cuộc tranh luận bị ngắt quãng vì tiếng kêu thất kinh của bà vợ béo của ông bác sĩ.

Trong khi họ tranh luận, con bé đã kịp cậy ra một vòng tay áo. Nó cậy rất nhẹ tay bằng một chiếc kéo nhỏ.

- Trẻ con nó cũng thích vàng y như những con chim ác là, - ông bác sĩ cười vang.

Con bé xấu hổ, chúi đầu vào đầu gối Marta.

Bà vợ ông bác sĩ đeo cặp kính gọng đồi mồi, lấy tráp đựng đồ khâu ra, đính lại vòng tay áo nạm vàng. Những cuộn chỉ màu nằm trong hộp tráp như những con dím – những chiếc kim cắm trên mình chúng đâm lên tua tủa.

Trước khi Shchedrin ra đi, Peter nói với anh rằng hai vợ chồng họ muốn tặng anh làm kỷ niệm không chỉ cuốn sách với bức thư mà cả bức tranh Anna nữa.

Shchedrin thực cảm động. Họ đã tặng anh cái đã được truyền từ đời nọ sang đời kia như một bảo vật vĩ đại nhất.

Từ Helsingfors, Rosen được triệu về Petrograd. Vitya "nửa người" rời khỏi tàu vì bệnh tật và Shchedrin được cử làm chỉ huy của "Dũng Cảm".

Những ngày, tuần lễ và những tháng trôi qua trong sự căng thẳng triền miên, trong các cuộc mít-tinh, các cuộc tranh cãi đến mất cả giọng, trong sự chờ đợi cơn bùng nổ chống lại chính phủ lâm thời không tránh khỏi.

Những sự kiện sầm sầm đổ tới. Cuộc biểu tình tháng Hai ở Petrograd, Lenin rút vào bí mật, chính phủ lâm thời giải tán Ủy ban Thường vụ hải quân hạm đội Baltic, cuộc tổng đình công ở Helsingfors. Vào đầu tháng Tám, quân Đức phá vỡ trận tuyến,

đánh chiếm Riga và những trung đoàn của Kornilov^[5] tiến về Petrograd.

Một phần thủy thủ rời "Dũng Cảm" dưới sự chỉ huy của Marchenko đi đánh nhau với Kornilov. Ngư hạm vắng hẳn người.

Mùa hè lạnh gió đến. Shchedrin cảm thấy nó nóng ẩm và yên ổn khác thường, có thể vì ở khắp nơi trong hạm đội, trong thành phố giông tố đang diễn ra.

Thư mẹ không đến.

Shchedrin thường hay xuống phòng máy và cùng với các thợ máy lau chùi, bôi mỡ cho các phần lạnh của động cơ. Máy móc, cũng như những con người dường như đang chờ đợi những sự kiện không thể đảo ngược được.

Mùa thu đến ẩm ướt và ẩm áp. Sương mù thấm qua các tấm lá vàng. Dưới sức nặng của hơi nước lạnh lẽo và trở nên không còn cần biết nữa, những chiếc lá lìa cành rơi xuống cỏ, xuống hè đường lát đá hoa cương.

Đôi khi Shchedrin vào thành phố thăm Ackerman. Ackerman, vì chân đau mà không phục vụ được ở trên tàu phóng lôi nữa và vốn là chuyên gia về ngành thông tin, anh được cử làm chính ủy trạm điện báo. Sau mặt bàn chất đầy những băng điện tín, Ackerman đọc cho Shchedrin nghe theo những băng giấy dài những tin cuối cùng bao giờ cũng làm bàng hoàng chấn động.

Hai người cùng đi ra phố và Ackerman dẫn Shchedrin vào một tiệm cà-phê bao giờ cũng vắng như một hòn đảo giữa đại dương bão tố.

Ackerman xé vụn những bông hoa kim chung bằng giấy để ở trên bàn và tư lự nói:

- Sasha, cậu thử giải thích hộ xem sao. Tại sao trong những ngày này, mình bắt đầu đặc biệt trân trọng cả những chuyện vặt vãnh. Một cô gái nào nhìn mình là cả ngày mình mỉm cười như một anh ngớ ngẩn. Không khí cũng cảm thấy khác. Rồi tất cả mọi thứ khác nữa, cả biển, cả cỏ cây, thậm chí cả ngư hạm nữa.

- Ngư hạm có gì khác?

- "Dũng Cảm" giống như một biệt thự bị bỏ hoang, cửa đóng then cài, mọi người bỏ đi. Chỉ còn là một người gác cổng. Ông ta sống trong cô đơn, đốt lò, nghe đồng hồ chạy tích tắc và ngóng chờ xem bao giờ chủ mới đến.

- Nhưng mà cậu là thi sĩ đấy, Ackerman ạ, - Shchedrin nói - Sẽ có những người chủ mới. Cậu khỏi lo.

- Mình đâu có lo, anh ngốc ạ. Mình không quan tâm đến điều đó. Liệu mình và cậu có sống được đến thời gian đáng giá không – đấy mới là điều đáng quan tâm. Cần phải đập tan cái cũ răn chắc thể nào trong thân mình và chung quanh đây.

Shchedrin lặng lẽ uống cà phê đặc, hơi ngọt làm dịu cả lòng mi.

- Cậu sẽ sống tới đó mình biết, - Ackerman nói, - nhưng mình thì không.

- Chân và nói chung người cậu ổn cả chứ?

- Chân là cái quái gì! Mặc xác, cái chân. Thậm chí lại hay là đàng khác nữa; đi khắp khiêng như Byron^[6]! Vấn đề là thần kinh bị thiêu cháy nhanh quá. Mỗi ngày như một năm. Không sao ngón kịp.

- Cậu mệt rồi, Về Peter^[7] xem.

- Mình sẽ hiến tất cả cái sức khỏe như ngựa trước đây của mình cho sự mệt mỏi này, - Ackerman đáp. - Một thời tuyệt diệu! Mà mình đâu có phàn nàn. Chẳng qua đây là câu chuyện tâm tình bên cạnh bình hoa kim chung thôi.

Họ bước ra phố. Sương mù và hoàng hôn trên thành phố hòa vào nhau thành bóng tối màu lam. Mùi khói tàu hỏa, cà phê và hoa cẩm chướng ở các hàng hoa bốc lên đậm đặc: trong những ngày này người ta chỉ mua hoa cẩm chướng - biểu tượng của cách mạng.

Một tuần lễ sau, buổi tối Shchedrin nghe thấy tiếng chân bước vội trên đầu mình, trên boong tàu. Xét theo tiếng chân bước, người đang đi thọt một chân. Shchedrin đoán là Ackerman và ra đón anh.

- Sasha! - Ackerman lúng túng xuống thang reo lên.

- Đúng là ngày hội rồi! Chính phủ lâm thời đã bị lật đổ. Chính quyền chuyển vào tay những người bolshevik rồi.

Anh rút ra khỏi túi băng điện đã vò nhau, bắt đầu đọc lời kêu gọi của chính phủ mới gửi toàn thể nhân dân lao động.

Mãi mùa đông, Shchedrin mới trở về Petrograd, sau cuộc hành quân lừng lẫy của hạm đội Baltic vượt băng từ Helsingfors về Kronstadt. Hạm đội đã phải vượt qua lớp băng dày nặng để khỏi lọt vào tay bọn Đức đang chiếm dần đất nước Phần Lan.

"Dũng Cảm" chạy từ từ thẳng tắp với tàu tiêu binh. Ngày và đêm băng lạo xạo, nứt vỡ gần hai bên mạn tàu, nước xanh lè ùng ục sôi lên như những con sông lớn ở đuôi tàu.

Ngày tối đen như khói. Mọi góc trời đều u ám. Đôi mắt cố tìm ra dù chỉ là ánh lửa của bờ biển thân yêu xa xa, nhưng không sao thấy được. Tuốc-bin nổ ròn, gió hú trong những ống máy to

rộng, đêm ca hát bằng tiếng vỗ vụn lạo xạo của băng húc vào tàu.

Đội thủy thủ rét cóng. Lò sưởi làm việc tồi. Sương mai dần dần bám đầy trần và tường. Đặc biệt nặng nề là về ban đêm. Bóng đêm dày đặc đến nỗi ánh sáng ban ngày tới không sao lấn át được nó, lại đành thoái lui, Ngày vừa hé sáng đã tàn lụi ngay.

Thỉnh thoảng một đàn quạ bay trên tàu. Lượn vòng trên boong, chúng bay vội đi xa, dường như muốn vùng đôi cánh để tránh khỏi cảnh tượng dữ dội những con tàu bị băng phủ kín.

Từ Kronstadt, Shchedrin đi bộ qua băng về Petergof. Tàu "Dũng Cảm" chỉ còn lại mười người lính thủy, những người khác đã đăng ký vào những đội bộ binh - đi đánh nhau với quân bạch vệ.

Shchedrin đi cùng với các chiến sĩ hải quân về tận Petergof. Đứng trên bờ biển Petergof, các chiến sĩ ngoái lại nhìn Kronstadt, một người trong bọn họ nói với vẻ tuyệt vọng vui vẻ:

- Vĩnh biệt nhé, Baltic ơi!

Họ đi qua công viên vắng vẻ phủ đầy tuyết. Trời chiều hoàng hôn. Gần hàng rào ngoài hoàng cung có một chiến sĩ cận vệ đỏ - một công nhân đứng tuổi mang súng trường đang đi đi lại lại. Các chiến sĩ dừng chân châm thuốc hút.

- Cận vệ đỏ - họ nói một cách kính cẩn rồi vòng từ đằng sau ra đằng trước nhìn người công nhân.

- Ai tự do cũng đi đánh nhau, huống chi chúng ta lại được quý sai bảo. Chuyến này còn sống chúng ta lại trở về với những con tàu.

- Làm gì mà cứ nhìn với ngăm mãi thế, các anh bạn trẻ, - bác công nhân lâu bầu. - Chỗ này cấm không được dừng lại.

Các anh lính thủy cười phá lên, ồn ào, rồi tiếp tục đi. Shchedrin đứng lại. Anh bắt chuyện với người công nhân.

- Tôi là người Petergof đây, - người công nhân nói. – Tôi là thợ mộc, chuyên về các loại gỗ quý. Giờ tôi ở trong đội bảo vệ. Chúng tôi trực ba người một phiên gác. Nhưng tạm thời chẳng một kẻ nào động đến, chỉ có các chú thỏ nhẩy lung tung chung quanh lúc ban đêm. Kia anh xem, chúng bới lộn cả tuyết lên kia... Ta đi vào trạm gác cái đã. Anh sưởi cho nó ấm người một lát. Đi qua băng chắc hẳn phải rét. Trong trạm gác ấm lắm.

Họ đi vào trạm gác. Trong đó nóng rực, nước chảy trên mặt tường.

Họ hút thuốc. Shchedrin bảo:

- Bác đi bảo vệ cung điện là điều tốt đấy.

- Chứ sao! – Bác công nhân ngồi xồm bên lò sưởi nói. - Có khi chính Rastrelli^[8] đích thân xây cũng nên. Nhân dân đã giành lại cho mình một vẻ đẹp lớn lao.

Shchedrin hút thuốc rồi chia tay đi ra ga. Nghe nói từ Petergof thỉnh thoảng có tàu hỏa và Petrograd.

Anh đi vào công viên và ngoái lại nhìn cung điện tưởng như được đắp bằng tuyết nhẹ bồng.

Trong con tàu chật ních các lính thủy và chiến sĩ cận vệ đỏ, Shchedrin về đến Petrograd vào khoảng ba giờ đêm.

Petrograd đen ngòm, vắng tanh. Shchedrin đi qua khắp thành phố về đảo Aptekarsky, nơi mẹ anh đang sống. Gió rú buồn nản trên các tòa nhà đồ sộ. Những ống nước vỡ kêu u u. Những người lính gác hút thuốc dưới cổng tòa nhà bộ tổng tham mưu. Họ đòi giấy tờ và xem mắt dưới ánh sáng của một cây đèn hỏa xa.

Shchedrin đi qua sông Neva. Băng đen mờ mờ lấp lánh. Gần Sở Giao Dịch vắng tanh, một chiếc xe điện đổ kèn, nghiêng sang một bên, tuyết phủ kín. Ở phía đông, vàng sáng điện nhợt nhạt tỏa lên trời - ở đó là điện Smolny^[9].

Shchedrin đi hồi lâu dọc đại lộ Kronversky. Thành phố vĩ đại nằm trong tuyết phủ và bóng đêm chung quanh. Nó khắc khổ và im lìm. "Số phận của thành phố - Shchedrin nghĩ, - sẽ tuyệt đẹp, phi thường. Ta còn sống tới ngày đó".

Trong cửa sổ phòng mẹ anh, ngọn đèn nến đang cháy. Tuyết phủ đầy sân. Những con quạ con ngủ trên cây bạch dương. Chúng thức giấc và vỗ cánh lạch bạch khi Shchedrin dừng lại bên cửa, rủ tuyết đông dính vào giày.

Tim Shchedrin se lại. Anh gõ cửa.

Tiếng bước chân già nua chậm chạp vọng ra. Mẹ anh mở cửa qua lỗ buộc dây xích, kêu lên: "Sasha" và đánh rơi cây nến. Cô Julia chạy lại, cởi dây xích và một phút sau, Shchedrin đã ghì mái đầu bạc run lấy bảy của mẹ òa khóc vào vai áo khoác đen ướt át!

- Thôi mẹ ơi, mẹ bình tĩnh lại – Shchedrin nói. - Con vẫn sống đây mà! Xin mẹ!

Các bà cô đều ở chung với mẹ, vội vã mặc quần áo sau rèm cửa, líu tíu hỏi thăm Shchedrin, và cũng khóc vì vui mừng.

Chiếc samovar đã reo lên ở trong bếp. Mẹ không ngừng tay dụi mắt, lúi húi quanh chiếc bàn, quên hết cả, cứ nhìn Shchedrin vừa vui sướng, vừa nghi ngờ: liệu nó có giấu gì không hay ngày mai lại phải đi ra một mặt trận mới rồi?

*

*

*

Trong đêm, gió đã rắc lên khắp mặt boong "Dũng Cảm" những cánh hoa diếp cốt mọc. Shchedrin bước ra, nhìn mặt boong và nhớ lại những trận mưa tuyết, những ngày mùa đông lênh đênh trên biển Baltic và cuộc hành quân vượt băng.

"Dũng Cảm" đang đứng bên bờ sông Kovzha dốc ngược. Bên bờ kéo dài một vườn cây đã khô héo với lớp hàng rào siêu vẹo. Những bụi cây tầm ma cao luôn luôn lay động và từ đó nhô ra những cái đầu tóc trắng của trẻ con,

- Suyt! - Anh lính thủy Viner, người Estonia suyt chúng như suyt lũ chim sẻ.

Lũ trẻ cười ré lên, ngồi phục xuống trong đám tầm ma, rồi lặng yên. Sau đó nghe thấy tiếng khóc. Như thể có nghĩa là một đứa vào đó là bị gai đâm.

- Cho chúng nó lên tàu, Viner! - Shchedrin nói. - Cho chúng nó xem... Nào, các em ơi! - Anh gọi với – Lên đây!

Lũ trẻ chui ra khỏi bụi tầm ma, túm lại ở bên cầu thang, nhưng sợ không dám lên, chúng cứ đứng nguyên như vậy ở đầu cầu, lặng lẽ ngắm nghía chiếc tàu phóng lôi.

"Dũng Cảm" - đi từ Petrograd vào sông Volga về mặt trận đánh Kolchak. Đoạn đường khó khăn nhất. Kênh đào Mariinsky đã ở lại phía sau. Sự vất vả với những âu tàu đã qua. Trước mắt là hồ Trắng, sông Sheksna, Volga.

Lũ trẻ thở phì phò ở trên bờ, mắt không rời chiếc tàu phóng lôi. Lần đầu tiên trên mặt sông ở quê chúng, thay cho những chiếc tàu kéo bằng thủy xỉ hơi hỗn hển, xuất hiện một con quái vật của biển dài ngoằng và nom thật dữ dội. "Dũng Cảm" trên sông nom cao hơn trên biển – tạm thời nó được gỡ bỏ vũ khí và gánh nặng không cần thiết.

- Các em ơi, làng Megra đây ở chỗ nào? - Shchedrin hỏi.

Lũ trẻ đưa mắt nhìn nhau rồi định bỏ chạy.

- Đứng lại! - Shchedrin nói. - Em nào can đảm nhất trả lời mau.

Đám trẻ đẩy lên phía trước một con bé mặc chiếc áo sơ-mi dài tới tận gót chân.

- Ở đằng sau gò kia kìa, - con bé nói, rồi cúi gằm mặt xuống tưởng chừng như nó sắp phát khóc đến nơi.

- Sau gò là đâu?

- Đằng kia !

- Nào, tất cả dẫn chú đi! - Shchedrin nói và đi xuống bờ.

Lũ trẻ gót chân trần loang loáng chạy lên phía trước. Sau cổng làng là một khu rừng hồ đào um tùm.

Lũ trẻ vừa chạy, vừa ngoái lại nhìn Shchedrin, chân vấp luôn. Có đứa bị sưng cả chân, mếu máo, nhưng vẫn chạy tiếp, chúng sợ nhất là bị tụt lại và bỏ lỡ mất một câu chuyện lý thú.

Làng Megra ở sau một đỉnh đồi cỏ rừng mọc, ven một chiếc hồ lớn. Lũ trẻ mở cổng làng để Shchedrin đi qua, nhưng chúng không vào làng. Làng là làng lại những người đàn bà giận dữ đang nhìn ra từ sân bay cửa sổ.

- Thưa cụ, nhà Tikhonov ở chỗ nào? - Shchedrin hỏi một cụ già đang ngồi sưởi nắng với chiếc gậy để bên bờ giếng.

- Ơ, anh bạn quý mến ơi, ở đây có những bốn gia đình thuộc dòng họ Tikhonov cơ. Anh hỏi nhà nào.

Shchedrin đành phải giảng giải là anh cần nhà Tikhonov mà cách đây tám mươi năm có một bà cụ tên là Avdotya.

- À, anh cần nhà ấy cơ đấy! - Ông cụ mừng rỡ. - May là anh gặp lão đây. Chính lão đã gần tám mươi rồi. Ta là con quạ già, không có nói sai bao giờ. Bà Avdotya của anh mất từ khi lão chưa ra đời cơ. Bà ấy thọ lắm.

- Vậy còn ai là giòng dõi của bà cụ còn sống ở đây không ? - Shchedrin hỏi.

- À, thế thì ngoài Nastya, chả còn ai đâu. Có mình Nastya với đứa con gái nhỏ thôi. Kia kia, chị ta đang giặt ở bên hồ kia kia. Anh ra đấy đi, đi đi anh bạn.

Shchedrin ra chỗ Nastya. Chị ta đang lấy chầy đập ầm ầm vào đồng quần áo xám và quát đứa con gái nhỏ lên năm tuổi.

- Đi về nhà ngay, chùi mũi đi!

- Chị là Nastasya Tikhonova?- Shchedrin hỏi.

Người phụ nữ nhanh nhẹn quay lại và chùi tay vào vạt váy, kinh hãi nhìn Shchedrin.

- Người của hải quân, - chị nói và bình tĩnh lại. - Ông cần việc gì?

- Tôi có chuyện cần nói, - Shchedrin đáp. - Nhưng ở đây không tiện.

- Mời ông vào nhà, - Nastya nói. - Để tôi xếp dọn xong rồi về luôn... Katka! - Chị la con bé. - Dẫn chú về nhà. Ôi, cái con bé tai quái này!

Katka "tai quái" thở hổn hển, ưỡn cái bụng tròn ra, long trọng đưa Shchedrin về nhà. Giữa nhà một con chó lai già bù xù đang ngồi gãi. Nó ngơ ngác nhìn Shchedrin, hắt hơi làm bụi bắn tung cả lên và lại gãi xành xạch.

- Đây là con Kashtan! - Katka khàn giọng nói. - Nó không cần người lớn đâu. Nằm im!

Nastya bước vào. Shchedrin vẫn đứng. Nastya lấy vạt váy lau ghế, mời anh ngồi.

- Nào, giờ ta nói chuyện. Tôi cứ đoán mãi xem ông là ai. Chắc ở mặt trận về.

- Không, - Shchedrin đáp, - không phải ở mặt trận về. Gia đình chị có cụ bà nào là Avdotya và con là Semyon Tikhonov đi lính không?

- Có đấy, - Nastya đáp - Ông tôi có kể chuyện ông Semyon đi lính bị đánh chết ở đâu đó nơi đất khách quê người.

- Tôi đã thăm mộ cụ, - Shchedrin nói - Ở xa lắm, mãi tới một hòn đảo bên Phần Lan ấy.

- Chà, thật đáng sợ làm sao - Nastya thở dài và ngúc ngắc cái đầu. - Bị đưa đến chết ở tận đó. Còn chồng tôi cũng bị giết rồi. Bị bom ném từ trên máy bay xuống, thế đó. - Nastya lấy góc khăn tay chùi mắt và hỏi. - Thế ông hỏi gì về người lính kia ?

- Người đó đã cứu ông tôi thoát chết - Shchedrin nói và hơi đỏ mặt lên.

- Thế đó - Nastya lại lắc lắc cái đầu. - Có nghĩa là một người tốt rồi.

Shchedrin kể rằng vô tình anh đến đây từ trên chiếc tàu phóng lôi đang đi trên sông Vonga, rằng từ bức thư của người sĩ quan chết cùng thời với Tikhonov anh biết rõ nguồn gốc của Tikhonov và tiện thể rẽ vào thăm. Đăng nào ở trên ngư hạm cũng chẳng có việc gì làm, họ phải đợi một chiếc tàu kéo đến.

- Chị chỉ có một con gái thôi à? - Shchedrin hỏi, và nhìn Katka.

Con bé đứng bên bếp lò, chân khèo vào nhau và cứ chăm chăm nhìn Shchedrin.

- Không, tôi còn thằng con trai nữa, nhưng cháu hiện ở Petergof, học việc nghề mộc ở nhà một bác thợ mộc người Megrinsky. Cháu mười hai tuổi. Tính cháu hiền lành như bố cháu, đầu óc rất sáng... - Vậy anh có qua Petergof không? - Nastya hỏi, đã chuyển sang "anh", có nghĩa là Shchedrin đã được thừa nhận là người nhà.

- Nếu không bị giết, tôi sẽ tới đó.

- Có thể anh tìm đến thằng con tôi chẳng? Anh hãy tìm đến cháu, thăm cháu hộ tôi với. Tôi cho anh địa chỉ.

Shchedrin ghi địa chỉ Aleksey Tikhonov, xóm hoàng cung, nhà bác thợ mộc Nikanor Nikitin.

Shchedrin đã toan ra đi, nhưng Nastya không để anh đi mà chưa mời uống trà.

- Chè làm bằng cà-rốt sấy khô thôi. Nhưng anh cứ uống cho tôi mừng. - Chị âu yếm nói.

Nastya phát vào lưng Katka đánh bộp và con bé chạy bắn ra phố - sang hàng xóm vay đường.

Shchedrin nhìn thấy qua cửa sổ thấp, Nastya đang đặt cái ấm samovar nhỏ đã hóa xanh ở ngoài sân và lấy vạt áo quạt lửa. Sau đó chị đi vào sau vách ngăn, từ đó vọng lại tiếng nước óc ách và tiếng thở dài.

Nastya bước ra, người đã được rửa ráy chải chuốt gọn gàng trong chiếc áo váy hoa mới. Chị xấu hổ, đỏ mặt lên, phủ khăn bàn, loanh quanh bên Shchedrin, xột loạt chiếc váy hồng hồ bột.

Họ uống chè hồi lâu, theo kiểu nhà quê, uống dần từ đĩa nước chè vàng. Nastya cắn đường tròn tan bằng hàm răng trắng khỏe mạnh và bất giác Shchedrin ngấm nhìn chị.

Anh không muốn ra về nữa. Nastya tiễn anh đến cổng làng, không sợ những cái nhìn tò mò ghen tị của các bà, các chị đang nhìn theo từ các cửa sổ.

Bên cổng làng họ chia tay nhau. Chị chìa cho anh bàn tay ram ráp, mắt nhìn xuống và bất ngờ nói se se:

- Có thể ta lại còn gặp nhau. Anh viết thư nhé.

Shchedrin hứa sẽ viết thư và đi ra khỏi cổng làng. Gần rừng, anh nhìn lại. Nastya đứng đó, khăn tay che cằm và nhìn rồi theo anh. Anh giơ tay vẫy chị. Chị không đáp lại, cứ đứng đó không nhúc nhích gậy ra như đá.

Bon trẻ đã đợi sẵn Shchedrin ở trong rừng. Vội vã lấy tay áo quẹt mũi, chúng lại chạy lên phía trước, gót chân đạp tung cả cát bụi. Chúng dẫn Shchedrin đến tận chân cầu tàu rồi dừng lại.

Một giờ sau chiếc tàu kéo đến và bắt đầu vừa huýt còi vừa thận trọng đưa chiếc ngư hạm ra vùng nước sâu.

Trước lúc trời tối, "Dũng Cảm" đã đến hồ Trắng. Nó quả là trắng thực. Nhợt nhạt và bóng loáng. Trên bờ hồ thâm thấp mọc lên những tháp chuông nhà thờ làng quê như những ngọn hải đăng. Sau những tháp chuông, mặt trời to trắng bạch hạ xuống cánh rừng.

Bỗng nhiên từ bờ hồ thoảng lại mùi hoa đồng nội đã héo. Ở đó đã cắt cỏ. Tiếng những người đàn bà hát lạnh lạnh và buồn buồn.

Tàu phóng lôi đi theo sông Sheksna xuống miền Nam, trong khi đó trong căn hộ chật hẹp của bác thợ mộc Nikanor Nikitin ở

Petergof đang rối tinh rối mù cả lên.

Bạn của bác Nikitin là cụ Prokhor, một người thợ mộc già và khôn ngoan lẫn ra ốm, cho người xuống nhờ bác Nikitin thay cho cụ về đóng mấy cái giá sách ở Petrograd, tại đại lộ Kronversky.

Câu chuyện cũng bình thường thôi. Bác Nikitin vẫn thường hay làm việc ở nhà người ta theo đơn đặt, nhưng lần này người đặt hàng là một người hoàn toàn khác thường. Ngay đến Matrena - bà vợ ù ù cạc cạc của Nikitin cũng còn biết đến. Tên ông vang dậy khắp nước Nga, cả châu Âu và có lẽ cả thế giới - tên của một trong những nhà văn vĩ đại nhất của nhân loại tiến bộ.

Nikitin dậy sớm, đánh thức cả nhà dậy, cạo mặt hồi lâu, cái cạo với Matrena và cuối cùng cúi kính bái:

- Để thằng Alyosha đi với tôi. Làm thợ phụ. Chắc người ta sẽ cho nó vào nhà thôi, cho nó được thấy một con người vĩ đại.

Alyosha tái mặt, kéo lại chiếc áo sơ-mi vải hoa đã bạc màu.

Matrena tru chéo lên:

- Gớm cái con quỷ già này chỉ khéo vẽ lảm chuyện. Mình ông được vào đã là may rồi. Dễ thường người ta chưa được thấy thợ phụ của ông phó mộc bao giờ đấy hử!

- Im đi! - Nikitin nói. - Ý tôi dứt khoát là như vậy.

Matrena nhổ nước bọt và nói vào khoảng không:

- Nó chả có quần áo nào thích hợp cả.

- Có gì mặc nấy đi là được rồi.

Nhưng dù sao Matrena cũng đã rút ngay từ chiếc tủ ngăn cũ kỹ, đã nứt nẻ, chiếc áo sơ mi vải hoa mới cho Alyosha và là ngay

trên bệ cửa sổ. Alyosha vội chồm lên đầu. Chiếc áo còn nóng bỏng làm rát cả lưng.

- Đi đâu mà vội! – Matrena lại la lên. - Hăng lau mặt, lau cổ đi đã, để thế này ai mà chịu được. Tôi đến chết với hai bác cháu nhà ông mất thôi.

Trong lúc uống trà, Matrena không nhìn chồng bảo Alyosha:

- Cháu phải nhắc ông ấy! Có biết ông ấy thế nào không? Ông ấy mà đã cao hứng thì lười cú múa lên thao thao bất tuyệt, không còn biết giữ mồm giữ miệng gì nữa. Ông ấy chỉ sống bằng những câu chuyện thôi.

- Im mồm! - Nikitin nói - Ý bà như thế nào thì cứ giữ bên mình, đừng có chõ vào việc của tôi.

Khi Nikitin và Alyosha đi rồi, Matrena chạy sang mấy bà hàng xóm, kêu hãnh, đổ cả mặt lên, kể cho họ nghe là ông già độc ác của bà và thằng Alyosha được gọi đến làm việc ở nhà một người danh tiếng. Mấy bà kia thở dài ghen tị.

- Gớm, lại thế nữa kia, hả bà chị - Họ đua nhau nói. - Thế thì sợ quá! Chẳng lẽ ông ấy đi với thằng trẻ ranh ấy à? Ông ta chả biết trời đất là gì sất. Rõ là một tay liều mạng.

Trong khi đó, ông già "độc ác" rảo bước trên mặt đường lát gỗ mọc lút cổ, trên những đại lộ Petrograd vắng vẻ, đã khản đặc cả cổ vì xúc động đến nỗi khó cả việc chuyện trò với Alyosha.

- Sao bác mất cả tiếng đi thế này cháu có nghe thấy không? - Ông lo lắng hỏi Alyosha.

- Giọng bác khản đặc. - Alyosha trả lời.

Để sửa giọng, Nikitin vào quán bia uống một vại bia chua, mùi vị giống như nước kvas.

Alyosha Tikhonov mới được đưa về Petrograd một năm rưỡi nay. Chú rất thích ở Petergof. Chú là một cậu bé nhút nhát, nay nhìn mọi vật một cách chăm chú và lâu: biển xanh, những cung điện, những thủy thủ đi đều bước trên đường phố Petergof vắng ngắt. Đôi khi không biết từ đâu vọng tới tiếng súng nổ. Có lần thậm chí có tiếng trọng pháo nổ, Alyosha rụt rè hỏi bác Nikitin như thế là như thế nào. Bác bóp mũi chú và trả lời:

- Đó là để cho các cháu, cho bọn chưa biết suy nghĩ, các bác, các chú đang gắng sức đấy.

Câu trả lời này thật mơ hồ, nhưng Alyosha hiểu được cái chính và sau này bằng cách hỏi han chú đã vỡ ra được những chuyện khác: bolshevik là gì, Yudenich^[10] muốn gì, ai là vô sản, ai là tư sản.

Bác Nikitin dạy chú bé nghề mộc và vì chẳng có ai để chuyện trò, hàng giờ liền bác kể cho chú nghe về nghề mộc cổ xưa, về các đặc tính khác nhau của gỗ, về sơn bóng, về các bậc thầy danh tiếng đã mất từ lâu (Cầu cho linh hồn họ yên nghỉ!). Bác Nikitin nhớ lại những người thếp vàng, những chuyên gia về đồ đồng phù điêu, làm sàn gỗ. Bác biết bí mật của nhiều nghề nghiệp và cố nhồi nhét cho Alyosha.

Alyosha chăm chú lắng nghe. Bác Nikitin đưa cho cháu những quyển sách, khi thì là của Pushkin, khi của Gogol, khi lại là Krestovsky không nổi tiếng mấy, bắt chú phải đọc, sau đó khắt khe đòi chú phải kể lại những cái đã đọc qua. Nhưng Alyosha lại thích vẽ hơn. Chú chẳng có gì hơn ngoài mấy cái bút chì màu, nhưng với những cây chì màu ấy chú bé vẽ nên những bức tranh làm bác Nikitin phải hoan hỉ.

- Cháu sẽ trở thành Repin^[11]! - Bác Nikitin vẫn thường nói. - Chẳng cần phải gắng sức cân não gì, bàn tay cháu cứ thế vẽ ra. Phải dạy cháu, thằng ngốc ạ!

Ở đại lộ Kronversky, bác Nikitin và Alyosha cứ đứng mãi trước tòa nhà cao màu xám. Nikanor Ilyich nhìn những khung cửa sổ to rộng và đàng hẵng. Sau đó đánh bạo bước vào cổng phụ và hỏi một người nào đó đang quét sàn là nhà văn trú danh ở đâu.

- Bên trái, cửa thứ nhất. - Người này nói thậm chí không quay lại.

- Thằng cha xác láo, cái đồ vô giáo dục, - Nikitin nói khi họ đã bước lên cầu thang.

Họ bấm chuông. Bác Nikitin và Alyosha không nhớ được ai đã mở cửa cho họ, dẫn họ vào một căn phòng lớn, trong đó không có người và chỉ có những giá sách kê dọc theo các bức tường. Hàng trăm, hàng nghìn, có thể đến hàng vạn cuốn sách nằm trên giá, trên bàn, trên ghế, trên bậu cửa sổ, ngay trên sàn nhà nữa. Alyosha muốn ngồi xổm ngay xuống, xem chúng từ sáng đến chiều, ít ra là cả năm.

Nikitin sờ vào giá sách bác Prokhor làm dở. Nó được đóng bằng gỗ đỏ, chỉ còn phải đánh bóng nữa thôi.

Bác Nikitin bắt đầu làm việc. Đầu tiên tay bác còn run lên và trái tim như ngừng lại mỗi lần có tiếng loạt xoạt ở phòng bên, nhưng hồi công việc quen thuộc và yêu thích đã làm bác bình tâm. Alyosha chốc chốc lại hỏi: "Thế ông cụ có ra đây nữa không". Bác trả lời:

- Tao làm sao mà biết được. Tao có phải là ông trời đâu chứ!

Bỗng nhiên cửa mở ra, một người cao lớn tóc đã đốm bạc, người hơi gù nặng nề bước vào. Mặt người đó hiền, mũi giản dị, hơi hếch. Trông thật hết như chú Vasily bốc vác trên tàu chở hàng ở sông Sheksna, mà cả bác Nikitin và cả Alyosha đều quen thuộc. Người hơi gù đó mặc bộ com-lê mỏng màu xám nom rất thoải mái, mềm mại.

Bàn tay lớn của ông nắm lấy bàn tay râu đầy véc-ni của bác Nikitin và vuốt tóc Alyosha từ gáy ngược lên trán, làm tóc dựng đứng cả lên, nhìn nước sơn véc-ni vừa hắng giọng vừa nói:

- Báo làm việc tuyệt lắm. Tuyệt vời đấy!

Alyosha kinh hãi nhìn người cao lớn. Nhà văn trứ danh chính là ông.

Nhà văn móc từ trong túi ra hộp thuốc lá dài, mở ra chìa cho Nikitin. Alyosha tròn mắt ra nhìn. Nikanor Ilyich lịch sự dùng ba ngón tay nhón ra một điếu và châm hút, mặt dầu cả đời chẳng hút thuốc bao giờ, khước từ đối với một người như vậy thật là bất tiện.

- Chú nhóc tên là gì? - Nhà văn hỏi Alyosha.

- Aleksey, - Alyosha làu bàu cúi kính đáp.

- Aleksey là một vị thánh, bị khâu vào túi vải gai. - Nhà văn nghiêm chỉnh nói, nhưng đôi mắt xanh của ông mỉm cười hiền hậu theo kiểu cách của những cụ già. - Bị đóng đinh để khỏi cúi kính? Thôi, bác làm việc đi. Tôi không quấy rầy nữa.

Ông bỏ đi. Trong phòng bên giọng trầm ồm ồm của ông còn vang lên mãi. Ông đang giải thích điều gì cho ai đó và nói:

- Tôi không phải bảo ban anh, không phải tôi. Nhà văn phải biết tất cả các loại táo, nếu anh ta viết về nó. Chẳng hạn giống táo grushovka hay anisovka. Trên sông Oka tôi có một người bạn làm nghề trồng vườn, một con người có tâm hồn lớn...

Nhưng ngay lúc đó có mấy giọng nói cùng cất lên và lời của nhà văn không nghe rõ nữa.

Alyosha nhìn bác Nikitin làm việc như bị thôi miên. Bác thợ cả làm nên điều kỳ diệu. Chưa bao giờ Alyosha thấy gỗ được phủ

một lớp véc-ni mỏng như vậy. Mặt trời hoàng hôn chiếu xiên nghiêng vào căn phòng và dưới chiều sâu của gỗ, những thớ vàng nổi lên. Miếng gỗ tưởng như được ngâm trong một thứ nước màu sẫm nhưng trong suốt và qua làn nước ấy thấy rõ cả cấu trúc phức tạp, uốn lượn, bay bổng của nó.

Nhà văn lại bước vào. Ông hỏi Nikitin hồi lâu về những điều tinh tế khác nhau của nghề mộc. Alyosha kinh hãi nhận thấy Nikanor Ilyich nói chuyện với nhà văn càng ngày càng mạnh bạo hơn và như Matrena nói - chị chực múa lười lên thao thao bất tuyệt, không bao giờ hết.

- Đồng chí là bậc uyên thâm, - Nikanor Ilyich nói. - Xin đồng chí nói cho kẻ ngu đần này: thứ gỗ này kém đá quý ở chỗ nào? Về uốn lượn có, độ bóng - muốn bao nhiêu cũng được, màu đẹp hơn cả thạch ngọc lựu. Tuy nhiên thứ gỗ này chỉ bộc lộ rõ mình dưới ánh đèn nèn. Điện không có tác dụng với nó.

Nhà văn nghe, nhú mắt, rồi mỉm cười.

- Nếu đồng chí có nến và trong phòng tối hơn một chút, tôi có thể cho đồng chí xem vẻ đẹp thực sự của loại gỗ này, - Nikanor Ilyich nói huênh hoang.

- Hay tuyệt, có thể xem được lắm! - Nhà văn trả lời, lại gần cửa sổ kéo rèm cửa xuống.

Trong phòng gần như tối hẳn. Nhà văn bỏ đi rồi trở lại với một cây nến.

- Nào, ta thử thắp lên xem! - Ông nói và Alyosha thấy trong mắt ông ánh lên một vẻ tò mò vui nghịch cũng như các bạn trai lau nhau của chú. - Xem lần này nó ra sao ?

- Lần này sẽ thay đổi hoàn toàn. Nikanor Ilyich nói.

Bác châm nến và đặt lên giá sách. Những thanh gỗ lập tức biến đổi. Nhìn chúng tưởng chừng như vô đáy và đen sẫm. Ngọn lửa nến trôi trong chiều sâu của gỗ như một mặt trời nhỏ trong sương mù. Quanh nó bao bọc một vùng hào quang làm ngời lên chung quanh những vân gỗ. Màu gỗ sáng lên ánh lửa đỏ sẫm của rượu vang.

- Mozart và Salieri^[12] - đột nhiên Nikanor Ilyich nói và Alyosha giật bắn người vì điều bà Matrena dặn trước đã trở thành sự thực, - Tôi đọc vở kịch tới hai mươi lần mà mãi vẫn không chán. Mỗi lần đánh bóng gỗ là tôi lại nhớ lại những lời lẽ luôn vương vấn trong lòng tôi: "Tiếng đại cầm vang lên trong nhà thờ cổ kính, tôi nghe, nghe mãi - những giọt lệ ngọt ngào tự nhiên trào ra mi mắt tôi."

Nhà văn nhoẻn miệng cười sau rìa mép và gọi những người nào đó từ phòng bên sang. Ông chỉ cho họ xem thân gỗ dưới ánh nến, ngắm nghía và nói bằng cái giọng trầm êm êm những lời nồng nhiệt về vẻ đẹp của nghệ thuật thực sự – dù cho là văn học hay đánh véc-ni.

Alyosha nghe như trong sương mờ. Vì sau đó, câu chuyện chuyển sang môn kiến trúc và Nikanor Ilyich nói oang oang một cách lỗ mãng rằng Voronikhin^[13] so với Rastrelli chỉ là nhãi con và một con cún thôi. Tất cả ồn lên, còn nhà văn thì nắm lấy khuỷu tay Nikanor Ilyich và giận dữ nói:

- Cái đó thì bác nói không trúng rồi. Thế Viện địa chất thì sao? Còn nhà thờ Kazan nữa?

- Nặng nề quá. Tòa nhà phải thanh thoát và đóng vững trên mặt đất.

Nhà văn bật cười, nắm lấy vai Nikanor Ilyich lắc mạnh.

Câu chuyện bỗng chuyển sang Alyosha và chủ bé không biết chui vào đâu. Nikanor Ilyich bắt đầu "múa lưỡi" về các hình vẽ

của chú và nhắc lại câu nói ưa thích của mình:

- Tự bàn tay cháu nó cứ vẽ mà không cần đến sự gắng sức của cân não nào.

- Học trò của anh đây chứ đâu. - Nhà văn quay về một người có bộ râu thưa và đôi mắt giận dữ nói:

- Tất cả các anh cầm cung trong các xưởng vẽ của mình, không chịu đào tạo học trò gì cả. Đất nước đang có cách mạng mà các anh sống như một đám chuột chũi. Thử hỏi các họa sĩ ngày xưa sống ra sao? Chung quanh họ là một gia đình học trò tuyệt vời như thế nào. Một truyền thống đẹp đẽ. Đây hiệu quả và vĩ đại. Cần phải trả nó lại cho thời đại chúng ta. Các anh keo kiệt quá, giống như bà cụ tam đại nhà tôi. Cụ chôn tiền giấy xuống đất để khỏi lọt vào tay kẻ khác. Tiền mục hết cả, bạc hết màu. Sau đó cụ đem hong trên bếp lò, nào có ăn thua gì: chả ai lấy cả.

Người gây nghi ngờ nhìn Alyosha:

- Để tôi thử xem. Ông ta nói. Tôi mang nó về học viện mỹ thuật.

- Phải làm từ lâu rồi mới phải, - Nhà văn nói câu kính, hết như ông đã nói về Alyosha với nhà họa sĩ hàng năm liền. - Anh sẽ tìm được những khả năng tuyệt vời đấy.

Alyosha chẳng còn nhớ được đã cùng Nikanor Ilyich ra khỏi chỗ nhà văn như thế nào nữa. Đêm trăng tròn lên thành phố Petrograd vắng vẻ, mặt nước nhiều màu lấp lánh mờ ảo, còn ở phía bắc, ngoài những hòn đảo đen ngòm đã ngời lên ánh bình minh.

- Cháu sẽ nên người, Aleksey ạ, - Nikanor Ilyich nói. - Sẽ như thế đó! Ý kiến của bác là dứt khoát đấy!

Ghi chú

- [1] Sasha: Tên âu yếm của Alexander Shchedrin.
- [2] Đây là một câu thơ - Ackerman hay nói bằng những câu thơ.
- [3] Âm chỉ họ là tầng lớp trên, không phải thành phần cách mạng.
- [4] Petersburg: Cũng chính là Petrograd và sau này là Leningrad, mỗi thời một tên gọi khác nhau.
- [5] Lavr Kornilov (1870 - 1918): Tướng bạch vệ Nga.
- [6] Lord Byron (1788 - 1824): Nhà thơ lớn người Anh.
- [7] Peter: Tên thân mật của thành phố Petrograd theo cách gọi của dân địa phương.
- [8] Francesco Bartolomeo Rastrelli (1700 - 1771): Kiến trúc sư trứ danh người Ý đã góp công xây dựng Petrograd.
- [9] Smolny: Trụ sở bộ tham mưu Cách mạng, nơi Lenin làm việc hồi đầu Cách Mạng Tháng Mười.
- [10] Nikolai Yudenich (1862-1933): Tướng bạch vệ
- [11] Ilya Repin (1844-1930): Họa sĩ vĩ đại người Nga
- [12] Mozart và Salieri: Nhạc sĩ vĩ đại người Áo và người Ý. Cũng là tên một bài kịch thơ nổi tiếng của Pushkin.
- [13] Andrey Voronikhin (1759 - 1814): Kiến trúc sư người Nga có công xây dựng thành phố Petrograd.

Phần III

Trong vườn bách thảo trên đảo Aptekarsky, một chiếc máy ảnh nhỏ được chĩa vào cảnh tảo trụi. Tháng ba, trên cành nhu nhú những mầm lộc.

Cứ mỗi ba tiếng đồng hồ chiếc máy ảnh lại xạch một cái chụp một tấm ảnh. Cứ như vậy nó làm việc suốt tháng ba, tháng tư và tháng năm cho đến khi cành tảo nở đầy hoa.

Aleksey Tikhonov đến vườn bách thảo luôn. Trên thân cây, trong hình dáng của những chiếc lá mọc chỉ chít hỗn độn trên cành, anh tìm thấy bao dáng điệu và màu sắc cho những bức tranh anh đang vẽ.

Anh đã thân với chiếc máy nhỏ màu đen khuất trong vòm lá như với một con người. Chiếc máy sống chung một cuộc sống với cây cỏ. Nó ở đây với vườn cây suốt bao ngày đêm, khi trong vườn ươm lạnh êm như ru đến nỗi có thể nghe thấy tiếng đất hút vào mình những giọt sương rơi xuống. Tikhonov cảm thấy tiếc khi chiếc máy được mang đi, dường như người ta mang ra khỏi khu vườn một con vật bé nhỏ sống lẫn trong đám lá cỏ và không quấy phiền ai chút nào.

Các nhân viên vườn bách thảo cho Tikhonov xem cuộn phim chiếc máy chụp được. Người ta cho nó chạy chiếc máy đèn chiếu chừng năm phút. Tikhonov nhìn lên màn ảnh nhỏ màu trắng và thấy rõ nụ hoa đã lớn lên trước mắt anh như thế nào, phồng lên căng đầy lớp nhựa dính, rồi vỡ tung, từ đó những cánh hoa nhàu duỗi ra như thể vươn vai sau một giấc ngủ, thành một bông hoa trắng và bỗng nhiên rung lên vì một tia sáng rơi lên mình nó.

Mỗi lần nghĩ tới những năm tháng trôi qua trên đất nước và cuộc đời riêng của mình, Tikhonov lại nhớ tới bông hoa tưởng

như bất ngờ nhưng kỳ thực mở ra từ từ và dần dần.

Tikhonov biết rằng năm tháng trôi đi với sự điềm tĩnh được định sẵn từ lâu, đúng với quy luật, rằng đất nước thay đổi theo từng tháng và cứ mỗi tháng những ý nghĩ, những ước muốn, những mục đích mới xác định nên bộ mặt của con người khác hẳn, lại nảy ra trong tiềm thức.

Nhưng đồng thời những năm đã sống cũng tạo ra cái cảm giác dường như vẫn một buổi sáng ấy và đến trưa vẫn còn xa. Thời gian tưởng như là một chuỗi dài liên tục không vỡ vụn ra thành những năm tháng buồn tẻ. Năm đơn nhất, hùng vĩ của cách mạng kéo dài mãi.

Tuy thế, tóc trên thái dương Tikhonov đã điểm bạc. còn bàn tay của Nikanor Ilyich ốm yếu đã run run. Bác cứ phải ngừng việc luôn, ngồi không nhúc nhích và ca cẩm vì trái tim ọp ẹp.

Ông cụ không muốn bỏ hẳn công việc.

- Đã đến lúc chết rồi đây, - bác nói, - vậy mà cháu thấy đấy, bác vẫn cứ làm việc. Cố bám lấy. Tại sao nào? Rất đơn giản thôi, bác cảm thấy phải trả ơn cuộc sống mới bằng công việc của tuinh, để lại cho lớp trẻ những món quà quý giá và có ý nghĩa.

Và ông già đã để lại những món quà ấy. Đó là những đồ gỗ tinh vi được phục chế lại, những đồ vật không kém gì những công trình của các bậc thầy giỏi nhất của thế kỷ thứ mười chín.

- Bác chỉ học mò thôi, bác nói. - Làm sao đạt tới được trình độ mẫu mực là thắng lợi rồi. Còn thanh niên các cháu có tất cả mọi thứ. Nhân dân sẽ đòi hỏi ở các cháu nhiều hơn lớp già các bác.

Nhà văn trứ danh đã mất. Cả người thầy của Tikhonov - nhà họa sĩ có đôi mắt giận dữ, cũng đã qua đời. Mẹ Tikhonov, Nastya cũng đã mất.

Anh trở về Megra khi nhận được thư của mẹ gọi "về chôn cất cho mẹ".

Nastasya nằm trong căn nhà gỗ sạch sẽ và lặng im, môi hé cười, răng vẫn sáng bóng như hồi còn trẻ. Ngay khi còn sống, bà đã kể cho Tikhonov nghe là gần hal mưa năm trước đây có một người ở hải quân đã về Megra hỏi thăm về ông Semyon bị chết vì phạt đòn và hứa sẽ đến Petergof thăm Alyosha.

- Bác ấy có đến thăm con không? - Bà lo lắng hỏi. - Con nói đi, có đến không?

- Thưa mẹ, không, bác ấy không đến.

- Sao lại như vậy nhỉ? - Bà ngơ ngác hỏi, - Bác ấy người đẹp, cao lớn. Bao nhiêu năm mẹ vẫn nhớ bác ấy, mong gặp bác ấy, chẳng lẽ đã chết ngoài mặt trận.

Bà òa lên khóc.

Cả Katya, em gái của Tikhonov, một cô gái cao, ngăm ngăm đen từ Cherepovets cũng trở về đưa đám mẹ. Cô là giáo viên, nhưng đang muốn chuyển nghề làm hướng dẫn viên thể thao. Cô đã từng nhận giải thưởng những cuộc thi bơi thuyền. Cô yêu sông nước và những con thuyền mê say say cuồng nhiệt.

Tikhonov đưa cô về Leningrad và chỉ một tháng sau cô là làm ở trạm đua thuyền đảo Krestovsky.

Tikhonov vẫn sống ở đó, ở Petergof, trong nhà bác thợ mộc Nikitin. Leningrad trẻ đẹp, ngời sáng vì những tòa nhà mới xây. Thành phố đường bệ trút bỏ vẻ ảm đạm trước đây, soi mình trong gương, trong đá cẩm thạch, nhưng Tikhonov yêu hai ông bà già, không muốn làm phật ý và vẫn sống trong căn nhà của họ như trước đây.

Dù anh ở đâu - ở Sevastopol hay Baku, ở Vladivostok hay trên sông Volga - bao giờ anh cũng biết rằng anh sẽ trở về căn nhà này, căn nhà chất đầy những giá vẽ, phong vẽ, những mảnh gỗ quý, luôn bốc lên mùi thuốc vẽ, mùi cồn véc-ni và hoa thiên trúc quỳ mà bà Matrena đã trồng với sự kiên trì không bao giờ thay đổi.

Mặt sàn lát gỗ ga Baltic sẫm lại vì sương. Đêm trắng. Những chuyến tàu hỏa chạy điện đi về Petergof không bật đèn. Những toa xe kê ầm ầm sẽ ở những chỗ ngoặt, ngại làm kinh động sự tĩnh mịch của các khu nhà nghỉ, khuấy động tiết trời đã từ lâu lặng gió bên vùng ven biển.

Tikhonov vội đi về Petergof. Trên báo chí đã công bố quyết định về ngày hội văn hóa ở Leningrad dự định tiến hành vào ngày 24 tháng bảy. Tikhonov đi mang tin vui này về cho ông già Nikitin.

Ngồi bên cửa sổ toa xe, Tikhonov định đọc lại thông báo này tới lần thứ mười, nhưng ánh sáng yếu quá chỉ đọc được những hàng chữ in to. Tikhonov đặt tờ báo sang một bên nhìn ra cửa sổ. Đêm cao vời vợi, mờ sáng, trải ra phía trên. Một ngôi sao duy nhất vượt qua tầm tối tỏa ánh sáng chậm rãi trên ngọn cây cao của các khu vườn.

"Có lẽ là sao Mộc". - Tikhonov nghĩ. Anh tưởng tượng ra cả đêm trên vịnh Phần Lan, khi trong bóng tối chỉ thấy rõ ba điểm sáng: ngọn lửa trắng của cây hải đăng ở Kronstadt, ngọn lửa xám của ngôi sao Mộc, và ánh vàng điểm tĩnh của nóc nhà thờ Isaakievsky được ánh chiếu dương rọi vào. Bình minh ngời lên ngay đây, bên rìa trái đất^[1]. Buổi sáng ở ngay bên cạnh và những người sống ở trên tầng cao các tòa nhà của Leningrad nhìn thấy nó suốt đêm từ các cửa sổ nhà mình.

... Ông già Nikitin không ngủ. Ông gọi Tikhonov qua khung cửa sổ mở ngỏ. Ông già vẫn làm việc: đánh bóng nắp chiếc đàn

dương cầm cổ.

- Cháu mang báo về đó à, Alyosha? – Nikitin hỏi. - Nghe nói trong đó có tin về ngày hội của chúng ta.

Tikhonov đặc biệt yêu ông già vì tất cả những gì liên quan đến kiến trúc, điêu khắc, trang trí nhà cửa, cụ đều coi như công việc của chính mình. Nhà kiến trúc vĩ đại Zakharov người đã xây dựng Cung Đô Đốc hay nhà điêu khắc Andreyev đối với cụ cũng dễ hiểu gần gũi như những người làm đồ đồng, những người thợ nề vốn thân quen.

Giữa cụ và những người này có mối liên quan chung là sự hiểu biết nghề nghiệp, con mắt chuẩn xác và sự hoàn thiện nhờ những nguyên vật liệu - dù đó là mộtt thanh gỗ mỏng, bột màu, hay một miếng đồng đẹp, thanh tiếng.

"Có sự kế thừa của nền văn hóa chính là ở chỗ đó, - Tikhonov kết luận, - ở trong sự hòa hợp ngàn đời của các bậc thầy, bất kể họ là ai - là thợ nguội, thợ mộc, nhà kiến trúc hay nhà thơ"

Nikanor Ilyich yêu cầu Tikhonov đọc thông báo về ngày hội. Tikhonov ngồi trên bậc cửa sổ đọc to lên những lời giản dị của bản thông báo mà anh cảm thấy chúng được viết ra để tạc vào đá:

"Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa được giành lại bằng máu và được sáng tạo nên bởi công sức của nhân dân lao động toàn liên bang đang trên đường phát triển và nảy nở không ngừng. Thời đại xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải tạo nên những tượng đài hùng vĩ, những tác phẩm nghệ thuật có thể ghi lại và truyền cho hậu thế sự vĩ đại về bản chất anh hùng của nó. Việc sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật này sẽ mở đường cho những tài năng muôn hình muôn vẻ, rất phong phú trong dân chúng toàn Liên bang được phát huy.

Thành phố của chúng ta – thành phố Lenin - không chỉ là cái nôi của cách mạng, trung tâm của nền đại công nghiệp tiên tiến, mà

còn là thành phố của những bậc thầy vĩ đại trong mọi ngành nghệ thuật.

Việc tiếp thu các di sản văn hóa của xã hội chúng ta có những cơ sở lớn nhất để thực hiện ở thành phố chúng ta. Chỉ cần nhớ đến tên của các nhà kiến trúc - những người đã xây dựng thành phố - Bazhenov, Rastrelli, Voronikhin, Zakharov và những người khác - đã đủ để thấy rõ một ý nghĩa là chính nơi đây, chính tại thành phố Lenin, nước xã hội chủ nghĩa trẻ tuổi có thể học được những qui luật nghệ thuật của các nghệ sĩ vinh quang trong quá khứ.

Nhân dịp khai mạc tại Leningrad những học viện đào tạo các bậc thầy ngành kiến trúc, điêu khắc, hội họa, khắc gỗ, các bậc thầy của nghệ thuật đồ đá, kim loại sành sứ và đá hoa, Xô viết Leningrad quyết định tổ chức vào ngày 24 tháng Bảy, ngày hội lớn của toàn dân. Ngày hội này phải mang một ý nghĩa chủ chốt là thành phố xã hội chủ nghĩa không chỉ là nơi sinh sống của cư dân, nơi tập trung các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, các nhà máy công xưởng mà còn là một tác phẩm nghệ thuật độc lập - yếu tố hùng mạnh trong việc giáo dục nghệ thuật cho quần chúng".

- Thông báo này nói lên điều gì? Bác hiểu nó như thế nào ? - Nikanor Ilyich nói. - Nó nói về sự cao cả của tâm hồn con người. Đã từ lâu bác nhận thấy nhân dân mỗi lúc một khác, tùy theo họ nhìn thấy gì ở chung quanh.

- Thế thì sự cao cả của ông ở đâu, - bà Matrena nói vọng ra từ góc phòng - Khách hàng đã gửi điện đến hỏi, lo lắng; vậy mà nắp chiếc đàn ông vẫn chưa làm xong.

- Chẳng có chuyện gì với ông khách hàng cả. Ông ấy sẽ bỏ qua hết cho ta vì cái nắp đàn này. Ông ta là một nhà hàng hải hiểu biết rất rộng. Nói chuyện với ông ấy mới khó chứ. Tôi nói về gỗ đen, ông ấy lại nói và khí hậu. Làm khổ mình vì cái khí hậu ấy!

- Cái khí hậu ấy làm sao cơ? - Tikhonov hỏi .

- Khi hậu là chuyện phức tạp. Nếu ông ấy thành công thì chúng ta sẽ trở thành một dân tộc hạnh phúc nhất thế giới. Trong phòng ông ta có một khoanh gỗ sồi - cây sồi đó phải tới bốn trăm tuổi, nếu không hơn. Cứ trông những lớp hình thành theo năm thì rõ. Cái đó ta thường gọi là "mắt gỗ". Lớp này dày hơn, lớp kia mỏng hơn, có lớp mỏng dính như sợi chỉ. Thế rồi ông ấy hỏi: "Bác Nikitin người thợ một tài hoa, con người thông thái, bác thấy gì trước mắt?". "Chỉ là những thớ gỗ thôi" bác trả lời - Những thớ gỗ sồi này nếu biết đánh bóng cho cho khéo thì cũng đẹp lắm". Ông ấy lại bắt đầu tranh luận: "Vấn đề không phải ở chỗ đánh bóng mà ở những kết luận chính xác cơ. Trong mức độ nào đó tôi là nhà khí tượng và thực vật học. Ông ta nói. Mỗi năm thân cây dày lên một lớp gỗ tùy theo độ ẩm. Vào mùa hè mưa nhiều lớp gỗ dày hơn, mùa hè khô hạn thì mỏng hơn, vì thế theo khúc gỗ sồi này có thể biết được trăm năm trước đây khí hậu chung quanh nó ra sao". "Ông biết điều đó để làm gì?" - bác lại hỏi. - Có ích lợi gì cho người ta nhờ điều ấy", "Có chứ, - ông ta mới, - nhưng kể ra dài dòng lắm. Tam thời tôi chỉ nói tóm gọn lại như sau: Căn cứ vào những thân gỗ này và một vài điều khác, chúng tôi đã tìm ra một điều tuyệt vời. Đó là đã có thời kỳ xa xưa khí hậu ở nước ta ấp áp và dễ chịu như đảo Ceylon ấy. Những rừng mộc lan mọc san sát ven bờ vịnh Phần Lan. Chúng tôi đang cố gắng đem trả lại khí hậu ấy cho vùng này, ông ta còn nói là điều đó có thể làm được mà không có gì là kỳ diệu cả".

- Chết yên cũng chả muốn! – Bà Matrena lầu bầu, - những lão già ngu ngốc, thiên trúc quỳ còn chưa vừa lòng lại muốn mộc lan cơ.

- Thiên trúc quỳ sánh với mộc lan là cái quái gì. Lá thiên trúc quỳ thô ráp chán ngắt. Bà già đừng có cãi lại với ta nữa!

Hai ông bà già cãi cọ nhau. Tikhonov cáo lui đi lên gian gác xép của mình. Từ cửa sổ nhìn rõ mặt vịnh. Một con chim nháy chuyền trong cành cây ướt át và thận trọng hót lên như gọi ai. Đồng hồ ở dưới nhà xè xè một lúc lâu rồi điểm liên hai tiếng.

Tikhonov đứng tư lự bên cửa sổ. Sau đó thận trọng xuống nhà, đi ra vườn thượng uyển.

Không muốn ngủ. Không thể đọc sách cũng như không thể bật đèn sáng lên. Ánh sáng bàng bạc tản mạn của đêm trắng làm cho ánh điện trở nên lác lõng và gay gắt trên. Nó dường như ngăn dòng đêm đang từ từ trôi lại, làm tan biến mất những bí mật như những con thú vô hình muọt mà đang cuộn mình trong các góc phòng, làm cho các đồ vật trở nên thực hơn như chúng vốn có trong thực tế.

Ánh sáng xanh nhạt mờ mờ động trong các hàng cây. Những bức tượng vàng lấp lánh. Các đài phun nước im lặng về đêm, không nghe tiếng rào rào hối hả của chúng nữa. Chỉ có những giọt nước lẻ tẻ rơi xuống, tiếng lạnh tanh vang đi rất xa.

Ánh dương tỏa xuống những bậc thềm bằng đá, một thứ ánh sáng vàng vàng từ các bức tường và các cửa sổ phản chiếu lại tỏa xuống đất.

Cung điện thấp thoáng giữa bóng tối của những lùm cây như một chiếc lá vàng đơn độc ánh lên giữa đám lá cây còn tươi mới và tối sẫm vào buổi đầu thu.

Tikhonov đi dọc theo kênh đào ra vịnh. Trong kênh, những đàn cá nhỏ lượn lờ giữa những hòn đá mọc đầy rêu.

Vịnh biển sáng ngời và yên tĩnh. Sự yên lặng bao khắp trên mặt vịnh. Biển vẫn còn chưa thức giấc. Chỉ có ánh nước hồng hồng báo trước bình minh đang đến gần.

Một chiếc tàu đại dương đi về Leningrad. Ánh chiếu dương đã sáng lên trên những cửa sổ tròn và một làn khói nhẹ kéo dài sau đuôi tàu.

Con tàu kéo còi chào đón thành phố vĩ đại miền Bắc, chặng cuối của con đường biển khó khăn. Xa xa, trong thành

Leningrad, nơi tháp nhọn của Cung Đô Đốc ánh lên sắc vàng yếu ớt, vang lên hồi còi dài của một con tàu khác đáp lại.

Trong lòng kênh, những chiếc xuồng đậu san sát. Các thủy thủ trẻ chụm vải bạt ngủ trên đó. Tikhonov nhìn thấy những khuôn mặt hồng hào trong giấc mơ của họ, nghe thấy tiếng ngáy nhẹ nhàng thừa thốt. Gió sớm mai từ biển thổi về lay động những vòm lá trên đầu.

Tikhonov đi ra bờ vịnh. Không một bóng người. Mãi ở cuối bến tàu mới thấy một người con gái nào đó đang ngồi trên chiếc ghế gỗ dài.

"Nàng ở đây làm gì vào giờ này?" - Tikhonov nghĩ thầm. Con mèo đen trụi lông thận trọng bước trên sân bến tàu lát gỗ và sau mỗi bước lại rung chân một cách ồ ạt...

Tikhonov đứng bên lan can và nhìn xuống mặt nước. Con mèo cũng nhìn và mắt nó lập tức đen lại. Gần chiếc cọc gỗ, một đàn cá bạc đuôi dài đang bơi di bơi lại. Người thiếu nữ đứng dậy và lại gần Tikhonov. Anh nhìn cô và cô cùng lại gần càng nghe rõ tiếng chân bước nhẹ nhàng từ trong sương mờ vọng lại. Anh đã thấy rõ nụ cười ngượng ngịu của cô. Chiếc mũ phớt nhỏ tỏa bóng xuống trán cô, vì thế đôi mắt nom càng sáng lên. Chiếc áo váy lụa màu nước biển vừa óng ả, vừa lạo xạo và Tikhonov nghĩ rằng người thiếu nữ hẳn phải thấy lạnh, - giở sương mai dù có ấm thế nào bao giờ cũng mang theo hơi tuyết.

Người thiếu nữ lại gần, Tikhonov nhìn cô và đoán ra đây là người ngoại quốc.

- Ông làm ơn... - người thiếu nữ nói chân rãi và một nếp nhăn nhỏ hiện lên giữa hai hàng lông mày.

- Ông làm ơn chỉ giúp tàu thủy về Leningrad sắp đi chưa?

Có lẽ cô phải là từng lời và nói chợ chệch.

- Còn hai giờ nữa cơ. Cô nên đi xe lửa thì nhanh

Người thiếu nữ lắc đầu không tán thành.

- Không đi xe lửa được. Tôi sẽ không biết đường từ ga về nhà ở Leningrad.

- Tại sao cô lại ở đây vào giờ này? – Tikhonov.

- Tôi bị lỡ chuyến tàu thủy cuối cùng. Thật ngu xuẩn. Tôi đã ngồi đây cả đêm. Chỉ có tôi và con mèo đáng sợ này thôi. - Cô chỉ con mèo và bật cười.

- Cô là người Pháp ư? - Tikhonov hỏi và đỏ mặt; anh cảm thấy câu hỏi không được lịch sự lắm.

Người thiếu nữ ngẩng đầu lên. Trong khuôn mặt trái xoan đầy đặn và cái cằm nhỏ, đồng thời có một cái gì đó vừa của người Pháp, vừa của người miền Bắc. Với

- Ô không? - Cô nói dài giọng. – Tôi là người Thụy Điển. Nhưng tôi nói tiếng Pháp.

Tikhonov nhìn cô, nhưng nghĩ về mình. Anh cố hình dung con người mình từ bên ngoài.

Tuy đã nhiều tuổi, anh vẫn cảm thấy mình là một chú bé và luôn khổ sở trong dom người lớn tuổi. Những bạn cùng lứa với anh đều đã trở nên những người trịnh trọng cả về hình thức lẫn trong nếp nghĩ. Tikhonov vẫn chưa tin được là mình có tài và anh vẫn thích tất cả những gì các chú bé ưa thích: những chuyến đi câu, những chuyến đi xe lửa, nhà ga, những cuộc trượt tuyết, những chuyến tàu thủy và các cuộc du lịch.

Trước những người cùng tuổi anh thường lúng túng, cảm thấy gò bó và biết rằng anh không thật đúng như người ta tưởng lượng. Khi đọc những bài báo về mình hay nghe các họa sĩ bầu

bạn nói về năng khiếu của anh, Tikhonov đứng đững như nghe nói về một người cùng tên hay một kẻ đồng dạng.

Anh biết rằng cho đến nay bức họa đẹp nhất của anh vẫn chưa được vẽ, và vì thế anh ngạc nhiên một cách chân thành về những lời bàn tán xôn xao ngày một nhiều chung quanh các tác phẩm của anh.

Giờ đây anh nghĩ về mình vì càng đặc biệt cảm thấy mình là một cậu bé. Anh lúng túng, trước mặt người thiếu nữ không quen biết, trẻ tuổi hơn anh.

Người thiếu nữ cũng bối rối và cúi xuống để giấu mặt, tay vuốt ve con mèo trụi lông. Con mèo nhìn cô dò hỏi và kêu meo meo.

Mặt trời mọc. Các khu vườn bắt đầu cháy lên, trút bỏ làn sương sớm. Ánh sáng sinh động lướt nghiêng qua mặt người thiếu nữ như một làn gió, lóe lên trong mắt cô gái, soi tỏ hàng mi và bàn tay run run nắm lấy thành lan can.

Mặt vịnh được lợp kín những vết ánh sáng và sương mù. Xa xa, vang lại theo mặt nước tiếng còi nhẹ nhẹ của chiếc tàu từ Oranienbaum về. Chuyến tàu thủy đi Leningrad.

Người bảo vệ bến tàu gầy nhỏ và thọt chân, cầm mấy chiếc cần câu bước ra sân lát ván. Ông ta chào Tikhonov và hỏi:

- Sao anh về Leningrad sớm thế, Aleksey Nikolaevich?

- Không, cháu đi tiễn đấy ạ. - Tikhonov trả lời.

Người bảo vệ tháo những chiếc cần câu, ngồi thông chân xuống từ trên bến, bắt đầu câu cá. Thỉnh thoảng ông lại nhìn Tikhonov vì người thiếu nữ, lại thở dài và khẽ ngâm:

"Ý nghĩ về tuổi trẻ bị mất đè nặng lên trái tim ốm yếu của anh ta".

Chiếc phao động đây, ông chửi tục và giật lên một con cá nhỏ.

Chiếc tàu không người lại gần. Tikhonov tiến người thiếu nữ đến chân cầu thang. Cô chìa bàn tay cho anh và lơ đãng nhìn vào mắt Tikhonov.

- Chào anh. – cô nói và quay đi. - Cảm ơn anh.

- Các hành khách chú ý. - Thuyền trưởng nói từ trên cầu chỉ huy, - Đến giờ rồi!

Cô gái bước lên cầu thang. Con tàu kêu lên giận dữ, từ từ giật lùi, quay mũi ra biển. Những cọc tiêu cao lấp lánh trên mặt nước.

Tikhonov nhìn thấy người thiếu nữ không quen biết trên boong tàu. Gió cuốn vạt váy chung quanh đôi chân cao của cô và làm lá cờ ở mũi tàu bay phấp phật.

Tikhonov đi lên bờ. Đến chỗ người bảo vệ, anh ngoái nhìn lại. Người thiếu nữ vẫn ở trên boong.

- Một mùa hè lạ làm sao? - Người bảo vệ nói. - Tôi chưa bao giờ thấy một mùa hè như thế này ở Baltic. Tràn đầy ánh nắng.

Tikhonov đồng ý, đi từ từ ra khỏi bến tàu, nhưng khi vừa khuất sau những rặng cây công viên, anh đi nhanh ra ga.

Chuyến tàu hỏa đầu tiên đi Leningrad chạy lúc sáu giờ sáng. Chờ lâu, Tikhonov vừa hồi hộp vừa hy vọng ngốc nghếch là nó sẽ khởi hành sớm hơn.

Về đến Leningrad, anh gọi ngay taxi, bắt chở ra bến tàu Petergof. Thành phố rực lên dưới những vệt sáng và bóng râm. Những người gác cổng đang tưới hoa trong các vườn hoa. Làn nước chậm rãi từ những chiếc vòi phun ra bay tạt theo chiều gió. Qua cầu, gió từ sông Neva đập và ô cửa sổ xe.

Chiếc tàu thủy quen thuộc đậu bên bến, không còn một ai. Một thủy thủ đi chân đất đang quét boong tàu bằng bàn chải,

- Các ông từ Petergof về đã lâu chưa? - Tikhonov hỏi.

- Mười phút rồi.

Tikhonov đi ra đường bờ sông. Cô gái ấy vừa ở đây, có thể một phút trước đây thôi. Anh biết điều đó qua ánh nước lấp lánh, qua những tia nắng nhảy nhót trên bờ sông lát đá hoa cương, qua đôi mắt hiền hậu của người đánh giày đang ngồi tư lự với những chiếc bàn chải của mình, qua những áng mây nhẹ lướt trên nền trời.

*

* *

Shchedrin sống trong căn nhà nhỏ mới xây gần trạm đua thuyền trên đảo Krestovsky.

Những căn phòng trong nhà được xây ở các độ cao khác nhau. Phòng nọ sang phòng kia nối nhau hai ba bậc thang. Điều đó, làm cho ngôi nhà có một phong cách ấm áp của những người sống trên tàu biển; đã thế, cầu thang lên tầng hai lại có tay vịn bọc đồng và những cửa sổ hình tròn giống như trên một chiếc tàu thủy.

Tóc Shchedrin đã bạc đi nhiều, khi đọc, ông đã phải mang kính. Ông dạy môn khí tượng học và thiên văn học ở Trường đại học Hàng hải.

Trong phòng ông có nhiều máy đo bằng đồng, la liệt những bản đồ có đánh dấu bằng bút chì xanh đỏ, Các máy móc trong những ngày trời sáng tỏa sáng mờ mờ như nến.

Vẻ sạch sẽ trong nhà cũng đạt tới trình độ của tàu biển. Viner trông nom dọn dẹp nhà cửa. Ông đã bị mất một tay trong trận chiến đấu ở Elabuga và từ đó không còn điều khiển được các cỗ máy yêu quý nữa.

Shchedrin vẫn trao đổi thư từ với vợ chồng Jacobsson và bác sĩ ở Mariehamn. Đầu tháng sáu, Maria Jacobsson đã từ Stockholm về đây chơi hai tháng. Có Shchedrin và Viner đều gọi cô là Marie.

Sự có mặt của người con gái trẻ tuổi đã làm thay đổi bộ mặt của các căn phòng trước đây vẫn yên tĩnh và chính xác như các máy móc thiên văn. Thoáng hiện một vẻ bề bộn dễ thương. Những chiếc bao tay phụ nữ nằm trên kính lục phân, những cánh hoa rắc lên mặt bàn viết lên những bản thảo chi chít những con số, mùi nước hoa và mùi vải mỏng thoang thoảng khắp nơi từ căn phòng của Marie trên tầng hai, mảnh giấy bạc bọc thanh sô-cô-la nằm vương trên đi-văng bên cạnh cuốn sách đang đọc đến đoạn giữa. Marie đọc ngấu ngiến để hiểu tiếng Nga được nhiều hơn.

Bên cạnh những bức chân dung của Anna Jacobsson, Pavel Bestuzhev và mẹ của Shchedrin, Marie luôn đặt trên mặt bàn con một bó lá, mấy nhánh cây đoạn, những bông hướng nhật quỳ. Trước đây căn nhà giống như con tàu, giờ đây nó còn giống một vườn ươm nữa.

Marie còn thiếu chín chân và điều đó làm Shchedrin lo lắng. Cô vẫn giống hệt cô bé đã cạy vòng tay áo nạm vàng của ông thời ở Mariehamn.

Cô vui sướng vì tự do, hân hoan vì được đi lại một mình trong thành phố, vui sướng vì tất cả những gì được nhìn thấy ở Leningrad: các cung điện, nhà hát, cuộc sống không có những quy ước gò bó mô phạm, sự giản dị trong quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, giữa nhà bác học và người công nhân và cuối cùng, vì ở đâu người ta cũng nhìn cô với một nụ cười. Cô cũng mỉm cười

đáp lại mặc dầu cố làm ra nét mặt nghiêm nghị của một người đàn bà xinh đẹp đang có chiều thất vọng.

Đặc biệt những cuộc đi chơi của Marie làn Shchedrin lo lắng. Đã hai lần cô bị lạc. Một lần, một em thiếu nhi gầy, bé, đã đưa cô về nhà. Bấm chuông xong, em trao cô tận tay cho Viner và nghiêm túc nói:

- Bác đừng cho chị ấy ra phố một mình. Cháu phải dẫn chị ấy tận Smolny về đây.

Marie hôn lấy hôn để chú bé, lôi chú vào phòng cho xem mô hình tàu "Dũng Cảm", các dụng cụ, bản đồ các bức tranh mô tả cảnh bão biển hay biển lúc trời êm. Chú bé được mời uống chè, cho kẹo và ra về vừa bàng hoàng, vừa sung sướng.

Chuyện xảy ra lần thứ hai xấu hơn. Marie đi chơi Petergof, lúc về bị lỡ chuyến tàu thủy cuối cùng và suốt đêm phải ngồi trên bến tàu trong một chiếc áo váy mỏng.

Hai giờ đêm, Shchedrin gọi điện đến hàng chục đồn công an, dựng dậy hàng chục người, còn sau đó khi tìm thấy Marie, ông đã phải xin lỗi và nghe những lời nhận xét bông đùa của những người trực ban.

- Chuyện vặt thôi mà! - Marie nói trong buổi trưa sáng. Mắt cô long lanh mặc dầu buồn ngủ đến chết được. - Ở đất nước của chú, cháu chẳng sợ gì hết. Thậm chí đang đêm cháu còn lại gần một người trẻ tuổi và trò chuyện với anh ấy hồi lâu.

- Về điều gì ? - Shchedrin hỏi.

- Về tất cả, - Marie trả lời. - Sau đó có một người đi khắp khiêng ra câu cá, cúi chào cháu như nhột người quen biết đã lâu.

- À, thế thì chắc phải là Ackerman rồi. - Shchedrin thốt lên. - Cái con quỷ già ấy! Ông ta vẫn đi câu ư?

- Vâng, - Marie nói. - Cùng với một con mèo, y như trong chuyện cổ tích ấy.

Marie ngủ đến tận chiều. Các cửa sổ để ngỏ. Gió lật những trang sách bỏ quên trên bậu cửa. Gió đảo những trang sách khi lên trước, khi lùi lại, tìm những câu ưa thích và khi tìm ra thì chùng lại : *"Từ vương quốc của gió, vương quốc của băng giá và tuyết trắng, tháng năm của em đến sao trong trắng và tươi vui."*

Marie thức giấc vì tiếng loạt xoạt ngoài cửa sổ. Gió thổi tung những bì thư đã xé trên mặt bàn. Trời tối. Xa xa, ngoài ven biển một tiếng sấm vang động gầm lên rồi trượt xuống vực sâu.

Marie nhồm dậy. Một tia chớp lóe lên ngoài cửa sổ, rung rinh rồi tắt đi trong chiều sâu của những khu vườn đang nổi gió.

Marie nhanh nhẹn rửa mặt, mặc quần áo và chạy xuống tầng dưới. Shchedrin đang ngồi bên dương cầm.

- Có giông đấy, - Ông bảo Marie. - Cháu đã ngủ chín giờ liền.

- Chú đang chơi gì đấy ạ? - Mari hỏi và ngồi vào chiếc ghế bành, chân co lại.

Cô nhìn ra cửa sổ, nơi gió nóng đã ào ào thổi trong các khu vườn, ném lên bậu cửa sổ những chiếc lá lìa cành. Một chiếc lá rơi lên mặt đàn dương cầm. Nắp đàn không có và chiếc lá cuộn vào giữa những sợi dây đàn thép. Shchedrin thận trọng gỡ chiếc lá ra và nói:

- Tchaikovsky^[2]. Nếu chú là nhạc sĩ, hẳn chú phải viết một bản giao hưởng về khí hậu.

Marie bật cười.

- Cháu đừng cười, - Shchedrin nói và bấm đàn. - Tất cả cái đó giản đơn thôi. Chúng ta có thể trả lại khí hậu Trung Tân

kỷ^[3] cho Âu châu, chú không biết ở Stockholm cháu có học lịch sử trái đất không. Nhưng chắc cháu phải biết là trái đất đã trải qua mấy thời kỳ băng hà khủng khiếp.

Marie so vai lại.

- Không cần chúng thêm nữa. - Cô nghiêm trang nói.

- Tất nhiên là không cần rồi, Băng hà sinh ra từ Greenland. Phải kể ra dài dòng lắm mới hiểu được, nhưng chú chỉ nói gọn lại là chúng ta có thể thủ tiêu băng hà ở Greenland. Khi đã tiêu diệt được chúng rồi thì khí hậu Trung Tân kỷ sẽ trở lại châu Âu.

- Có ấm áp không?

- Rất ấm là khác, - Shchedrin trả lời. - Vịnh Phần Lan sẽ nhả hơi như một nồi sữa. Một năm ở đây sẽ có hai vụ mùa. Những rừng mộc lan sẽ nở hoa trên đảo Aland. Cháu hãy thử tưởng tượng xem: những đêm trắng trong rừng mộc lan! Có thể phát rồ lên được ấy chứ!

- Phát rồ lên là thế nào ạ ? - Marie hỏi.

- Làm thơ, phải lòng các cô gái, tóm lại là điên.

- Tuyệt quá! - Marie nói. - Nhưng muốn thế, phải cần những gì?

- Chuyện lật vật thôi. Cần phải có một cuộc cách mạng nhỏ ở Greenland. Cần phải bắt đầu những công trình khổng lồ, để ít ra là trong một thời gian làm tan lớp băng dày một mét rưỡi trên các đỉnh núi cao. Thế là đủ.

- Chú làm sao đi được đến chỗ đó?

Shchedrin chỉ những quyển sách nằm xếp đồng trước mặt bàn, những bản đồ và máy đo.

- Thế những thứ này để làm gì? - Ông nói: Các bác học của chúng ta làm việc ở trên bắc cực. Những số liệu của họ đã giúp cho chú được nhiều.

Trận mưa lớn rào rào ngoài cửa sổ, trong phòng trở nên tối. Những bong bóng không khí vỡ trong các vũng nước trong vườn và có thể vì thế những làn sóng ozone nhỏ từ các vũng nước đồn tới.

- Chú đàn đi, - Marie yêu cầu. - Mỗi ngày chú lại kể cho câu nghe những chuyện cổ tích y như với một con bé ngốc nghếch.

- Đó không phải là chuyện cổ tích đâu, - Shchedrin nói và dạo một khúc nhạc trong ca kịch "Yevgeny Onegin" - Pushkin cũng không phải là một chuyện cổ tích. Tất cả những cái đó đều là thật cả.

Marie hít sâu vào lồng ngực và tư lự. Cuộc gặp gỡ buổi sáng lúc này cô thấy xa như thời thơ ấu. Nó có thực không? Anh ấy là ai - người có bộ mặt trẻ trung, xương xương, thái dương điểm bạc ấy?

Tại sao cô không hỏi anh là ai? Khó mà gặp lại người ấy lần thứ hai trong thành phố lớn mệnh mông như thế này.

Trận mưa đã qua, những hạt nước rơi lách tách từ các lá cây xuống.

Marie se sẽ đứng dậy khoác chiếc áo mưa và đi ra. Cơn giông chạy sang phía Đông. Phía Tây sáng lên ánh hoàng hôn dịu dàng được cơn mưa rửa sạch.

Marie đi về Vườn Mùa Hạ.

Cô dạo bước dưới những hàng cây ướt át của khu vườn, đi ra kênh Lebyazhya, ngắm nhìn hồ lâu điện Mikhailovsky.

Đêm huyền ảo lắng xuống trên thành phố. Bước chân của những người qua lại vang lên trong tĩnh mịch. Những cây đèn trắng trên các quảng trường chỉ sáng hơn đêm chút ít.

Những tòa nhà hùng vĩ vây quanh, Marie tưởng như chúng được vẽ nên bằng màu nước. Chỉ có những hàng cột tròn, những mặt tiền được ánh sáng tản mạn tỏa sáng nổi lên. Không thể đoán được ánh sáng từ đâu tới. Phải chăng đó là bóng đêm phản chiếu lại từ các mặt kênh hay vệt ánh nắng chiều còn tỏa mờ ở phía Tây hay những cây đèn hòa hào quang của mình với bóng tối tạo nên ánh sáng này. Nhưng nó gọi nên sự tập trung, sự suy ngẫm và nỗi buồn man mác.

Marie đi qua Ermitazh^[4]. Cô đã có thăm qua viện bảo tàng và lúc này cố hình dung ra những gian phòng của nó trong đêm, ánh nước mờ mờ của sông Neva ngoài cửa sổ, sự im lặng ngàn đời của các bức tranh.

Marie đi ra quảng trường Cung Điện Mùa Đông và dừng lại. Cô không rõ thiên tài của ai, bàn tay tinh tế của ai đã tạo nên những hàng cột tròn, những tòa nhà, cổng chào, hàng rào gang tuyệt trần - cả một khoảng không gian bao la tràn đầy bóng đêm biếc xanh mát rượi và tư tưởng kiến trúc kỳ vĩ này.

Trở về, Marie đi bằng chuyến ca-nô chạy sông cuối cùng. Toàn thân tàu bằng kính, vắng vẻ, nó lắc lư đưa cô lướt trên sông Neva tối đen, qua pháo đài Petropavlovskaya, qua các thành quách, chiến lũy, những gác lầu, trụ cọc, những chiếc cầu và công viên. Người công an ngủ gật trong một góc phòng trên tàu.

Ngoài cầu Tự Do, một luồng ánh sáng đèn pha rộng chiếu lên trời, ngùn ngụt sáng rồi yếu dần đi. Nó hạ thấp dần xuống và soi sáng trên bờ sông tòa nhà bằng đá trắng giản dị và hùng vĩ.

Người công an mở mắt.

- Bắt đầu công việc chuẩn bị, - anh ta nói với Marie, - Người ta soi sáng những tòa nhà đẹp nhất.

- Chuẩn bị gì cơ ? - Marie hỏi.

- Chuẩn bị ngày hội mừng thành phố chúng tôi. - Người công an nói. - Trên thế gian này không có thành phố nào đẹp hơn Leningrad của chúng tôi. Tôi sống ở đây từ bé, nhìn nó mãi mà vẫn chưa thấy chán. Ban đêm đứng gác mà có khi không hiểu được đây là mơ hay thực. Đến gần tòa nhà, thấy rõ biển ghi số nhà có đèn sáng, bấy giờ mới yên tâm: tất cả đều là thực.

Marie e then mỉm cười.

- Tôi đang học ở trường đua thuyền, - người công an nói. - Tôi vẫn phóng thuyền đua ra biển. Chiều tối ra đi, thành phố không còn thấy rõ nữa, nó chỉ còn mờ ở trong sương mù, chỉ thấy ánh lửa lấp lóe dưới mặt nước. Thậm chí không muốn lên bờ nữa.

- Vậy anh đứng ở đâu trong thành phố? - Marie hỏi. - Chị chắc không phải người Nga. Chị nói khác.

- Tôi người Thụy Điển.

- À..., - anh công an nói. - Có nghĩa là chị cũng đi ngắm cảnh? Tôi ở Kênh Mùa Đông, nơi Lisa^[5] đã tự vẫn.

Đến đảo Krestovsky, Marie xuống tàu. Anh công an cũng xuống và đưa cô về nhà.

- Tôi không sợ đâu, anh tiến làm gì ! - Marie ngượng ngập nói.
- Anh vừa làm việc, mệt rồi.

- Chị đừng lo, - anh công an nói. - Tôi không phải về nhà. Tôi đi đến trạm đua thuyền và ngủ ở đó. Đàng nào đến sáng cũng phải tập để dự ngày hội. Sẽ có cuộc đua. Thắng từ đây tới Sestroretsk. Thử sức đây!

Bên cạnh cổng nhà mình, Marie chia tay với anh công an. Anh lịch sự bắt tay cô rồi đi. Marie đứng lại trong vườn một lát rồi bật cười. Cô suy nghĩ: các bạn gái của cô ở Stockholm sẽ nghĩ gì khi cô chìa tay cho một người công an canh gác.

*

* *

Chuẩn bị ngày hội thành phố được chia thành nhiều khu. Việc trang trí các tòa nhà và đường phố được giao cho một họa sĩ và kiến trúc sư.

Tikhonov được giao khu Petergof. Ngày hội ở Petergof sẽ mang tính cách của biển. Các đội tàu chiến từ Kronstadt sẽ về đây và trong Cung điện sẽ có cuộc dạ hội của các chiến sĩ hải quân già và trẻ, cuộc gặp gỡ của hai thế hệ.

Sau cuộc gặp gỡ ở bến tàu, Tikhonov tìm ra trong con người mình những đặc điểm mới. Anh bắt đầu nhận ra nhiều thứ trước đây anh vẫn thường hờ hững bỏ qua. Thế giới bỗng trở nên tràn đầy màu sắc, ánh sáng, âm thanh kỳ lạ. Là họa sĩ, trước đây anh chưa hề nhận ra sự đa dạng của màu sắc phong phú đến thế. Chúng ở khắp mọi nơi, nhưng nhiều hơn cả chan hòa trong nước biển. Thế giới trở nên đầy ý nghĩa trong tất cả. Tikhonov cảm thụ cuộc sống trong sự thể hiện muôn hình muôn vẻ của nó như một cái gì thống nhất, hùng hậu, được tạo ra cho hạnh phúc.

Cái cảm giác tràn đầy sự sống này anh chịu ơn thời đại của mình. Cảm giác ấy càng tăng lên dưới âm hưởng của cuộc gặp gỡ người con gái trẻ vào buổi sớm mai

Có một cái gì đó không thể viết nên, không thể kể lại về cuộc gặp gỡ đó. "Cái gì đó" - là tình yêu. Nhưng Tikhonov chưa chịu thú nhận với mình. Trong tiềm thức anh tất cả hòa vào một vòng tròn sáng chói.

Tiếng còi xa của con tàu đại dương, ánh vàng lấp lánh của thành phố trong bóng tối sớm mai, sự yên tĩnh của mặt nước, những bước chân của người phụ nữ, người bảo vệ bến tàu khắp khiêng và những lời lẽ của ông về mùa hè khác thường trên biển Baltic.

Trong tâm trạng đó, Tikhonov bắt đầu trang hoàng khu Petergof. Trong khi làm việc, anh nghĩ về thời đại của anh, về đất nước và về cô gái người mà anh không quen biết.

Anh nhớ lại những lời của nhà văn trứ danh, người ngày xưa đã vuốt ngược mớ tóc anh và gọi anh là "bé nhóc". Anh đã đọc mọi cuốn sách và luận văn của ông. Trong một bài luận văn, nhà văn đã nói với người cùng thời trẻ tuổi của mình:

"Khi anh viết - hãy nghĩ về nàng dù rằng nàng không ở đó đi nữa, về những con người tuyệt vời, mà đối với họ - anh cũng là một người tuyệt vời nhất, - hãy kể một cách chân thành giản dị, thật tâm tình về điều chỉ mình anh biết rõ, mà nàng và cả họ cần phải biết - hiểu không?"

Nàng đã có. Và Tikhonov nghĩ về nàng, nghĩ rằng nàng sẽ qua đây, sẽ nhìn thấy tất cả vẻ đẹp mảnh đất được tô điểm và sẽ cảm thấy, cũng như anh, hơi thở của một đất nước tự do, vui sướng, nơi nàng đến làm một vị khách.

Nikanor Ilyich xúc động bàng hoàng khi được biết Tikhonov được giao việc trang hoàng Petergof. Mấy ngày liền ông xúc động hoài công, không có ai để chuyện trò. Matrena rất ít nói, còn Tikhonov thì quá bận. Vì vậy ông già mừng đến phát khóc khi Katya về Petergof. Cô về để hỏi người anh về việc trang trí những chiếc thuyền gỗ và thuyền đua vào ngày hội sắp tới.

Từ chỗ Tikhonov, cô xuống chỗ hai ông bà già và Nikanor Ilyich lập tức bắt chuyện với cô.

- Lão thích những ngày hội, - Nikanor Ilyich nói. - Theo lão, đối với con người, ngày hội có khi còn cần hơn cả bánh mì.

- Ôi, lạy chúa! - Matrena thở dài. - Không còn sức đâu mà chịu nổi nữa, Katyusha, cháu hãy làm cho ông ấy dịu bớt đi hộ bà với.

- Bà im ngay! - Nikanor Ilyich nói giọng hăm dọa. - Chính bà sẽ tự dọn dẹp, lau chùi nhà cửa để đón ngày hội. Chỉ lo bà không chịu mang những bộ đồ tã của mình thôi. Sao lại như vậy hả? Tôi hỏi bà đấy. Trả lời xem.

Katya giăng hòa qua quýt hai cụ già rồi ra về.

Còn chiều hôm đó, Nikanor Ilyich đi nằm. Ông kêu đau tim và cho gọi Tikhonov lại gần.

- Alyosha - Ông nói và bỗng nhiên òa lên khóc.

Matrena cũng xịt mũi trong phòng của mình.

- Tim bác bị đau. Chẳng lẽ bác lẫn ra chết và không còn được thấy gì nữa ư? Vậy mà bác ngu ngốc cứ muốn sống, sống mãi. Sự hiếu kỳ thiêu đốt bác. Bác cứ muốn trèo lên chỗ cháu xem thử các phác thảo, xem cháu đang làm gì cho ngày hội mà cứ sợ làm phiền cháu.

Tikhonov mang các ký họa xuống cho ông già. Ông già xem hồi lâu rồi vỗ vai Tikhonov.

- Bác yêu sự hoàn mỹ ở cháu, - ông nói. - Cháu là con người có giá trị. Lời của bác dứt khoát là như vậy.

Chia tay, ông nhờ Tikhonov có về Leningrad rẽ vào nhà người khách hàng và nói hộ nắp chiếc đàn dương cầm đã sửa xong và có thể đến lấy được rồi.

Phải ngày hôm sau Tikhonov mới tìm thấy căn nhà nhỏ trên đảo Krestovsky theo địa chỉ của Nikanor Ilyich đưa. Mưa lác đác, mặt đất bốc lên mùi bụi ngấm nước mưa.

Một ông già tóc trắng cụt một tay ra mở cửa cho Tikhonov - Viner. Tikhonov hỏi ông Shchedrin. Viner đưa anh vào một căn phòng cửa sổ mở rộng.

Trên tường Tikhonov trông thấy hai bức chân dung tuyệt đẹp. Một bên là người sĩ quan mặc quân phục đen, bên kia - một phụ nữ trẻ với hai hàng lông mày dướn lên như đang có điều gì xao xuyến. Sự giống nhau giữa nàng và người con gái gặp trên bến tàu cảm thấy rõ ràng.

Tikhonov lấy tay vuốt trán dường như muốn xua đuổi một ý nghĩ ám ảnh, những người phụ nữ cứ nhìn anh bằng đôi mắt đã quen biết, và anh bất giác lại gần bức tranh và nhìn vào đó chăm chú hơn.

Cô gái đã bước vào, nhưng Tikhonov không ngoảnh lại ngay: phải gắng sức mới dứt ra khỏi được bức tranh.

Đứng sau lưng Tikhonov là một nhà hàng hải người cao lớn, tóc bạc và chăm chú nhìn anh.

- Cháu ở chỗ bác Nikanor Ilyich lại đây, - Tikhonov nói - Ông cụ bị ốm, có nhờ cháu đến nhận hộ là nắp chiếc đàn dương cầm đã làm xong. Có thể đến lấy được.

- Mời anh ngồi, - Nhà hàng hải nói và chỉ cho Tikhonov chiếc ghế bành.

Nếu Tikhonov ngồi vào đó sẽ quay lưng lại bức tranh. Tikhonov đã bước lại chiếc ghế, nhưng nghĩ sao lại ngồi vào chiếc ghế khác - để có thể nhìn thấy bức tranh.

Nhà hàng hải vẫn chăm chú nhìn Tikhonov như trước.

- Cảm ơn anh, - ông nói. - Vậy cụ Nikanor Ilyich ra sao?
- Đau tim, - Tikhonov trả lời ngắn gọn.
- Anh là con cụ ? - Không, cháu là học trò cũ của cụ.
- Anh chắc là họa sĩ phải không?
- Vâng.
- Tôi đoán ra khi thấy anh ngắm bức tranh này như thế nào.
- Một tác phẩm tuyệt vời! Người này là ai?
- Đây là một người phụ nữ tuyệt vời, con gái của một thuyền trưởng già người Thụy Điển trên đảo Aland:
- Nàng là người Thụy Điển ư?
- Đúng thế. Tên nàng là Anna Jacobsson. Cuộc sống của nàng gặp phải những hoàn cảnh bị thảm. Đó là vì của chuẩn úy Bestuzhev bị giết trong một cuộc đấu súng ở đảo Aland hồi đầu thế kỷ trước. Nàng bị mất trí.
- Cụ nội cháu bị giết ở Phần Lan, - Tikhonov nói - Không phải vì một cuộc đấu súng. Cụ bị phạt đòn. Cụ là một người lính thường.
- Xin phép anh, - nhà hàng hải hỏi. - Chuyện ấy xảy ra vào lúc nào?
- Cháu nghĩ rằng cũng vào đầu thế kỷ trước.
- Nhà hàng hải đứng dậy lại gần cửa sổ. Ông nhìn trận mưa đang rẩy bụi lên bãi cỏ, lên mặt đường, sau đó quay lại hỏi:
- Cháu người làng Megra trên sông Kovzha phải không?

- Dạ, phải, - Tikhonov, ngạc nhiên nói. - Sao bác biết được điều đó?

Nhà hàng hải không trả lời.

- Cụ nội anh chôn cùng một ngôi mộ với Pavel Bestuzhev. - Cả hai cùng bị giết trong một ngày. Họ gắn bó với nhau bởi cùng một số phận. Họ anh là Tikhonov?

- Dạ vâng.

- Chà, cuối cùng là thế đó! - Nhà hàng hải mỉm cười vui vẻ và nắm chặt cả hai tay Tikhonov. - Bác là Shchedrin. Bác đi thì cháu mãi, sau thôi đành chịu. Trong chiến tranh bác phục vụ ở đảo Aland ở đó bác đã được biết tường tận câu chuyện về cái chết của Pavel Bestuzhev. Ông là một người yêu tự do. Bestuzhev đã cứu một chiến sĩ Tháng Chạp và đã bị giết tại cuộc đấu súng đo xung đột với viên trung đoàn trưởng. Bác đã đi thăm mộ và ngạc nhiên vì ông được chôn không phải chỉ một mình mà cùng với người lính Tikhonov. Bác đã cố tìm hiểu hai con người ấy - Tikhonov và Bestuzhev - có điều gì ràng buộc với nhau, nhưng không ai giải thích được. Dân chúng ở địa phương không hay biết điều cả. Bác không thể tìm hiểu lưu trữ được. Họ sẽ chẳng cho bác xem, mà cũng không còn bụng dạ nào nữa. Cách mạng nổ ra bác nhận được bức thư trước giờ chết của Pavel Bestuzhev. Trong đó có yêu cầu báo tin về cái chết của anh lính Tikhonov cho người thân ở làng Megra, trên sông Kovzha. Trong thời nội chiến, tình cờ bác có về làng Megra, bác đi tìm con cháu của Tikhonov và đã gặp mẹ cháu.

- Mẹ cháu có hỏi về bác, - Tikhonov ngắt lời.

- Bà mất rồi ư?

- Vâng ạ.

- Bác tìm ra mẹ cháu, nhưng mẹ cháu chẳng hay biết tí gì về câu chuyện này, cho bác địa chỉ của cháu và nhờ bác đến thăm, nhưng địa chỉ bị mất trong trận chiến đấu với hạm đội Kolchak ở Elabuga. Trí nhớ của bác tồi, nên chẳng làm sao nhớ ra được. Nhưng dù sao chúng ta đã gặp được nhau! Shchedrin cười vang.
- Giờ thì bác chẳng để cho cháu đi. Đưa mũ đây.

Ông cất chiếc mũ phớt của Tikhonov, mang ra chai rượu vang, bánh qui và thuốc lá.

- Ta hãy cạn cốc vì dịp may này, - ông nói. - Rượu vang nhẹ và ngon đấy. Rượu này uống vào những hôm trời xám như thế này rất thích.

Tikhonov cạn cốc và cảm thấy đầu hơi chúi choáng. Sự kiện của những ngày qua anh cảm thấy như không thể tưởng tượng được: cuộc gặp gỡ với Shchedrin càng làm tăng thêm cảm giác ấy.

- Thời gian vừa qua - anh nói, - cháu rơi vào một chuỗi những cuộc gặp gỡ phi thường.

- Càng hay. Uống đi. Mới đây một người thân của bác, một cô gái từ đảo Aland, cháu của Anna Jacobsson về đây chơi. Cô tên là Marie. Marie có kể cho bác nghe tỉ mỉ về số phận cụ nội nhà cháu. Bố nuôi của cô gái này là một ông bác sĩ già yếu, tính tình lập dị, nghĩ ra chuyện viết lịch sử của đảo Aland. Ông đã lục tất cả hồ sơ lưu trữ ra và tìm thấy những ghi chép nói rõ anh lính Tikhonov bị phạt đòn đến chết, vì đã cùng Pavel Bestuzhev giúp đỡ người chiến sĩ Tháng Chạp chạy trốn. Nào, ta hãy cạn chén vì ông cha!

Tikhonov cảm thấy rượu vang như những chiếc lá mùa thu hòa tan trong nước lạnh. Tikhonov chẳng còn nghe rõ Shchedrin nói gì.

"Đó là nàng!" - Anh tự nhủ và tim anh đập đến nhức nhối.

Anh muốn nghe thấy trong phòng tiếng bước chân của phụ nữ, nhưng không có gì vọng ra ngoài tiếng đồng hồ tích tắc và tiếng còi ô tô từ xa.

"Vậy thì nàng ở đâu? Phải chờ nàng để chấm dứt sự trống vắng mơ hồ đáng sợ này. Có thể đó lại là một người khác? Có thể bước vào phòng là một cô gái tóc trắng, đeo kính, giọng the thé thì sao? Mình là thằng ngu, - Tikhonov nghĩ. - Mình phải đi khỏi đây từ lâu rồi. Đến lúc rồi. Phải đứng dậy thôi."

Tikhonov đã toan đứng dậy chia tay với Shchedrin, nhưng ý nghĩ về bức chân dung đã ngăn anh lại. Sự giống nhau thật rõ ràng. Anh lại nhìn bức tranh và lại thấy vẫn đôi hàng lông mày dướn lên xao xuyến ấy và một nếp nhăn nhỏ buồn bã bên khóe môi.

- Cháu làm sao thế? - Nhận ra vẻ đãng trí của Tikhonov, Shchedrin hỏi. - Nom cháu có vẻ mệt.

- Cháu làm việc nhiều. Người ta giao cho cháu trang hoàng khu Petergof^[6]. Điều đó thật phức tạp và đáng sợ. Làm sao mà trang trí được Rastrelli?

Không thể nán lại lâu hơn nữa. Tikhonov đứng dậy. Shchedrin nhận lời với anh là ngay buổi tối rồi rã đầu tiên sẽ ra đảo Krestovsky, hứa sẽ thăm Nikanor Ilyich đang ốm và họ từ biệt nhau.

Tikhonov đi qua khu vườn và trong khi anh đi qua khoảng cách không lớn đó, hàng trăm ý nghĩ lướt qua trong óc anh.

Lần đầu tiên Tikhonov cảm nhận thấy mối liên hệ với quá khứ, với làng quê, nơi hàng trăm năm, cha ông, cụ anh đã cày xới mảnh đất lạnh lẽo, nơi tuổi thơ mẹ anh đã rắc tro vào chỗ đứt tay, nơi người ta chết vì bệnh trĩ, vì sinh nở, vì thương hàn. Tất cả những cái đó đã chết từ lâu, và có nhớ lại người ta cũng không thấy thích thú nữa.

Nhưng giờ đây quá khứ đã nói lên bằng thứ tiếng khác hẳn. Trong anh, trong Alyosha Tikhonov có dòng máu của những Con người ấy, của cụ anh, người lính thời Nikolai I bị giết vì lòng dũng cảm, vì sự nổi loạn, vì sự giúp đỡ cho những chiến sĩ tháng Chạp.

Cái ý nghĩ rằng anh phải trở nên người kế tục xứng đáng của người người nông dân chất phác bị khoác lên người tấm áo lính sờn nát đẩy vào trại lính, bùng dậy trong tiềm thức của anh.

Trận mưa đã qua. Mây đen từ từ dồn về phía Nam mở ra khoảng trời trống ở phía Tây.

Bên cổng vườn Tikhonov chạm trán với một người con gái. Anh tránh sang bên và ngẩng đầu lên. Đó là cô gái, người mà anh không quen biết ở Petergof.

Cô nắm lấy thanh hàng rào và nhìn Tikhonov. Tikhonov ngả mũ.

- Thật tuyệt diệu là tôi lại gặp em ở đây! - Anh nói. - Thành phố thật vĩ đại, mà em chắc không phải người Thụy Điển duy nhất ở Leningrad.

Marie im lặng. Tay cô từ từ mở ra, một vết hoen xám còn lại trên găng tay. Cô tựa người vào hàng rào và nói nhanh:

- Vâng, vâng... Xin anh cứ nói đi.

- Gì cơ? - Tikhonov hỏi. - Tôi có thể nói gì? Có lẽ em đã biết cả rồi.

- Nếu mà em biết được... - Marie nói và mỉm cười. - Ta đi nào!

Cô nắm chặt cổ tay Tikhonov và kéo theo như một chú bé. Họ im lặng đi trên đường phố. Bầu trời nằm dưới chân họ phản chiếu trong các vũng nước mưa.

- Tôi tin chắc là sẽ gặp lại em, - Tikhonov nói. - Không thể nào không gặp được.

Marie cúi đầu dường như đồng ý với anh. Họ đi ra bến ca-nô.

- Chúng ta đi về thành phố, - Marie nói. - Anh sẽ chỉ cho những nơi anh yêu thích. Thành phố này được tạo ra để đi dạo chơi suốt đêm đến mọi nơi.

Marie hơi nhức đầu. Cô luôn ấn tay vào mi mắt và mỉm cười mệt mỏi.

Trên ca-nô, Tikhonov kể lại cho Marie nghe về tất cả những gì anh vừa được biết qua Shchedrin, về Anna Jacobsson, về Pavel Bestuzhev và cụ anh.

- Có nghĩa là bà Anna đã để lại anh cho em, - Marie tư lự nói.

Họ đi khắp thành phố tới tận đêm khuya. Trong buổi tối hôm đó nó đẹp một cách đặc biệt.

Nó hiện lên trước mắt với những tòa nhà sừng sững những dãy cột tròn khỏe khoắn, những cổng chào uốn cong trên những nhịp cầu vắng vẻ, những bức tượng đồng và những lùm cây đoạn cổ thụ.

Neva mang sâu trong mình những đám lửa, mũi kim Cung Đô Đốc lấp lánh trên dòng sông đã được bao nhà thơ ca ngợi.

Họ dừng lại bên hàng rào gang, qua đó nhìn vào bóng tối của các khu vườn và Tikhonov nói về những giấc mơ được biến thành hiện thực của các nhà kiến trúc trú danh, dựng lên trên vùng đầm lầy và rừng rú miền Bắc thành phố huy hoàng này. Đó là thành phố của những hồi ức vĩ đại và của một tương lai không kém phần vĩ đại hơn.

Họ đi dọc theo bờ sông Neva. Các chú bé đang câu cá bên bờ đá hoa cương. Bên sông gần một khu vườn nào đó, một chiếc tàu chiến cũ neo dây xích vào bờ. Những cánh tilia ngả xuống mặt boong và các khẩu súng phủ vải bạt.

- Đây là chiến hạm "Aurora"^[7] - Tikhonov nói. - Em biết không?

- Em biết, - Marie trả lời.

Họ đi qua quảng trường trên đó người kỵ sĩ bằng đồng phóng ngựa hướng về miền Bắc, và vòng lại kênh Moyka.

Trên kênh Moyka, giữa những cột trụ, những tòa nhà cao, những bộ kênh lát đá hoa cương đã ngả thành màu xanh, bóng đêm hè yên tĩnh trùm xuống. Họ chống khuỷu tay lên lan can và nhìn xuống nước. Một ngôi sao màu lam lấp lánh dưới đáy nước.

- Marie nhìn đây này, - Tikhonov nói. - Trong căn nhà kia, Pushkin đã qua đời.

Marie quay lại. Cô nhìn các cửa sổ, thêm nhà nhô ra gần như treo trên mặt nước, những trụ cột bằng đá đã mòn nhẵn qua bao thế kỷ, những cây bồ công anh mọc lên giữa những phiến đá dọc hai bên hè đường chật hẹp.

- Ông đã được mang về đây khi bị thương ? - Cô hỏi.

- Phải. Mang qua cái cửa kia kìa.

- Có thể máu ông đã nhỏ xuống đây, - Marie nói và nhìn Tikhonov với nụ cười như có lỗi.

- Đó là vào những năm Pavel Bestuzhev và cụ ngoại của anh bị giết và Anna đã chết trong đau khổ. Chính Pushkin đã viết về thời gian này hay hơn cả.

- Như thế nào cơ ? – Marie hỏi. - Ông đã nói gì ?

- Những lời giản dị: *"Và năm ấy khi bao người dừng cảm nhận hậu và tuyệt vời đã ngã xuống chỉ còn để lại kỷ niệm về mình trong bài ca mục đồng giản dị - u buồn và êm ái"*. Thật là hay, phải không?

Marie không cho Tikhonov tiễn mình. Họ chia tay bên Vườn Mùa Hạ. Marie chìa cả bàn tay cho Tikhonov rồi giật nhanh lại và nhanh nhẹn đi xuống cầu thang đá xuống bến tàu.

*

* *

Ba mươi ngọn đèn pha chiếu lên bầu trời Petergof, luồng ánh sáng đan vào các vì sao. Ngày hội đêm đã mở đầu như vậy.

Những chiếc tàu phong lôi mang trên thân mình và các cột cao những dây xích lửa, làm là biển sủi bọt tung tóe và quay ngoái đổ lại bên bến tàu Petergof.

Trên boong tàu, trước mắt các chiến sĩ hải quân mở ra một cảnh tượng chưa từng thấy. Cung điện bùng lên ánh sáng của pha lê. Những thác nước đổ xuống các bức tượng đồng và đá cẩm thạch.

Các chiến sĩ hải quân đỏ và các chỉ huy lão thành theo cầu thang bước lên cung điện.

Những bình thủy tinh đựng đầy lửa tinh khiết, cháy sáng hai bên. Các đài phun nước lẫn khuất trong bóng tối của những tán cây nhô cao.

Ở đây, trong công viên cảm thấy rõ ràng sức nặng và mùi hương của cửa cây cỏ, không khí của một mùa hè chưa từng thấy.

Các cửa sổ cung điện đều mở tung.

Trên ban công, trong các phòng lớn quét màu xanh, màu trắng, các chiến sĩ hải quân đứng soi mình trong gương. Những tấm gương nhắc lại tiếng cười, nụ cười và khuôn mặt rám nắng của họ.

Những con chim kinh hải bay qua cảnh hào nhoáng ấy, lóa mắt, lao vào các vòi phun tung bọt nước, vỗ cánh ào ào bay về phía đêm, về vịnh biển. Bầu trời quen thuộc bị mọi người bỏ quên tối nay, soi mình xuống đó.

Nhưng rất mau, cả vịnh biển cùng lên tiếng. Những khẩu súng vô hình nổ ran, tung ra những chùm lửa: Kronstadt bắn một trăm linh một phát pháo hoa chào mừng thành phố vĩ đại.

Trong tiến găm của đại bác, không còn nghe thấy rõ tiếng âm ì của các phi đội máy bay bay về các hướng khác nhau của bầu trời và để lại đằng sau những vệt khói dài.

Sau đó bầu trời sao như sa xuống mặt đất: các máy bay ném xuống hàng trăm quả cầu lửa, những luồng không khí đùng đưa chúng trên mặt đất, dồn lại với nhau. Khi thì những quả cầu bị cuốn ra vịnh, xếp thành những hàng rộng và cả vịnh sáng lên tưởng chừng đến tận đáy vì ánh phản quang của chúng; khi tụ lại thành những đám mây ánh sáng lấp lánh mãi trên bờ biển đang rung chuyển.

Leningrad chói ngời trên sông Neva như một viên ngọc quý. Chưa bao giờ tương lai cao quý của nó được cảm thấy rõ như lúc này.

Marie cùng Shchedrin và Viner đến Petergof rất sớm.

Nikanor Ilyich ngăn Shchedrin lại trên ban công. Matrena mặc áo váy lụa đen kinh hải và mặt đỏ bừng đang khoắc tay ông dẫn đi - ông già lóa mắt vì ánh sáng và bước đi khó khăn.

- Nhân dân đã giành được cho mình vẻ đẹp lớn lao, Alexander Petrovich. - Ông già nói với Shchedrin và lau trộm nước mắt trào ra. - Mọi vẻ đẹp lớn lao!

Shchedrin nhớ lại đêm mùa đông khi cùng với các chiến sĩ hải quân vượt qua mặt trận từ Kronstadt về Petergof và sưởi nhờ trong trạm gác của chiến sĩ Cận vệ đỏ.

- Nikanor Ilyich, - Ông nói - Thế ra bác bảo vệ cung điện năm chín trăm mười tám đó phải không?

- Tôi, anh bạn yêu quý, tôi đó. Và trong tất cả sự toàn mỹ này có phần nhỏ của tôi đó.

Mắt Matrena long lanh, nét mặt nghiêm nghị và tái nhợt. Nikanor Ilyich nhìn bà, ý mỉm cười dò hỏi.

Bà khoác tay ông già và dẫn vào cung điện.

Đang đi, họ gặp Ackerman, người gầy, bảnh bao trong bộ lễ phục hải quân. Mắt ông cười hóm hỉnh. Ông chào mọi người và nói với Shchedrin:

- Xa-sa, tôi nhớ là trước đây anh vẫn cười giấu các chuyện thần thoại. Nói xem, cố thấy xấu hổ không?

- Im đi, anh ngốc! - Shchedrin nói. - Chính anh không tin là sẽ sống đến một thời tốt đẹp chứ còn ai.

- Khập khiễng chiếc nạng, - Ackerman ngâm thơ, - anh bước đi giữa tiếng reo hò của nhân dân hoan hỉ.

Họ bước vào cung điện. Các chiến sĩ hải quân rẽ ra. Tiếng rì rầm cố nén lan trong các hàng quân. Marie thận trọng dìu người công nhân ốm yếu. Đi sau là Matrena, sau bà là Shchedrin, Viner và Ackerman.

Tiếng xì xào truyền đi, rồi tắt, rồi lại lan đi, phía sau người phụ nữ xúc động, các chiến sĩ hải quân nhìn thấy thuyền trưởng thần kỳ Alexander Shchedrin, lòng lấy vì những chiến thắng trước hải quân bạch vệ, người sáng lập ra lý thuyết trứ danh trả lại khí hậu Trung Tân kỷ cho Âu châu.

Tikhonov đứng đợi ở chỗ ngoặt cầu thang. Anh nhìn thấy Marie và tưởng chừng không thể chịu đựng nổi giây phút nàng đến gần. Anh nghĩ rằng, không một thứ nghệ thuật nào trên đời này có thể diễn tả nổi vẻ đẹp của người con gái trẻ đang yêu và ngập tràn hạnh phúc.

Các chiến sĩ hải quân tụ họp trong gian phòng lớn thiếp vàng. Những chùm đèn kêu lạnh canh và những ngọn nến thắp lên cho ngày hội bập bùng cháy.

Marie cùng Tikhonov dừng lại bên cửa sổ, Shchedrin bước lên phía trước và quay lại các chiến sĩ. Mái đầu bạc của ông trắng lên trên nền đen của bức tranh treo sau lưng. Bức tranh mô tả một cuộc chiến đấu cổ xưa trên biển. Ở phía sau, trong phòng đội nhạc đang chơi.

Shchedrin giơ tay lên. Đội nhạc ngừng lại. Hai thế hệ hải quân cùng nín thở.

- Thừa các bạn! - Shchedrin nói. - Các chiến sĩ hải quân già và trẻ! Có cần gì phải nói về điều mỗi chúng ta ấp ủ trong tim mình - lòng tự hào về thời đại mình, về Tổ quốc mình! Chúng ta có sứ mạng bảo vệ đất nước, mang lại hạnh phúc cho nhân loại cần lao. Chúng ta đã chiến đấu vì nó. Chúng ta đã chiến thắng trong quá khứ và sẽ chiến thắng mãi mãi. Mỗi người chúng ta hiến tất cả máu, sức lực, tất cả lòng dũng cảm để đất nước ta, nền văn hóa của chúng ta được phát triển và đâm hoa kết trái trong thanh bình. Không phải chỉ mình chúng ta dựng xây nên xứ sở. Chúng ta, thế hệ những người chiến thắng không thể trở nên vô ơn. Chúng ta giữ mãi trong tim mình kỷ niệm về những người

công nhân, nông dân, các nhà thơ, nhà văn, bác học, họa sĩ, các triết gia, binh lính, thủy thủ đã hy sinh cho hạnh phúc của nhân dân trong những thời kỳ xa xưa, cách chúng ta hàng chục, hàng trăm năm. Thay cho bài diễn văn ngày hội, cho phép tôi được kể cho các bạn nghe một câu chuyện giản dị xảy ra cách đây hơn một trăm năm.

Các chiến sĩ hải quân xao động rồi lắng xuống. Shchedrin kể ngắn gọn câu chuyện cái chết của anh lính Tikhonov, Pavel Bestuzhev và Anna Jacobsson.

Thỉnh thoảng ông lại dùng lời, vuốt lại mái tóc, cố không để lộ ra nỗi xúc động của lòng mình.

- Pavel Bestuzhev trước khi chết có để lại bức thư. Tôi sẽ đọc một vài dòng trong đó.

Shchedrin rút bức thư ra. Ánh sáng chòm đèn yếu ớt và không đủ để đọc được. Một chiến sĩ hải quân cầm một cây đèn nến từ trên lò sưởi đứng bên cạnh Shchedrin và Shchedrin càng đọc cây đèn càng ngả xuống, những giọt sáp ong càng rỏ xuống sàn gỗ mau hơn.

- *"Anh biết, - Shchedrin đọc - và em phải biết chắc điều này cùng anh: Sẽ đến ngày trả hận vĩ đại. Những đau khổ và cái chết của chúng ta. - Shchedrin đọc và tiếng rì rầm nhẹ nhàng qua các hàng quân, tuồng như họ khẽ nhắc lại những lời của bức thư như lời thề danh dự, - những đau khổ và cái chết của chúng ta sẽ dội vào muôn trái tim niềm xúc động mãnh liệt. Sự khinh miệt hạnh phúc của người dân sẽ bị coi là một tội ác ghê tởm nhất. Tất cả những gì hèn hạ sẽ bị đập tan thành tro bụi..."*

Marie rùng mình, cả gian phòng thở mạnh, các chiến sĩ hải quan đứng cả dậy.

- *"Sẽ bị đập tan thành tro bụi, - Shchedrin cao giọng đọc tiếp, - và hạnh phúc của người dân sẽ trở thành mục tiêu cao cả của các*

lãnh đạo quần chúng, của các lãnh tụ và tướng soái. Anh nghĩ đến ngày đó và thậm ghen với những người phụ nữ xinh đẹp, những người đàn ông quả cảm mà tình yêu của họ sẽ nở hoa dưới bầu trời của đất nước sung sướng và tự do..."

Các chiến sĩ hải quân đứng thẳng người nghe.

"Anh ghen với họ. - giọng Shchedrin trở nên cao hơn đến mức trở thành tiếng kêu dữ dội, - và anh kêu lên trong lòng mình: Đừng quên chúng tôi, hỡi những người hạnh phúc".

Mắt ứ lệ, Marie nhìn ra cửa sổ.

Gian phòng im phăng phắc.

- Các bạn thân mến, - Shchedrin nói. - Tôi chỉ nói thêm vài lời. Chắt dòng dõi của Tikhonov là một trong những họa sĩ giỏi nhất của chúng ta. Sự huy hoàng của ngày hội hôm nay. Chúng ta chịu ơn anh. Chắt của Anna Jacobsson - ở giữa chúng ta. Cô đã đến đất nước chúng ta. Ở đây, cô đã tìm thấy Tổ quốc mới và hạnh phúc. Về điều đó tôi không thể nói lên được.

Shchedrin im lặng. Khi đó Ackerman đóng ở giữa phòng đứng lên và nói to:

- Còn cháu của người tham gia khởi nghĩa tháng Chạp là anh!

Gian phòng rung lên vì cơn bão của những tiếng reo vui chào mừng.

Anh lửa rộng lóe lên ở ngoài cửa sổ. Các chiến sĩ hải quân ngoái lại nhìn. Hàng trăm luồng ánh sáng vút lên bầu trời Leningrad.

Nhưng Shchedrin không nhìn những ánh lửa của Leningrad. Ông nhìn Marie, bởi vì trên đời này không có gì đẹp hơn gương

mặt của người phụ nữ trẻ tuổi đang yêu và ngập tràn hạnh phúc.

1938

HẾT

Ghi chú

[1] Leningrad ở gần Bắc cực, đêm sáng trắng gần như không có ranh giới đêm và ngày.

[2] Pyotr Ilyich Tchaikovsky (1840 - 1893): Nhạc sĩ vĩ đại người Nga.

[3] Trung Tân kỷ hay kỷ Miocen: thời kỳ địa chất xa xăm cách đây khoảng 23 đến 5 triệu năm trước, khí hậu Trung Tân kỷ nóng ẩm gần như khí hậu nhiệt đới.

[4] Ermitazh: Viện bảo tàng nghệ thuật chứa các tác phẩm vĩ đại của thế giới.

[5] Lisa: Nhân vật trong truyện "Nàng Lisa tội nghiệp" của Nikolai Karamzin.

[6] Petergof là nơi nghỉ hè xưa kia của các vua Nga, một danh lam thắng cảnh gồm nhiều cung điện, lâu đài, đài phun nước, tượng đài, công viên ở ngoại ô Petrograd (Leningrad).

[7] Avrora: Còn gọi là tàu Rạng Đông, chiến hạm nã những phát đạn đầu tiên báo hiệu Cách mạng tháng Mười.

MASHA

Cứ mỗi năm Tikhon Petrovich lại cảm thấy mùa đông dài hơn năm trước. Lịch thì vẫn đúng như mọi khi. Mùa xuân đến đúng lúc, đúng kỳ hạn của mình nhưng chờ đợi nó ngày càng khó khăn hơn.

- Cái đó là do tuổi tác. - Tikhon Petrovich nói với mình. - Người già đã bắt đầu đếm những mùa xuân, tính xem mình còn được hưởng bao nhiêu ngày xuân ấm áp nữa. Vì thế nên mới sốt ruột. Tuổi trẻ thì còn phải nói làm gì nữa!

Nhưng Tikhon Petrovich tất nhiên có nhiều lý do khác chắc chắn hơn để sốt ruột chờ đợi xuân sang. Tiết xuân ấm áp ông chờ đợi không phải cho mình mà cho đám cây cỏ của mình hay như ông nói, "gia đình cây cỏ" của ông. Vì lẽ chưa bao giờ ông có một gia đình nào khác. Ông là một người độc thân lâu năm. Điều này có thể thấy rõ ở bề ngoài của ông, ở vẻ gầy gò, sự nghiêm khắc trong tất cả con người ông, trong thói quen tự nói chuyện với mình, thậm chí xỉ vả mình một cách nghiêm túc nữa.

Tikhon Petrovich làm việc trong một vườn cây ăn quả ở thành phố trung tâm khu Razgovorovo. Tikhon Petrovich cũng có một khu vườn riêng, có khu lợp kính nơi ông trồng cây thí nghiệm hay dùng danh từ chuyên môn của nghề nghiệp - "những cây trồng thực nghiệm". Khu đất này chật hẹp thôi. Nhưng vì cây cỏ xanh tốt um tùm nên non nó có vẻ bề thế lắm.

Tikhon Petrovich đã nổi tiếng khắp quanh vùng như một người làm vườn táo bạo và có kinh nghiệm. "Đây là Michurin của chúng ta, - dân chúng trong thị trấn tự hào nói về ông như vậy. - Một con người tận tụy với công việc, người luôn giúp đỡ

và góp ý kiến với mọi người. Chỉ phải một điều không may: mãi mê quá với công việc, ông quên bằng mắt cả chuyện lập gia đình và cứ thui thủi sống một mình".

Vườn ươm, nơi Tikhon Petrovich làm việc tuy ở trong một thành phố nhỏ, nhưng tiếng tăm vượt xa khỏi ranh giới của miền. Nhiều người làm vườn ở các vùng khác nhau của nước Nga - có khi cả ở Moskva, - đều vẫn đến thăm Tikhon Petrovich và ông vui lòng chia sẻ với họ những hiểu biết của mình. Vì vậy trong căn nhà của mình. Tikhon Petrovich sống trong tầng lầu, còn hai phòng dưới dành cho khách từ xa tới ở. Tikhon Petrovich khi thì gọi họ là các vị khách, khi thì gọi là các "thực tập sinh" vì rằng mỗi mùa hè đều có các học sinh trường trung cấp nông nghiệp khu đến thực tập.

Đã từ lâu ta thấy rõ rằng người nào tạm thời không được làm công việc mình yêu thích thì luôn sẵn sàng hướng về nó. Chẳng hạn ta biết rằng những người đi săn suốt mùa đông lau chùi súng ống, nhồi thuốc vào đạn. Những người đi câu se sợi sơn phao câu, các thủy thủ thì vẽ bản đồ. Còn Tikhon Petrovich mùa đông ngồi trong căn phòng chật hẹp của mình trên tầng hai viết cuốn sách: "Chỉ dẫn về việc trồng cây ăn quả, cát bụi cây, rau tươi và hoa".

Công trình của Tikhon Petrovich tự nó đã chứng minh rất đầy đủ rằng dùng cái tên "chỉ dẫn" là hợp lý. Quả thực dường như Tikhon Petrovich chắc chắn nắm nắm lấy bàn tay của người còn thiếu kinh nghiệm, dắt theo những luống dài, thông thả kể cho họ nghe làm thế nào để cho đất đai trở nên tươi tốt màu mỡ hơn, để trên đó mọc lên những loại tạo vật dịu dàng thơm ngát - những loại hoa mà đã từ lâu chúng ta không còn ngạc nhiên nữa.

- Không biết ngạc nhiên nữa! Thật hoài phí, - Tikhon Petrovich nói - Con người không bao giờ được để mất đi khả

năng biết kinh ngạc, nếu như đó là một con người đích thực, chứ không phải chiếc cặp da nhét đầy những bản báo cáo.

Tất cả những điều đó tất nhiên là đúng. Nhưng với mỗi năm không phải Tikhon Petrovich chỉ cảm thấy mùa đông dài hơn mà chính mình càng ít được mọi người cần đến hơn.

Sự từng trải cho thấy rõ rằng cuộc sống độc thân tuy có tự do thực và nó được giành tất cả cho công việc tốt đẹp, cần thiết, nhưng cũng thật dở là không có niềm vui gia đình. Thậm chí việc chăm sóc cho chính mình với năm tháng cũng thấy ngày càng buồn tẻ hơn.

“Giá có thể tặng ai cái mà mình yêu quý nhất, - Tikhon Petrovich nghĩ thầm. - Mang lại niềm vui cho người ruột thịt. Mình chẳng có ai để tặng. Người ta có vợ có con, còn gia đình mình đếm chỉ có một đơn vị mà thôi”.

Nhưng Tikhon Petrovich lại tự an ủi ngay lúc đó rằng với công việc của ông, trẻ con chỉ là điều tai họa. Chúng sẽ dẫm nát hết. Còn tệ hơn cả đám gà quê, còn nói gì đến con cái nữa, khi Tikhon Petrovich cứ nhẩn nhó và rên lên mỗi lần trông thấy không phải một cành cặp hay bông hoa bị bẻ gãy, mà chỉ một ngọn cỏ bị xéo nát thôi.

Mùa xuân đến như mọi lúc vào buổi sớm mai. Nó xuất hiện trên bức tường gỗ của căn gác trong khung nắng màu da cam ấm ấm lòng bàn tay. Người ta không nhận ra một giọt nhựa cây trong suốt mùa đông dài nơi khe gỗ, long lanh lên trong buổi sáng ấy như một hạt cườm. Trong đó thậm chí nhìn thấy rõ những sợi chỉ bạc chia cái giọt nhỏ tí xíu đó thành những phần nhỏ kỳ diệu.

- Đến lúc rồi! - Tikhon Petrovich nói và nhìn giọt nhựa, ông cất bản thảo "chỉ dẫn" vào ngăn bàn tới mùa đông và bắt đầu lựa chọn các hạt giống để đem gieo chúng vào những bồn đất rồi đặt lên các cửa sổ trong căn nhà ấm áp và hàng hiên lợp kính.

Còn sau đó, những đám sương mù dày đặc nặng nề đã phủ xuống những con đường mùa đông đã hóa nâu rồi nâu xám. Từ rừng phả ra mùi ẩm ướt. Các mái nhà gỗ bốc hơi nước. Vào một trong những đêm tháng tư, băng trên sông thở mạnh, sáng ra như mọi lần, băng trôi vùn vụt, rồi con sông tràn ra tới bay cây số.

Dòng nước mùa xuân tỏa mùi dầu và tuyết . Trên những cảnh miên liễu dọc hai bờ bám vào thành hàng những con ong bạc mượt mà - những nồn lộc non.

Chiếc tàu thủy đầu tiên từ thủ phủ khu đã đến, Tikhon Petrovich đã đi tàu về thành phố vì công việc của vườn ươm và nhân thể cũng để lấy cây giống nữa. Đi tới thành phố chỉ mất năm tiếng đồng hồ.

Từ thành phố trở lại con tàu khởi hành vào lúc trời tối và chạy luôn theo dòng nước. Các phao tiêu còn chưa được thắp sáng.

Tikhon Petrovich ngồi trên boong, mặc dù mặt nước đã tỏa lên hơi lạnh. Dưới chân ông đặt một giỏ cây giống. Ở tầng dưới trong phòng hành khách ấm áp và nóng nữa. Nhưng Tikhon Petrovich không xuống đó - phải giữ gìn cây. Mọi người đều biết cây giống sẽ héo nhanh đi vì nóng.

Trên boong hành khách không nhiều, có những người thợ cưa, những người đàn bà chum khăn kín và một cô gái còn trẻ măng chỉ chạc hai mươi tuổi cùng với một em gái nhỏ. Em gái độ chừng sáu tuổi, người gầy tái xanh và đầy vẻ tò mò – không chịu xuống tầng dưới.

Những người thợ cưa hút thuốc lá nặng và gió trên mặt nước không sao làm át mùi thuốc đi được. Họ đang nghe một người cùng đoàn có tuổi mặc áo bạc nói:

- Như thế là thế nào? - Ông ta nói bằng giọng khàn khàn thông thả, - Bọn ngu cái gì cũng cười, còn người khôn luôn biết suy

ngĩ. Các anh nhạo báng cái gì? Hãĩ khoan đừng có vô cớ mà cười ông chủ tịch Batenkov của chúng ta.

- Chúng tôi không vô cớ đâu, - một người thợ cửa đáp lại.

- Được, để tôi chứng minh ngay cho cái cớ của các anh! - Người thợ cửa đứng tuổi cáu kỉnh hĩa. - Các anh nhạo báng điều gì cơ chứ! Vì ông ta. Batenkov đã cứu năm con thỏ từ trên đám băng trôi? Có phải thế không?

- Tôi hiểu rồi - Người đứng tuổi thốt ra vẻ đe dọa. - Tôi rất hiểu các vị, các vị trẻ tuổi ạ. Các anh thấy lạ lùng là ông ta không đem quay mấy con thỏ kia lên với hành và đem cá nhắm rượu, mà lại thả vào khu rừng bên cạnh. Theo các anh đó là một việc vớ vẩn phải không?

- Ông ấy hay thương người lắm, ông Batenkov ấy, - một giọng người nói vọng ra từ bóng tối.

- Không đâu, người anh em ạ! Đây không phải là lòng thương hại. Ở đây có suy nghĩ rõ ràng. Để cho thỏ sống, sinh sản, con hơn chết vô ích. Cậu có thấy cái tổ chim kia không? Nó được kết lại từ những hạt cát, từ những sợi lông. Đó, sự giàu có hình thành như thế đó, người anh em. Ngôi nhà cũng từ những viên gạch xây nên. Còn ở Moskva, hãy xem, những tòa nhà được xây lên tới hai mươi tám tầng.

- Bác nghĩ xa quá! - Người thợ cửa trẻ nói.

- Xa mới chả gần! - Người đứng tuổi nói. - Phải biết suy nghĩ. Ở vùng ta có câu chuyện ngụ ngôn, Một con ong rớt xuống nước, đôi cánh ướt sũng, con ong cầm chắc cái chết trong tay. Chung quanh những con cá chép vây đồ bơi lượn. Con ong mới van lớn: "Cứu tôi với, - nó nói. - Tôi sẽ trả ơn các bạn". "Người được cái việc gì? - Cá chép vây đồ trả lời. - Chúng ta không ăn mật". Con ong chỉ biết thở dài. "Họ nói đúng - nó nói. - Còn biết làm thế nào nữa". Vừa lúc nó thấy con ếch bơi qua: "Hãy cứu tôi, - nó van

lớn. – Tôi sẽ không vô ơn đâu.” “Ta không thể chịu được mùi mật”, - con ếch đáp. Con ong hết sức buồn rầu. Lúc đó có con sáo bay qua, nó lại cầu xin. “Được, để ta cứu cho - con sáo nói. - Vì người mang lại mật cho con người, còn người làm tổ cho ta”.

- Và nó cứu chứ ? - Người trẻ hỏi.

- Nhất định rồi. Những con vật có ích phải giúp chứ.

- Nastyusha, - em bé gái nói với người bạn đường - Phải giúp nhà không cần mật ấy chứ.

- Đúng thế, cháu ạ, - Tikhon Petrovich nhận xét. Cô bé yếu đuối mắt to này không hiểu vì sao không gây cho ông sự thương hại mà một cảm giác nôn nao trong lòng thế nào ấy. - Đấy cháu thử hỏi mẹ xem, mẹ cũng sẽ nói như vậy.

- Không phải mẹ cháu đâu - em gái trả lời - Chị cháu đấy.

Tikhon Petrovich xin lỗi cô gái.

- Bác cứ câu nệ thế, cháu không dám ạ - cô gái trả lời.

- Thế hai chị em đi chu du thiên hạ à ? – Tikhon Petrovich hỏi.

- Chúng cháu đến Razgovorovo, – cô gái do dự.

Trong bóng tối Tikhon Petrovich không nhìn thấy mặt cô, nhưng đồng thời cũng dường như nhìn thấy đôi mắt rụt rè của cô, cũng như tay cô đang mân mê chiếc khăn choàng rộng có tua, choàng lên đầu.

- Các cháu đi thăm người nhà à?

- Dạ, không - cô gái trả lời. - Cháu được cử làm giáo viên ở Razgovorovo. Và cháu cùng... em gái đi đến đây, cùng Masha đây. Chúng cháu chỉ có hai chị em. Bố cháu phục vụ ở Viễn Đông. Còn mẹ cháu năm bốn hai ở Leningrad...

- Rõ cả rồi, - Tikhon Petrovich không chờ cô gái nói hết, chêm vào, rồi im lặng.

Cô gái cũng im lặng.

Tikhon Petrovich kéo cái giỏ cây giống ra khỏi chân và vì sao đó vuốt ve những cành cây ươm. Những chiếc lá hơi héo đi, ảm áp như tay người, nhưng còn sống. "Chúng sẽ sống" - ông ngẫm nghĩ, im lặng, lát sau quay vào phía cô gái nói.

- Cô chẳng nên tìm nhà trong làng làm gì. Chỉ một người thêm vô ích. Nhà ở Razgovorovo tìm được không phải chuyện dễ đâu. Còn nhà tôi vắng lắm. Tôi để cô ở một phòng, một phòng khác dành cho các thực tập sinh. Mùa hè họ vẫn đến chỗ tôi. Tôi dạy họ nghề làm vườn.

- Cháu không dám làm phiền bác, - cô gái phản đối yếu ớt.

- Cô đừng khách khí, - Tikhon Petrovich nóng nảy nói. - Cô đến chỗ tôi mà ở. Ở cả trăm năm cũng được.

Con tàu kéo còi. Trên bờ người ta vẫy những chiếc đèn báo ra hiệu chỗ cho tàu đỗ. Những người thợ của đứng dậy ném những mẩu thuốc ra xa xuống mặt nước đen. "Dừng lại!" - một giọng nói to từ trên cầu thuyền trưởng vọng xuống. Yên lặng lập tức tràn ngập khắp chung quanh. Trong tĩnh mịch chỉ còn nghe thấy một tiếng động khe khẽ - tiếng nước rì rào gần chân vịt con tàu.

Tikhon Petrovich dành cho những người khách trọ bất ngờ của mình một trong những phòng ở tầng dưới. Cả hai phòng được bày biện những đồ mộc từ thời ông cha. Tất cả chỉ có hai phòng, nhưng hành lang, đường đi lối lại, những buồng kho, phòng xếp, buồng chứa cỏ và cửa ra vào nhiều đến nỗi thời gian đầu Masha bị lạc trong đó như ở trong rừng và nó luôn tuyệt vọng kêu lên:

- Nastya, chị ở đâu? Em không biết ra thế nào, chị Nastya?

Cứ thấy Masha, Tikhon Petrovich lại bối rối. Ông thấy ngượng với ý nghĩ là Na-xchia-a và Masha coi ông là ông chủ. Ông chủ! Cái từ mới khó chịu làm sao!

Cuối cùng, ông không chịu được và nói với Nastya:

- Anastasia Mikhailovna, hãy sống tự nhiên như ở nhà nhé. Cứ coi như không có tôi. Nếu không tôi sợ rằng hai chị em cô không được thoải mái lắm. Đây, cô chẳng buồn ra vườn tôi gì cả, mà Masha dường như không được phép ra.

- Dạ, không phải thế đâu ạ. - Nastya vội vã trả lời và mỉm cười như có lỗi.

Nhưng ngay sáng hôm sau đã thấy Masha ra vườn. Có nghĩa là Nastya đã ngăn cấm nó thật.

Buổi sáng trước khi vào nhà kính, Tikhon Petrovich bao giờ cũng làm việc ở trong vườn. Buổi sáng hôm đó ông đang tưới cho những cây con mới trồng.

Trời còn sớm lắm, sớm tinh mơ đến nỗi mặt trời chưa mọc trên những bụi cây kim ngân và trong vườn vẫn còn mát mẻ. Những tia nắng dài, hẹp, đã vươn qua những kẽ rào và những gì được chúng chiếu sáng đều trở nên kỳ lạ hết sức.

Ánh nắng đổ lên bụi tử đinh hương khiến ta thấy rõ những giọt sương long lanh trong những đài hoa dường như đang hồng xẫm lên vì xấu hổ. Những đám rêu trên những chiếc ghế gỗ cũ nom như đồng nung chảy vừa nguội đi. Trên những chiếc lá đoạn nổi lên ngang dọc những đường gân mong manh đến nỗi khó mà tin được rằng nhựa cây chảy theo những mao mạch nhỏ như tơ nhện đỏ.

Cụ Arkhip, người giúp việc của Tikhon Petrovich đang vun đất thành luống. Từ mặt đất được xới hơi nước bốc lên tan ra trong không khí. Những con sẻ đậu trên bụi cây phía trên đầu cụ Arkhip nghiêng đầu hết bên nọ sang bên kia nhìn xuống đất. Nhưng không thấy một con giun nào. Giun bò ra lúc này hẳn còn sớm.

- Các bạn sẻ quý mến, - Cụ Arkhip nói với bầy chim sẻ, - các bạn nên bay ra chuồng ngựa nông trường thì tốt hơn. Không phải sống năm đầu trên đời mà chả biết điều gì cả. Mà đòi hỏi ở các bạn điều gì được - óc nhỏ như hạt đậu ấy mà.

Nhưng những con sẻ không nghe lời ông cụ. Chúng vẫn đậu trên cây, thậm chí dường như còn quên quệt cái nhau với cụ Arkhip nữa.

Arkhip là một cụ già không biết ngồi yên. Đối với cụ không có tai họa nào xấu hơn là không có người để chuyện trò. Vì vậy, cụ chẳng hăng, suy nghĩ rồi nói với Tikhon Petrovich

- Năng ở trong vườn chú ít quá.

Tikhon Petrovich im lặng.

- Tôi nói ít là nói chung, - cụ Arkhip nói lại. - Không như ở nhà kính.

Nhưng Tikhon Petrovich không trả lời sự thách thức đó.

"Chú ấy phật ý, - cụ Arkhip nghĩ, và tự thấy phật ý. - Hai ngày hôm nay, Tikhon Petrovich có vẻ là lạ thế nào ấy, không sao hiểu được".

Một tia nắng hồng nhẹ rơi xuống đất bên cạnh Arkhip.

- Mình kêu ít nắng thật vô ích, - cụ Arkhip lầu bầu. - Vừa nói nó đã đến ngay đây rồi.

Cụ Arkhip ngẩng đầu lên và lặng người đi với chiếc xẻng trong tay: đứng sau lưng cụ là một em gái lên sáu tuổi mặc áo váy hồng, đuôi sam buộc nơ, mặt rửa sạch sẽ bằng nước lạnh đến nỗi má nó sáng bóng lên-sáng hơn cả đôi mắt xám.

Cụ Arkhip cắm chiếc xẻng vào đất, đặt tay lên trán nhìn cô bé như nhìn một vệt nắng. Tikhon Petrovich cũng vườn thẳng người nhìn Masha.

- Thế nào bác Arkhip, - Tikhon Petrovich hỏi và nheo mắt lại. - Ở vườn tôi không có nắng hả?

- Nói không làm gì? - Arkhip trả lời và quanh mắt cụ cũng như ở Tikhon Petrovich nổi lên những vết nhăn nâu. - Vườn chú nhiều nắng lắm, Tikhon Petrovich! Chú kiếm đâu ra cái cây giống này thế? Nó mà lớn lên thì tha hồ mà ngắm chứ chả chơi!

Tất nhiên Masha không hiểu Tikhon Petrovich và cụ Arkhip nói gì với nhau và ngượng nghịu hỏi:

- Thế cái vườn này tên là gì ?

- Vườn Masha, - Tikhon Petrovich trả lời.

Masha nhìn ông, nhăn trán lại, không hiểu gì. Còn cụ Arkhip ấn mạnh lưỡi xẻng lật lên một miếng đất có cỏ mọc từ năm ngoái, thông thả xới nó ra và bảo:

- Thế đó, không sao biết được con người thấy gì, mất gì ở đâu. Cuộc đời của chúng ta có khi xoay chuyển như thế đó.

Những con sẻ nhìn thấy bên chân Arkhip một con giun duy nhất và lập tức rào rào đâm bổ xuống tranh nhau mổ. Còn Masha nhìn chúng, xòe hai cánh tay ra mỉm cười.

(Nguyên tác: **Маша**, 1950)

BIỆT THỰ BORGHESE

Tôi đến biệt thự Borghese luôn luôn và có thể đến đó hàng ngày, ít ra cùng để ngắm nhìn Rome lấp lánh ánh điện từ chỗ ngoặt của con đường.

Đó không phải là những lời trống rỗng. Rome quả thực lấp lánh từ đằng xa, như cẩm thạch vàng lấp lánh dưới ánh mặt trời. Mặt trời mùa thu trước lúc chiều tối thấp sáng trong khoảng không bao la mát rượi những ngọn lửa đồng, cháy trên mái vòm nhà thờ thánh Peter và đỉnh cao của các tòa nhà cổ kính.

Đã là tháng mười rồi, nhưng không nghe thấy tiếng lá rụng xào xạc như ở nước Nga ta thường thấy. Chỉ có một âm thanh duy nhất ngự trị trong các thửa vườn buồn bã và vắng vẻ của biệt thự Borghese - tiếng nước chảy từ một đài phun nước cao. Dòng nước xanh như nước biển đổ vào bể đá cẩm thạch. Khách du lịch, đôi khi có lẽ đã thành tập quán, ném vào đó những đồng hào bạc như họ quen ném vào đài phun Trevi. Nước trút xuống làm lay động những đồng bạc. Gương mặt phỗng dục của các nữ thần - tượng trưng cho các đất nước tươi đẹp: Pháp, Italy, Hy Lạp, in trên đồng hào - có vẻ buồn bã vì bị ném xuống đáy bể một đêm nọ trong nước lạnh.

Tôi ngồi lên một ghế đá gần đài phun. Không một lần nào, không có một ai lại ngồi gần bên tôi. Chỉ có một chú bé mặc quần soóc kẻ sọc thỉnh thoảng lại trượt pa-tanh vùn vụt trên đường nhựa qua chỗ tôi rồi khuất sau biệt thự Borghese.

Thật lạ lùng, nhưng tôi cảm thấy đài phun nước thật đơn độc, thậm chí tôi thấy thương nó như một ông già bị bỏ rơi. Cuộc sống của nó chỉ có một việc đơn điệu là phun nước rì rào suốt

đêm cho tới khi bình minh mờ sương ngát xanh trên thành Rome. Chúng ta biết rõ những đêm mất ngủ nặng nề thế nào đối với người già. Hãn hữu một ngôi sao không tên nhấp nháy trên trời xa. Ánh sáng yếu ớt của nó rung động trong bể nước lạnh của đài phun. Và đây là cuộc gặp gỡ duy nhất trong đêm của đài phun và một vật sống.

Những đêm ở Rome tôi thấy nặng nề hơn nhiều những đêm ở Moskva. Đã mấy lần trong đêm tối thức dậy vì tiếng chuông ngân, ngồi dậy trên giường mà không dám đứng lên, mặc quần áo, rời khách sạn "Nazionale" bước vào Rome ban đêm, bước ra, đi thần thơ trên những đường phố vắng ngắt bí ẩn, không có mục đích, chỉ gặp lính tuần tra mang tiểu liên. Bao giờ họ cũng đi với nhau từng đôi một và nghe rõ tiếng gươm của họ va lách cách.

Hoặc trong đêm đi giữa Rome, vượt qua Tiber ở quãng Trastevere, vào những khu phố tối tăm, đến những nơi mà hàng tháng không nghe thấy đâu một câu tiếng Nga. Vì thế một nỗi buồn dâng lên và tưởng chừng như ta rơi vào một cái bẫy vô vọng, lạc giữa đám nhà đen và nâu. Ngồi một lát bên cái đài phun nước cũ kỹ trong vườn hoa thuộc biệt thự Borghese và tạm biệt nó, tôi bước lên theo cầu thang chính rộng rãi, vào phòng trưng bày tranh Borghese. Bước vào phòng thứ nhất, tôi ngồi ngay xuống cái ghế dài - phải để cho đôi mắt quen dần với ánh sáng hồng hồng từ các bức tranh trên trần hắt lại, hòa lẫn với hào quang vàng rực. Dường như mặt trời vừa lặn xuống gian phòng cao rộng bao la này. Ánh sáng đỏ tỏa xuống từ các bích họa của họa sĩ Giovanni Margeti và Domenico De Angelis.

Bất kỳ ai vào gian phòng này đều được chiếu sáng bởi ánh sáng đỏ hồng của chúng. Gương mặt mọi người trở nên dịu dàng và xinh đẹp vì ánh sáng ấy. Đặc biệt gương mặt của những thiếu nữ và trẻ em. Cả gương mặt kín đáo như bằng sứ của người phụ nữ Nhật trẻ tuổi. Tôi đã gặp cô vài lần ở biệt thự Borghese. Cô đi lại trong các phòng tranh hết sức thận trọng và

đầu hơi nghiêng xuống như bông hoa đầu cành. Đôi mắt đen nhánh nhìn vào những bức tượng của nhà điêu khắc Bernini - một bậc thầy kỳ lạ. Dưới bàn tay ông, đá cũng trở nên dễ bảo và ấm áp như cơ thể con người. Điều đó đặc biệt thấy rõ trong nhóm tượng "Cuộc bắt cóc Proserpina"^[1], trên đùi Proserpina còn hằn sâu chỗ lõm những ngón tay của tên bắt cóc Pluto.

Trong một lần đến biệt thự Borghese. tôi nhận thấy cô gái Nhật măng trẻ nhìn mãi Proserpina, sau đó quay lại, những ngón tay thon dài nắm chặt lấy cánh tay để trấn đến tận vai của mình. Và ở bả vai cũng có chỗ lõm như ở đùi Proserpina.

Tôi mỉm cười. Cô gái Nhật nhận ra cái nhìn của tôi, thoáng đỏ mặt, hàm răng đều đặn vuông vắn lóe sáng qua đôi môi hé mở. Gần như phần nộ, nụ cười đó bắt tôi phải đưa cái nhìn sang nơi khác và ngay tức khắc đi sang phòng khác

Ở đó, Pauline Bonaparte bằng cẩm thạch dịu dàng nằm trên ghế xô-pha do Canova tạc. Ở đó mỗi nếp gấp của xô-pha, mỗi nếp nhăn đều được nhà điêu khắc gọt dũa tới hoàn mỹ. Từ tấm đệm nhiều nếp gấp nhăn này vươn lên thân hình thiếu nữ mảnh mai của Pauline, tấm lưng cân đối và bộ ngực trinh bạch của nàng. Tôi nhìn thấy những tu sĩ thỉnh thoảng lạc vào biệt thự Borghese cố tình lảng tránh tầm mắt khi đi qua Pauline. Nhưng từ gian bên cạnh bao giờ họ cũng quay lại nhìn nàng và bối rối mỉm cười.

Đứng lâu trong bảo tàng Borghese người đâm mệt. Những Đức mẹ đồng trinh tư lự và các vị thánh chăm chú trên tranh mặc lễ phục nặng nề và sang trọng. Họ ngồi trên các ghế tựa tạc từ đá, còn những ngọn đèn ngoài cửa sổ phủ một lớp cỏ úa chỉ để cho cừu non gặm.

Ở Judea, ở những thành Bethlehem và Nazareth^[2] đó rõ là thiếu không khí. Hàng bao thế kỷ qua, có lẽ nó đã bị nóng lên vì ánh nắng chói chang nặng nề của vầng mặt trời trên tranh đã

ngả dần xuống hoàng hôn chậm chạp đến thế. Bất giác tôi nín thở và tôi mong muốn một trận mưa rào xối xả trút xuống đất nước của kinh thánh khô cằn này. Nhưng điều đó không xảy ra và cứ mỗi lần tôi rời Borghese, trên Rome trải rộng vẫn một buổi chiều tà ngọt ngào và nó hứa trước một đêm ngọt ngào mất ngủ nữa.

Trong phòng ăn mờ tối ảm đạm của khách sạn, người ngồi bên tôi - một người Croatia ở Zagreb - mỉm cười như có lỗi, báo cho tôi hay là sẽ đến một đêm đại hạn đối với những người bị bệnh hen, vì sẽ có gió Sirocco thổi.

Không phải chỉ người Nam Tư và tôi bị bệnh hen. Hầu như đêm nào cô gái Nhật trẻ tuổi cũng đi xuống gian tiền sảnh được che bởi ánh sáng và vắng vẻ của khách sạn, ở đây dù sao cũng vẫn sáng hơn trong các phòng ngủ. Người Italy dùng điện rất dè xẻn.

Người gác mang chiếc ghế tựa nhỏ ra hắt mặt phố, ra nơi thoáng khí, đặt nó ở trên hè, ngay gần các cửa kính quay của khách sạn và cô gái Nhật ngồi trên chiếc ghế đó rất lâu, gần như suốt đêm, chừng nào ngoài phố vẫn còn yên tĩnh và mát mẻ.

Người gác kể với tôi là bà khách này nom bề ngoài có vẻ trẻ vậy, chứ thực ra đã gần bốn mươi tuổi rồi. Bà đã bị nạn trong cuộc ném bom nguyên tử xuống Nagasaki, sống sót, nhưng từ đó luôn hoảng hốt, không dám ở đâu chỉ có một mình. Vì vậy suốt ngày bà đi lang thang trên các đường phố Rome, còn đêm nếu trời không mưa thì ngồi suốt trong chiếc ghế kể trên hè đường, bên cạnh cửa ra vào khách sạn. Sau lưng bà, trong gian tiền sảnh bao giờ cũng có người gác túc trực và hai, ba nhân viên phục vụ của khách sạn ngồi ở đó.

- Bà cần nhiều không khí - người gác nói thêm, - và ngoài điều đó ra, sao cho không có tiếng người nói. Khi đó thì bà bình tĩnh. Chúng tôi đã quen với bà rồi. Lính tuần tra cũng thế, nên họ

không hỏi han gì hết. Họ chỉ chào và theo dõi không cho ai quấy rầy bà.

- Một người phụ nữ rất mực buồn bã, - tôi nói. - Và rất xinh đẹp.

- Yes! - Người gác đồng ý, lật lật quyển sách dày ghi tên những khách trọ thường xuyên, thở dài và nói: - Bà từ Singapore tới.

- Bà ấy là ai?

- Khai là nhà báo. Mỗi người đều có thể ghi cho mình bất cứ một nghề gì hợp pháp.

Nếu gặp người nào đó luôn luôn thì dần dần sẽ mất đi những nét khác thường ta nhận thấy ở họ. Người phụ nữ Nhật phá vỡ quy luật này trong sự giao tiếp giữa người với người. Càng ngày càng thấy chị khó hiểu và bí ẩn hơn. Điều bí ẩn đó tưởng chừng cũng vô đáy như chiều sâu thăm thẳm của đại dương.

Mỗi buổi tối tôi lại mấy lần đến gần cửa sổ phòng mình nhìn xuống hè đường bên dưới. Ở đó trên chiếc ghế thấy rõ bím tóc trắng mờ và mùi chiếc giày nhỏ. Chị không ngủ. Cảm thấy có người nhìn mình, chị lập tức trở nên rất bình tĩnh ngay.

Người phụ nữ trẻ này, hạt cát trong đại dương thế giới, đã bị đợt sóng nổ vũ trụ đưa qua cả trái đất tới đây, tới Rome cổ kính và đặt ngay trước ngưỡng cửa khách sạn Nazionale. Và cũng làn sóng ấy sẽ cuốn chị đi vĩnh viễn trong chớp mắt khi có dịp, dù ta có muốn kéo dài thêm cuộc sống của chị ở đây, dù chỉ trong khoảnh khắc nhỏ xíu. Điều đó không xảy ra. Chị sẽ hòa tan, vẫn trang nhã và nhỏ nhắn, dường như muốn bay lên như thế, trong sự hỗn độn của các thủ đô hàng triệu người và đông đặc như Rome, như Tokyo thân thuộc của chị. Trong những thành phố nặng nề như vậy, sự cô đơn chỉ cảm thấy trong đêm sâu lặng lẽ và do sự bất trắc xấu xa của nó - trong nỗi sợ tên sát nhân đang

lén đến bên mình mà trong đất nước thậm chí không còn biết gọi ai đến cứu giúp này nữa.

Hôm nay lúc trời tối, tôi đi ngang qua người phụ nữ Nhật. Chị nhìn tôi đầy vẻ hoang mang, đến nỗi cái nhìn ấy làm tôi lo lắng. Tôi thấy rõ rằng chị đang gắng hiểu và không sao hiểu được cái thành phố xa lạ có lịch sử hàng nghìn năm, khó hiểu và không thú vị gì đối với chị này là cái gì, tại sao chị lại ở đây và chị làm gì trong cuộc sống đầy hờ hững này. Trong cuộc sống mà mỗi người lái xe đều biết rõ lái chiếc xe của mình đi đâu, còn mỗi bông hoa giấy bám vào các bức tường đều biết rõ chức năng mình phải thực hiện, rằng nó không phải chỉ có một mình. Bông hoa giấy nở trên những đường phố lát đá giản dị và dịu dàng như ngọn lửa dù sao cũng hợp cảnh hơn là chị! Tại sao nó lại nở ở đây, bên khách sạn này?

Bên cửa vào gian tiền sảnh, một người lạ đột ngột đứng sững lại. Bộ mặt y trắng đục với đôi mắt dữ tợn nhăn nhó, tuồng như được vẽ lại từ các tờ quảng cáo phim về tất cả những tên ác ôn của điện ảnh toàn thế giới. Y chìa cả hai tay về phía người phụ nữ Nhật đòi chị đứng lên, nhưng chị không nhúc nhích.

- Được, đợi đấy! - Hắn nói rít qua hàm răng. - ta sẽ bẻ gãy cổ mi ra chỉ một nhát thôi.

Người phụ nữ Nhật không hiểu, chị mỉm cười điềm tĩnh và hơi ngạc nhiên như vẫn mỉm cười trước ánh sáng hồng và vàng rực của những bức tranh trần ở biệt thự Borghese. Người gác thông thả ngẩng bộ mặt hiền hậu, đầy đặn, mang kính lên khỏi trang sách. Anh tháo cặp kính, thông thả bước ra hè đón gặp người lạ mặt có đôi mắt nhăn nhó.

- Để quý bà yên - Người gác nói với tên lạ mặt, nhưng nói khẽ. - Nếu không, tao sẽ tổng này đến quận cảnh sát, mà có thể còn hơn, hơn nhiều thế nữa.

Người gác bình tĩnh rút ra khỏi túi ngực chiếc nan hoa xe đạp mài nhọn hoắt, một thứ vũ khí đáng sợ khó nhìn thấy trong những đêm khuy khoắt ở thành phố. Ở một đầu nan hoa có gắn tay cầm bằng gỗ. Chiếc nan hoa lóe lên dữ dội trong tay người gác như một con rắn nhỏ trườn nhanh. Tên có đôi mắt nhăn nhó vội lùi lại ra giữa đường rồi rảo bước chuồn thẳng. Người gác đi theo hần, cố đuổi kịp.

- Trời! - Tên mắt nheo bỗng kêu lên man rợ, nhảy sang một bên, bỏ chạy. - Trời !

- Pronto, mày thấy rồi đó ! - Người gác nói, đút chiếc nan hoa vào túi, quay vào gian tiền sảnh. Anh mệt mỏi lau mồ hôi trên trán và tôi nghĩ rằng nghề nghiệp của người gác khách sạn nói chung không phải là yên tĩnh và an toàn như chúng ta thường nghĩ.

Người phụ nữ Nhật rời khỏi chỗ mình trên hè đường vào ngồi trong phòng điện thoại mở ngỏ, và khóc. Chị nhìn ra phía trước mà khóc. Các giọt lệ của chị to nom như những giọt lệ nhân tạo. Người hầu phòng mang lại cho chị cốc nước muối khoáng.

Tôi bỏ về căn phòng không ấm cúng của mình, nhưng mãi không sao chợp mắt được. Mấy lần tôi cứ tự nói thầm với mình: "Thật là một thế giới lạ lùng và khó chịu!". Trước đó chưa bao giờ tôi có một cảm giác thiếu yên ổn đến như thế từ thế giới bên ngoài. "Một thế giới lạ lùng và khó chịu !". Không, không lạ lùng mà đáng sợ – người gác có thể đâm chiếc nan hoa vào tim tên kia và làm như vậy cũng là đúng thôi.

Giữa đêm, mưa lộp độp rơi trên các mái nhà, các ống dẫn nước kêu vu vu giọng khàn. Sức nặng đè lên ngực đã biến mất, dường như ai đó đã gỡ ra nắm tay bóp chặt quả tim hồi lâu. Lúc đó tôi hiểu rằng, có lẽ gió Sirocco đã ngừng thổi - chính vì nó mà máu trong người mới chảy chậm lại và tất cả đều mang dấu vết ảm đạm của trí não bị mệt mỏi.

Buổi sáng tôi lại đến biệt thự Borghese. Những vũng sâu đầy nước trong vạt sau trận mưa đêm, khói lan nhẹ trên mặt chúng. Người phụ nữ Nhật ngồi trên bức tượng Daphne. Trông thấy tôi, cả gương mặt chị mỉm cười - đôi môi hơi hé, thậm chí hàng mi và đôi mắt âu yếm màu tro xám như của phụ nữ Âu châu. Bên cổng vào biệt thự có bán hoa. Tôi mua một bông hồng nhỏ màu huyết dụ lại gần người phụ nữ Nhật và đặt bông hoa lạnh và ẩm lên đầu gối chị.

Chị cười to khanh khách nghe như có ai lăn những quả cầu pha lê trên những mặt sàn trung cổ lát đá cẩm thạch và chúng lăn tới sau những chiếc đi-văng, ghế tựa và cười đùa, dẫn tôi.

Người phụ nữ Nhật đứng dậy, sờ vào cổ tay tôi và cúi chào rất thấp theo kiểu Nhật rồi bỏ đi. Và sau đó, tôi còn cảm thấy tại chỗ tay chị chạm vào còn để lại vết lõm như ở bức tượng của Bernini. Chị đi rồi, một làn gió nóng cuốn theo chị qua khắp phòng, yên tĩnh lắng xuống. Chị đi về phía Rome đang lim dim trong không khí vàng như đồng thau.

Tôi nhìn theo lưng chị giống như mặt chiếc đàn vĩ cầm quý giá, nhìn chuyển động thoăn thoắt của bộ đuôi trong tà áo váy bó chặt, cho đến khi chị quay lại nhìn tôi và mặt trời của đất nước xa xôi ngoài đại dương lóe lên trong đôi mắt dài của chị. “Không, - tôi nghĩ, - thế giới không đáng sợ mà chỉ lạ lùng và tôi biết ơn nó vì hàng ngàn chuyện vụn vặt luôn luôn mang lại cho ta những cảnh giác mờ ảo và hạnh phúc”.

- Đây chính là cô bé ấy đấy, - người đánh giày già nói với người bạn ngồi bên, - một thiếu niên, cả hai ngồi ở cổng vào biệt thự, - cô bé đã bị bom nguyên tử đấy.

Và cả hai tròng mắt mỉm cười dõi theo chị, dường như muốn bằng nụ cười ấy giữ gìn cho cả cuộc sống sau này của chị.

(Nguyên tác: **Вилла Боргезе**, 1966)

Ghi chú

[1] Proserpina: nữ thần sinh sản bị Pluto bắt cóc mang xuống đất.

[2] Tên những thành phố ở Palestine. Bethlehem, quê hương của Chúa Jesus.

CĂN NHÀ HOANG VẮNG

Khẩu đội cao xạ đóng ở trong rừng, sau khe hẻm, các nữ chiến sĩ cao xạ ngày mấy lần đi vào nhà của nhà văn Arkhipov để lấy nước giếng. Đôi khi một chiến sĩ người gầy đội chiếc mũ ca-lô bạc màu cùng đi với các cô gái.

Trong khu nhà nghỉ vắng ngắt. Mọi người đã chuyển về thành phố cả rồi. Đang là những ngày trời xám và khô ráo. Những chiếc lá mới bị cọng lạnh lìa cành rơi xuống. Đôi lúc ánh nắng yếu đi xuyên qua những đám mây. Những lúc đó cả một vùng đất chung quanh với những thửa rừng thưa thớt cháy lên một ánh sáng vàng bùng đục.

Arkhipov sống ở nhà nghỉ một mình - ở đây, ở vùng ngoại thành, ông thấy dễ làm việc hơn.

Công việc bị kéo dài. Arkhipov không sao viết xong một truyện ngắn được. Đáng ra phải đặt dấu chấm hết từ lâu, nhưng ông muốn viết nữa, viết mãi. Ông viết về thời gian sẽ tới thay thế cho chiến tranh. Thời gian đó sẽ như thế nào? Con người đã trải qua cuộc chiến đấu tàn khốc nhất, trên thế giới cần đến điều gì? Sự yên tĩnh? Lãng quên? Hay một sức mạnh tinh thần lớn lao để lấy lại từ những gì đã mất, để trên vai sự nghiệp anh hùng được phục hồi lại tất cả?

Mỗi điều vật vãnh chung quanh đều nhắc cho Arkhipov biết rằng cuộc sống là tốt đẹp - dù đó là tiếng còi tàu thủy phía sau rừng, tia nắng trên mặt kính bụi bặm ngoài hàng hiên, tiếng máy bay âm ì trên đỉnh cao mờ sương hay tiếng gió đùa trong cây. Những cơn gió chợt đến bất ngờ được thay thế cũng bất ngờ như thế bằng sự tĩnh lặng bao la đến nỗi nghe thấy tiếng đồng hồ chạy ở phòng ngoài, bên dưới. Tất cả những điều đó

Arkhipov nhất thiết muốn đưa vào câu chuyện. Vì vậy, câu chuyện cứ phình ra, không còn giữ được hình thức nghiêm trang nữa. Cần phải đọc cho một người nào đó ngoài cuộc, trao đổi ý kiến, nhưng chung quanh chẳng có một ai.

"Ngày mai ta phải về Moskva, - một lần Arkhipov đã quyết định. - Đọc cho bạn bè nghe. Không có không khí, không thể nào làm việc được?".

Sáng hôm sau, mấy cô cao xạ đánh rơi chiếc gầu trong giếng. Các cô gọi anh chiến sĩ đội mũ ca-lô bạc mầu lại. Anh mang đến một chiếc sào và bắt đầu kéo chiếc gầu lên, còn các cô gái e ngại nhìn tòa nhà lâu, nơi như họ biết, một con người có tuổi ít nói – một nhà văn, đang sống.

Arkhipov bước ra để giúp anh chiến sĩ vớt chiếc gầu. Nhìn thấy ông, các cô gái mặt đỏ ửng cả lên. Cô thấp bé có đôi mắt xám kinh hãi, thậm chí còn rên rỉ.

- Ôi, lạy trời! Chúng cháu đã làm phiền bác, chán quá!

Còn cô cao hơn, da ngăm ngăm đen, nghiêm khắc nói với anh chiến sĩ, mắt không nhìn Arkhipov vì ngượng.

- Anh đưa chiếc sào đây! Cứ chọc chọc mãi vô tích sự, chỉ tổ làm nước đục ngầu lên thôi.

- Tại các cô đánh rơi chứ ai, - Anh chiến sĩ đáp và lấy lay áo lau mồ hôi mặt, - loay hoay, làm với ăn chẳng ra cái trò gì còn nói. Thưa bác, bác có hút không ạ?

- Thuốc lá tôi để trong nhà nghỉ, - Arkhipov nói. - Ta vào nhà đi.

Ông cùng anh chiến sĩ đi vào nhà. Dọc đường Arkhipov hỏi thăm anh đã ở mặt trận bao giờ chưa.

- Dạ, đã từng ạ, - anh chiến sĩ trả lời.

- Thế ở ngoài đó thế nào? - Arkhipov hỏi và ngay lập tức thấy ngượng vì câu hỏi khuôn sáo đó.

- Phải choảng nhau, - anh chiến sĩ nói, - Cái đó thì ai cũng biết.

Anh dừng lại trước cửa phòng và không chịu bước vào viện có đôi ủng bẩn. Anh quần thuốc, hít một hơi. rồi nheo mắt nhìn các giá sách.

- Bác có sách của Bram không? – Anh hỏi. - Bộ ba tập?

– Đáng tiếc là không có.

- Không có cũng chẳng sao, – anh thở dài và nói thêm với vẻ chê trách. - Vậy mà bác có tới hàng trăm cuốn sách chứ không ít.

Có lẽ anh chiến sĩ không bằng lòng. Anh đứng dưng bỏ đi không xem một thứ gì tuồng như ngôi nhà không có sách của Bram là nơi buồn chán nhất trên đời.

Anh vừa đi thì cô gái người thấp đến. Chắc là anh đã kể cho cô và các cuốn sách. Cô rụt rè hỏi mượn một "cuốn gì đó của Turgenev". Arkhipov lấy từ giá sách xuống cuốn: "Lữ Xuân". Cô gái mở trang đầu ra đọc vần thơ dẫn và cười:

Những năm tháng tươi vui,

Những ngày giờ hạnh phúc -

Vùn vut trôi, trôi mãi.

Như thác lũ mùa xuân

- Hay quá, - cô nói. - Cái này buồn, hả bác?

- Có lẽ thế đó. Cô thích cái gì vui ư?

- Không ạ, cháu thích cái buồn hơn. - Cô gái nói giọng chắc chắn.

Đến chiều hôm đó cả cô gái đáng người cao cũng đến. Cô nói ngắn gọn và nghiêm túc, hỏi mượn một tập thơ. Arkhipov đưa cho cô tập "Thơ Nga".

- Có tập nào của bác không ạ ? - Cô hỏi. - Cháu đã đọc đọc qua. Có điều là đã lâu rồi,

Arkhipov trả lời là sách của ông không có ở nhà nghỉ. Chỉ có bản thảo của câu chuyện đang viết dở.

- Đọc bản thảo có được không ạ ?

- Sao lại không? - Arkhipov cười mỉm. - Nhưng cần phải viết xong đã.

- Vậy bác viết nốt đi, - Cô gái nói. - Rồi bác đọc cho chúng cháu nghe. Chính bác. Cháu đòi hỏi thế sợ có thiếu khiêm tốn chăng? Xin bác tha lỗi cho.

- Được rồi, - Arkhipov do dự trả lời. - Có thể bác sẽ đọc cho các cháu nghe. Tối mai nhé!

- Bác thật hạnh phúc. - Cô gái nói.

- Tại sao ?

Nhưng cô gái không trả lời, chào ông rồi chạy xuống theo những bậc thang.

Cả ngày hôm sau, Arkhipov ngồi viết. Thỉnh thoảng ông dừng lại và nhìn ra bầu trời trắng xóa ngoài cửa sổ, nghĩ thầm rằng quả thực ông là người hạnh phúc, nhưng tự mình không nhận ra điều đó. Hạnh phúc vì ông có thể tạo nên cuộc sống cho hàng chục con người khác nhau, bắt họ phải yêu, thực hiện những

chiến công hay lỗi lầm, đau khổ và làm việc, có thể bao bọc những con người ấy bằng ánh nắng, sương mù, tiếng rì rào của gió - bằng tất cả những gì ông muốn và ngoại trừ ý chí tự do và sự cầu toàn của ông ra, không có gì buộc ông phải tuân theo trong khi làm việc.

Buổi tối, hai cô gái và anh chiến sĩ đến thăm Arkhipov. Bầu trời xanh nhạt và trong sáng ngoài cửa sổ báo trước tiết trời se lạnh.

Các cô gái nhìn Arkhipov bằng đôi mắt tươi cười, còn anh chiến sĩ cứ nhìn xuống chân. Anh rất lảm lì, buồn bã.

"Liệu họ có hiểu được không? Arkhipov nhú lông mày lại nghĩ ngợi. - Câu chuyện khó đây - nói về tương lai. Mình đã vô duyên vẽ ra chuyện này. Thật là vớ vẩn!"

Nhưng dù sao cũng phải đọc - người nghe đang đợi. Ác-khi-pốp bắt đầu đọc và định suốt trong lúc đọc sẽ không ngước mắt lên. Ông sợ gặp phải những cái nhìn chán ngán, hay tệ hơn - một cái ngáp cổ nén lại hay một tiếng cười vì một nguyên cớ gì khác, hoàn toàn không liên quan đến câu chuyện - có thể vì đôi mục kính của ông, vì giọng nói khàn, hay tấm mền ông khoác lên vai: Kìa, bác ấy choàng lên người như đàn bà ấy kìa!

Ông không ngước mắt lên và đọc chậm, rành rọt, đọc nhanh qua những chỗ khó hiểu, vội vã bỏ sót cả những câu.

Trong phòng lặng lẽ. Anh chiến sĩ ho và nắm tay, còn một trong hai cô gái thì thở dài thườn thượt. Cái thở dài ấy dường như thay cho lời ca thán bức dọc:

"Trời đất, bao giờ ông ấy mới đọc xong cho!"

Arkhipov vào đoạn cuối của câu chuyện, đặt bản thảo sang một bên chân thuốc hút. Que diêm trong tay ông run rẩy.

Sự im lặng kéo dài thật nặng nề. Nhưng đột nhiên anh chiến sĩ lên tiếng.

- Thế đây! Anh thất vọng nói. - Chúng mình đến đây đã hứa trước phải có thái độ đúng, vậy mà các bạn đã không qua được thử thách, lại còn tỏ ra mềm yếu nữa.

Các cô gái yên lặng, thận trọng xì mũi. Arkhipov ngược mắt lên và mỉm cười lúng túng. Cô gái người thấp nhìn ra ngoài cửa sổ, răng cắn vào chiếc mùi xoa vò chặt lại và mắt nháy nháy luôn. Cô người cao hai tay ôm lấy đầu gối, ngồi cúi mặt xuống.

- Bác đã làm các cháu phát mệt vì phải nghe chuyện. - Arkhipov nói - Không sao, giờ ta uống chè và các cháu sẽ ra về.

- Chúng cháu chẳng mệt chút nào, - cô gái người thấp vừa nói vừa nhìn trộm Arkhipov bằng đôi mắt đỏ hoe. - Chúng cháu... thế vậy thôi.

- Tất nhiên là chúng cháu cảm động, - anh chiến sĩ nói. - Con người như cháu đã trải qua đủ mọi thứ chuyện mà còn thấy nao lòng.

- Vì sao ? Arkhipov hỏi.

- Bác viết rất đúng, - anh chiến sĩ trả lời. - Bác xem, ở ngoài đó trong chiến hào, trong chiến đấu có phải chúng cháu không suy nghĩ đâu. Nghĩ lắm chứ. Không phải chỉ đôi mắt và cả trái tim đón đau ứa máu vì những làng mạc, nhà cửa bị tàn phá, dày xéo. Bọn Đức tràn qua như một bầy sói, phá tan tất cả. Nhưng chúng ta đâu có được xuôi tay bỏn chán, cúi đầu cam chịu không hợp với chúng ta. Chỉ cần có hạt lúa trong tay, cháu sẽ gieo trồng nở thành cây, cái đó thì bác yên trí, cháu có đủ sự ngang bướng! Cháu sẽ gieo xuống cánh đồng, các bông lúa sẽ mọc chen nhau san sát. Lúa là một thứ cây, nhưng nếu ngẫm cho kỹ nó quý hơn vàng. Và nặng hơn nữa, cả nước sẽ ngập trong vàng. - Nhất định là thế. - Anh chiến sĩ im lặng, húng hắng họ rồi nghiêm nghị nói

thêm. - Sứ mạng của bác bây giờ cháu hiểu rất rõ. Bác là hàng xóm ở phía trên.

- Thế có nghĩa là thế nào? - Arkhipov hỏi - Bác không hiểu cháu lắm.

- Cánh bộ binh chúng cháu vẫn quen gọi không quân là hàng xóm phía trên, những người chi viện từ trên không, bảo vệ cho chúng cháu tiến công. Ở trên cao, họ nhìn thấy mọi thứ rõ hơn, còn chúng cháu thấy yên tâm hơn, khi họ ì ầm ở trên trời. Bác cũng thế - người chi viện, hàng xóm ở phía trên. Hàng nghìn người suy nghĩ. Suy nghĩ riêng lẻ, cháu nghĩ thế, nhưng không biết nói ra, không thể phát biểu rõ ràng những suy nghĩ của mình. Mà ý nghĩ của mọi người lại giống nhau. Bởi vì họ có tai họa chung, cùng một công việc của người lính ở mặt trận và chiến thắng cũng là chiến thắng chung. Còn bác đã viết được và tất cả đều rõ ràng, Cả con đường phía trước đã rõ ràng như những cột dây điện báo.

- Đúng đấy, Terekhov, – cô gái người thấp xúc động nói. - Đang đêm có khi ta thức dậy, đầu óc ngổn ngang. Suy nghĩ, suy nghĩ mãi mà không nghĩ đến nơi đến chốn được. Vậy mà sáng ra thức dậy, không khí trong sạch vì ánh nắng, thấy rõ từng viên sỏi trên đường, từng sợi tơ nhện trên trời. Lòng mình bỗng thấy vui vẻ và yên ổn hơn. Bây giờ khi bác đọc xong cũng thế, trong lòng cháu thấy tin tưởng hơn nhiều.

Cô gái người cao yên lặng. Chỉ mãi sau khi uống trà xong, Arkhipov cùng các cô gái và anh chiến sĩ ra khỏi nhà để đi dạo và tiễn họ đến cửa rừng, cô mới hỏi:

- Thưa bác, vì sao người ta làm thơ ? Vì thông minh ư?

Câu hỏi làm cho Arkhipov bị bất ngờ. Ông định trả lời, nhưng anh chiến sĩ đã nói trước.

- Không phải vì thông minh, - anh nói chắc chắn, - mà tôi nghĩ vì tài năng nhiều hơn.

- Còn mình cho rằng, - cô gái người thấp nói, - vì tấm lòng đơn hậu.

Arkhipov chia tay với các chiến sĩ cao xạ gần bên chiếc cầu bắc qua suối. Họ xiết chặt tay ông và ra đi. Arkhipov đứng lại, lắng nghe. Giọng trầm của anh chiến sĩ lại ồm ồm vang lên. Chắc là anh lại mắng các cô gái đã mềm yếu.

Arkhipov mỉm cười. Vì sau đó ông thấy nhẹ nhõm trong lòng. Tất cả đều làm ông vui sướng, thậm chí cả mùa đông đang đến gần nữa. Đã cảm thấy bóng dáng của nó trong ánh sao chói ngắt, trong mùi đất giá lạnh, có thể đó là mùi lớp băng mỏng đã đóng váng trong những vũng nước bên đường. Những cây bạch dương già trắng mờ hai bên đường như thể tuyết đã rắc đầy lên thân chúng.

Arkhipov nghĩ rằng bây giờ không còn việc gì phải vội về Moskva, có thể ngồi viết nốt và chữa lại truyện ngắn trong vài ngày và dõi theo xem mùa đông chiếm lĩnh dần vùng đất Moskva yêu quý như thế nào.

(Nguyên tác: **Пустая дача**, 1946)

SỰ RA ĐỜI CỦA MỘT TRUYỆN NGẮN

Ngày mùa đông ở ngoại ô Moskva không sao thức dậy được sau đêm dài vẫn lim dim ngủ. Đây đó trong các nhà nghỉ vẫn sáng ánh đèn. Tuyết lác đác rơi.

Nhà văn Muravyev ra đầu toa mở cửa hồi lâu, nhìn mùa đông lướt qua ngoài con tàu.

Không đúng hẳn là mùa đông - mà là một ngày u ám, hơi gió ẩm lướt từng đợt ào qua, tuyết như sắp sửa tan đến nơi và những giọt nước đầu tiên sẽ rơi xuống khỏi các cành cây có tuyết tan. Trong những ngày như vậy. Trong các khe rừng nước đầu nguồn đã thận trọng róc rách dưới mặt băng. Chúng cuộn theo mặt nước những bong bóng không khí. Những chiếc bong bóng vội vã trôi thành những chuỗi bạc, bám vào những đám cỏ mọc ở dưới nước. Một con chim hồng tước nào đó có bộ ngực hồng hồng ngời vắt vẻo trên cành cây đầu ngọn suối, chăm chú nhìn những bọt bong bóng lướt qua, khẽ kêu lên chiêm chiếp rũ tuyết ra khỏi mình. Có nghĩa là mùa xuân sắp đến rồi!

Có những ngày ta thấy cuộc đời thật đặc biệt trong sáng và êm đẹp. Ngày hôm nay đối với Muravyev cũng như vậy.

Trong thời gian xa xưa, các nhà văn thường hay đặt ra cho độc giả những câu hỏi.

Vậy thì tại sao các nhà văn hiện đại lại không sử dụng tới thủ thuật đó? - Muravyev nghĩ, - Tại sao không thể bắt đầu một truyện ngắn chẳng hạn như sau:

"Bạn đọc thân mến! Bạn có bao giờ được biết cái cảm giác của niềm hạnh phúc không tránh khỏi, đột nhiên chiếm lĩnh lấy con người một cách vô cớ không? Bạn đang đi ngoài phố và tìm bạn

bỗng nhiên đập rộn ràng vì sự tin chắc rằng vừa có một điều gì tuyệt vời xảy ra trên trái đất. Điều đó có xảy ra với bạn như vậy không? Tất nhiên là đã từng xảy ra. Bạn đã tìm hiểu lý do của trạng thái đó chưa? Chưa chắc. Nhưng thậm chí linh cảm về hạnh phúc, dù có lừa dối bạn, trong đó vẫn chứa đựng bao sức mạnh giúp bạn vui sống."

"Suy nghĩ và tìm ra nguyên do những tâm trạng mơ hồ nhưng tốt đẹp của con người – là công việc của nhà văn, - Muravyev nghĩ. - Đó là một phần trong công việc chúng ta."

Giờ đây công việc lao động tràn đầy chung quanh ta. Những đoàn tàu chở hàng ngàn tấn, hơi bốc ngùn ngụt đang phóng qua âm âm. Đó là lao động. Máy bay đang ì ầm bay thấp là là trên đồng bằng phủ tuyết. Đó cũng là lao động. Những cột điện bằng thép phủ đầy hạt nước, tải dòng điện mạnh đi trong bóng tối. Cả đó cũng là lao động.

"Đất nước vĩ đại gồm hàng triệu con người phủ dưới tuyết, làm việc vì lẽ gì? - Muravyev nghĩ. - Ta làm việc cuối cùng để làm gì?".

Vì cuộc sống? Vì những giá trị tinh thần cao quý? Để con người luôn đẹp đẽ, giản dị và thông minh? Và cuối cùng để tình yêu tràn đầy những năm sống của ta với hơi thở trong lành của nó? Phải, vì điều đó!

Trong những câu thơ như ca hát của mình Pushkin hỏi *"Ai đã trồng những bông hồng Theocritus dịu dàng trên mặt tuyết? Trong thế kỷ sắt thép, ai đã đoán ra thế kỷ vàng?"*.

- Tất nhiên là chúng ta. - Muravyev tự trả lời. Tuyết bay vào cửa toa, chảy ra trên mặt. - Còn ai khác nữa, nếu không phải là chúng ta.

Muravyev viết cho một trong những tờ tạp chí của Moskva một truyện ngắn về lao động. Ông vật vã mãi mà không sao viết

ra được. Có lẽ việc mô tả tỉ mỉ sự lao động đã gặt con người sang một bên. Mà không có con người, câu chuyện trở nên chán ngán không thể chịu được. Muravyev lại trở lại câu chuyện không viết ra được vì cuộc sống tất bật ở Moskva - đủ mọi loại công việc, những hồi chuông điện thoại, khách khứa, hộp hành, v.v.

Cuối cùng, Muravyev bực mình đi khỏi thành phố. Bạn bè ông có nhà nghỉ ở một làng ngoại ô Moskva. Muravyev định đến căn nhà nghỉ này và ở lại đó cho đến khi viết xong câu chuyện. Và

Tại nhà nghỉ đang sống những người họ hàng xa của bạn ông, nhưng ông không bao giờ gặp họ.

Tại ga Severny, đang đi trên ga ra tàu đi ngoại ô, tìm ông bỗng nhiên đập thành thịch, và Muravyev nghĩ rằng - ông sẽ gặp may trong công việc. Thậm chí lúc này ông biết sự may mắn ấy chắc chắn sẽ có. Ông biết theo nhiều điểm chính xác- sự sáng khoái trong khắp cơ thể, sự xúc động dè dặt lòng, ông nhớ được một cách đặc biệt nhanh nhay tất cả những gì diễn ra chung quanh, ý muốn nôn nóng đến mau căn nhà không quen biết kia, ngồi xuống bên mặt bàn, trong yên tĩnh, bên thếp giấy dầy sạch và cuối cùng vì một điều là trong trí nhớ ông luôn hiện lên những câu thơ yêu thích ngắt quãng: *"Lòng ta còn cao nói xúc động trữ tình, nó run rẩy ngân nga, mảy mò trong giấc mộng để cuối cùng được thoát ra vùng vẫy tự do..."*^[1].

Trong trạng thái xốn xang đó, Muravyev rời con tàu bước ra sân ga. Khu nhà nghỉ kéo dài trong cánh rừng thông. Trên sân ga không có một ai. Chỉ có những con chim sẻ xù lông đậu trên những thành lan can, nhìn con tàu không hài lòng. Thậm chí chúng không né tránh khi Muravyev đi bên cạnh chúng và tay áo suýt chạm vào người chúng. Chỉ có một con sẻ kêu quẹt quẹt gì đó vào lưng Muravyev. "Có lẽ nó rửa mình là thẳng ngu", Muravyev nghĩ và quay lại con sẻ nói:

- Gớm ra vẻ ông tướng nhỉ ?!

Con sẽ nhìn theo Muravyev hồi lâu, mắt hấp háy, vẻ coi thường.

Nhà nghỉ cách sân ga ba cây số. Muravyev đi trên con đường vắng vẻ. Đôi khi giữa những con đường rừng là một khoảng cánh đồng. Bầu trời màu hồng trải ra trên đầu.

- Chẳng lẽ đã chiều rồi ư? - Muravyev hỏi to và tự nhận ra rằng ở đây, xa thành phố, ông bắt đầu tự nói chuyện với mình.

Ngày tàn nhanh không một tia nắng sáng. Ánh mặt trời không sao lọt qua được bóng tối ken dày, không ngả xuống các cành cây lạnh cứng, không lấp lóa trên đó ánh sáng nhợt nhạt và tỏa bóng yếu ớt xuống mặt tuyết.

Con đường chạy xuống khe núi qua một chiếc cầu lát gỗ. Suối róc rách dưới chân cầu.

- À! - Muravyev nói với một niềm vui khó hiểu và dừng lại. Trong vũng nước tràn ra dưới mặt băng thấy rõ nước đen đang chảy và dưới đó là mặt đá.

- Mùa đông mà bạn lấy đâu ra nhiều nước thế? - Muravyev hỏi.

Tất nhiên con suối không trả lời. Nó tiếp tục rì rào lúc thì lắng xuống, lúc cất cao tiếng reo. Nước bề gãy những miếng băng và xô chúng vào nhau.

Muravyev đi xuống suối và lấy chiếc gậy chọc băng. Con suối quay tròn miếng băng vỡ và sỏi bọt.

"Phải giúp đỡ mùa xuân tí chút mới phải" - Muravyev nghĩ, tự cười mình và ngoái nhìn lại. Trên cầu một cô gái mặc quần áo trượt tuyết màu xanh đang đứng và cầm chiếc gậy vào tuyết, chăm chú nhìn Muravyev.

Muravyev bối rối. Cô gái này nghĩ gì về ông ? "Ông già lẩn thẩn làm chuyện vớ vẩn". Tất nhiên cô không thể nghĩ gì khác. Nhưng cô gái cúi xuống tháo vớ thanh trượt tuyết ra và kêu lên với Muravyev:

- Bác đợi tí! Đập băng bằng gậy trượt tuyết tốt hơn. Đầu nó bằng sắt. - Cô chạy xuống suối đưa chiếc gậy trượt tuyết cho Muravyev. Hóa ra đập băng bằng gậy trượt tuyết dễ hơn thật.

Hai người cùng đập chăm chú và yên lặng, Muravyev thấy nóng và cởi găng tay ra. Tóc xòa ra dưới chiếc mũ len đan của cô gái.

Sau đó không biết từ đâu xuất hiện một chú bé đội mũ lông, tai mũ vểnh lên. Muravyev nhận ra chú bé khi chú ta thở khụt khịt, say sưa chen vào, luẩn quẩn dưới chân.

- Có lẽ đủ rồi! - Muravyev nói và đứng thẳng dậy.

Hoàng hôn dày đặc đã phủ lên mặt đất. "Mà thời gian trôi qua nhanh thật", - Muravyev nghĩ rồi nhìn cô gái cười. Cô gái phủi tuyết khỏi đôi giăng tay và mỉm cười với ông, mắt không ngước lên.

Khi đi từ dưới khe lên con đường rừng. Muravyev nói chuyện với cô gái. Chú bé lẻo đẻo theo sau một lúc, thở hổn hển khụt khịt.

Té ra cô gái sống cùng với bố ở ngay ngôi nhà nghỉ mà Muravyev đang đi tới.

- Vậy ra cô là bà con xa của các bạn tôi! - Muravyev vui mừng nói tên mình.

Cô gái rút chiếc găng tay ướt ra và chìa tay cho Muravyev.

- Tên cháu là Zhenya, - cô nói giản dị, - cháu và ba cháu đợi bác đã hai ngày rồi. Cháu sẽ không làm phiền bác. Quả thực bác đừng nghĩ rằng... Ngày mai là ngày nghỉ đông cuối cùng của cháu. Cháu sẽ trở về trường đại học ở Moskva. Duy có ba cháu...

- Ba làm sao ? - Muravyev dè chừng hỏi.

- Ba cháu là nhà thực vật và hay chuyện lắm. -Zhenya nói. - Nhưng hôm qua ông đã hứa là sẽ không quấy rầy bác bằng những cuộc chuyện trò. Có điều không biết được ba cháu có giữ đúng lời hứa không? Khó mà tìm được lắm.

- Tại sao vậy?

Zhenya đi bên cạnh Muravyev. Cô vác thanh trượt tuyết trên vai và nhìn thẳng trước mặt mình. Ánh sáng yếu ớt lấp lánh trong mắt cô và chỗ bọc nhôm trên thanh trượt tuyết. Muravyev ngạc nhiên – ánh sáng đó từ đâu ra? Trên khắp cánh đồng bóng tối đã ngả về đêm. Sau đó Muravyev nhận ra đó không phải là ánh tuyết hắt lại như ông thoát nghĩ mà là ánh đèn từ cửa sổ được chiếu sáng của một tòa nhà nghỉ lớn hai tầng. Họ đã tới gần đó.

- Ủ, tại sao không tìm được? Những cuộc nói chuyện nào? - Muravyev lại hỏi.

- Biết nói với bác thế nào, - Zhenya ngập ngừng đáp. - Chiếc tàu thủy được chế tạo như thế nào. Hay những mảnh vải mỏng chạy ra dưới những ngón tay của người thợ dệt cháu có thể hiểu được. Những cuốn sách được viết như thế nào thì cháu không hiểu được. Và ba cháu cũng không hiểu được điều đó.

- Phải, - Muravyev ngẫm nghĩ. - Chuyện đó không thể nói chốc lát được.

- Thế bác có định viết về điều đó không? Zhenya rụt rè hỏi và Muravyev hiểu rằng nếu không vì sự e thẹn thì cô gái đã đơn

thuần yêu cầu ông viết về điều đó. Những người khác cũng viết về công việc của mình đó thôi.

Muravyev dừng lại, nheo mắt chăm chú nhìn Zhenya.

- Mà cháu giỏi thật! Sao cháu đoán ra được là bác viết, đúng hơn, đang định viết về sự lao động văn chương của mình?

- Dạ, cháu không đoán và được, Zhenya kinh hãi nói - Cháu chỉ nói vậy thôi. Quả thực cháu rất muốn biết những người như Katyusha Maslova^[2] hay Telegin trong "Con đường đau khổ" tự nhiên ở đâu xuất hiện ra và sống mãi hàng thế kỷ. Vì thế cháu mới hỏi.

Nhưng Muravyev không còn nghe thấy cô nói nữa. Quyết định viết về công việc của mình đã đến với ông ngay lập tức! Sao trước đây ông không đoán ra điều đó! Sao ông đã có thể viết một cách uể oải và lạnh lùng về điều ông không biết, không trải qua? Viết và cảm thấy ngôn ngữ cứng nhắc, nhưng lại không vang lên, không gợi ra sự phẫn nộ, nước mắt, suy nghĩ và tiếng cười mà kêu lên như những chiếc thùng rỗng. Thật xuẩn ngốc!

Ngay tối hôm đó, Muravyev không chút hối tiếc nào đã vứt cả vào lò sưởi nơi những thanh gỗ bạch dương khô đang cháy rào rào tất cả những gì ông đã viết trong những ngày qua ở Moskva.

Tập giấy dày sạch sẽ nằm trên bàn. Muravyev ngồi vào bàn và viết lên trang đầu tiên:

"Nhà thực vật già - người gầy khô, sôi nổi và nhanh nhẹn - tối nay vừa kể cho tôi nghe về cuộc sống của cây cỏ dưới tuyết. Những bông hoa di ghẻ đâm lên từ từ qua tấm thảm như thế nào, còn những bông hoa điểm tuyết lạnh lẽo nở ngay trên mặt tuyết. Ông hứa ngày mai sẽ đưa tôi vào rừng, thận trọng gạt lớp tuyết bên trên ở bất kỳ cánh đồng nào, cho tôi xem tận mắt những bông hoa mùa đông còn nhột nhạt này."

Tôi đang viết một truyện ngắn hay ký sự - tự tôi cũng chưa biết gọi những thứ sinh ra dưới ngòi bút của tôi là gì, - về hiện tượng còn chưa được ai nghiên cứu có cái tên hơi cao đẹp trong sáng tác. Tôi viết về văn xuôi.

Nếu chúng ta tìm hiểu những mẫu mực đẹp đẽ nhất của văn xuôi thì sẽ thấy rõ chúng tràn đầy ý thơ và tính hội họa.

Những người ngây thơ và cả một số nhà thơ có cặp mắt trong, đầy mơ mộng huyền ảo, cho đến nay vẫn cho rằng trên trái đất càng ít bí ẩn thì sự tồn tại của chúng ta càng thêm buồn tẻ. Đó là điều vô vẩn! Tôi khẳng định thơ ca chủ yếu sinh ra do sự hiểu biết. Số lượng thơ ca tăng lên hoàn toàn tương ứng với số lượng kiến thức của chúng ta. Càng ít điều bí ẩn, trí tuệ con người càng hùng mạnh. Con người càng cảm thụ mạnh mẽ và truyền cho người khác chất thơ trên trái đất.

Một thí dụ cho điều đó – là câu chuyện của nhà thực vật già về đời sống của cây cỏ mùa đông. Có thể viết cả một thiên trường ca tuyệt đẹp về điều đó. Nó phải được viết nên bằng những câu thơ cũng lạnh lẽo và trắng muốt như những bông hoa điểm tuyết.

Sự hiểu biết là cái rễ. Từ đó mọc lên những bông hoa vĩnh cửu chưa ai từng được biết của trí tưởng tượng.

Tôi mong được tha thứ vì sự so sánh bóng bẩy này, nhưng tôi cảm thấy đã đến lúc phải quên đi những thành kiến "văn hóa cao", luôn phê phán sự bóng bẩy và những thứ khác không kém tốt đẹp hơn. Vấn đề là chỗ sử dụng chúng cho đúng lúc và đúng mức mà thôi"

Muravyev viết không ngừng. Ông không dám đặt bút xuống dù chỉ một phút vì sợ làm dừng lại dòng chảy của những suy nghĩ và lời văn.

Ông viết về công việc lao động của mình, về sự tuyệt vời và sức mạnh của tiếng Nga, rằng thế giới trong tất cả sự đa dạng lạ lùng của nó phải được tái hiện trên trang giấy sát với hiện thực,

nhưng đã qua lăng kính của trí tuệ và trí tưởng tượng của nhà văn, vì thế - sẽ được nhận thức rõ ràng hơn trong thực tế ồn ào.

Ông viết như say. Ông vội lắm. Trong vệt sáng nhỏ hẹp hắt ra từ cửa sổ nơi ông, tuyết lác đác rơi nghiêng nghiêng giữa các cây thông. Tuyết hiện ra trong bóng tối và lập tức hòa vào bóng tối.

"Lúc này ngoài cửa sổ tuyết đang bay theo gió - Muravyev viết, - Những tinh thể tuyết đang bay. Tất cả chúng ta đều biết hình dáng phức tạp và tuyệt đẹp của chúng. Người nào nghĩ ra được hình dáng như những tinh thể này ắt phải giành được vinh quang to lớn. Nhưng không có gì thiếu bền vững và thoả mãn nhanh hơn như những tinh thể này. Muốn hủy chúng đi, chỉ cần một hơi thở của trẻ con.

Sự hào hiệp của thiên nhiên thật vô tận, nó không tiếc sức lực của mình. Chúng ta, những con người có nhiều điều phải học hỏi ở thiên nhiên. Trước hết là sự hào hiệp đó. Mỗi một công trình của chúng ta, dù là một truyện ngắn nhỏ nhất, ta phải hiến dâng tất cả con người mình, tất cả sức lực - tất cả những gì tốt đẹp nhất trong tâm hồn ta. Ở đây không có chỗ cho sự dè xẻn và tính toán.

Cần phải mở ra hết các đập ngăn, như các kỹ sư thường nói. Và không bao giờ sợ cái cảm giác trống rỗng mà nó nhất thiết sẽ đến sau khi hoàn thành công việc - bạn sẽ cảm thấy rằng bạn không thể viết được một dòng nào nữa, rằng bạn bị vắt kiệt như một quả chanh - đó là một trạng thái giả tạo. Một tuần lễ trôi qua và bạn đã muốn cầm bút rồi. Trước tầm nhìn trí tuệ của bạn, thế giới sẽ lại lên tiếng.

Như con sóng vút lên bờ cái vỏ ốc bay chiếc lá mùa thu rồi lại rút đi, làm những viên sỏi kêu lên rào rào se se, kiến thức của bạn cũng sẽ mang tới và đặt vào trang giấy trước mặt bạn lời đầu tiên của công trình mới".

Muravyev viết đến sáng. Khi ông viết đến những chữ cuối cùng thì ngoài cửa sổ đã ngả màu xanh. Trên những cánh đồng

mờ tối, trong sương giá, bình minh đã sáng lên.

Như thấy rõ ở tầng dưới tiếng lửa cháy bập bùng trong lò sưởi vừa đốt và tiếng của lò bằng gang ken kết được mở ra.

Muravyev viết nốt những câu cuối:

"Gorky nói rằng không thể viết được trong khoảng không trống rỗng. Khi làm việc phải lấy rõ những gì tốt đẹp nhất trong con người yêu quý mà ta muốn kể ra, ta ấp ủ trong tâm hồn, trong trái tim ta. Khi đó những lời lẽ mạnh mẽ tươi mát sẽ tự đến với ta."

Chúng ta hãy cảm ơn Gorky về lời khuyên giản dị vĩ đại đó."

Buổi sáng, Muravyev rửa mặt hồi lâu trong nước lạnh. Những miếng băng trong nỗi lạnh bênh trong xô nước. Một cành tùng chĩa xuống vì tuyết treo ngang cửa sổ căn phòng rửa mặt nhỏ. Chiếc khăn mặt bông mới, xấp, toát ra mùi gió.

Tâm hồn nhẹ bẫng và trống trải – thậm chí dường như có gì ngân vang trong khắp cơ thể.

Đến trưa, Muravyev tiễn Zhenya về trường đại học của mình ở Moskva.

- Thực tình mà nói, - Muravyev nói với Zhenya, khi hai người tiễn gần sân ga lát gỗ ở trong rừng, - bác đã có thể trở về Moskva rồi. Nhưng bác sẽ ở lại đây hai, ba ngày để nghỉ ngơi.

- Ở đây không tốt sao ? - Zhenya kinh hãi hỏi.

- Không. Ở đây tuyệt vời. Chẳng qua là bác đã gần như kết thúc truyện ngắn của bác rồi.

Muravyev bất giác nói "gần như". Và sau đó, ông bỗng thấy ngượng khi nói thật ông viết xong truyện ngắn chỉ trong một đêm.

Ông muốn nói với Zhenya rằng, ông đã rất vội để kịp đọc cho cô nghe truyện ngắn này trước khi cô về Moskva, nhưng ông đã không đọc, không dám. Ông muốn nói với Zhenya, viết truyện ngắn này ông đã nghĩ đến cô, rằng Gorky hoàn toàn có lý, rằng ông thật cảm ơn cô, một con người gần như không quen biết, vì cô sống trên trái đất này và gợi ý muốn kể cho cô nghe những gì ông ấp ủ trong tâm hồn.

Nhưng Muravyev không nói gì với Zhenya. Ông chỉ xiết chặt tay cô lúc chia tay, nhìn vào đôi mắt ngượng ngùng của cô và cảm ơn vì sự giúp đỡ.

- Vì sự giúp đỡ nào cơ ạ? - Zhenya ngạc nhiên.

Trước khi tàu đến, tuyết dày rơi xuống. Xa sau chiếc đèn hiệu, con tàu hân hoan huýt hòi còi dài. Con tàu bỗng nhiên lao tới từ tuyết, phả khói lên khu rừng.

Cũng như lúc ở trên sân ga Severny ở Moskva, ông lại thấy trái tim đập rộn rập. Cái cảm giác rằng ngay lúc này đây, ở đâu đó bên cạnh, trên mảnh đất đang lặng đi dưới trận mưa tuyết bay bề ngoài tưởng như nhẹ nhàng này vừa xảy ra một điều gì đó thật tốt đẹp và ông, Muravyev, liên quan đến điều đó như một người trong cuộc.

- Thật tốt đẹp. - Muravyev nói. - Không được sống xa tuổi trẻ.

Muravyev đi theo cầu thang phủ băng từ sân ga xuống con suối nhỏ - phá băng. Ông đã mang theo chiếc gậy trượt tuyết.

(Nguyên tác: **Рождение рассказа**, 1954)

Ghi chú

[1] Một bài thơ của Pushkin nói về cảm hứng khi làm thơ.

[2] Katyusha Maslova: Nhân vật trong tiểu thuyết "Phục Sinh" của Lev Tolstoy

CÂY CÙ TÙNG

Nhà nghỉ ở trên một ngọn đồi mọc đầy những cây hoàn diệp liễu và tùng già. Dưới chân đồi trong một khe sâu rì rào con suối nhỏ Vertushinka^[1]. Có cái tên ấy chắc là vì nó uốn lượn ngoằn ngoèo theo các khe hẻm. Những người an dưỡng đi đâu ra khỏi nhà cũng đều gặp con suối này chảy róc rách dưới băng.

Ở những chỗ ngoặt, nơi dòng suối chảy nhanh hơn, Vertushinka rửa sạch những hố băng. Nhìn qua mặt nước lay động thấy rõ đáy nước rải sỏi, còn sát mép băng, bao giờ cũng tụ lại và xoay tít như chiếc đu quay những gì dòng nước cuốn theo trong mùa đông - những chiếc lá đen đã ủng mục, những miếng vỏ cây, rêu, lông của những con chim sơn tước đứt ra trong những trận đánh nhau, hạt cây.

Nhiều hơn cả vẫn là hạt cây. Vertushinka cuốn theo đặc biệt nhiều những hạt cây trần - những quả tròn xù xì đen sẫm.

Andrey Ivanovich Dubov là một cán bộ nghề rừng và chọn giống, đến nhà nghỉ của các nhà văn hoàn toàn tình cờ ngẫu nhiên, khi ở Viện nghiên cứu đưa anh tấm phiếu đến nhà nghỉ này. Dubov đồng ý ngay. Từ lâu anh đã muốn được sống giữa những người gọi là "nghề tự do".

Nhưng sau đó Dubov bắt đầu hoài nghi. Dù sao cũng là môi trường không quen biết. Các nhà văn, nghe nói, là những người từng trải thú vị, đa dạng, nhưng ồn ào và hay chế giễu.

Dubov là người chỉ biết một nghề rừng, có cảm tưởng rằng giữa các nhà văn, anh sẽ giống như một người rừng, không có một sự chuẩn bị nào, đi đôi ủng lông vụng về và mặc áo tu-lúp với ngay vào buổi hòa nhạc ở Cung lớn của Viện âm nhạc. Chung quanh anh người ta sẽ tranh cãi về các cuốn sách, về thơ

ca, và những sự khúc mắc của nghề văn. Vậy anh có thể bàn góp được điều gì nếu trong văn học anh chẳng hiểu biết được tí gì?

Vì thế trong mấy ngày đầu ở nhà nghỉ, Dubov chỉ quan sát và yên lặng. Mỗi ngày, sau bữa trưa và tối, anh lại nghe được bao nhiêu câu chuyện đủ các loại - buồn, vui, hoang đường, biết bao chuyện sắc sảo, giai thoại và những cuộc tranh luận thú vị, sôi nổi đột nhiên nổ ra như một đám cháy - đến nỗi tối đến anh thấy nhức cả đầu.

Nhưng anh đã mau chóng thích nghi với những câu chuyện, đã hòa vào "sở thích" chung và chỉ một tuần sau anh đã nóng lòng chờ được nghe những câu chuyện mới. Anh không còn cảm thấy là một người xa lạ nữa.

Dubov thức dậy rất sớm, khi trời còn tối. Đang cuối tháng Chạp - những ngày ngắn nhất trong một năm. Thậm chí buổi trưa trên những khoảng rừng thưa thớt và những cánh đồng phủ tuyết phía chân trời cũng bao phủ bóng tối mờ mờ. Đường như đêm chỉ lùi ra một quãng - mà cũng không thích thú chút nào - để rồi sau đó lại quay lại.

Dubov mặc quần áo và đi ra Vertushinka. Đêm còn tối sẫm, không khí nhuộm màu lam nhạt, lát sau chuyển sang màu xám mềm mại. Những cây tùng đen nặng nề đứng giữa bóng tối của buổi sớm, dường như được các bác thợ rèn rèn nên từ những mảnh gang xanh.

Trên bờ Vertushinka, Dubov gặp Nastya, con gái của một nhà văn, đang học lớp chín.

Cô nghỉ ở đây sau trận ốm, đi trượt tuyết nhiều và lần đầu tiên đọc "Chiến tranh và hòa bình".

Bố cô suốt ngày ngồi ở phòng khách và chơi cờ. Thỉnh thoảng Nastya lại chạy bổ vào phòng khách, kêu lên tuyệt vọng: "Bố ơi, công tước Andrey bị giết rồi!... - Rồi lại chạy ra để một giờ sau lại

lao vào kêu lên, nhưng đã vui sướng - Bố ơi, hóa ra chàng không chết, chỉ bị thương thôi!"

Ông bố chỉ nhìn cô gái hươ tay.

Gặp Dubov, bao giờ Nastya cũng mỉm cười và trong nụ cười cởi mở, cô có biết bao vẻ đẹp thanh khiết của tuổi thiếu nữ, sự tươi mát và niềm hạnh phúc chưa ý thức được đến nỗi Dubov cũng mỉm cười đáp lại.

Không hiểu bằng những con đường mờ ảo nào, nụ cười đó gắn liền Dubov với những ý nghĩ tốt đẹp Đúng hơn, nó gợi ra những suy nghĩ về ý nghĩa đầy hạnh phúc của công việc anh làm, về tương lai và về mùa xuân chẳng còn bao lâu nữa sẽ đến.

Sự nhích lại của mùa xuân thậm chí cảm thấy rõ trong những trận gió ấm mang tới từ rừng mùi vỏ cây mục, theo những giọt nước, lấp lánh chảy xuống từ những chuỗi băng (dường như có hàng chục mặt trời nhỏ chiếu nghiêng trong không khí và biến đi trong tuyết xốp). Cuối cùng, theo tiếng chim sơn tước đang vui vẻ mổ những quả thông.

Nastya gần như bao giờ cũng trượt tuyết đến doi cát gần chỗ vũng nước Vertushinka tràn ra.

Hai bím tóc dài của cô từ sau lưng hất ra trước ngực, cô thở sâu vì đoạn đường trượt tuyết, má cô thoáng hồng, còn đôi mắt dưới hàng mi dài sáng rực lên, dường như trong hai con ngươi xanh chói lên hai ngôi sao nhỏ.

Mỗi lần Nastya lại tìm thấy ở dưới nước những thứ mới lý thú: khi thì một cành tùng đã vàng hoe (hóa ra nó bị bám gỉ), khi thì một vỏ đồ hộp sáng loáng như bạc dũa, khi thì một chiếc lá cây huệ nước đã tím lại vì giá rét và chết cứng. Thậm chí một lần cô nhìn thấy một con cá nhỏ dài như con thoi lướt qua ngách suối và cô tưởng đó là cá hương, nhưng ở ngoại ô Moskva đâu có cá hương.

Tìm được thứ gì Nastya lại hỏi Dubov: Tại sao lá cây huệ nước khi úa lại màu tím, còn lá thông thì vàng, có phải những con bọ dừa nước mùa đông không chết mà ngủ ở dưới đáy nước, dưới những hòn đá không? Những hạt cây theo nước quay tròn ở chỗ ngoặt con suối có thể mọc lên được không? Thật hay nếu thu lại những hạt cây ấy đem gieo để xem cái gì sẽ mọc lên. Có thể sẽ mọc lên cả một khu vườn từ những hạt cây trôi theo suối này.

Thoạt đầu Dubov trả lời rất chính xác, khoa học nhưng theo vẻ thất vọng thoáng qua trên nét mặt của cô, anh hiểu rằng cô chờ ở anh những câu trả lời khác.

Có lẽ tất cả những vật ở dưới nước này đã làm nảy sinh ra trong đầu óc Nastya cả một chuỗi những câu chuyện thần tiên. Có lẽ cô không phải chỉ muốn biết sự giải thích khoa học cho những hiện tượng này, mà còn muốn nắm bắt cái chất thơ thâm kín khó truyền đạt được trong những chiếc lá rơi ấy, trong lớp băng mỏng, tiếng lanh canh của nó, trong những nắm tuyết xộp, trong không khí ngào ngạt của những rừng hoàn điệp liễu và trong tất cả những ngày mùa đông lim dim ngủ này.

Nhưng Dubov đã không thể truyền đạt cho cô biết được quyền lực khó hiểu ấy của mùa đông. Anh biết rằng Nastya ưa thích chuyện thần thoại "Nghĩ ra các chuyện thần thoại là việc của các nhà văn. - Anh tự nói với mình. - Tất nhiên mình cảm thấy vẻ đẹp của mùa đông, nhưng không thể diễn tả nổi, không có đủ lời lẽ. Và có lẽ cả trí tưởng tượng nữa. Mình bị khô héo trong công việc khoa học".

Một buổi tối nọ, một nhà văn đọc câu chuyện thành thoại vừa mới viết của mình trong phòng khách.

Nhà văn đã có tuổi, mang kính, bị bệnh khó thở và theo dõi rất ngặt nghèo để trong khi đọc không có một tiếng ồn ào.

Trong chuyện thần thoại nói đến loài cây khổng lồ. Trong những thân cây có những người tí hon sống. Họ đục trong thân

cây những thành phố có công xưởng, trường học, cơ quan, đặt đường xe điện và xe điện ngầm. Với những người tí hon này xảy ra đủ mọi chuyện kỳ kỳ.

Sau buổi đọc, diễn ra cuộc thảo luận. Thoạt tiên mọi người chuyện trò còn loạc choạc nhưng sau đó sôi nổi hẳn lên. Người ta khen câu chuyện, nhưng cũng có người cho rằng nó chưa được thật, rằng thậm chí chuyện thần thoại cũng phải rút ra từ thực tế, từ những trường hợp có thực, lý thú của cuộc sống.

Nhà văn im lặng, nhưng chắc là ông không đồng ý. Có thể vì trong câu chuyện nhắc đến loại cây khổng lồ, nhà văn quay về phía Dubov và hỏi :

- Nào, anh nghĩ thế nào? Anh là một chuyên gia sành sỏi, người của rừng xanh mà?

- Tôi biết nói thế nào? - Dubov trả lời. - Tôi thích câu chuyện. Nhưng vấn đề là ở chỗ trên trái đất có những loài cây thần kỳ hơn cả loại đồng chí đã mô tả cơ.

- Thế chứ, vậy anh kể ra đi – một nhà thơ trẻ xoa tay nói. - Chắc là anh không thích câu chuyện thần thoại.

- Tôi cũng không biết nữa, - Dubov ngập ngừng hỏi. - Vấn đề là ở chỗ theo tôi chuyện thần thoại phải hoang đường hơn.

- Nhưng anh muốn nói đến loài cây nào cơ chứ? - Nhà văn thần thoại gạn hỏi.

- Đấy, đồng chí nói là những cây của đồng chí cao đến nỗi mây vương vào đó. - Dubov nói, vì sao đó bực bội. - Vấn đề ở đây không phải là chiều cao của cây, mà ở chiều cao của mây. Có những đám mây thấp đến nỗi chúng chạm cả vào ngọn những cây thông. Còn loại cây tôi nói với đồng chí là cây cù tùng ma mút. Một loại thông khổng lồ. Nó có thể mọc cao tới một trăm năm mươi mét! Chiều rộng của nó mới thật khủng khiếp, tới

mười lăm mét! Loài cây sống lâu nhất trên trái đất. Từ thời Homer chúng đã lớn rồi, còn đến thời Colombus thì trở thành những cây khổng lồ.

- Nào nào, anh kể tiếp đi, kể đi! - Nhà thơ lại nói, nhưng lúc này không có vẻ đặc ý nữa.

- Thế đó, vấn đề là ở chỗ loại cây tuyệt vời này mọc tốt ở Liên Xô chúng ta. Trong vườn bách thảo Nikitsky ở Crimea có mấy cây cù tùng còn trẻ. Trẻ, nhưng thực sự khổng lồ. Cao hơn những cây thông cao nhất tới hai lần.

- Vậy sao anh không gây những khu rừng cù tùng? - Bố Nastya nghiêm nghị hỏi.

- Vấn đề là ở chỗ đó, - Dubov trả lời, - Cù tùng là loại cây thoái hóa. Nó chết dần. Đó là tàn dư của quá khứ. Ở Mỹ, cù tùng không còn khả năng sinh sản nữa. Những cây có ở đó là những cây cuối cùng. Không có những cây mới nữa.

- Thật đáng tiếc cho chúng ta, cho cả nước Nga! - Một nhà thơ châm biếm nổi tiếng nói.

- Anh không nghĩ được câu gì sắc sảo hơn à? - Một nhà thơ trữ tình hỏi lại ông ta với vẻ lễ phép lạnh như băng.

- Các anh khế chứ nào! - Ông bố Nastya kêu lên với họ. - Đừng ngắt lời nữa!

- Vâng... Câu chuyện là thế này. Vấn đề là... - Dubov nói và bối rối. Anh nhận ra là mình đã nhắc lại tới ba hay bốn lần cái câu "Vấn đề là ở chỗ" bất lực đó. - Vấn đề là ở chỗ tôi đã nghiên cứu mấy năm để chiết giống được loại cây cù tùng. Và giờ đây tôi được nghỉ ngơi giữa các đồng chí hoàn toàn chính đáng, vì tôi đã hoàn thành kết quả công trình này. Ở ngoại ô Moskva đã gây được những vạt rừng cù tùng đầu tiên. Quả thực chúng chưa lớn lắm. Nhưng sau...

- Sau bảy nghìn năm, - nhà văn châm biếm nhắc.

- Này thôi, anh đừng châm chọc vớ vẩn nữa! - Nhà thơ trữ tình lại bực dọc nói với ông ta, nhưng nhà văn châm biếm không phật ý.

- Không, không phải qua bảy nghìn năm sau, mà sớm hơn nhiều, ở nước ta sẽ mọc lên những khu rừng cù tùng có vẻ đẹp và sức mạnh như trong thần thoại. Không nên quên rằng chúng tôi còn nghiên cứu làm tăng tốc độ lớn của chúng.

Mọi người đều yên lặng dường như ngẫm nghĩ về câu chuyện của Dubov.

- Đấy mới là một câu chuyện thần thoại thực sự! - Nastya đột nhiên nói. Cô ngồi trong góc phòng sau chiếc đàn dương cầm, trước tiếng reo đó không ai nhận ra cô.

Lúc đó, tác giả của câu chuyện thần thoại mới làm một việc dừng cảm và theo Nastya là đứng đắn. Ông đứng dậy và trước mắt mọi người xé vụn bản thảo của mình, ném vào lò sưởi đang rực cháy. Sau đó, ông lại gần Dubov, bắt tay anh... và điềm nhiên đi ra khỏi phòng khách, tuồng như không có chuyện gì xảy ra. Và không hiểu sao, mọi người đều nghĩ rằng giờ đây có lẽ ông sẽ viết một câu chuyện thần thoại thực sự lý thú, chói sáng như những ngôi sao giữa đêm đông.

Dubov bối rối. Anh thương tác giả của câu chuyện và ngượng vì do anh mà sức lao động của nhà văn bị phí hoài.

Buổi chiều, Dubov đến gần Vertushinka, Nastya đuổi kịp anh ở giữa đường. Tuyết bắt đầu rơi, những hạt lớn, nghiêng nghiêng và hoàn toàn im lặng, dường như trong khi bay nó đang nhớ tới điều gì đó.

- Anh có yêu mưa tuyết như thế này không, Andrey Ivanovich? - Nastya hỏi.

- Có, - Dubov trả lời. - Nhưng tôi yêu hơn cả là tuổi trẻ. Như tuổi trẻ của em vậy.

- Còn em yêu Lermontov hơn cả, - Nastya bất ngờ nói. Nghĩ rằng có lẽ mình đã nói không đúng điều cần nói trong những lúc như thế này. Cô bối rối đến nỗi nước mắt trào ra khóe mắt.

Qua những giọt nước mắt đó, cô cảm thấy tuyết quả là chuyện thần tiên. Thậm chí cô cảm thấy mỗi tinh thể tuyết bông xốp trong khi bay đã đưa nhau nở thành những bông hoa nhỏ hoàn toàn trắng, tan ra trong hơi thở của cô và giống như những bông hồng.

(Nguyên tác: **Секвойя**, 1953)

Ghi chú

[1] Từ chữ вертеть (vertet), trong tiếng Nga có nghĩa là quay.

THỜI GIAN NHẸ BƯỚC

Người ta đề nghị họa sĩ Lavrov, người Moskva vẽ vài bức tranh phong cảnh sông Volga. Lavrov vui sướng nhận lời. Nhưng do sự lè mề của mình, ông cứ nấn ná mãi suốt cả mùa hè và mãi tới đầu thu mới rời Moskva đi Volga.

Chiếc tàu thủy có ống khói to, rộng, lấp lánh những mắt kính được mài kỹ tới nhẵn bóng. Máu tuốc-bin nổ se se trong khoang máy. Con tàu nhịp nhàng mang những ánh lửa của mình và mặt boong đầy những hành khách ăn mặc lịch sự qua vùng rừng nghỉ mát ngoại ô Moskva và những vùng nước ngập, nơi hoàng hôn lạnh lẽo đang tàn dần. Rừng trên bờ đã hoen rỉ, ngả vàng. Những đèn tín hiệu trên kênh đào tỏa sáng mờ mờ trong bóng tối mùa thu.

Mặc dầu đã đứng tuổi, nhưng Lavrov là một người e thẹn, vì vậy ông không chan hòa với những người cùng đi. Ông đánh giá con người trước hết ở cá tính và vẻ đẹp hình thức của họ.

Trên tàu có hai người làm ông chú ý đến hơn cả - đó là cô gái hoa tiêu rám nắng Sasha và một ông già cạo trọc đầu, có mi mắt sưng húp, một nhà sử học có tiếng.

Họ đi qua biển Rybinsk vào lúc rạng đông. Lavrov bước ra boong. Ở đó vắng vẻ và còn ướt đầm sương đêm. Những con sóng thấp rì rào đổ lại từ phía tây ngược chiều với ánh dương mờ nhạt.

Nhà sử học cũng bước ra mặt boong. Ông đứng bên mạn tàu, bẻ cổ áo măng tô cao lên, tay giữ chiếc mũ phớt đen của người già.

Sasha từ cầu chỉ huy theo chiếc thang dốc chạy xuống. Cô mặc áo choàng đen, đi găng da và đội mũ nỉ. Cô thu gọn cả mái tóc màu hạt dẻ vào dưới vành chiếc mũ nỉ. Sasha vừa hết ca trực đêm. Mặt cô đỏ lên vì rét, môi se lại vì gió.

- Chào bác ạ! - Cô niềm nở chào Lavrov và mỉm cười. - Bác đang ngắm biển?

- Chứ còn gì nữa! - Lavrov trả lời. - Gần như không sao tin được tất cả những cái này là do bàn tay con người làm nên.

- Cháu chính là người vùng này, ở Mologa, - Sasha trả lời. - Cháu ở đây, ngay trên đáy biển này, - cô chỉ những làn sóng hồng lên dưới ánh bình minh. - Hồi bé mới cách đây không là bao đâu, cháu đã đi hái nấm. Biển này trẻ hơn cháu đấy.

- Sự vận động của các sự kiện nhanh vùn vụt đến nỗi lịch sử không sao theo kịp chúng, - nhà sử học nói, chụp cái mũ xuống che kín cả tai. - Những sự kiện vụt qua và vượt trước cả sự suy nghĩ tỉ mỉ của chúng ta. Cần phải có cả một đội quân các nhà sử học để khẳng định cái đà bay đó của thời gian trong các công trình nghiên cứu khoa học.

Gió từng cơn dồn những đám mây nhẹ xóp tới. Bóng chúng tỏa xuống mặt sông và những quãng bờ rừng có bãi cát chạy nổi xuống nước. Sau bóng râm, mặt trời bao giờ cũng hé ra và khi đó khắp chung quanh sáng lên bao màu sắc và hào quang lấp lánh. Khi thì một đàn hải âu sông bay từ bóng râm ra, trắng xóa như tuyết, rồi lại bay vào bóng râm. Khi thì lá cờ đỏ chói trên ngôi nhà gỗ ở xa trên bờ, chắc là nhà của Xô-viết thôn. Khi thì cả khu rừng thông lay động và lấp lánh như thể được một trận mưa sáng xiên nghiêng dội lên người, khi thì chính khu rừng thông ấy được phủ một tấn voan mỏng xanh xanh và tiếng rì rào trang trọng của nó vọng đến tận con tàu.

Những con sóng từ tàu vỗ vào những thân bè. Những cô gái tay cầm câu liên đứng trên những khúc cây thông chằng dây

thép kêu lên những tiếng gì đó, nhưng gió đưa tiếng nói của họ sang bờ bên kia và không sao hiểu được họ nói gì. Chỉ nhìn thấy những hành răng chắc khỏe trên những khuôn mặt rám nắng, những tấm khăn choàng nhiều màu khác nhau, những vạt áo váy bằng vải hoa bay lất phất vì gió, trên những bắp chân ngăm ngăm đen.

Sasha đứng trên cầu chỉ huy. Cô áp cái loa đồng vào miệng và kêu lên:

- Sống thế nào, các cô gái ơi?

- Tốt lắm, Sasha! – Các cô gái trả lời đồng thanh và vẫy những chiếc khăn quàng.

- Các bạn đi đâu xa không ?

-Tới tận Stalingrad! Tạm biệt nhé! Đừng quên các bạn gái trên sông Volga nhé!

Nhìn các cô gái, Lavrov hiểu rằng đối với họ Sasha là người gần gũi, rằng người con gái hoa tiêu này hẳn được biết tiếng và yêu mến trên sông Volga. Và có thể nào khác được trên sông Volga, đâu có dễ gặp những phụ nữ làm nghề hoa tiêu.

Buổi tối, Lavrov phàn nàn với Sasha rằng có một bố cục tuyệt vời cho bức tranh - các cô gái chở bè trong một ngày lộng gió, màu sắc luôn thay đổi, nhưng thậm chí phác thảo cũng không thể làm nổi: tất cả chung quanh vụt qua nhanh quá.

- Giá cô cho tàu chạy chậm lại vài phút thì hay quá! - Lavrov nói đùa với Sasha.

- Cháu hiểu được điều đó, – Sasha nói. - Nhưng không thể làm điều đó được, Vladimir Petrovich.

- Chao ôi, những con người máy móc, - Lavrov thở dài. - Các vị không đánh giá được ý nghĩa của cái đẹp trong cuộc sống của chúng ta!

- Bác cứ nói thế, - Sasha nồng nhiệt bác lại. - Chúng cháu rất yêu và quý cái đẹp. Chỉ cần bác hiểu được chúng cháu thôi.

- Có gì đặc biệt phải hiểu?

- Bác hãy thử tưởng tượng sự giao thông phức tạp và nhịp nhàng trong cả nước xem, Sasha trả lời. - Sự chuyển động của tàu hỏa, máy bay, tàu thủy, mạng lưới những điểm giao nhau của chúng. Tất cả phải chính xác theo đúng thời gian. Điều đó cần thiết để cuộc sống diễn ra được bình thường, không có những trắc trở. Chẳng lẽ đó không phải là cái đẹp sao?

- Có lẽ đúng thế, - Lavrov đồng ý. - Vì sao đó bác không nghĩ ra.

Họ đi dọc sông Volga. Những dãy đồi mạ vàng của bờ bên phải kéo dài. Những cột điện bằng kim loại chôn ngập sâu trong lá thu, ở trên cao, điện đang truyền đi theo đường dây dẫn kéo căng. Vì sao đó Lavrov có cảm tưởng rằng dòng điện lấp lánh màu xanh. Có thể vì thỉnh thoảng đồng điện lại tóe những đốm lửa xanh.

Bờ trái lùi vào sương mù. Màn sương ấy được nhuộm nhiều màu khác nhau, thành những vết rộng nhòa đi màu hồng, màu vàng, xanh, tím, đỏ rực, đồng thau. Lavrov biết rằng đó là bóng phản chiếu của rừng, của những đám mây nhuộm ánh nắng chiều, những bờ dốc đứng, có thể của những tòa nhà trắng của những thành phố không thấy rõ trong sương mờ.

Một lần Lavrov ngồi trên chiếc ghế dài ở nhật boong gần cầu chỉ huy, nơi không có hành khách nào. Ông đặt chiếc ghế trước mặt làm giá đỡ và nhanh nhẹn vung mạnh bút phác họa trên nền vải, cả thế giới lắng xuống vào buổi chiều này của không

khí, của sương, mặt nước nhiều màu, và những nẻo xa nhuộm vàng.

Sasha đứng trực trên cầu thuyền trưởng. Mấy lần cô nhìn Lavrov dò hỏi, sau đó nhìn bầu trời. Cô thấy ảm ức vì trời tối mau quá, rằng chỉ lát nữa tất cả cảnh lấp lánh này sẽ mờ đi và hoàng hôn sẽ nhuộm tất cả vào một màu xám đơn điệu. "Bác ấy sẽ không kịp được! - Sasha thầm nghĩ. – Quả thực phải vẽ nhanh vào mới được".

Sasha ấn nút còi. Con tàu rúc lên một hồi dài báo trước có chiếc thuyền đang vượt ngang trước con tàu.

Con tàu lại gần nó và Lavrov bỗng nhìn thấy trong thuyền có người phụ nữ trẻ đang ngồi, áo vét mở cúc. Cô ôm vào lòng bó cành lá thu và nhìn con tàu. Một chàng thanh niên mặt đen thui vì nắng đang cầm chèo. Anh ta ngừng chèo và cũng nhìn con tàu. Bóng của bó lá thu rung rinh trong nước bên mạn thuyền.

Tất cả buổi chiều tà với người phụ nữ và đám mây lấp lánh trên sông giống như chùm nho ấy, Lavrov cảm thấy dường như sự hiện thân của đất nước phi thường thân yêu này đang an hưởng cảnh sống thanh bình và nghỉ ngơi, đến nỗi ông chỉ biết thở dài và bực tức nhìn Sasha.

Trong giây lát. Ông giơ chiếc bút ra và chờ đợi, ít ra Sasha cũng dừng con tàu lại một phút, nhưng mặt Sasha vẫn trở như đá, thậm chí có vẻ độc ác nữa.

Con thuyền có người phụ nữ rời xa, rung rinh trong ánh hoàng hôn. Tia nắng cuối cùng rọi lên bó lá mùa thu. Bóng tối không sao làm mờ đi được ánh vàng của những chiếc lá.

Lavrov bực dọc đóng nắp hộp màu lại, và đi về phòng riêng. Đi qua cầu thuyền trưởng, ông liếc nhìn Sasha. Cô đỏ mặt lên và quay đi.

"Thôi được ! - Lavrov nghĩ – Ta sẽ nói chuyện sau".

Trong phòng riêng, ông suy nghĩ mãi sẽ nói gì với Sasha. Có thể thành ra cả một bài diễn văn buộc tội. Nhưng tối hôm đó, Lavrov không thấy Sasha: có lẽ cô đã đi ngủ sau buổi trực. Ban đêm, bài diễn văn buộc tội nhạt đi và thậm chí ông còn thấy nó là xuẩn ngốc nữa.

Lavrov ngẫm nghĩ. Ông muốn điều gì? Để cuộc sống dừng lại trước ông ư? Nhưng nó không bao giờ dừng lại cả. Nó mãi mãi như một dòng nước rộng nhiều màu lướt tới nẻo xa mà ta quen gọi là tương lai. Nếu chậm trễ, dòng nước ấy sẽ trôi xa, mờ đi, ra khỏi tầm mắt và sau đó không tài nào đuổi kịp được nữa.

"Cô bé có lẽ đúng. - cuối cùng Lavrov quyết định... - Mình đã giận nó vô lý".

Cách ngày sau, gặp Sasha trên mặt boong, Lavrov chỉ nhìn vào đôi mắt xám vui vẻ, e thẹn của cô và nói:

- Nhất định bác phải vẽ cháu. Có điều là không phải ngay bây giờ, mà sau này ở Moskva. Đồng ý chứ?

- Còn gì bằng nữa, - Sasha trả lời. - Cám ơn, bác Vladimir Petrovich.

Và cô nhẹ nhàng tin cậy đặt bàn tay lên tay áo Lavrov.

Lavrov nhìn ra dòng sông. Những con rắn lửa chói sáng óng ánh trong bóng tối mùa thu. Tươi mát và ẩm ướt, dòng Volga dồn những lớp sóng đen cao vờn vờn theo khắp chiều rộng của mình về nẻo xa, kéo dài những vệt sáng và xé rách ánh phản quang của những ngọn lửa ấy. Chiếc tàu thủy đến gần đập chắn Kuybyshev đang xây.

* *

Tháng Chạp. Sasha đến Viện bảo tàng Tretyakov xem triển lãm tranh hàng năm.

Trời tối, Tuyết rơi uể oải. Từ ngoài phố nhìn vào những cửa sổ tòa sáng có cảm tưởng là trong những căn nhà đó đang cháy sáng hàng nghìn ngọn nến và đang diễn ra một ngày lễ yên ả nào đó của mùa đông.

Triển lãm ít người xem. Sasha dạo nhanh qua các phòng tìm bức tranh của Lavrov. Cô đã nhận thấy nó từ xa và dừng lại. Xúc động làm cô thấy nghẹn thở.

Làm sao, bằng sức mạnh nào con người lặng lẽ bề ngoài, thậm chí chậm chạp ấy đã làm ngưng lại vĩnh viễn buổi chiều tà ấy trên sông và nhìn ra trong đó bao vẻ đẹp và màu sắc nhiều hơn là cô đã nhìn thấy cũng vẫn trong thời gian đó? Sức mạnh của ông là ở đâu? Ở tài năng? Hay ở sự kết hợp giữa tài năng và tình yêu đối với đất nước kỳ diệu của mình?

Làm sao ông có thể vẽ lại theo trí nhớ cả buổi chiều, cả con thuyền và phụ nữ với bó lá thu ấy? – Sasha nghĩ. – Mình đâu có dừng con tàu lại, mặc dầu hiểu rất rõ là ông mong đợi điều đó.

Càng nhìn bức tranh lâu, Sasha càng tha thiết hơn, muốn cảm ơn Lavrov và thậm chí với sự trù mến ngạc nhiên chạm vào bàn tay gầy xương xương, dính đầy màu của ông.

Sasha đứng, nhìn bức tranh từ xa và niềm xúc động ở cô đã thay thế bằng niềm vui dào dạt.

"Tất cả mới tốt đẹp làm sao! – Cô nghĩ. – Thậm chí cả những hoa tuyết xộp bông, uể oải làm buồn buồn trên mặt rơi buổi tối ngoài cửa sổ. Tất cả, tất cả ..."

(Nguyên tác: **Бег времени**, 1951)

MÙA XUÂN MUỘN MÀNG

Gần bên thị trấn Estonia này, biển Baltic không bao giờ đóng băng. Trong những hôm trời bão, trong nhà nghe thấy rõ tiếng rào rào của đá sỏi do các cơn sóng rút đi kéo xuống biển.

Các binh đoàn đã tiến về miền Tây để truy kích bọn Đức đang kháng cự. Trong thị trấn chỉ còn lại một nhóm nhỏ chiến sĩ hải quân, họ làm nhiệm vụ bảo vệ bờ biển.

Một trong những sĩ quan của nhóm này, trung úy Lugovoy, sống ở ngoại ô trong một căn nhà bỏ hoang trên cồn cát. Quanh nhà mọc lên những cây thông thâm thấp và thạch thảo. Đang lúc xuân muộn, lạnh lẽo. Ngày nào những trận cuồng phong kèm theo mưa cũng đổ vào từ biển Baltic và có lẽ vì khí trời ẩm ướt mà Lugovoy cảm thấy cánh tay bị thương luôn nhức nhối.

- Khí hậu khốn khổ! – Các chiến sĩ hải quân nguyên rủa, than phiền.

Nhưng dường như trên tức cái khí hậu này, ngoài cửa sổ nhà bên cạnh những bông hoa phong tin tử và một loại hoa trắng nào đó vẫn nở rộ. Lugovoy ngạc nhiên vì sự nhẫn nại của những người đã trồng những loại hoa đó giữa mùa xuân không mấy rộn ràng nơi đây. Từ căn nhà bên cạnh, thỉnh thoảng, cô gái Estonia đầu ồm - chủ của những bông hoa này - cô gái có mớ tóc sáng và hàng mi trắng lại bước ra.

Vào cuối tháng tư, đội hải quân được báo là nữ danh ca Natalya Samoylova, người Moskva sẽ đến thị trấn và biểu diễn cho các chiến sĩ nghe. Tin này do thiếu úy Osypov - một sĩ quan dạn dày nắng gió, ồn ào và lúc nào cũng như đang có điều gì xúc động, mang đến cho Lugovoy.

- Anh hiểu không! - Anh ta là lên không nhận ra Lugovoy nhận mặt lại vì tiếng to. - Chị ấy chỉ mang những bài hát của mình đến những đội quân nhỏ có trời biết là đóng ở đâu nữa. Chẳng hạn như đơn vị mình ấy. Giỏi thật! Người ta còn nói chị ấy gốc từ một gia đình Di-gan đấy. Sao anh nhận mặt lại thế? Tay đau hả?

- Một chút thôi. Hơn nữa cậu cứ la tướng lên thế.

- Thật ư? - Osypov ngạc nhiên. - Tôi kêu lên thế vì xúc động trước sự kiện phi thường. Tôi được giao nhiệm vụ đón tiếp Samoylova và tổ chức tất cả. Anh đã nghe chị ấy hát bao giờ chưa?

- Nghe rồi.

- Quả thực là người Di-gan à ?

- Mình làm sao mà biết được!

- Mọi người đều vui mừng, Osypov tỏ vẻ tiếc nói. - Vậy mà riêng anh thì cáu kỉnh.

- Mình không cáu kỉnh. Mình khó ở.

- Anh uống cà phê đi, - Osypov khuyên.

- Vậy cô ấy sẽ hát ở đâu? Lugovoy hỏi.

- Trong nhà hát thành phố.

- Nhưng ở đó không có ánh sáng cơ mà.

- Chà! - Osypov tự đắc nói - Thế những ngọn nến để làm gì? Chị ấy sẽ hát trong ánh sáng của các ngọn nến. Chúng ta sẽ làm sống lại thế kỷ thứ mười tám, các chiến sĩ hải quân ạ!

Osypov đi. Lugovoy đứng bên cửa sổ nhìn ra mặt biển phủ bột trắng, nhìn bầu trời thấp, sau đó khoác áo ca-pốt ra khỏi nhà. Nhưng anh không đi vào thành phố, mà theo các cồn cát đi dọc bờ biển.

Gió rít trong các cây thông ẩm ướt. Lugovoy nhìn thấy ở đầu mỗi ngọn lá thông nước đọng thành giọt, rồi rời ra, rơi xuống cây thạch thảo. Và cứ như vậy, giọt nọ tiếp giọt kia suốt cả ngày, tuồng như những cây thông thấp rỏ xuống vô tận những hạt lệ hiếm hoi.

- Ừ... - Lugovoy nói. - Tất cả thật lạ lùng. Tốt nhất là mình không nên đến dự buổi ca nhạc.

Nhưng ngay đó, anh lại nghĩ rằng anh sẽ đến dự buổi biểu diễn bất kỳ điều gì xảy ra. "Mình sẽ ngồi ở hàng cuối. Dưới đèn nèn, sẽ không ai nhận ra mình cả". Lugovoy bước lên bờ biển, đứng hồi lâu nhìn biển Baltic đang trút những đợt sóng xanh ùng ùng vào bờ.

Samoylova bước vào căn phòng lạnh lẽo của khách sạn, bỏ áo ngoài, ngồi vào ghế, châm thuốc hút. Tiếng sóng biển ì ầm đơn điệu, và ống khói lò sưởi kêu vu vu.

Tất cả chung quanh Samoylova đều thấy thích thú. Lần đầu tiên chị đến vùng bờ biển này. Chị thích những căn nhà nhỏ, tiếng biển gầm, bầu trời tối mờ, mùi thông và khói, những căn phòng lạnh lẽo hết sức sạch sẽ, với những chăn màn, khăn mặt cũng lạnh lẽo và sạch sẽ như vậy, với nước lạnh trong những chiếc bình tráng men trắng.

Người trực phòng, cô gái đầu ối người Estonia bước vào, cầm mấy bông phong tin tử xanh vào chiếc cốc.

- Sao ở đây có được hoa phong tin tử tươi thế này nhỉ?

Cô gái chỉ mỉm cười đáp lại, rõ là không hiểu được Samoylova, ngồi xuống bên lò sưởi và chắt thêm củi vào.

Lửa cháy tí tách. Hơi ấm tỏa ra. Samoylova cởi áo choàng lông và giày. Cô gái vừa giúp đỡ chị, vừa thú vị ngắm nhìn người phụ nữ trẻ có đôi mắt xanh vui vẻ và giọng nói trầm trầm này.

- Ở đây thú quá! - Samoylova vừa xếp va-li vừa nói. - Tôi chỉ muốn được ở đây lâu, thật lâu...

- Tốt ! - Cô gái gật đầu và mỉm cười. - Vâng, vâng, tốt.

Khi cô gái bước ra, Samoylova ngồi vào bên bàn, đầu úp vào lòng bàn tay và cứ ngồi vậy hồi lâu không thúc nhích.

- Ngày mai mồng một tháng Năm - Cuối cùng Samoylova nói và ngẩng đầu lên. - Và mình vẫn chỉ có một mình. Dở quá!

Có tiếng gõ cửa. Osypov bước vào. Anh nói rằng mọi chuyện đều ổn, dàn dương cầm đã được chỉnh lại, sẽ có người đệm đàn là thượng sĩ Bugachev, người chơi dương cầm giỏi nhất của họ. Và chỉ một giây lát thôi, gian phòng sẽ được sưởi ấm bởi hơi thở của những thính giả xúc động.

- Chị lại còn mang đến cả điều may nữa, - Osypov nói. - Phong vũ biểu lên. Có lẽ chúng ta sẽ được đón ngày hội trong tiết trời trong sáng.

Anh dừng lời.

- Chị không từ chối dự tối vui trước ngày hội với chúng tôi chứ? Buổi tối sau khi biểu diễn.

- Tất nhiên. Tôi hoàn toàn đơn độc.

- Tất cả sẽ giản dị, theo kiểu con nhà lính. Những căn nhà chúng ta sẽ họp mặt rất ấm cúng và lại có vẻ bí ẩn nữa. Một căn

nhà nhỏ trên cồn cát ở ngoại ô thành phố. Bốn bè gió lộng. Chủ nhà là trung úy Lugovoy của chúng tôi.

- Anh ấy ở đây ư? - Samoylova hỏi nhanh, lại gần Osypov, nắm lấy tay anh. Những vết đỏ nổi lên trên má chị.

- Vâng, ở đây - Osypov trả lời bối rối, không biết làm gì với đôi tay của mình.

Samoylova nắm chặt đôi bàn tay ấy, rồi buông ra, lấy thuốc lá khỏi bao, vò nát rồi lại lấy điếu khác. Osypov bật diêm, nhưng Samoylova thổi tắt, ném điếu thuốc lá đi, nói se sẽ:

- Bây giờ không thể hút được. Không cần.

Những ngón tay của chị run run.

- Nếu có thể được, - chị nói như van lơn, mắt không nhìn Osypov, - anh đừng nói với Lugovoy về điều này nhé.

- Về điều gì cơ?

Samoylova yên lặng.

- Về tối vui cùng với chị ư? - Osypov thận trọng hỏi.

- Phải.

- Xin vâng! - Osypov trả lời.

- Lạy Chúa - Samoylova yên lặng, rồi thì thầm. - Tôi xử sự mới xuẩn ngốc làm sao chứ! Xin lỗi anh.

Osypov lúng túng chia tay rồi bước ra. Trong hành lang anh châm thuốc hút, hồi lâu nhìn ngọn lửa diêm đốt cháy ca tay rồi lắc đầu nói: "Có trời mà hiểu được!". Và bước xuống cầu thang. Cô gái tóc trắng ngược cầu thang đi lên, tay bưng một bình nước nóng. Osypov tránh sang một bên và bảo:

- Hôm nay chúng tôi sẽ mua tất cả hoa của cô, Marta ạ!

-Ồ...Ồ...! - Cô gái trả lời, - nhưng sao nhiều thế? Chắc là ngày hội phải không?

- Tất cả cùng một lúc - Osypov nói. - Cả ngày hội, cả buổi ca nhạc và còn... Tóm lại chúng tôi mua tất cả hoa. Chiều tối sẽ cho người đến lấy.

Anh bỏ đi. Marta ngạc nhiên, nhieu lông mày nhìn qua tấm cửa kính, anh lính thủy vui tính mặc áo măng-tô đen đang đi khuất sau đó.

Samoylova nhanh nhẹn bước ra sân khấu và dừng lại trước chuỗi đèn. Tà áo lụa trắng của chị lật phật làm cho ngọn lửa nến rung lên tạt ra các phía. Sau đó chúng lại vươn thẳng lên, nổ tí tách và sáng bùng. Trong ánh sáng vàng, Samoylova đưa đôi mắt đen xúc động nhìn khắp cả gian phòng một lượt, nhưng không nhận ra một gương mặt quen thuộc nào, ngoài Osypov. Chẳng lẽ anh không đến! Chẳng lẽ những gì đã xảy ra không thể sửa chữa được? Nhưng chuyện gì đã xảy ra! Lỗi lầm, sự hờn giận, sự chồng chéo xoắn góc của những hoàn cảnh.

- Không biết được! Mình không biết gì cả - Samoylova tự nói với mình và cúi chào, giơ tay nhận bó hoa, do người mặc quần áo hải quân đầu bạc, chỉ huy của đội hải quân, ngồi ở hàng đầu đưa. Chị mỉm cười và lại ngẩng đầu lên. Lúc đó chị mới cảm thấy sự hoang đường và vẻ tuyệt đẹp của khung cảnh bao quanh chị.

Những ngọn nến như trôi đi, ngọn lửa của chúng lay động, chuyển dịch, chơi ú tim với bóng tối đang ẩn sâu trong phòng, giữa nền nhung đỏ và những chùm đèn pha lê bụi bậm.

Những bộ mặt nắng gió nhìn Samoylova với niềm kiêu hãnh. Điều đó chị chưa bao giờ nhận thấy ở các khán giả Moskva.

Tiếng ầm ì khe khẽ của biển vọng tới. Gió yếu ớt từ sau cánh gà làm tà áo váy chị bay lất phất. Ở đó, ở ngoài kia, gió cuối cùng đã cuốn đi bầu trời mây nặng nề, dồn nó lên miền Bắc, tỏa lên mặt đại dương ánh sáng xanh nhờ nhờ của buổi tối.

Và cuối cùng chị xúc động vì một nhận thức vừa vui sướng, vừa cay đắng là đâu đó kể bên, đang sống một con người chị đã yêu từ lâu, đã đánh mất, nhưng vẫn không ngừng tìm kiếm trong suốt mấy năm chiến tranh, tuy không thú nhận với mình điều ấy. Samoylova gật đầu với chiến sĩ hải quân ngồi sau dương cầm. Gian phòng im lặng.

*

* *

Trước khi vào nhà hát, Lugovoy đã đi quanh khắp thành phố. Anh định đến vào giữa buổi ca nhạc để không ai nhận thấy. Đi vợ vẫn ngoài phố anh cảm thấy một nỗi buồn không sao chịu nổi. Anh luôn cảm thấy mình sẽ bị lỡ và buổi biểu diễn sắp kết thúc. Lúc đó anh lại rảo bước, nhưng lại dừng lại ngay và bắt mình phải nhớ lại quá khứ, dường như muốn hy vọng nỗi đau của cơn hờn giận mới nữa lại nổi lên, tất cả lòng kiêu hãnh của anh lại trỗi dậy, để ngăn ngừa anh khỏi những đau khổ vô ích nữa.

Nhưng thật lạ lùng: quá khứ không còn gợi nên một nỗi khổ tâm, một sự hờn giận nào. Phải, anh đã yêu chị, nhưng đó là một tình yêu hoàn toàn khác. Nó làm cho cuộc sống tràn đầy sự tươi mới và ánh sáng chói chang, dường như trong lòng người bắt đầu một buổi sớm mai tuy còn mờ sương nhưng tuyệt đẹp. Họ ít gặp nhau, nhưng mỗi cuộc gặp gỡ đều đến gần như một cơn bão, với những tình cảm sôi nổi, rung động, những lời vô nghĩa nhưng đáng yêu, còn mỗi lần chia tay đều tràn đầy nỗi buồn và lo lắng, đôi mắt chị năn nỉ đừng quên, hãy mau mau trở

về, và luôn nghĩ đến chị. Và sau đó - cái kết thúc ngu ngốc ấy. Anh bỏ đi và chấm hết. Họ có ràng buộc gì với nhau đâu.

Cuối cùng, Lugovoy bước vào nhà hát. Những tràng vỗ tay vang dội. Anh kéo bức màn che cửa nặng nề ra và ngồi ngay vào chiếc ghế đầu tiên. Trước mặt anh là những tấm lưng rộng của các chiến sĩ hải quân.

Lugovoy cúi xuống để khỏi phải nhìn thấy Samoylova. Anh chỉ nghe giọng hát và nhận ra nỗi lo âu trước đây, vẻ ngọt ngào và nỗi buồn ngân vang:

Anh có thấy trong cánh rừng đêm vắng

Người ca sĩ của tình yêu, người ca sĩ của buồn thương

Thấy chẳng anh dấu vết của nụ cười,

của những giọt lệ rơi, cái nhìn sẽ sàng đầy nỗi nhớ nhung.

Thấu chẳng anh?...^[1]

Nỗi luyến tiếc những ngày đã mất bóp chặt trái tim, đến nỗi Lugovoy gần như không nén được tiếng rên. Anh đứng lên và bước nhanh ra. Đến ngưỡng cửa, anh ngoái nhìn lại - Bên chiếc đàn dương cầm chị đứng đó như được ánh sáng ấm áp rọi qua người, nhợt nhạt và tuyệt đẹp như mọi lúc.

Lugovoy trở về nhà mình trên cồn cát. Chiếc bàn đã được bày biện cho buổi tối. Lugovoy tắt đèn và đứng mãi ở giữa phòng, không cởi áo khoác.

Samoylova ra khỏi nhà hát cùng với vài sĩ quan. Biển đã lặng đi và chỉ thỉnh thoảng mới thở dài se se.

Chỉ huy đội nói rằng lát sau anh sẽ đến, còn bây giờ có việc bận, anh xin lỗi rồi bỏ đi. Hai sĩ quan nữa cùng đi với anh cũng

chia tay với lý do đó.

Sau đó, một sĩ quan ít nói, tóc hung, sực nhớ ra rằng anh quên không mang chai Cognac ở nhà đi và ra về để lấy chai rượu đó.

Khi đến gần cổng thành, Osypov bối rối nói rằng có thể sẽ thiếu cốc và yêu cầu thiếu úy trẻ có đôi mắt rụt rè chạy đi mượn cốc. Thiếu úy lập tức đồng ý. Còn lại một mình Osypov với Samoylova. Họ bước đi lặng lẽ.

- Quỷ thật - Osypov bỗng nhiên nói. - Tôi bị lỡ việc. Thói quen tệ hại.

- Có chuyện gì vậy?

- Tôi quên không gửi điện cho cha tôi. Báo điện mừng theo tục lệ lâu năm của gia đình.

Anh nhìn mặt đồng hồ, những chữ số sáng trên cô tay.

- Tôi còn kịp. Mà chúng ta đến đây rồi. Đó, chị thấy không, ngôi nhà nhỏ kia đấy, chỗ có hàng hiên ở cửa vào ấy? Đó, ở đó đấy.

Và ngay lúc đó anh đã làm lộ ra hết, nói thêm:

- Nếu chị sợ, tôi sẽ đứng đây cho đến khi cửa mở cho chị.

- Anh cứ đi đi! - Samoylova trả lời, thậm chí không mỉm cười.

Osypov bước đi, nhưng đến sau cây thông đầu tiên đã dừng chân và đứng đó cho đến khi nhìn thấy Samoylova bước lên thêm nhà, ngồi xuống chiếc ghế dài và áp trán vào thanh tựa ghế bằng gỗ; ngồi vậy mấy phút sau đó dứt khoát đứng dậy và gõ cửa. Osypov nhanh nhẹn bước xa khỏi căn nhà - đi thẳng vào những bụi cây thanh thảo giữa hàng thông thấp.

Samoylova gõ cửa rất khẽ. Lúc đó có giọng đàn ông trả lời: "Mời vào!". Chị mở cửa, dùng lại nơi ngưỡng cửa, nắm chặt nắm đấm cửa. Lugovoy lùi lại. Anh chỉ nhìn thấy đôi mắt đăm lệ của chị.

- Anh Kolya yêu quý, Samoylova nói. - Khi đó không có chuyện gì xảy ra cả, tuyệt nhiên không. Vậy sao anh...

Chị không nói hết, giọng chị đứt quãng. Lugovoy đỡ lấy chị, còn chị ôm lấy cổ anh, bắt đầu khuyu xuống một cách bất lực. Anh đặt chị xuống ghế, nhìn vào gương mặt giá lạnh nhợt nhạt của chị.

- Anh chỉ muốn một điều, - anh khẽ nói, - được tha thứ.

- Em đã tìm thấy anh... đã đến... có nghĩa là đã tha thứ ... Hoàn toàn, hoàn toàn tha thứ rồi, - Samoylova nói và mỉm cười yếu đuối. - Ở đây ngọt ngào quá. Ta ra ngoài hiên đi.

Họ bước ra hiên. Samoylova ôm vai Lugovoy, cảm thấy người anh run lên và chị nói thật khẽ, gần như không thành tiếng:

- Anh hãy trấn tĩnh lại nào. Giờ đây mọi chuyện đều tốt đẹp, đều tuyệt vời. Em sẽ mãi mãi bên anh. Mãi mãi!

Biển mờ mờ lấp lánh. Vàng trắng thấp thoáng sau đám mây, màu xanh tối xẫm của đêm trải lên khắp chung quanh trong sự tĩnh mịch sâu xa khác thường. Chỉ có từ xa vang lại giọng nói của các sĩ quan - họ đến đây, đến ngôi nhà trên cồn cát từ khắp mọi phía, vừa đi vừa nói cười, vừa gọi nhau.

(Nguyên tác: **Поздняя весна**, 1945)

Ghi chú

[1] Bản tình ca trong ca kịch "Yevgeny Onegin" nhạc của Tchaikovsky, lời của Pushkin